



BỘ TÀI CHÍNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ~~1998~~ /QĐ-BTC

Hà Nội, ngày ~~24~~ tháng ~~7~~ năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ trong lĩnh vực thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính

BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI CHÍNH

Căn cứ Nghị định số 29/2025/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2025 quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính; Nghị định số 166/2025/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số điều của Nghị định số 29/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 và Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 295/2026/NĐ-CP ngày 23 tháng 7 năm 2026 của Chính phủ về đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, tổ hợp tác;

Căn cứ Nghị định số 113/2024/NĐ-CP ngày 12 tháng 9 năm 2024 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều của Luật Hợp tác xã;

Căn cứ Nghị định số 294/2026/NĐ-CP ngày 23 tháng 7 năm 2026 của Chính phủ về tổ hợp tác;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 09/2024/TT-BKHĐT ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư ban hành biểu mẫu thực hiện thủ tục đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, tổ hợp tác và quy định nội dung thông tin, việc cập nhật, khai thác và quản lý Hệ thống thông tin quốc gia về hợp tác xã;

Căn cứ Thông tư số 43/2025/TT-BTC ngày 17 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành biểu mẫu sử dụng trong lĩnh vực quản lý nhà nước đối với hộ

kinh doanh, tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã khi tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Phát triển doanh nghiệp tư nhân và kinh tế tập thể.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này 19 thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, 20 thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã trong lĩnh vực thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính (*Nội dung chi tiết tại Phụ lục kèm theo*).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký. Bãi bỏ nội dung công bố thủ tục hành chính tại số thứ tự 01, 02, 03, 05, 06, 08, 14, 16, 18, 19, 20, 21, 22, 25, 26 Mục 1 Phần I ban hành kèm theo Quyết định số 2103/QĐ-BTC ngày 23/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực thành lập và hoạt động, hỗ trợ của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính; số thứ tự 01, 02, 03, 04, 05 Mục 1 Phần I ban hành kèm theo Quyết định số 4167/QĐ-BTC ngày 15/12/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, bị bãi bỏ trong lĩnh vực thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Bộ, Thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. 

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Bộ Tư pháp (Cục KSTTHC);
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Cục CNTT (để đăng tải Cổng TTĐT);
- Văn phòng Bộ (để theo dõi và công khai TTHC);
- Lưu: VT, DNTN (03b) 

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Trần Quốc Phương

THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG TRONG LĨNH VỰC THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA TỔ HỢP TÁC, HỢP TÁC XÃ, LIÊN HIỆP HỢP TÁC XÃ THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA BỘ TÀI CHÍNH
(Kèm theo Quyết định số 1998/QĐ-BTC ngày 24 tháng 7 năm 2026 của Bộ Tài chính)

PHẦN I: DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

1. Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính

Stt	Số hồ sơ TTHC	Tên TTHC	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung, thay thế	Lĩnh vực	Cơ quan giải quyết	Số QĐ đã công bố TTHC được sửa đổi, bổ sung
Thủ tục hành chính cấp xã						
1	2.002635	Đề nghị thay đổi tên tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã do xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp.	- Luật Hợp tác xã 2023; - Nghị định số 295/2026/NĐ-CP ngày 23/7/2026 của Chính phủ về đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, tổ hợp tác (Nghị định số 295/2026/NĐ-CP);	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã	Số thứ tự số 1 Mục 1 Phụ lục I kèm theo Quyết định số 2103/QĐ-BTC ngày 23/6/2025 của Bộ Tài chính công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính (Quyết định số 2103/QĐ-BTC)
2	2.002636	Đề nghị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, Giấy chứng nhận đăng ký chi	- Luật Hợp tác xã 2023; - Nghị định số 295/2026/NĐ-CP;	Thành lập và hoạt động của tổ	Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã	Số thứ tự số 2 Mục 1 Phụ lục I kèm theo

Stt	Số hồ sơ TTHC	Tên TTHC	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung, thay thế	Lĩnh vực	Cơ quan giải quyết	Số QĐ đã công bố TTHC được sửa đổi, bổ sung
		nhánh, văn phòng đại diện đối với trường hợp nội dung kê khai trong hồ sơ đăng ký thành lập là giả mạo.		hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã		Quyết định số 2103/QĐ-BTC
3	2.002637	Đăng ký thành lập tổ hợp tác; đăng ký tổ hợp tác trong trường hợp đã được thành lập trước ngày Luật Hợp tác xã có hiệu lực thi hành, thuộc đối tượng phải đăng ký theo quy định tại khoản 2 Điều 107 Luật Hợp tác xã 2023	- Luật Hợp tác xã 2023; - Nghị định số 295/2026/NĐ-CP; - Thông tư số 09/2024/TT-BKHĐT ngày 16/5/2024 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư ban hành biểu mẫu thực hiện thủ tục đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, tổ hợp tác và quy định nội dung thông tin, việc cập nhật, khai thác và quản lý Hệ thống thông tin quốc gia về hợp tác xã (Thông tư số 09/2024/TT-BKHĐT); - Thông tư số 43/2025/TT-BTC ngày 17/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành biểu mẫu sử dụng trong lĩnh vực quản lý nhà nước đối với hộ kinh doanh, tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã khi tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp (Thông tư số 43/2025/TT-BTC).	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã	Số thứ tự số 3 Mục 1 Phụ lục I kèm theo Quyết định số 2103/QĐ-BTC

Stt	Số hồ sơ TTHC	Tên TTHC	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung, thay thế	Lĩnh vực	Cơ quan giải quyết	Số QĐ đã công bố TTHC được sửa đổi, bổ sung
4	2.002639	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký tổ hợp tác;	- Luật Hợp tác xã 2023; - Nghị định số 295/2026/NĐ-CP; - Thông tư số 09/2024/TT-BKHĐT; - Thông tư số 43/2025/TT-BTC.	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã	Số thứ tự số 5 Mục 1 Phụ lục I kèm theo Quyết định số 2103/QĐ-BTC
5	2.002642	Chấm dứt hoạt động tổ hợp tác	- Luật Hợp tác xã 2023; - Nghị định số 295/2026/NĐ-CP; - Thông tư số 09/2024/TT-BKHĐT; - Thông tư số 43/2025/TT-BTC.	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã	Số thứ tự số 8 Mục 1 Phụ lục I kèm theo Quyết định số 2103/QĐ-BTC
6	2.002649	Thông báo bổ sung, cập nhật thông tin trong hồ sơ đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	- Luật Hợp tác xã 2023; - Nghị định số 295/2026/NĐ-CP; - Thông tư số 09/2024/TT-BKHĐT; - Thông tư số 43/2025/TT-BTC.	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã	Số thứ tự số 14 Mục 1 Phụ lục I kèm theo Quyết định số 2103/QĐ-BTC
7	1.005280	Đăng ký thành lập hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; đăng ký chuyển đổi tổ hợp tác thành hợp tác xã; đăng ký khi hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã chia, tách, hợp nhất	- Luật Hợp tác xã 2023; - Nghị định số 295/2026/NĐ-CP; - Thông tư số 09/2024/TT-BKHĐT; - Thông tư số 43/2025/TT-BTC.	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên	Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã	Số thứ tự số 16 Mục 1 Phụ lục I kèm theo Quyết định số 2103/QĐ-BTC

Stt	Số hồ sơ TTHC	Tên TTHC	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung, thay thế	Lĩnh vực	Cơ quan giải quyết	Số QĐ đã công bố TTHC được sửa đổi, bổ sung
				hiệp hợp tác xã		
8	1.005277	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; Đăng ký thay đổi nội dung đối với trường hợp hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã bị tách, nhận sáp nhập; Đăng ký thay đổi nội dung Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã theo quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật hoặc phán quyết của Trọng tài có hiệu lực (Mã hồ sơ TTHC: 1.005277)	- Luật Hợp tác xã 2023; - Nghị định số 295/2026/NĐ-CP; - Thông tư số 09/2024/TT-BKHĐT; - Thông tư số 43/2025/TT-BTC.	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã	Số thứ tự số 18 Mục 1 Phụ lục I kèm theo Quyết định số 2103/QĐ-BTC
9	1.004901	Cấp đổi Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	- Luật Hợp tác xã 2023; - Nghị định số 295/2026/NĐ-CP; - Thông tư số 09/2024/TT-BKHĐT; - Thông tư số 43/2025/TT-BTC.	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã	Số thứ tự số 19 Mục 1 Phụ lục I kèm theo Quyết định số 2103/QĐ-BTC
10	1.004979	Thông báo thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; Thông báo thay đổi nội dung đăng ký đối với hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã bị tách, nhận sáp nhập; Thông báo thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã, liên	- Luật Hợp tác xã 2023; - Nghị định số 295/2026/NĐ-CP; - Thông tư số 09/2024/TT-BKHĐT; - Thông tư số 43/2025/TT-BTC.	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã	Số thứ tự số 20 Mục 1 Phụ lục I kèm theo Quyết định số 2103/QĐ-BTC

Stt	Số hồ sơ TTHC	Tên TTHC	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung, thay thế	Lĩnh vực	Cơ quan giải quyết	Số QĐ đã công bố TTHC được sửa đổi, bổ sung
		hiệp hợp tác xã theo quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật hoặc phán quyết của Trọng tài có hiệu lực				
11	2.001958	Thông báo về việc thành lập doanh nghiệp của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	- Luật Hợp tác xã 2023; - Nghị định số 295/2026/NĐ-CP; - Thông tư số 09/2024/TT-BKHĐT; - Thông tư số 43/2025/TT-BTC.	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã	Số thứ tự số 21 Mục 1 Phụ lục I kèm theo Quyết định số 2103/QĐ-BTC
12	1.005378	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	- Luật Hợp tác xã 2023; - Nghị định số 295/2026/NĐ-CP; - Thông tư số 09/2024/TT-BKHĐT; - Thông tư số 43/2025/TT-BTC.	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã	Số thứ tự số 22 Mục 1 Phụ lục I kèm theo Quyết định số 2103/QĐ-BTC
13	1.004982	Đăng ký giải thể hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	- Luật Hợp tác xã 2023; - Nghị định số 295/2026/NĐ-CP; - Thông tư số 09/2024/TT-BKHĐT; - Thông tư số 43/2025/TT-BTC.	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã	Số thứ tự số 25 Mục 1 Phụ lục I kèm theo Quyết định số 2103/QĐ-BTC

Stt	Số hồ sơ TTHC	Tên TTHC	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung, thay thế	Lĩnh vực	Cơ quan giải quyết	Số QĐ đã công bố TTHC được sửa đổi, bổ sung
14	1.005010	Chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	- Luật Hợp tác xã 2023; - Nghị định số 295/2026/NĐ-CP; - Thông tư số 09/2024/TT-BKHĐT; - Thông tư số 43/2025/TT-BTC.	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã	Số thứ tự số 26 Mục 1 Phụ lục I kèm theo Quyết định số 2103/QĐ-BTC
15	2.002638	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác/ Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã/ Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện/ Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã do bị mất, cháy, rách, nát hoặc bị tiêu hủy	- Luật Hợp tác xã 2023; - Nghị định số 295/2026/NĐ-CP; - Thông tư số 43/2025/TT-BTC	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã	Số thứ tự số 1 Mục 1 Phụ lục I kèm theo Quyết định số 4167/QĐ-BTC ngày 15/12/2025 của Bộ Tài chính công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ trong lĩnh vực thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính (Quyết định số 4167/QĐ-BTC)
16	2.002641	Thông báo tạm ngừng kinh doanh/ tiếp tục kinh doanh trở lại đối với tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, chi nhánh,	- Luật Hợp tác xã 2023; - Nghị định số 295/2026/NĐ-CP; - Thông tư số 09/2024/TT-BKHĐT;	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp	Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã	Số thứ tự số 2 Mục 1 Phụ lục I kèm theo Quyết định số 4167/QĐ-BTC

Stt	Số hồ sơ TTHC	Tên TTHC	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung, thay thế	Lĩnh vực	Cơ quan giải quyết	Số QĐ đã công bố TTHC được sửa đổi, bổ sung
		văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh	- Thông tư số 43/2025/TT-BTC.	tác xã, liên hiệp hợp tác xã		
17	2.002643	Dừng thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; Dừng thực hiện thủ tục giải thể hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	- Luật Hợp tác xã 2023; - Nghị định số 295/2026/NĐ-CP; - Thông tư số 09/2024/TT-BKHĐT; - Thông tư số 43/2025/TT-BTC.	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã	Số thứ tự số 3 Mục 1 Phụ lục I kèm theo Quyết định số 4167/QĐ-BTC
18	2.002648	Hiệu đính, cập nhật, bổ sung thông tin đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	- Luật Hợp tác xã 2023; - Nghị định số 295/2026/NĐ-CP; - Thông tư số 09/2024/TT-BKHĐT; - Thông tư số 43/2025/TT-BTC.	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã	Số thứ tự số 5 Mục 1 Phụ lục I kèm theo Quyết định số 4167/QĐ-BTC
19	2.002123	Đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, thông báo địa điểm kinh doanh; Thông báo lập chi nhánh, văn phòng đại diện ở nước ngoài của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	- Luật Hợp tác xã 2023; - Nghị định số 295/2026/NĐ-CP; - Thông tư số 09/2024/TT-BKHĐT; - Thông tư số 43/2025/TT-BTC.	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã	Số thứ tự số 4 Mục 1 Phụ lục I kèm theo Quyết định số 4167/QĐ-BTC

2. Danh mục thủ tục hành chính bị bãi bỏ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính

STT	Số hồ sơ TTHC ⁽¹⁾	Tên TTHC bị bãi bỏ	Tên VBQPPL quy định việc bãi bỏ TTHC ⁽²⁾	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện	Số QĐ đã công bố TTHC bị bãi bỏ ⁽³⁾
Thủ tục hành chính cấp xã						
1.	2.002635	Đề nghị thay đổi tên tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã do xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp.		Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác	Ủy ban nhân dân cấp xã	Số thứ tự số 1 Mục 1 Phụ lục I kèm theo Quyết định số 2103/QĐ-BTC ngày 23/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực thành lập và hoạt động, hỗ trợ của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính (Quyết định số 2103/QĐ-BTC)
2.	2.002636	Đề nghị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác, Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, Giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện đối với trường hợp nội dung kê khai trong hồ sơ đăng ký thành lập là giả mạo.		Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác	Ủy ban nhân dân cấp xã	Số thứ tự số 2 Mục 1 Phụ lục I kèm theo Quyết định số 2103/QĐ-BTC

3.	2.002637	Đăng ký thành lập tổ hợp tác; đăng ký tổ hợp tác trong trường hợp đã được thành lập trước ngày Luật Hợp tác xã có hiệu lực thi hành, thuộc đối tượng phải đăng ký theo quy định tại khoản 2 Điều 107 Luật Hợp tác xã 2023		Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác	Ủy ban nhân dân cấp xã	Số thứ tự số 3 Mục 1 Phụ lục I kèm theo Quyết định số 2103/QĐ-BTC
4.	2.002639	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký tổ hợp tác;		Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác	Ủy ban nhân dân cấp xã	Số thứ tự số 5 Mục 1 Phụ lục I kèm theo Quyết định số 2103/QĐ-BTC
5.	2.002640	Hiệu đính, cập nhật, bổ sung thông tin đăng ký tổ hợp tác		Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác	Ủy ban nhân dân cấp xã	Số thứ tự số 6 Mục 1 Phụ lục I kèm theo Quyết định số 2103/QĐ-BTC
6.	2.002642	Chấm dứt hoạt động tổ hợp tác		Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác	Ủy ban nhân dân cấp xã	Số thứ tự số 8 Mục 1 Phụ lục I kèm theo Quyết định số 2103/QĐ-BTC
7.	2.002649	Thông báo bổ sung, cập nhật thông tin trong hồ sơ đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã		Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác	Ủy ban nhân dân cấp xã	Số thứ tự số 14 Mục 1 Phụ lục I kèm theo Quyết định số 2103/QĐ-BTC
8.	1.005280	Đăng ký thành lập hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; đăng ký chuyển đổi tổ hợp tác thành hợp tác xã; đăng ký khi hợp tác xã,		Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác	Ủy ban nhân dân cấp xã	Số thứ tự số 1 Mục 16 Phụ lục I kèm theo Quyết định số 2103/QĐ-BTC

		liên hiệp hợp tác xã chia, tách, hợp nhất				
9.	1.005277	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; Đăng ký thay đổi nội dung đối với trường hợp hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã bị tách, nhận sáp nhập		Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác	Ủy ban nhân dân cấp xã	Số thứ tự số 1 Mục 18 Phụ lục I kèm theo Quyết định số 2103/QĐ-BTC
10.	1.004901	Cấp đổi Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã		Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác	Ủy ban nhân dân cấp xã	Số thứ tự số 19 Mục 1 Phụ lục I kèm theo Quyết định số 2103/QĐ-BTC
11.	1.004979	Thông báo thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; Thông báo thay đổi nội dung đăng ký đối với hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã bị tách, nhận sáp nhập		Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác	Ủy ban nhân dân cấp xã	Số thứ tự số 20 Mục 1 Phụ lục I kèm theo Quyết định số 2103/QĐ-BTC
12.	2.001958	Thông báo về việc thành lập doanh nghiệp của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã		Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác	Ủy ban nhân dân cấp xã	Số thứ tự số 21 Mục 1 Phụ lục I kèm theo Quyết định số 2103/QĐ-BTC
13.	1.005378	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của chi nhánh, văn phòng		Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác	Ủy ban nhân dân cấp xã	Số thứ tự số 22 Mục 1 Phụ lục I kèm theo Quyết định số 2103/QĐ-BTC

		đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã				
14.	1.004982	Đăng ký giải thể hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã				Số thứ tự số 25 Mục 1 Phụ lục I kèm theo Quyết định số 2103/QĐ-BTC
15.	1.005010	Chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã				Số thứ tự số 26 Mục 1 Phụ lục I kèm theo Quyết định số 2103/QĐ-BTC
16.	2.002638	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác/ Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã/ Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện/ Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã do bị mất, cháy, rách, nát hoặc bị tiêu hủy		Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác	Ủy ban nhân dân cấp xã	Số thứ tự số 1 Mục 1 Phụ lục I kèm theo Quyết định số 4167/QĐ-BTC ngày 15/12/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, bị bãi bỏ trong lĩnh vực thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính (Quyết định số 4167/QĐ-BTC)
17.	2.002641	Thông báo tạm ngừng kinh doanh/ tiếp tục kinh doanh trở lại đối với tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại		Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác	Ủy ban nhân dân cấp xã	Số thứ tự số 2 Mục 2 Phụ lục I kèm theo Quyết định số 4167/QĐ-BTC

		diện, địa điểm kinh doanh				
18.	2.002643	Dừng thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; Dừng thực hiện thủ tục giải thể hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã		Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác	Ủy ban nhân dân cấp xã	Số thứ tự số 3 Mục 2 Phụ lục I kèm theo Quyết định số 4167/QĐ-BTC
19.	2.002123	Đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, thông báo địa điểm kinh doanh; Thông báo lập chi nhánh, văn phòng đại diện ở nước ngoài của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã		Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác	Ủy ban nhân dân cấp xã	Số thứ tự số 4 Mục 2 Phụ lục I kèm theo Quyết định số 4167/QĐ-BTC
20.	2.002648	Hiệu đính, cập nhật, bổ sung thông tin đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã		Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác	Ủy ban nhân dân cấp xã	Số thứ tự số 5 Mục 2 Phụ lục I kèm theo Quyết định số 4167/QĐ-BTC

PHẦN II. NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA TỪNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG TRONG LĨNH VỰC THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA TỔ HỢP TÁC, HỢP TÁC XÃ, LIÊN HIỆP HỢP TÁC XÃ THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA BỘ TÀI CHÍNH

(Kèm theo Quyết định số 1998 /QĐ-BTC Ngày 24 tháng 7 năm 2026 của Bộ Tài chính)

1. Đề nghị thay đổi tên hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã do xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp (Mã hồ sơ TTHC: 2.002635)

a) Trình tự thực hiện:

*** Trường hợp đăng ký trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính:**

Chủ thể quyền sở hữu công nghiệp có quyền gửi văn bản đề nghị đến cơ quan đăng ký kinh doanh tại Bộ phận một cửa cấp xã để yêu cầu tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã có tên xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp phải thay đổi tên tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ giấy tờ quy định, cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã ra thông báo yêu cầu tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã có tên xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp phải đăng ký thay đổi tên.

*** Trường hợp đăng ký trên môi trường điện tử:**

1. Người nộp hồ sơ đăng nhập Cổng dịch vụ công quốc gia hoặc Ứng dụng định danh quốc gia bằng tài khoản định danh điện tử để truy cập Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã. Người nộp hồ sơ thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã theo quy trình trên Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã như sau:

a) Trường hợp người nộp hồ sơ là người có thẩm quyền ký văn bản đề nghị đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã

Người nộp hồ sơ kê khai thông tin trên Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã. Đối với các giấy đề nghị hoặc thông báo có nội dung được kê khai trên Hệ thống và chỉ yêu cầu người nộp hồ sơ ký thì người nộp hồ sơ không phải ký số hoặc ký trực tiếp và tải lên Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã. Đối với các giấy tờ khác trong thành phần hồ sơ đăng ký theo quy định, người nộp hồ sơ phải bảo đảm các giấy tờ này được ký số hoặc ký trực tiếp theo quy định, được thể hiện dưới dạng văn bản điện tử và tải các giấy tờ này lên Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã.

Đối với các giấy đề nghị hoặc thông báo có nội dung được kê khai trên Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã yêu cầu nhiều người ký và giấy tờ khác trong thành phần hồ sơ đăng ký theo quy định, người nộp hồ sơ phải bảo đảm các giấy tờ này được ký số hoặc ký trực tiếp theo quy định, được thể hiện dưới dạng văn bản điện tử và tải các giấy tờ này lên Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã.

Người nộp hồ sơ thanh toán phí, lệ phí (nếu có) và thực hiện xác thực điện tử theo quy định để nộp hồ sơ. Sau khi hoàn thành việc gửi hồ sơ, người nộp hồ sơ sẽ nhận được giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả điện tử.

b) Trường hợp người nộp hồ sơ là người được ủy quyền thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã

Người nộp hồ sơ kê khai thông tin và tải các giấy tờ trong thành phần hồ sơ đăng ký theo quy định lên Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã. Các giấy tờ này phải được ký số hoặc ký trực tiếp theo quy định và được thể hiện dưới dạng văn bản điện tử.

Người nộp hồ sơ thanh toán phí, lệ phí (nếu có) và thực hiện xác thực điện tử theo quy định để nộp hồ sơ. Sau khi hoàn thành việc gửi hồ sơ, người nộp hồ sơ sẽ nhận được giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả điện tử.

2. Các thông tin đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã trên Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã được truyền sang Hệ thống ứng dụng đăng ký thuế để phối hợp, trao đổi thông tin giữa cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã và cơ quan thuế.

3. Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã xem xét tính hợp lệ của hồ sơ và trả kết quả giải quyết hồ sơ cho tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã theo quy định tại Luật Hợp tác xã và Nghị định số 295/2026/NĐ-CP. Người nộp hồ sơ đăng nhập vào Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã để nhận thông tin phản hồi về kết quả xử lý hồ sơ.

b) Cách thức thực hiện:

Hồ sơ đăng ký được gửi đến cơ quan đăng ký kinh doanh theo một trong các phương thức sau đây:

- Nộp trực tiếp tại cơ quan đăng ký kinh doanh;
- Qua dịch vụ bưu chính;
- Cổng dịch vụ công quốc gia hoặc Ứng dụng định danh quốc gia..

c) Thành phần hồ sơ:

* Hồ sơ bao gồm:

(1) Văn bản đề nghị gửi đến cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã đề yêu cầu tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã có tên xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp phải thay đổi tên tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã;

(2) Văn bản kết luận của cơ quan có thẩm quyền về việc sử dụng tên tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã là xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp;

(3) Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu, Giấy chứng nhận đăng ký chỉ dẫn địa lý; bản trích lục Sổ đăng ký quốc gia về nhãn hiệu, chỉ dẫn địa lý được bảo hộ do cơ quan quản lý nhà nước về sở hữu công nghiệp cấp; Giấy chứng nhận nhãn hiệu đăng ký quốc tế được bảo hộ tại Việt Nam do cơ quan quản lý nhà nước về sở hữu công nghiệp cấp; hợp đồng sử dụng đối tượng quyền sở hữu công nghiệp

trong trường hợp người yêu cầu là người được chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp đó.

Lưu ý:

Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã khai thác, sử dụng thông tin đã có trong các cơ sở dữ liệu để thay thế và không yêu cầu cá nhân, tổ chức thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã nộp bản sao Giấy chứng nhận đăng ký thuế; bản sao hộ chiếu; bản sao Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư; bản sao văn bản của cơ quan đăng ký đầu tư chấp thuận về việc góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài; bản sao quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật; bản sao phán quyết của Trọng tài có hiệu lực và các giấy tờ khác trong thành phần hồ sơ giải quyết thủ tục đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã quy định tại Luật Hợp tác xã và Nghị định số 295/2026/NĐ-CP.

Trường hợp không khai thác được thông tin hoặc thông tin khai thác được không đầy đủ, không chính xác thì cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã yêu cầu cá nhân, tổ chức bổ sung bản sao các giấy tờ nêu trên trong trường hợp hồ sơ quy định tại Luật Hợp tác xã và Nghị định số 295/2026/NĐ-CP có yêu cầu để giải quyết thủ tục đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã theo quy định; Cá nhân, tổ chức thực hiện cập nhật, điều chỉnh thông tin trong các cơ sở dữ liệu theo quy định của pháp luật.

Việc khai thác, sử dụng thông tin đã có trong các cơ sở dữ liệu để thay thế thành phần hồ sơ đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã trên cơ sở kết nối, chia sẻ thông tin giữa Cơ sở dữ liệu về đăng ký hợp tác xã và các cơ sở dữ liệu khác thực hiện theo thông báo trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

*** Trường hợp đăng ký trên môi trường điện tử:**

Hồ sơ đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã trên môi trường điện tử bao gồm các giấy tờ theo quy định tại Luật Hợp tác xã 2023 và Nghị định số 295/2026/NĐ-CP được thể hiện dưới dạng văn bản điện tử. Hồ sơ đăng ký trên môi trường điện tử có giá trị pháp lý tương đương hồ sơ đăng ký bằng bản giấy.

*** Trường hợp ủy quyền thực hiện thủ tục:**

1. Người được ủy quyền đăng ký thành lập hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã được ghi trong nghị quyết Hội nghị thành lập hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã. Việc ủy quyền lại để thực hiện thủ tục đăng ký thành lập hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thực hiện theo quy định của pháp luật về dân sự.

2. Trừ trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này, cá nhân ký tên tại văn bản đề nghị đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã có thể ủy quyền cho tổ chức, cá nhân khác thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã như sau:

a) Trường hợp ủy quyền cho cá nhân thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, kèm theo hồ sơ phải có văn bản ủy quyền cho cá nhân thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã. Văn bản ủy quyền này không bắt buộc phải công chứng, chứng thực;

b) Trường hợp ủy quyền cho tổ chức thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, kèm theo hồ sơ đăng ký phải có bản sao hợp đồng cung cấp dịch vụ với tổ chức làm dịch vụ, giấy giới thiệu hoặc văn bản phân công nhiệm vụ của tổ chức đó cho cá nhân trực tiếp thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

3. Trường hợp thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã qua dịch vụ bưu chính công ích, khi thực hiện thủ tục, nhân viên bưu chính phải nộp bản sao phiếu gửi hồ sơ theo mẫu do doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính công ích phát hành có chữ ký xác nhận của nhân viên bưu chính và người có thẩm quyền ký văn bản đề nghị đăng ký.

4. Trường hợp ủy quyền cho đơn vị cung cấp dịch vụ bưu chính không phải là bưu chính công ích thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thì việc ủy quyền thực hiện theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 12 Nghị định số 295/2026/NĐ-CP.

5. Người ủy quyền và người được ủy quyền thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, trung thực và chính xác của việc ủy quyền.

6. Người ủy quyền phải xác thực điện tử theo quy định pháp luật về xác thực và định danh điện tử khi thực hiện thủ tục đăng ký thành lập tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; đăng ký thay đổi người đại diện theo pháp luật của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; thông báo thay đổi thông tin về thành viên chính thức, thành viên liên kết góp vốn là tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài, cá nhân là nhà đầu tư nước ngoài của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; đăng ký thay đổi thành viên tổ hợp tác để được cấp đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

Trường hợp việc xác thực điện tử bị gián đoạn thì người ủy quyền thực hiện việc xác thực điện tử sau khi được cấp đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã. Trường hợp người ủy quyền không xác nhận hoặc xác nhận không ủy quyền thực hiện thủ tục đăng ký sau khi được cấp đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thì cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã yêu cầu tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã báo cáo theo quy định tại khoản 6 Điều 7 Nghị định số 295/2026/NĐ-CP.

Trường hợp chưa có tài khoản định danh điện tử để thực hiện xác thực điện tử thì hồ sơ đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã phải kèm theo bản sao thẻ Căn cước hoặc thẻ Căn cước công dân hoặc hộ chiếu hoặc hộ chiếu nước ngoài hoặc các giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu nước ngoài còn hiệu lực của người ủy quyền.

Việc triển khai quy định về xác thực điện tử thực hiện theo kế hoạch xây dựng, nâng cấp Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã và được thông báo trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

d) Số lượng hồ sơ:

01 bộ hồ sơ.

đ) Thời hạn giải quyết:

Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ giấy tờ quy định.

e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:

Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã.

g) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:

Cá nhân, tổ chức.

h) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã ra thông báo yêu cầu tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã có tên xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp phải đăng ký thay đổi tên. Tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã có tên vi phạm phải đăng ký thay đổi tên trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã ra thông báo yêu cầu thay đổi tên hoặc cơ quan có thẩm quyền xử lý vi phạm yêu cầu. Trường hợp tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã không đăng ký thay đổi tên xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp theo yêu cầu, cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã thông báo cho cơ quan có thẩm quyền xử lý vi phạm để xử lý theo quy định.

i) Lệ phí:

- Mức lệ phí cụ thể do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định (căn cứ quy định tại Thông tư số 85/2019/TT-BTC).

- Người nộp hồ sơ đăng ký nộp lệ phí đăng ký kinh doanh tại thời điểm nộp hồ sơ. Lệ phí đăng ký kinh doanh có thể nộp trực tiếp tại bộ phận tiếp nhận hồ sơ ở cấp xã hoặc chuyển vào tài khoản của cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã hoặc thanh toán trực tuyến thông qua chức năng thanh toán trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia hoặc bằng cách thức khác theo quy định của pháp luật. Lệ phí đăng ký kinh doanh không được hoàn trả trong trường hợp hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã không được cấp đăng ký.

2. Tiền sử dụng dịch vụ thanh toán trực tuyến không được tính trong lệ phí đăng ký kinh doanh.

- Việc giải quyết các lỗi giao dịch phát sinh trong quá trình sử dụng dịch vụ thanh toán trực tuyến được thực hiện theo quy định của pháp luật về giải quyết thủ tục hành chính trên môi trường điện tử.

- Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã có trách nhiệm phối hợp với tổ chức cung cấp dịch vụ trung gian thanh toán hoặc ngân hàng thương mại thực hiện việc đối soát dữ liệu thanh toán qua hệ thống thanh toán trực tuyến của Công dịch vụ công quốc gia hoặc của tổ chức cung cấp dịch vụ trung gian thanh toán.

- Không thu lệ phí đăng ký đối với tổ hợp tác theo quy định tại khoản 2 Điều 22 Luật Hợp tác xã 2023.

k) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

Không có.

l) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

1. Trường hợp đã có sổ định danh cá nhân, người thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã kê khai các thông tin về họ, chữ đệm và tên, ngày, tháng, năm sinh, sổ định danh cá nhân, giới tính của mình và của cá nhân có yêu cầu kê khai thông tin cá nhân trong hồ sơ đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã. Các thông tin kê khai phải chính xác so với các thông tin được lưu trữ tại Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư. Trường hợp thông tin cá nhân được kê khai có sai khác so với thông tin được lưu trữ tại Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, cá nhân đó có trách nhiệm liên hệ với cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền để hiệu chỉnh thông tin trước khi thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

2. Trường hợp nộp hồ sơ đăng ký bằng bản giấy, người nộp hồ sơ đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã xuất trình căn cước công dân hoặc thẻ căn cước hoặc sử dụng tài khoản định danh điện tử theo quy định pháp luật để thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

3. Trường hợp không có sổ định danh cá nhân thì hồ sơ đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã có yêu cầu kê khai thông tin cá nhân của người đại diện theo pháp luật của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, người đứng đầu chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh, người đại diện tổ hợp tác trong trường hợp người đại diện tổ hợp tác là cá nhân hoặc người đại diện hợp pháp của pháp nhân trong trường hợp người đại diện tổ hợp tác là pháp nhân phải kèm theo bản sao hộ chiếu hoặc hộ chiếu nước ngoài hoặc các giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu nước ngoài còn hiệu lực của cá nhân đó theo quy định.

4. Trường hợp việc kết nối giữa Cơ sở dữ liệu về đăng ký hợp tác xã với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư bị gián đoạn thì hồ sơ đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã phải kèm theo bản sao căn cước công dân hoặc thẻ căn cước hoặc hộ chiếu hoặc hộ chiếu nước ngoài hoặc các giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu nước ngoài còn hiệu lực của người nộp hồ sơ đăng ký, người đại diện

theo pháp luật của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, người đứng đầu chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh, người đại diện tổ hợp tác trong trường hợp người đại diện tổ hợp tác là cá nhân hoặc người đại diện hợp pháp của pháp nhân trong trường hợp người đại diện tổ hợp tác là pháp nhân theo quy định.

5. Hồ sơ đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã được tiếp nhận vào Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã khi có đủ các điều kiện sau đây:

a) Có đủ giấy tờ theo quy định tại Luật Hợp tác xã và Nghị định số 295/2026/NĐ-CP;

b) Tên tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đã được điền vào giấy đề nghị đăng ký;

c) Có số điện thoại của người nộp hồ sơ;

d) Đã nộp lệ phí đăng ký kinh doanh, trừ trường hợp được miễn lệ phí đăng ký kinh doanh theo quy định.

m) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định số 295/2026/NĐ-CP ngày 23/7/2026 của Chính phủ về đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (Nghị định số 295/2026/NĐ-CP);

2. Đề nghị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, Giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện đối với trường hợp nội dung kê khai trong hồ sơ đăng ký thành lập là giả mạo (Mã hồ sơ TTHC: 2.002636)

a) Trình tự thực hiện:

*** Trường hợp đăng ký trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính:**

1. Trường hợp có căn cứ xác định nội dung kê khai trong hồ sơ đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã là giả mạo thì cá nhân, tổ chức liên quan gửi văn bản đến cơ quan đăng ký kinh doanh tại Bộ phận một cửa cấp xã đề nghị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác, Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện đối với trường hợp nội dung kê khai trong hồ sơ đăng ký thành lập tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện là giả mạo hoặc đề nghị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác, Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện của lần đăng ký thay đổi được cấp trên cơ sở nội dung kê khai trong hồ sơ đăng ký thay đổi là giả mạo.

Người đề nghị thu hồi có trách nhiệm cung cấp cho cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã một trong các giấy tờ quy định tại khoản 2 Điều 23 Nghị định số 295/2026/NĐ-CP. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị quy định tại khoản này, cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã xử lý theo

quy định tại khoản 3 Điều 23 Nghị định số 295/2026/NĐ-CP, khoản 1 Điều 54, khoản 2 Điều 56 và khoản 2 Điều 65 Nghị định số 295/2026/NĐ-CP.

2. Giấy tờ xác định nội dung kê khai trong hồ sơ đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã là giả mạo bao gồm:

a) Bản sao văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp văn bản trả lời văn bản do cơ quan đó cấp bị giả mạo;

b) Bản sao văn bản trả lời của cơ quan công an về việc nội dung kê khai trong hồ sơ đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã là giả mạo.

3. Trường hợp cần xác định nội dung kê khai trong hồ sơ đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã là giả mạo, cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã gửi văn bản kèm theo hồ sơ đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đến cơ quan quy định tại khoản 2 Điều này. Các cơ quan có trách nhiệm trả lời bằng văn bản về kết quả xác định theo đề nghị của cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị.

b) Cách thức thực hiện:

Hồ sơ đăng ký được gửi đến cơ quan đăng ký kinh doanh theo một trong các phương thức sau đây:

- Nộp trực tiếp tại cơ quan đăng ký kinh doanh;
- Qua dịch vụ bưu chính;

c) Thành phần hồ sơ:

* Hồ sơ bao gồm:

(1) Văn bản đề nghị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện;

(2) Bản sao văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp văn bản trả lời văn bản do cơ quan đó cấp bị giả mạo;

(3) Bản sao văn bản trả lời của cơ quan công an về việc nội dung kê khai trong hồ sơ đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã là giả mạo.

Lưu ý:

Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã khai thác, sử dụng thông tin đã có trong các cơ sở dữ liệu để thay thế và không yêu cầu cá nhân, tổ chức thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã nộp bản sao Giấy chứng nhận đăng ký thuế; bản sao hộ chiếu; bản sao Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư; bản sao văn bản của cơ quan đăng ký đầu tư chấp thuận về việc góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài; bản sao quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật; bản sao phán quyết của Trọng tài có hiệu lực và các giấy tờ khác trong thành phần hồ sơ giải quyết

thủ tục đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã quy định tại Luật Hợp tác xã và Nghị định số 295/2026/NĐ-CP.

Trường hợp không khai thác được thông tin hoặc thông tin khai thác được không đầy đủ, không chính xác thì cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã yêu cầu cá nhân, tổ chức bổ sung bản sao các giấy tờ nêu trên trong trường hợp hồ sơ quy định tại Luật Hợp tác xã và Nghị định số 295/2026/NĐ-CP có yêu cầu để giải quyết thủ tục đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã theo quy định; Cá nhân, tổ chức thực hiện cập nhật, điều chỉnh thông tin trong các cơ sở dữ liệu theo quy định của pháp luật.

Việc khai thác, sử dụng thông tin đã có trong các cơ sở dữ liệu để thay thế thành phần hồ sơ đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã trên cơ sở kết nối, chia sẻ thông tin giữa Cơ sở dữ liệu về đăng ký hợp tác xã và các cơ sở dữ liệu khác thực hiện theo thông báo trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

* Trường hợp ủy quyền thực hiện thủ tục:

1. Người được ủy quyền đăng ký thành lập hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã được ghi trong nghị quyết Hội nghị thành lập hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã. Việc ủy quyền lại để thực hiện thủ tục đăng ký thành lập hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thực hiện theo quy định của pháp luật về dân sự.

2. Trừ trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này, cá nhân ký tên tại văn bản đề nghị đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã có thể ủy quyền cho tổ chức, cá nhân khác thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã như sau:

a) Trường hợp ủy quyền cho cá nhân thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, kèm theo hồ sơ phải có văn bản ủy quyền cho cá nhân thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã. Văn bản ủy quyền này không bắt buộc phải công chứng, chứng thực;

b) Trường hợp ủy quyền cho tổ chức thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, kèm theo hồ sơ đăng ký phải có bản sao hợp đồng cung cấp dịch vụ với tổ chức làm dịch vụ, giấy giới thiệu hoặc văn bản phân công nhiệm vụ của tổ chức đó cho cá nhân trực tiếp thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

3. Trường hợp thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã qua dịch vụ bưu chính công ích, khi thực hiện thủ tục, nhân viên bưu chính phải nộp bản sao phiếu gửi hồ sơ theo mẫu do doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính công ích phát hành có chữ ký xác nhận của nhân viên bưu chính và người có thẩm quyền ký văn bản đề nghị đăng ký.

4. Trường hợp ủy quyền cho đơn vị cung cấp dịch vụ bưu chính không phải là bưu chính công ích thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thì việc ủy quyền thực hiện theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 12 Nghị định số 295/2026/NĐ-CP.

5. Người ủy quyền và người được ủy quyền thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, trung thực và chính xác của việc ủy quyền.

6. Người ủy quyền phải xác thực điện tử theo quy định pháp luật về xác thực và định danh điện tử khi thực hiện thủ tục đăng ký thành lập tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; đăng ký thay đổi người đại diện theo pháp luật của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; thông báo thay đổi thông tin về thành viên chính thức, thành viên liên kết góp vốn là tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài, cá nhân là nhà đầu tư nước ngoài của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; đăng ký thay đổi thành viên tổ hợp tác để được cấp đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

Trường hợp việc xác thực điện tử bị gián đoạn thì người ủy quyền thực hiện việc xác thực điện tử sau khi được cấp đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã. Trường hợp người ủy quyền không xác nhận hoặc xác nhận không ủy quyền thực hiện thủ tục đăng ký sau khi được cấp đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thì cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã yêu cầu tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã báo cáo theo quy định tại khoản 6 Điều 7 Nghị định số 295/2026/NĐ-CP.

Trường hợp chưa có tài khoản định danh điện tử để thực hiện xác thực điện tử thì hồ sơ đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã phải kèm theo bản sao thẻ Căn cước hoặc thẻ Căn cước công dân hoặc hộ chiếu hoặc hộ chiếu nước ngoài hoặc các giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu nước ngoài còn hiệu lực của người ủy quyền.

Việc triển khai quy định về xác thực điện tử thực hiện theo kế hoạch xây dựng, nâng cấp Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã và được thông báo trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

d) Số lượng hồ sơ:

01 bộ hồ sơ.

đ) Thời hạn giải quyết:

Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận văn bản đề nghị.

e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:

Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã.

g) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:

Cá nhân, tổ chức, tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

h) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

- Trường hợp nội dung kê khai trong hồ sơ đăng ký thành lập tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện là giả mạo:

(1) Thông báo về hành vi vi phạm;

(2) Quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện.

- Trường hợp nội dung kê khai trong hồ sơ đăng ký thay đổi nội dung đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện là giả mạo:

(1) Thông báo về hành vi vi phạm;

(2) Quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện;

(3) Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã đăng tải thông báo vi phạm của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp;

(4) Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã cấp Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện trên cơ sở hồ sơ hợp lệ liên kế trước hồ sơ đăng ký thay đổi có nội dung kê khai là giả mạo.

i) Lệ phí:

- Mức lệ phí cụ thể do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định (căn cứ quy định tại Thông tư số 85/2019/TT-BTC).

- Người nộp hồ sơ đăng ký nộp lệ phí đăng ký kinh doanh tại thời điểm nộp hồ sơ. Lệ phí đăng ký kinh doanh có thể nộp trực tiếp tại bộ phận tiếp nhận hồ sơ ở cấp xã hoặc chuyển vào tài khoản của cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã hoặc thanh toán trực tuyến thông qua chức năng thanh toán trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia hoặc bằng cách thức khác theo quy định của pháp luật. Lệ phí đăng ký kinh doanh không được hoàn trả trong trường hợp hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã không được cấp đăng ký.

2. Tiền sử dụng dịch vụ thanh toán trực tuyến không được tính trong lệ phí đăng ký kinh doanh.

- Việc giải quyết các lỗi giao dịch phát sinh trong quá trình sử dụng dịch vụ thanh toán trực tuyến được thực hiện theo quy định của pháp luật về giải quyết thủ tục hành chính trên môi trường điện tử.

- Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã có trách nhiệm phối hợp với tổ chức cung cấp dịch vụ trung gian thanh toán hoặc ngân hàng thương mại thực hiện việc đối soát dữ liệu thanh toán qua hệ thống thanh toán trực tuyến của Cổng dịch vụ công quốc gia hoặc của tổ chức cung cấp dịch vụ trung gian thanh toán.

- Không thu lệ phí đăng ký đối với tổ hợp tác theo quy định tại khoản 2 Điều 22 Luật Hợp tác xã 2023.

k) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

Không có.

l) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

* Kê khai thông tin cá nhân trong thực hiện thủ tục đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã

1. Trường hợp đã có sổ định danh cá nhân, người thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã kê khai các thông tin về họ, chữ đệm và tên, ngày, tháng, năm sinh, sổ định danh cá nhân, giới tính của mình và của cá nhân có yêu cầu kê khai thông tin cá nhân trong hồ sơ đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã. Các thông tin kê khai phải chính xác so với các thông tin được lưu trữ tại Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư. Trường hợp thông tin cá nhân được kê khai có sai khác so với thông tin được lưu trữ tại Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, cá nhân đó có trách nhiệm liên hệ với cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền để hiệu chỉnh thông tin trước khi thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

2. Trường hợp nộp hồ sơ đăng ký bằng bản giấy, người nộp hồ sơ đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã xuất trình căn cước công dân hoặc thẻ căn cước hoặc sử dụng tài khoản định danh điện tử theo quy định pháp luật để thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

3. Trường hợp không có sổ định danh cá nhân thì hồ sơ đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã có yêu cầu kê khai thông tin cá nhân của người đại diện theo pháp luật của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, người đứng đầu chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh, người đại diện tổ hợp tác trong trường hợp người đại diện tổ hợp tác là cá nhân hoặc người đại diện hợp pháp của pháp nhân trong trường hợp người đại diện tổ hợp tác là pháp nhân phải kèm theo bản sao hộ chiếu hoặc hộ chiếu nước ngoài hoặc các giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu nước ngoài còn hiệu lực của cá nhân đó theo quy định.

4. Trường hợp việc kết nối giữa Cơ sở dữ liệu về đăng ký hợp tác xã với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư bị gián đoạn thì hồ sơ đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã phải kèm theo bản sao căn cước công dân hoặc thẻ căn cước hoặc hộ chiếu hoặc hộ chiếu nước ngoài hoặc các giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu nước ngoài còn hiệu lực của người nộp hồ sơ đăng ký, người đại diện theo pháp luật của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, người đứng đầu chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh, người đại diện tổ hợp tác trong trường hợp người đại diện tổ hợp tác là cá nhân hoặc người đại diện hợp pháp của pháp nhân trong trường hợp người đại diện tổ hợp tác là pháp nhân theo quy định.

* Hồ sơ đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã được tiếp nhận vào Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã khi có đủ các điều kiện sau đây:

a) Có đủ giấy tờ theo quy định tại Luật Hợp tác xã và Nghị định số 295/2026/NĐ-CP;

b) Tên tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đã được điền vào giấy đề nghị đăng ký;

c) Có số điện thoại của người nộp hồ sơ;

d) Đã nộp lệ phí đăng ký kinh doanh, trừ trường hợp được miễn lệ phí đăng ký kinh doanh theo quy định.

* Hồ sơ đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã trên môi trường điện tử phải bảo đảm các yêu cầu sau:

a) Có đầy đủ các giấy tờ và nội dung các giấy tờ đó được kê khai đầy đủ theo quy định như hồ sơ đăng ký bằng bản giấy và được thể hiện dưới dạng văn bản điện tử hoặc dữ liệu điện tử có đầy đủ thông tin theo quy định như hồ sơ đăng ký bằng bản giấy;

b) Các thông tin đăng ký được kê khai trên Hệ thống thông tin về đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã phải được nhập đầy đủ và chính xác theo các thông tin trong hồ sơ đăng ký bằng bản giấy; trong đó có thông tin về số điện thoại, thư điện tử của người nộp hồ sơ.

c) Cá nhân ký tên trong hồ sơ đăng ký có thể sử dụng chữ ký số để ký trực tiếp trên văn bản điện tử hoặc ký trực tiếp trên văn bản giấy và quét (scan) văn bản giấy theo chế độ ảnh màu. theo các định dạng quy định tại khoản 2 Điều 30 Nghị định số 295/2026/NĐ-CP;

d) Hồ sơ đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã trên môi trường điện tử bao gồm các giấy tờ theo quy định tại Luật Hợp tác xã và Nghị định số 295/2026/NĐ-CP được thể hiện dưới dạng văn bản điện tử hoặc dữ liệu điện tử theo quy định pháp luật. Hồ sơ đăng ký trên môi trường điện tử có giá trị pháp lý tương đương hồ sơ đăng ký bằng bản giấy.

e) Thời hạn để tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã sửa đổi, bổ sung hồ sơ đăng ký trên môi trường điện tử là 60 ngày kể từ ngày cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã ra thông báo yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ. Sau thời hạn nêu trên, nếu không nhận được hồ sơ sửa đổi, bổ sung, cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã sẽ hủy hồ sơ đăng ký theo quy trình trên Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã.

* Các trường hợp không được thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã / tiếp tục được thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã:

1. Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã từ chối cấp đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã nếu thuộc một trong các trường hợp sau đây:

a) Tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đã bị cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã ra thông báo về hành vi vi phạm của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thuộc trường hợp thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác, Giấy

chứng nhận đăng ký hợp tác xã hoặc đã bị ra quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác, Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã;

b) Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đang trong quá trình giải thể theo nghị quyết giải thể của Đại hội thành viên; tổ hợp tác đang trong quá trình chấm dứt hoạt động;

c) Tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đang trong tình trạng pháp lý “Không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký”.

2. Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã tiếp tục giải quyết thủ tục đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đối với các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này khi:

a) Tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đã có biện pháp khắc phục những vi phạm theo yêu cầu trong thông báo về hành vi vi phạm của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thuộc trường hợp thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác, Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã và được cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã chấp nhận hoặc đã được khôi phục Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác, Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã sau khi bị ra quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác, Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã;

b) Tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã phải đăng ký thay đổi nội dung đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã để phục vụ việc chấm dứt hoạt động tổ hợp tác, giải thể hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã theo quy định. Trong trường hợp này, hồ sơ đăng ký thay đổi phải kèm theo văn bản giải trình của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã về lý do đăng ký thay đổi và được cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã chấp nhận;

c) Tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã không còn trong tình trạng pháp lý “Không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký”.

3. Trường hợp Tòa án; Cơ quan thi hành án; Cơ quan điều tra, Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng Cơ quan điều tra, Điều tra viên quy định tại Bộ luật Tố tụng hình sự yêu cầu bằng văn bản về việc tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã không được thực hiện một hoặc một số thủ tục đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thì cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã từ chối cấp đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã khi tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thực hiện thủ tục đó cho đến khi có ý kiến chấp thuận bằng văn bản của các tổ chức, cá nhân nêu trên về việc cho phép tiếp tục thực hiện thủ tục đăng ký.

m) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định số 295/2026/NĐ-CP;

3. Đăng ký thành lập tổ hợp tác; đăng ký tổ hợp tác trong trường hợp đã được thành lập trước ngày Luật Hợp tác xã có hiệu lực thi hành, thuộc đối tượng phải đăng ký theo quy định tại khoản 2 Điều 107 Luật Hợp tác xã 2023 (Mã hồ sơ TTHC: 2.002637)

a) Trình tự thực hiện:

*** Trường hợp đăng ký trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính:**

- Trường hợp đăng ký thành lập tổ hợp tác sau ngày Luật Hợp tác xã có hiệu lực thi hành:

Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày ký hợp đồng hợp tác, người đại diện tổ hợp tác thuộc đối tượng phải đăng ký kinh doanh hoặc có nhu cầu đăng ký kinh doanh theo quy định tại khoản 2 Điều 107 Luật Hợp tác xã nộp hồ sơ đăng ký thành lập tổ hợp tác tại cơ quan đăng ký kinh doanh tại Bộ phận một cửa cấp xã.

Sau khi nhận được hồ sơ đăng ký thành lập tổ hợp tác, cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã kiểm tra điều kiện cấp Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác quy định tại khoản 1 Điều 60 Nghị định số 295/2026/NĐ-CP. Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ, cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã cấp Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác và gửi thông báo về cơ quan thuế quản lý cho tổ hợp tác trong trường hợp hồ sơ đủ điều kiện cấp; trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện cấp, cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã thông báo bằng văn bản nội dung cần sửa đổi, bổ sung cho tổ hợp tác.

Tổ hợp tác thành lập sau khi Luật Hợp tác xã có hiệu lực thi hành và đã thực hiện thủ tục thông báo đến Ủy ban nhân dân cấp xã thay đổi nội dung hoạt động dẫn đến thuộc đối tượng phải đăng ký kinh doanh hoặc có nhu cầu đăng ký kinh doanh thì thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác tại cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã. Hồ sơ đăng ký bao gồm các giấy tờ theo quy định tại khoản 1 Điều 59 Nghị định số 295/2026/NĐ-CP và bản sao Giấy chứng nhận đăng ký thuế. Trình tự, thủ tục đăng ký thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 59 Nghị định số 295/2026/NĐ-CP.

- Trường hợp tổ hợp tác đã được thành lập trước ngày Luật Hợp tác xã có hiệu lực thi hành mà thuộc đối tượng phải đăng ký theo quy định tại khoản 2 Điều 107 Luật Hợp tác xã 2023:

Tổ hợp tác đã được thành lập trước ngày Luật Hợp tác xã có hiệu lực thi hành mà thuộc đối tượng phải đăng ký theo quy định tại khoản 2 Điều 107 Luật Hợp tác xã thì phải thực hiện thủ tục đăng ký tại cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã. Trường hợp tổ hợp tác có thay đổi nội dung đăng ký tổ hợp tác đã thông báo tới Ủy ban nhân dân cấp xã, tổ hợp tác có thể đăng ký thay đổi nội dung đăng ký tổ hợp tác đồng thời với đề nghị cấp Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác trong một bộ hồ sơ để được xem xét cấp Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác theo quy định tại Nghị định số 295/2026/NĐ-CP. Trình tự, thủ tục đăng ký thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 59 Nghị định số 295/2026/NĐ-CP.

Sau khi tiếp nhận hồ sơ đăng ký thành lập tổ hợp tác, cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã trao giấy biên nhận, kiểm tra điều kiện cấp Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác quy định tại khoản 1 Điều 60 Nghị định số 295/2026/NĐ-CP. Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ, cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã cấp Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác và gửi thông báo về cơ quan thuế quản lý cho tổ hợp tác trong trường hợp hồ sơ đủ điều kiện cấp; trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện cấp, cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã thông báo bằng văn bản nội dung cần sửa đổi, bổ sung cho tổ hợp tác.

*** Trường hợp đăng ký trên môi trường điện tử:**

1. Người nộp hồ sơ đăng nhập Cổng dịch vụ công quốc gia hoặc Ứng dụng định danh quốc gia bằng tài khoản định danh điện tử để truy cập Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã. Người nộp hồ sơ thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã theo quy trình trên Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã như sau:

a) Trường hợp người nộp hồ sơ là người có thẩm quyền ký văn bản đề nghị đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã

Người nộp hồ sơ kê khai thông tin trên Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã. Đối với các giấy đề nghị hoặc thông báo có nội dung được kê khai trên Hệ thống và chỉ yêu cầu người nộp hồ sơ ký thì người nộp hồ sơ không phải ký số hoặc ký trực tiếp và tải lên Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã. Đối với các giấy tờ khác trong thành phần hồ sơ đăng ký theo quy định, người nộp hồ sơ phải bảo đảm các giấy tờ này được ký số hoặc ký trực tiếp theo quy định, được thể hiện dưới dạng văn bản điện tử và tải các giấy tờ này lên Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã.

Đối với các giấy đề nghị hoặc thông báo có nội dung được kê khai trên Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã yêu cầu nhiều người ký và giấy tờ khác trong thành phần hồ sơ đăng ký theo quy định, người nộp hồ sơ phải bảo đảm các giấy tờ này được ký số hoặc ký trực tiếp theo quy định, được thể hiện dưới dạng văn bản điện tử và tải các giấy tờ này lên Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã.

Người nộp hồ sơ thanh toán phí, lệ phí (nếu có) và thực hiện xác thực điện tử theo quy định để nộp hồ sơ. Sau khi hoàn thành việc gửi hồ sơ, người nộp hồ sơ sẽ nhận được giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả điện tử.

b) Trường hợp người nộp hồ sơ là người được ủy quyền thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã

Người nộp hồ sơ kê khai thông tin và tải các giấy tờ trong thành phần hồ sơ đăng ký theo quy định lên Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã. Các giấy tờ này phải được ký số hoặc ký trực tiếp theo quy định và được thể hiện dưới dạng văn bản điện tử.

Người nộp hồ sơ thanh toán phí, lệ phí (nếu có) và thực hiện xác thực điện tử theo quy định để nộp hồ sơ. Sau khi hoàn thành việc gửi hồ sơ, người nộp hồ sơ sẽ nhận được giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả điện tử.

2. Các thông tin đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã trên Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã được truyền sang Hệ thống ứng dụng đăng ký thuế để phối hợp, trao đổi thông tin giữa cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã và cơ quan thuế.

3. Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã xem xét tính hợp lệ của hồ sơ và trả kết quả giải quyết hồ sơ cho tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã theo quy định tại Luật Hợp tác xã và Nghị định số 295/2026/NĐ-CP. Người nộp hồ sơ đăng nhập vào Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã để nhận thông tin phản hồi về kết quả xử lý hồ sơ.

b) Cách thức thực hiện:

Hồ sơ đăng ký được gửi đến cơ quan đăng ký kinh doanh theo một trong các phương thức sau đây:

- Nộp trực tiếp tại cơ quan đăng ký kinh doanh;
- Qua dịch vụ bưu chính;
- Qua Cổng dịch vụ công quốc gia hoặc Ứng dụng định danh quốc gia..

c) Thành phần hồ sơ:

* Hồ sơ bao gồm:

- Trường hợp đăng ký thành lập tổ hợp tác sau ngày Luật Hợp tác xã có hiệu lực thi hành:

- (1) Giấy đề nghị đăng ký thành lập tổ hợp tác;
- (2) Bản sao hoặc bản chính hợp đồng hợp tác;
- (3) Danh sách thành viên tổ hợp tác;

(4) Bản sao hoặc bản chính văn bản ủy quyền của thành viên tổ hợp tác cho một cá nhân hoặc một pháp nhân làm người đại diện tổ hợp tác thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác;

(5) Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký thuế (sử dụng trong trường hợp Tổ hợp tác thành lập sau khi Luật Hợp tác xã có hiệu lực thi hành và đã thực hiện thủ tục thông báo đến Ủy ban nhân dân cấp xã theo quy định thay đổi nội dung hoạt động dẫn đến thuộc đối tượng phải đăng ký kinh doanh hoặc có nhu cầu đăng ký kinh doanh theo quy định tại khoản 2 Điều 107 Luật Hợp tác xã).

Lưu ý:

Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã khai thác, sử dụng thông tin đã có trong các cơ sở dữ liệu để thay thế và không yêu cầu cá nhân, tổ chức thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã nộp bản sao Giấy chứng nhận đăng ký thuế; bản sao hộ chiếu; bản sao Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư; bản sao văn bản của cơ quan đăng ký đầu tư chấp thuận về việc góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài; bản sao quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật; bản sao phán quyết

của Trọng tài có hiệu lực và các giấy tờ khác trong thành phần hồ sơ giải quyết thủ tục đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã quy định tại Luật Hợp tác xã và Nghị định số 295/2026/NĐ-CP.

Trường hợp không khai thác được thông tin hoặc thông tin khai thác được không đầy đủ, không chính xác thì cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã yêu cầu cá nhân, tổ chức bổ sung bản sao các giấy tờ nêu trên trong trường hợp hồ sơ quy định tại Luật Hợp tác xã và Nghị định số 295/2026/NĐ-CP có yêu cầu để giải quyết thủ tục đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã theo quy định; Cá nhân, tổ chức thực hiện cập nhật, điều chỉnh thông tin trong các cơ sở dữ liệu theo quy định của pháp luật.

Việc khai thác, sử dụng thông tin đã có trong các cơ sở dữ liệu để thay thế thành phần hồ sơ đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã trên cơ sở kết nối, chia sẻ thông tin giữa Cơ sở dữ liệu về đăng ký hợp tác xã và các cơ sở dữ liệu khác thực hiện theo thông báo trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

- Trường hợp tổ hợp tác đã được thành lập trước ngày Luật Hợp tác xã có hiệu lực thi hành mà thuộc đối tượng phải đăng ký theo quy định tại khoản 2 Điều 107 Luật Hợp tác xã 2023:

- (1) Giấy đề nghị cấp Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác;
- (2) Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký thuế;

(3) Bản sao hoặc bản chính văn bản ủy quyền của thành viên tổ hợp tác cho một cá nhân hoặc một pháp nhân làm người đại diện tổ hợp tác thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác.

(4) Các giấy tờ tương ứng với từng trường hợp đăng ký thay đổi nội dung đăng ký tổ hợp tác quy định tại Nghị định số 295/2026/NĐ-CP (sử dụng trong trường hợp tổ hợp tác có thay đổi nội dung đăng ký tổ hợp tác đã thông báo tới Ủy ban nhân dân cấp xã, tổ hợp tác có thể đăng ký thay đổi nội dung đăng ký tổ hợp tác đồng thời với đề nghị cấp Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác trong một bộ hồ sơ c).

Lưu ý:

Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã khai thác, sử dụng thông tin đã có trong các cơ sở dữ liệu để thay thế và không yêu cầu cá nhân, tổ chức thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã nộp bản sao Giấy chứng nhận đăng ký thuế; bản sao hộ chiếu; bản sao Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư; bản sao văn bản của cơ quan đăng ký đầu tư chấp thuận về việc góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài; bản sao quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật; bản sao phán quyết của Trọng tài có hiệu lực và các giấy tờ khác trong thành phần hồ sơ giải quyết

thủ tục đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã quy định tại Luật Hợp tác xã và Nghị định số 295/2026/NĐ-CP.

Trường hợp không khai thác được thông tin hoặc thông tin khai thác được không đầy đủ, không chính xác thì cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã yêu cầu cá nhân, tổ chức bổ sung bản sao các giấy tờ nêu trên trong trường hợp hồ sơ quy định tại Luật Hợp tác xã và Nghị định số 295/2026/NĐ-CP có yêu cầu đề giải quyết thủ tục đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã theo quy định; Cá nhân, tổ chức thực hiện cập nhật, điều chỉnh thông tin trong các cơ sở dữ liệu theo quy định của pháp luật.

Việc khai thác, sử dụng thông tin đã có trong các cơ sở dữ liệu để thay thế thành phần hồ sơ đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã trên cơ sở kết nối, chia sẻ thông tin giữa Cơ sở dữ liệu về đăng ký hợp tác xã và các cơ sở dữ liệu khác thực hiện theo thông báo trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

* Trường hợp đăng ký tổ hợp tác trên môi trường điện tử:

Hồ sơ đăng ký tổ hợp tác trên môi trường điện tử bao gồm các giấy tờ theo quy định tại Luật Hợp tác xã 2023 và Nghị định số 295/2026/NĐ-CP được thể hiện dưới dạng văn bản điện tử. Hồ sơ đăng ký trên môi trường điện tử có giá trị pháp lý tương đương hồ sơ đăng ký bằng bản giấy.

* Trường hợp ủy quyền thực hiện thủ tục:

+ Cá nhân ký tên tại văn bản đề nghị đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã có thể ủy quyền cho tổ chức, cá nhân khác thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác như sau:

a) Trường hợp ủy quyền cho cá nhân thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, kèm theo hồ sơ phải có văn bản ủy quyền cho cá nhân thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã. Văn bản ủy quyền này không bắt buộc phải công chứng, chứng thực;

b) Trường hợp ủy quyền cho tổ chức thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, kèm theo hồ sơ đăng ký phải có bản sao hợp đồng cung cấp dịch vụ với tổ chức làm dịch vụ, giấy giới thiệu hoặc văn bản phân công nhiệm vụ của tổ chức đó cho cá nhân trực tiếp thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

3. Trường hợp thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã qua dịch vụ bưu chính công ích, khi thực hiện thủ tục, nhân viên bưu chính phải nộp bản sao phiếu gửi hồ sơ theo mẫu do doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính công ích phát hành có chữ ký xác nhận của nhân viên bưu chính và người có thẩm quyền ký văn bản đề nghị đăng ký.

4. Trường hợp ủy quyền cho đơn vị cung cấp dịch vụ bưu chính không phải là bưu chính công ích thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã,

liên hiệp hợp tác xã thì việc ủy quyền thực hiện theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 12 Nghị định số 295/2026/NĐ-CP.

5. Người ủy quyền và người được ủy quyền thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, trung thực và chính xác của việc ủy quyền. Người ủy quyền và người được ủy quyền phải xác thực điện tử theo quy định pháp luật về xác thực và định danh điện tử để được cấp đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

Trường hợp việc xác thực điện tử bị gián đoạn thì người ủy quyền thực hiện việc xác thực điện tử sau khi được cấp đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã. Trường hợp người ủy quyền không xác nhận hoặc xác nhận không ủy quyền thực hiện thủ tục đăng ký sau khi được cấp đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thì cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã yêu cầu tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã báo cáo theo quy định tại khoản 6 Điều 7 Nghị định số 295/2026/NĐ-CP.

Trường hợp chưa có tài khoản định danh điện tử để thực hiện xác thực điện tử thì hồ sơ đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã phải kèm theo bản sao thẻ Căn cước hoặc thẻ Căn cước công dân hoặc hộ chiếu hoặc hộ chiếu nước ngoài hoặc các giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu nước ngoài còn hiệu lực của người ủy quyền.

Việc triển khai quy định về xác thực điện tử thực hiện theo kế hoạch xây dựng, nâng cấp Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã và được thông báo trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

d) Số lượng hồ sơ:

01 bộ hồ sơ.

đ) Thời hạn giải quyết:

Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ.

e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:

Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã.

g) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:

Tổ hợp tác.

h) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác.

i) Lệ phí:

Không thu lệ phí đăng ký đối với tổ hợp tác theo quy định tại khoản 2 Điều 22 Luật Hợp tác xã 2023.

k) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Giấy đề nghị đăng ký tổ hợp tác (Mẫu số 13, Phụ lục II, Thông tư số 43/2025/TT-BTC ngày 17/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành biểu mẫu sử dụng trong lĩnh vực quản lý nhà nước đối với hộ kinh doanh, tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã khi tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp (Thông tư số 43/2025/TT-BTC));

- Danh sách thành viên tổ hợp tác (Mẫu số 14, Phụ lục II, Thông tư số 43/2025/TT-BTC).

l) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

* Tổ hợp tác được cấp Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác khi có đủ các điều kiện sau đây:

- Ngành, nghề đăng ký kinh doanh không bị cấm đầu tư kinh doanh;
- Tên của tổ hợp tác được đặt theo đúng quy định;
- Có hồ sơ đăng ký tổ hợp tác hợp lệ.

* Tổ hợp tác có quyền hoạt động kinh doanh kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác, trừ trường hợp kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện. Trường hợp tổ hợp tác đăng ký ngày bắt đầu hoạt động kinh doanh sau ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác thì tổ hợp tác được quyền hoạt động kinh doanh kể từ ngày đã đăng ký, trừ trường hợp kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện.

* kê khai thông tin cá nhân trong thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác

1. Trường hợp đã có sổ định danh cá nhân, người thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã kê khai các thông tin về họ, chữ đệm và tên, ngày, tháng, năm sinh, sổ định danh cá nhân, giới tính của mình và của cá nhân có yêu cầu kê khai thông tin cá nhân trong hồ sơ đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã. Các thông tin kê khai phải chính xác so với các thông tin được lưu trữ tại Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư. Trường hợp thông tin cá nhân được kê khai có sai khác so với thông tin được lưu trữ tại Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, cá nhân đó có trách nhiệm liên hệ với cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền để hiệu chỉnh thông tin trước khi thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

2. Trường hợp nộp hồ sơ đăng ký bằng bản giấy, người nộp hồ sơ đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã xuất trình căn cước công dân hoặc thẻ căn cước hoặc sử dụng tài khoản định danh điện tử theo quy định pháp luật để thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

3. Trường hợp không có sổ định danh cá nhân thì hồ sơ đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã có yêu cầu kê khai thông tin cá nhân của người đại diện theo pháp luật của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, người đứng đầu chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh, người đại diện tổ hợp tác trong

trường hợp người đại diện tổ hợp tác là cá nhân hoặc người đại diện hợp pháp của pháp nhân trong trường hợp người đại diện tổ hợp tác là pháp nhân phải kèm theo bản sao hộ chiếu hoặc hộ chiếu nước ngoài hoặc các giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu nước ngoài còn hiệu lực của cá nhân đó theo quy định.

4. Trường hợp việc kết nối giữa Cơ sở dữ liệu về đăng ký hợp tác xã với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư bị gián đoạn thì hồ sơ đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã phải kèm theo bản sao căn cước công dân hoặc thẻ căn cước hoặc hộ chiếu hoặc hộ chiếu nước ngoài hoặc các giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu nước ngoài còn hiệu lực của người nộp hồ sơ đăng ký, người đại diện theo pháp luật của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, người đứng đầu chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh, người đại diện tổ hợp tác trong trường hợp người đại diện tổ hợp tác là cá nhân hoặc người đại diện hợp pháp của pháp nhân trong trường hợp người đại diện tổ hợp tác là pháp nhân theo quy định.

* Ngôn ngữ sử dụng trong hồ sơ đăng ký tổ hợp tác:

- Các giấy tờ, tài liệu trong hồ sơ đăng ký tổ hợp tác được lập bằng tiếng Việt;
- Trường hợp hồ sơ đăng ký tổ hợp tác có tài liệu bằng tiếng nước ngoài thì hồ sơ phải có bản dịch tiếng Việt công chứng kèm theo tài liệu bằng tiếng nước ngoài;
- Trường hợp giấy tờ, tài liệu trong hồ sơ đăng ký tổ hợp tác được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài thì bản tiếng Việt được sử dụng để thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác.

* Người nộp hồ sơ đăng ký tổ hợp tác nộp hồ sơ tại cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã.

Hồ sơ đăng ký tổ hợp tác được tiếp nhận vào Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã khi có đủ các điều kiện sau đây:

- Có đủ giấy tờ theo quy định tại Luật Hợp tác xã 2023 và Nghị định số 295/2026/NĐ-CP;
- Tên tổ hợp tác đã được điền vào giấy đề nghị đăng ký;
- Có số điện thoại của người nộp hồ sơ;
- Đã nộp lệ phí đăng ký kinh doanh, trừ trường hợp được miễn lệ phí đăng ký kinh doanh theo quy định.

* Hồ sơ đăng ký tổ hợp tác trên môi trường điện tử phải bảo đảm các yêu cầu sau:

a) Có đầy đủ các giấy tờ và nội dung các giấy tờ đó được kê khai đầy đủ theo quy định như hồ sơ đăng ký bằng bản giấy và được thể hiện dưới dạng văn bản điện tử hoặc dữ liệu điện tử có đầy đủ thông tin theo quy định như hồ sơ đăng ký bằng bản giấy;

b) Các thông tin đăng ký được kê khai trên Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã phải được nhập đầy đủ và chính xác theo các thông tin trong hồ sơ

đăng ký bằng bản giấy; trong đó có thông tin về số điện thoại, thư điện tử của người nộp hồ sơ.

- Cá nhân ký tên trong hồ sơ đăng ký có thể sử dụng chữ ký số để ký trực tiếp trên văn bản điện tử hoặc ký trực tiếp trên văn bản giấy và quét (scan) văn bản giấy theo chế độ ảnh màu. theo các định dạng quy định tại khoản 2 Điều 30 Nghị định số 295/2026/NĐ-CP;

- Hồ sơ đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã trên môi trường điện tử bao gồm các giấy tờ theo quy định tại Luật Hợp tác xã và Nghị định số 295/2026/NĐ-CP được thể hiện dưới dạng văn bản điện tử hoặc dữ liệu điện tử theo quy định pháp luật. Hồ sơ đăng ký trên môi trường điện tử có giá trị pháp lý tương đương hồ sơ đăng ký bằng bản giấy.

- Thời hạn để tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã sửa đổi, bổ sung hồ sơ đăng ký trên môi trường điện tử là 60 ngày kể từ ngày cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã ra thông báo yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ. Sau thời hạn nêu trên, nếu không nhận được hồ sơ sửa đổi, bổ sung, cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã sẽ hủy hồ sơ đăng ký theo quy trình trên Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã.

* Các trường hợp không được thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác/ tiếp tục được thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác:

1. Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã từ chối cấp đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã nếu thuộc một trong các trường hợp sau đây:

a) Tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đã bị cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã ra thông báo về hành vi vi phạm của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thuộc trường hợp thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác, Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã hoặc đã bị ra quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác, Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã;

b) Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đang trong quá trình giải thể theo nghị quyết giải thể của Đại hội thành viên; tổ hợp tác đang trong quá trình chấm dứt hoạt động;

c) Tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đang trong tình trạng pháp lý “Không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký”.

2. Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã tiếp tục giải quyết thủ tục đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đối với các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này khi:

a) Tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đã có biện pháp khắc phục những vi phạm theo yêu cầu trong thông báo về hành vi vi phạm của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thuộc trường hợp thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác, Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã và được cơ quan đăng ký kinh

doanh cấp xã chấp nhận hoặc đã được khôi phục Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác, Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã sau khi bị ra quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác, Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã;

b) Tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã phải đăng ký thay đổi nội dung đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã để phục vụ việc chấm dứt hoạt động tổ hợp tác, giải thể hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã theo quy định. Trong trường hợp này, hồ sơ đăng ký thay đổi phải kèm theo văn bản giải trình của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã về lý do đăng ký thay đổi và được cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã chấp nhận;

c) Tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã không còn trong tình trạng pháp lý “Không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký”.

3. Trường hợp Tòa án; Cơ quan thi hành án; Cơ quan điều tra, Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng Cơ quan điều tra, Điều tra viên quy định tại Bộ luật Tố tụng hình sự yêu cầu bằng văn bản về việc tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã không được thực hiện một hoặc một số thủ tục đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thì cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã từ chối cấp đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã khi tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thực hiện thủ tục đó cho đến khi có ý kiến chấp thuận bằng văn bản của các tổ chức, cá nhân nêu trên về việc cho phép tiếp tục thực hiện thủ tục đăng ký.

m) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định số 295/2026/NĐ-CP;

- Thông tư số 09/2024/TT-BKHĐT ngày 16/5/2024 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư ban hành biểu mẫu thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã và quy định về nội dung thông tin, việc cập nhật, khai thác và quản lý Hệ thống thông tin quốc gia về hợp tác xã (Thông tư số 09/2024/TT-BKHĐT);

- Thông tư số 43/2025/TT-BTC.

4. Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký tổ hợp tác (Mã hồ sơ TTHC: 2.002639)

a) Trình tự thực hiện:

*** Trường hợp đăng ký trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính:**

Người đại diện của tổ hợp tác có trách nhiệm đăng ký thay đổi với cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày có thay đổi một hoặc một số nội dung sau: (1) Tên tổ hợp tác; (2) Địa chỉ trụ sở tổ hợp tác; (3) Ngành, nghề kinh doanh; (4) Tổng giá trị phần vốn góp; (5) Thành viên tổ hợp tác và (6) Thông tin đăng ký thuế. Cụ thể:

- Khi thay đổi nội dung đăng ký tổ hợp tác quy định tại các điểm a, c và d khoản 1 Điều 61 Nghị định số 295/2026/NĐ-CP (bao gồm: Tên tổ hợp tác, Ngành,

nghề kinh doanh và Tổng giá trị phần vốn góp), tổ hợp tác gửi hồ sơ đăng ký thay đổi đến cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã.

- Khi tổ hợp tác thay đổi địa chỉ trụ sở sang tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương khác, tổ hợp tác gửi hồ sơ đăng ký thay đổi quy định tại khoản 2 Điều 61 Nghị định số 295/2026/NĐ-CP đến cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã tại tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nơi tổ hợp tác dự định chuyển đến. Trường hợp việc chuyển địa chỉ trụ sở dẫn đến thay đổi cơ quan thuế quản lý trực tiếp, tổ hợp tác phải thực hiện các thủ tục với cơ quan thuế liên quan đến việc chuyển địa điểm theo quy định của pháp luật về thuế trước khi đăng ký thay đổi địa chỉ trụ sở với cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã..

- Trường hợp thay đổi thành viên tổ hợp tác, tổ hợp tác nộp hồ sơ đăng ký thay đổi đến cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã.

- Trường hợp tổ hợp tác thay đổi thông tin đăng ký thuế mà không thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh, trừ thay đổi phương pháp tính thuế, tổ hợp tác gửi hồ sơ đăng ký thay đổi đến cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã.

Sau khi tiếp nhận hồ sơ đăng ký thay đổi, cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã trao giấy biên nhận cho người nộp hồ sơ.

Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ, cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã có trách nhiệm xem xét tính hợp lệ của hồ sơ và cấp Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác trong trường hợp tổ hợp tác thay đổi nội dung đăng ký quy định tại các điểm a, b, d khoản 1 Điều 61 Nghị định số 295/2026/NĐ-CP hoặc giấy xác nhận về việc thay đổi nội dung đăng ký tổ hợp tác trong trường hợp tổ hợp tác thay đổi nội dung đăng ký quy định tại điểm c, đ và e khoản 1 Điều 61 Nghị định số 295/2026/NĐ-CP nếu tổ hợp tác có nhu cầu; trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ hoặc tên tổ hợp tác yêu cầu đăng ký không đúng theo quy định hoặc thông tin kê khai trong hồ sơ đăng ký không thống nhất, cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã thông báo bằng văn bản nội dung cần sửa đổi, bổ sung.

*** Trường hợp đăng ký trên môi trường điện tử:**

1. Người nộp hồ sơ đăng nhập Cổng dịch vụ công quốc gia hoặc Ứng dụng định danh quốc gia bằng tài khoản định danh điện tử để truy cập Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã. Người nộp hồ sơ thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã theo quy trình trên Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã như sau:

a) Trường hợp người nộp hồ sơ là người có thẩm quyền ký văn bản đề nghị đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã

Người nộp hồ sơ kê khai thông tin trên Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã. Đối với các giấy đề nghị hoặc thông báo có nội dung được kê khai trên Hệ thống và chỉ yêu cầu người nộp hồ sơ ký thì người nộp hồ sơ không phải ký số hoặc ký trực tiếp và tải lên Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã. Đối với các giấy tờ khác trong thành phần hồ sơ đăng ký theo quy định, người nộp hồ sơ phải bảo đảm các giấy tờ này được ký số hoặc ký trực tiếp theo quy định, được thể hiện

dưới dạng văn bản điện tử và tải các giấy tờ này lên Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã.

Đối với các giấy đề nghị hoặc thông báo có nội dung được kê khai trên Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã yêu cầu nhiều người ký và giấy tờ khác trong thành phần hồ sơ đăng ký theo quy định, người nộp hồ sơ phải bảo đảm các giấy tờ này được ký số hoặc ký trực tiếp theo quy định, được thể hiện dưới dạng văn bản điện tử và tải các giấy tờ này lên Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã.

Người nộp hồ sơ thanh toán phí, lệ phí (nếu có) và thực hiện xác thực điện tử theo quy định để nộp hồ sơ. Sau khi hoàn thành việc gửi hồ sơ, người nộp hồ sơ sẽ nhận được giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả điện tử.

b) Trường hợp người nộp hồ sơ là người được ủy quyền thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã

Người nộp hồ sơ kê khai thông tin và tải các giấy tờ trong thành phần hồ sơ đăng ký theo quy định lên Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã. Các giấy tờ này phải được ký số hoặc ký trực tiếp theo quy định và được thể hiện dưới dạng văn bản điện tử.

Người nộp hồ sơ thanh toán phí, lệ phí (nếu có) và thực hiện xác thực điện tử theo quy định để nộp hồ sơ. Sau khi hoàn thành việc gửi hồ sơ, người nộp hồ sơ sẽ nhận được giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả điện tử.

2. Các thông tin đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã trên Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã được truyền sang Hệ thống ứng dụng đăng ký thuế để phối hợp, trao đổi thông tin giữa cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã và cơ quan thuế.

3. Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã xem xét tính hợp lệ của hồ sơ và trả kết quả giải quyết hồ sơ cho tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã theo quy định tại Luật Hợp tác xã và Nghị định số 295/2026/NĐ-CP. Người nộp hồ sơ đăng nhập vào Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã để nhận thông tin phản hồi về kết quả xử lý hồ sơ.

b) Cách thức thực hiện:

Hồ sơ đăng ký được gửi đến cơ quan đăng ký kinh doanh theo một trong các phương thức sau đây:

- Nộp trực tiếp tại cơ quan đăng ký kinh doanh;
- Qua dịch vụ bưu chính;
- Qua dịch vụ công quốc gia hoặc Ứng dụng định danh quốc gia

c) Thành phần hồ sơ:

* Hồ sơ bao gồm:

- Trường hợp đăng ký thay đổi: Tên tổ hợp tác; Ngành, nghề kinh doanh; Địa chỉ trụ sở tổ hợp tác; và Tổng giá trị phần vốn góp:

(1) Giấy đề nghị đăng ký thay đổi nội dung đăng ký tổ hợp tác;

(2) Bản sao hoặc bản chính văn bản ủy quyền của thành viên tổ hợp tác cho một cá nhân hoặc một pháp nhân làm người đại diện tổ hợp tác thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác.

Lưu ý:

Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã khai thác, sử dụng thông tin đã có trong các cơ sở dữ liệu để thay thế và không yêu cầu cá nhân, tổ chức thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã nộp bản sao Giấy chứng nhận đăng ký thuế; bản sao hộ chiếu; bản sao Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư; bản sao văn bản của cơ quan đăng ký đầu tư chấp thuận về việc góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài; bản sao quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật; bản sao phán quyết của Trọng tài có hiệu lực và các giấy tờ khác trong thành phần hồ sơ giải quyết thủ tục đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã quy định tại Luật Hợp tác xã và Nghị định số 295/2026/NĐ-CP.

Trường hợp không khai thác được thông tin hoặc thông tin khai thác được không đầy đủ, không chính xác thì cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã yêu cầu cá nhân, tổ chức bổ sung bản sao các giấy tờ nêu trên trong trường hợp hồ sơ quy định tại Luật Hợp tác xã và Nghị định số 295/2026/NĐ-CP có yêu cầu để giải quyết thủ tục đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã theo quy định; Cá nhân, tổ chức thực hiện cập nhật, điều chỉnh thông tin trong các cơ sở dữ liệu theo quy định của pháp luật.

Việc khai thác, sử dụng thông tin đã có trong các cơ sở dữ liệu để thay thế thành phần hồ sơ đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã trên cơ sở kết nối, chia sẻ thông tin giữa Cơ sở dữ liệu về đăng ký hợp tác xã và các cơ sở dữ liệu khác thực hiện theo thông báo trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

- Trường hợp thay đổi Thành viên tổ hợp tác:

a) Giấy đề nghị đăng ký thay đổi nội dung đăng ký tổ hợp tác;

b) Danh sách thành viên tổ hợp tác;

c) Bản sao hoặc bản chính văn bản ủy quyền của thành viên tổ hợp tác cho một cá nhân hoặc một pháp nhân làm người đại diện tổ hợp tác thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác.

Lưu ý:

Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã khai thác, sử dụng thông tin đã có trong các cơ sở dữ liệu để thay thế và không yêu cầu cá nhân, tổ chức thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã nộp bản sao Giấy chứng nhận đăng ký thuế; bản sao hộ chiếu; bản sao Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư; bản sao văn bản của cơ quan đăng ký đầu tư chấp thuận về việc góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài; bản sao quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật; bản sao phán quyết

của Trọng tài có hiệu lực và các giấy tờ khác trong thành phần hồ sơ giải quyết thủ tục đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã quy định tại Luật Hợp tác xã và Nghị định số 295/2026/NĐ-CP.

Trường hợp không khai thác được thông tin hoặc thông tin khai thác được không đầy đủ, không chính xác thì cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã yêu cầu cá nhân, tổ chức bổ sung bản sao các giấy tờ nêu trên trong trường hợp hồ sơ quy định tại Luật Hợp tác xã và Nghị định số 295/2026/NĐ-CP có yêu cầu để giải quyết thủ tục đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã theo quy định; Cá nhân, tổ chức thực hiện cập nhật, điều chỉnh thông tin trong các cơ sở dữ liệu theo quy định của pháp luật.

Việc khai thác, sử dụng thông tin đã có trong các cơ sở dữ liệu để thay thế thành phần hồ sơ đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã trên cơ sở kết nối, chia sẻ thông tin giữa Cơ sở dữ liệu về đăng ký hợp tác xã và các cơ sở dữ liệu khác thực hiện theo thông báo trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

- Trường hợp tổ hợp tác thay đổi thông tin đăng ký thuế mà không thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh, trừ thay đổi phương pháp tính thuế:

(1) Giấy đề nghị đăng ký thay đổi nội dung đăng ký tổ hợp tác kèm theo bản sao hoặc bản chính văn bản ủy quyền của thành viên tổ hợp tác cho một cá nhân hoặc một pháp nhân làm người đại diện tổ hợp tác để thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác.

Lưu ý:

Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã khai thác, sử dụng thông tin đã có trong các cơ sở dữ liệu để thay thế và không yêu cầu cá nhân, tổ chức thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã nộp bản sao Giấy chứng nhận đăng ký thuế; bản sao hộ chiếu; bản sao Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư; bản sao văn bản của cơ quan đăng ký đầu tư chấp thuận về việc góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài; bản sao quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật; bản sao phán quyết của Trọng tài có hiệu lực và các giấy tờ khác trong thành phần hồ sơ giải quyết thủ tục đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã quy định tại Luật Hợp tác xã và Nghị định số 295/2026/NĐ-CP.

Trường hợp không khai thác được thông tin hoặc thông tin khai thác được không đầy đủ, không chính xác thì cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã yêu cầu cá nhân, tổ chức bổ sung bản sao các giấy tờ nêu trên trong trường hợp hồ sơ quy định tại Luật Hợp tác xã và Nghị định số 295/2026/NĐ-CP có yêu cầu để giải quyết thủ tục đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã theo quy định; Cá nhân, tổ chức thực hiện cập nhật, điều chỉnh thông tin trong các cơ sở dữ liệu theo quy định của pháp luật.

Việc khai thác, sử dụng thông tin đã có trong các cơ sở dữ liệu để thay thế thành phần hồ sơ đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã trên cơ sở kết nối, chia sẻ thông tin giữa Cơ sở dữ liệu về đăng ký hợp tác xã và các cơ sở dữ liệu khác thực hiện theo thông báo trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

* Trường hợp đăng ký trên môi trường điện tử:

Hồ sơ đăng ký tổ hợp tác trên môi trường điện tử bao gồm các giấy tờ theo quy định tại Luật Hợp tác xã 2023 và Nghị định số 295/2026/NĐ-CP được thể hiện dưới dạng văn bản điện tử. Hồ sơ đăng ký trên môi trường điện tử có giá trị pháp lý tương đương hồ sơ đăng ký bằng bản giấy.

* Trường hợp ủy quyền thực hiện thủ tục:

1. Người được ủy quyền đăng ký thành lập hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã được ghi trong nghị quyết Hội nghị thành lập hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã. Việc ủy quyền lại để thực hiện thủ tục đăng ký thành lập hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thực hiện theo quy định của pháp luật về dân sự.

2. Trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này, cá nhân ký tên tại văn bản đề nghị đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã có thể ủy quyền cho tổ chức, cá nhân khác thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã như sau:

a) Trường hợp ủy quyền cho cá nhân thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, kèm theo hồ sơ phải có văn bản ủy quyền cho cá nhân thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã. Văn bản ủy quyền này không bắt buộc phải công chứng, chứng thực;

b) Trường hợp ủy quyền cho tổ chức thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, kèm theo hồ sơ đăng ký phải có bản sao hợp đồng cung cấp dịch vụ với tổ chức làm dịch vụ, giấy giới thiệu hoặc văn bản phân công nhiệm vụ của tổ chức đó cho cá nhân trực tiếp thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

3. Trường hợp thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã qua dịch vụ bưu chính công ích, khi thực hiện thủ tục, nhân viên bưu chính phải nộp bản sao phiếu gửi hồ sơ theo mẫu do doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính công ích phát hành có chữ ký xác nhận của nhân viên bưu chính và người có thẩm quyền ký văn bản đề nghị đăng ký.

4. Trường hợp ủy quyền cho đơn vị cung cấp dịch vụ bưu chính không phải là bưu chính công ích thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thì việc ủy quyền thực hiện theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 12 Nghị định số 295/2026/NĐ-CP.

5. Người ủy quyền và người được ủy quyền thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, trung thực và chính xác của việc ủy quyền.

6. Người ủy quyền phải xác thực điện tử theo quy định pháp luật về xác thực và định danh điện tử khi thực hiện thủ tục đăng ký thành lập tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; đăng ký thay đổi người đại diện theo pháp luật của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; thông báo thay đổi thông tin về thành viên chính thức, thành viên liên kết góp vốn là tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài, cá nhân là nhà đầu tư nước ngoài của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; đăng ký thay đổi thành viên tổ hợp tác để được cấp đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

Trường hợp việc xác thực điện tử bị gián đoạn thì người ủy quyền thực hiện việc xác thực điện tử sau khi được cấp đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã. Trường hợp người ủy quyền không xác nhận hoặc xác nhận không ủy quyền thực hiện thủ tục đăng ký sau khi được cấp đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thì cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã yêu cầu tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã báo cáo theo quy định tại khoản 6 Điều 7 Nghị định số 295/2026/NĐ-CP.

Trường hợp chưa có tài khoản định danh điện tử để thực hiện xác thực điện tử thì hồ sơ đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã phải kèm theo bản sao thẻ Căn cước hoặc thẻ Căn cước công dân hoặc hộ chiếu hoặc hộ chiếu nước ngoài hoặc các giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu nước ngoài còn hiệu lực của người ủy quyền.

Việc triển khai quy định về xác thực điện tử thực hiện theo kế hoạch xây dựng, nâng cấp Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã và được thông báo trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

d) Số lượng hồ sơ:

01 bộ hồ sơ.

đ) Thời hạn giải quyết:

Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:

Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã.

g) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:

Tổ hợp tác.

h) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

- Trường hợp hồ sơ hợp lệ:

+ Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã cấp Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác (trong trường hợp đăng ký thay đổi tên tổ hợp tác, địa chỉ trụ sở tổ hợp tác, tổng giá trị phần vốn góp).

+ Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã cấp Giấy xác nhận về việc thay đổi nội dung đăng ký tổ hợp tác (trong trường hợp đăng ký thay đổi ngành, nghề kinh doanh; thành viên tổ hợp tác; thông tin đăng ký thuế).

- Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ:

Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ hoặc tên tổ hợp tác yêu cầu đăng ký không đúng theo quy định hoặc thông tin kê khai trong hồ sơ đăng ký không thống nhất, cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã thông báo bằng văn bản nội dung cần sửa đổi, bổ sung..

i) Lệ phí:

Không thu lệ phí đăng ký đối với tổ hợp tác theo quy định tại khoản 2 Điều 22 Luật Hợp tác xã 2023.

k) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

Giấy đề nghị đăng ký thay đổi nội dung đăng ký tổ hợp tác (*Mẫu số 15, Phụ lục II, Thông tư số 43/2025/TT-BTC*).

Danh sách thành viên tổ hợp tác (*Mẫu số 14, Phụ lục II, Thông tư số 43/2025/TT-BTC*) (*dùng trong trường hợp thay đổi thành viên tổ hợp tác*).

l) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

1. Trường hợp đã có sổ định danh cá nhân, người thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã kê khai các thông tin về họ, chữ đệm và tên, ngày, tháng, năm sinh, sổ định danh cá nhân, giới tính của mình và của cá nhân có yêu cầu kê khai thông tin cá nhân trong hồ sơ đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã. Các thông tin kê khai phải chính xác so với các thông tin được lưu trữ tại Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư. Trường hợp thông tin cá nhân được kê khai có sai khác so với thông tin được lưu trữ tại Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, cá nhân đó có trách nhiệm liên hệ với cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền để hiệu chỉnh thông tin trước khi thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

2. Trường hợp nộp hồ sơ đăng ký bằng bản giấy, người nộp hồ sơ đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã xuất trình căn cước công dân hoặc thẻ căn cước hoặc sử dụng tài khoản định danh điện tử theo quy định pháp luật để thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

3. Trường hợp không có sổ định danh cá nhân thì hồ sơ đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã có yêu cầu kê khai thông tin cá nhân của người đại diện theo pháp luật của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, người đứng đầu chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh, người đại diện tổ hợp tác trong trường hợp người đại diện tổ hợp tác là cá nhân hoặc người đại diện hợp pháp của pháp nhân trong trường hợp người đại diện tổ hợp tác là pháp nhân phải kèm theo bản sao hộ chiếu hoặc hộ chiếu nước ngoài hoặc các giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu nước ngoài còn hiệu lực của cá nhân đó theo quy định.

4. Trường hợp việc kết nối giữa Cơ sở dữ liệu về đăng ký hợp tác xã với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư bị gián đoạn thì hồ sơ đăng ký tổ hợp tác, hợp tác

xã, liên hiệp hợp tác xã phải kèm theo bản sao căn cước công dân hoặc thẻ căn cước hoặc hộ chiếu hoặc hộ chiếu nước ngoài hoặc các giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu nước ngoài còn hiệu lực của người nộp hồ sơ đăng ký, người đại diện theo pháp luật của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, người đứng đầu chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh, người đại diện tổ hợp tác trong trường hợp người đại diện tổ hợp tác là cá nhân hoặc người đại diện hợp pháp của pháp nhân trong trường hợp người đại diện tổ hợp tác là pháp nhân theo quy định.

5. Hồ sơ đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã được tiếp nhận vào Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã khi có đủ các điều kiện sau đây:

a) Có đủ giấy tờ theo quy định tại Luật Hợp tác xã và Nghị định số 295/2026/NĐ-CP;

b) Tên tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đã được điền vào giấy đề nghị đăng ký;

c) Có số điện thoại của người nộp hồ sơ;

d) Đã nộp lệ phí đăng ký kinh doanh, trừ trường hợp được miễn lệ phí đăng ký kinh doanh theo quy định.

m) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Hợp tác xã 2023;
- Nghị định số 295/2026/NĐ-CP;
- Thông tư số 09/2024/TT-BKHĐT;
- Thông tư số 43/2025/TT-BTC.

5. Chấm dứt hoạt động tổ hợp tác (Mã hồ sơ TTHC: 2.002642)

a) Trình tự thực hiện:

*** Trường hợp đăng ký trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính:**

1. Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày thông qua việc chấm dứt hoạt động của tổ hợp tác, tổ hợp tác gửi bản sao hoặc bản chính biên bản họp thành viên tổ hợp tác về việc chấm dứt hoạt động của tổ hợp tác kèm theo phương án giải quyết nợ (nếu có) đến cơ quan đăng ký kinh doanh tại Bộ phận một cửa cấp xã. Phương án giải quyết nợ phải có tên, địa chỉ của chủ nợ; số nợ, thời hạn, địa điểm và phương thức thanh toán số nợ đó; cách thức và thời hạn giải quyết khiếu nại của chủ nợ.

2. Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận được các giấy tờ quy định tại khoản 1 Điều này, cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã phải đăng tải các giấy tờ này và thông báo tình trạng tổ hợp tác đang làm thủ tục chấm dứt hoạt động trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp, chuyển tình trạng pháp lý của tổ hợp tác trong Cơ sở dữ liệu về đăng ký hợp tác xã sang tình trạng đang làm thủ tục chấm dứt hoạt động và gửi thông tin về việc chấm dứt hoạt động

của tổ hợp tác cho cơ quan thuế. Tổ hợp tác thực hiện thủ tục hoàn thành nghĩa vụ thuế với cơ quan thuế theo quy định của Luật Quản lý thuế.

3. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày thanh toán hết các khoản nợ và nghĩa vụ phát sinh trong quá trình hoạt động của tổ hợp tác, tổ hợp tác gửi hồ sơ đăng ký chấm dứt hoạt động đến cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã. Hồ sơ đăng ký chấm dứt hoạt động tổ hợp tác bao gồm các giấy tờ sau đây:

a) Thông báo chấm dứt hoạt động tổ hợp tác. Đối với tổ hợp tác thành lập trước ngày Nghị định số 295/2026/NĐ-CP có hiệu lực thi hành và đến thời điểm chấm dứt hoạt động chưa cập nhật thông tin thay đổi thành viên với cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã theo quy định thì hồ sơ thông báo chấm dứt tổ hợp tác phải kèm theo bản sao sổ ghi chép về việc đóng góp của thành viên tổ hợp tác;

b) Bản sao hoặc bản chính văn bản ủy quyền của thành viên tổ hợp tác cho một cá nhân hoặc một pháp nhân làm người đại diện tổ hợp tác thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác;

c) Bản sao hoặc bản chính quyết định về việc thu hồi quỹ chung, tài sản chung của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi tổ hợp tác đặt trụ sở trong trường hợp tổ hợp tác có quỹ chung, tài sản chung có nguồn hỗ trợ toàn bộ từ Nhà nước;

d) Bản sao hoặc bản chính báo cáo kết quả chuyển nhượng, thanh lý tài sản của Hội đồng thanh lý tài sản chung trong trường hợp tổ hợp tác có quỹ chung, tài sản chung có nguồn hỗ trợ một phần của Nhà nước.

4. Sau khi tiếp nhận hồ sơ đăng ký chấm dứt hoạt động của tổ hợp tác, cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã gửi thông tin về việc tổ hợp tác đăng ký chấm dứt hoạt động cho cơ quan thuế. Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông tin của cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã, cơ quan thuế gửi ý kiến về việc hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế của tổ hợp tác đến cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ đăng ký chấm dứt hoạt động của tổ hợp tác, cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã chuyển tình trạng pháp lý của tổ hợp tác trong Cơ sở dữ liệu về đăng ký hợp tác xã sang tình trạng đã chấm dứt hoạt động nếu nhận được ý kiến của cơ quan thuế xác nhận tổ hợp tác đã hoàn thành nghĩa vụ thuế hoặc không nhận được ý kiến của cơ quan thuế, đồng thời ra thông báo về việc chấm dứt hoạt động của tổ hợp tác.

5. Kết thúc thời hạn 03 tháng kể từ ngày cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã thông báo tình trạng tổ hợp tác đang làm thủ tục chấm dứt hoạt động trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp mà không nhận được hồ sơ đăng ký chấm dứt hoạt động tổ hợp tác và ý kiến phản đối bằng văn bản của cơ quan quản lý thuế hoặc tổ chức, cá nhân và bên có liên quan khác, cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã chuyển tình trạng pháp lý của tổ hợp tác trong Cơ sở dữ liệu về đăng ký hợp tác xã sang tình trạng đã chấm dứt hoạt động, đồng thời ra thông báo về việc chấm dứt hoạt động tổ hợp tác trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc thời hạn nêu trên. Thông tin về việc chấm dứt hoạt động tổ hợp tác được Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã truyền sang Hệ thống ứng dụng đăng ký thuế để cập nhật.

*** Trường hợp đăng ký trên môi trường điện tử:**

1. Người nộp hồ sơ đăng nhập Cổng dịch vụ công quốc gia hoặc Ứng dụng định danh quốc gia bằng tài khoản định danh điện tử để truy cập Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã. Người nộp hồ sơ thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã theo quy trình trên Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã như sau:

a) Trường hợp người nộp hồ sơ là người có thẩm quyền ký văn bản đề nghị đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã

Người nộp hồ sơ kê khai thông tin trên Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã. Đối với các giấy đề nghị hoặc thông báo có nội dung được kê khai trên Hệ thống và chỉ yêu cầu người nộp hồ sơ ký thì người nộp hồ sơ không phải ký số hoặc ký trực tiếp và tải lên Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã. Đối với các giấy tờ khác trong thành phần hồ sơ đăng ký theo quy định, người nộp hồ sơ phải bảo đảm các giấy tờ này được ký số hoặc ký trực tiếp theo quy định, được thể hiện dưới dạng văn bản điện tử và tải các giấy tờ này lên Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã.

Đối với các giấy đề nghị hoặc thông báo có nội dung được kê khai trên Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã yêu cầu nhiều người ký và giấy tờ khác trong thành phần hồ sơ đăng ký theo quy định, người nộp hồ sơ phải bảo đảm các giấy tờ này được ký số hoặc ký trực tiếp theo quy định, được thể hiện dưới dạng văn bản điện tử và tải các giấy tờ này lên Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã.

Người nộp hồ sơ thanh toán phí, lệ phí (nếu có) và thực hiện xác thực điện tử theo quy định để nộp hồ sơ. Sau khi hoàn thành việc gửi hồ sơ, người nộp hồ sơ sẽ nhận được giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả điện tử.

b) Trường hợp người nộp hồ sơ là người được ủy quyền thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã

Người nộp hồ sơ kê khai thông tin và tải các giấy tờ trong thành phần hồ sơ đăng ký theo quy định lên Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã. Các giấy tờ này phải được ký số hoặc ký trực tiếp theo quy định và được thể hiện dưới dạng văn bản điện tử.

Người nộp hồ sơ thanh toán phí, lệ phí (nếu có) và thực hiện xác thực điện tử theo quy định để nộp hồ sơ. Sau khi hoàn thành việc gửi hồ sơ, người nộp hồ sơ sẽ nhận được giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả điện tử.

2. Các thông tin đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã trên Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã được truyền sang Hệ thống ứng dụng đăng ký thuế để phối hợp, trao đổi thông tin giữa cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã và cơ quan thuế.

3. Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã xem xét tính hợp lệ của hồ sơ và trả kết quả giải quyết hồ sơ cho tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã theo quy định tại Luật Hợp tác xã và Nghị định số 295/2026/NĐ-CP. Người nộp hồ sơ đăng

nhập vào Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã để nhận thông tin phản hồi về kết quả xử lý hồ sơ.

b) Cách thức thực hiện:

Hồ sơ đăng ký được gửi đến cơ quan đăng ký kinh doanh theo một trong các phương thức sau đây:

- Nộp trực tiếp tại cơ quan đăng ký kinh doanh;
- Qua dịch vụ bưu chính;
- Qua Cổng dịch vụ công quốc gia hoặc Ứng dụng định danh quốc gia

c) Thành phần hồ sơ:

* Hồ sơ bao gồm:

- Trường hợp thông báo chấm dứt hoạt động tổ hợp tác:

(1) Bản sao hoặc bản chính biên bản họp thành viên tổ hợp tác về việc chấm dứt hoạt động của tổ hợp tác;

(2) Phương án giải quyết nợ (nếu có): Phương án giải quyết nợ phải có tên, địa chỉ của chủ nợ; số nợ, thời hạn, địa điểm và phương thức thanh toán số nợ đó; cách thức và thời hạn giải quyết khiếu nại của chủ nợ.

Lưu ý:

Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã khai thác, sử dụng thông tin đã có trong các cơ sở dữ liệu để thay thế và không yêu cầu cá nhân, tổ chức thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã nộp bản sao Giấy chứng nhận đăng ký thuế; bản sao hộ chiếu; bản sao Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư; bản sao văn bản của cơ quan đăng ký đầu tư chấp thuận về việc góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài; bản sao quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật; bản sao phán quyết của Trọng tài có hiệu lực và các giấy tờ khác trong thành phần hồ sơ giải quyết thủ tục đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã quy định tại Luật Hợp tác xã và Nghị định số 295/2026/NĐ-CP.

Trường hợp không khai thác được thông tin hoặc thông tin khai thác được không đầy đủ, không chính xác thì cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã yêu cầu cá nhân, tổ chức bổ sung bản sao các giấy tờ nêu trên trong trường hợp hồ sơ quy định tại Luật Hợp tác xã và Nghị định số 295/2026/NĐ-CP có yêu cầu để giải quyết thủ tục đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã theo quy định; Cá nhân, tổ chức thực hiện cập nhật, điều chỉnh thông tin trong các cơ sở dữ liệu theo quy định của pháp luật.

Việc khai thác, sử dụng thông tin đã có trong các cơ sở dữ liệu để thay thế thành phần hồ sơ đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã trên cơ sở kết nối, chia sẻ thông tin giữa Cơ sở dữ liệu về đăng ký hợp tác xã và các cơ sở

dữ liệu khác thực hiện theo thông báo trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

- Trường hợp đăng ký chấm dứt hoạt động tổ hợp tác:

a) Thông báo chấm dứt hoạt động tổ hợp tác. Đối với tổ hợp tác thành lập trước ngày Nghị định số 295/2026/NĐ-CP có hiệu lực thi hành và đến thời điểm chấm dứt hoạt động chưa cập nhật thông tin thay đổi thành viên với cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã theo quy định thì thông báo chấm dứt hoạt động tổ hợp tác phải bao gồm thông tin thành viên tổ hợp tác trong khoảng thời gian 06 năm trước thời điểm chấm dứt hoạt động; thông tin bao gồm: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số định danh cá nhân hoặc số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với thành viên là cá nhân; tên, mã số hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với thành viên là pháp nhân; Phần vốn góp, tỷ lệ phần vốn góp đã góp, thời điểm góp vốn của từng thành viên tổ hợp tác;

b) Bản sao hoặc bản chính văn bản ủy quyền của thành viên tổ hợp tác cho một cá nhân hoặc một pháp nhân làm người đại diện tổ hợp tác thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác;

c) Bản sao hoặc bản chính quyết định về việc thu hồi quỹ chung, tài sản chung của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi tổ hợp tác đặt trụ sở trong trường hợp tổ hợp tác có quỹ chung, tài sản chung có nguồn hỗ trợ toàn bộ từ Nhà nước;

d) Bản sao hoặc bản chính báo cáo kết quả chuyển nhượng, thanh lý tài sản của Hội đồng thanh lý tài sản chung trong trường hợp tổ hợp tác có quỹ chung, tài sản chung có nguồn hỗ trợ một phần của Nhà nước.

Lưu ý:

Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã khai thác, sử dụng thông tin đã có trong các cơ sở dữ liệu để thay thế và không yêu cầu cá nhân, tổ chức thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã nộp bản sao Giấy chứng nhận đăng ký thuế; bản sao hộ chiếu; bản sao Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư; bản sao văn bản của cơ quan đăng ký đầu tư chấp thuận về việc góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài; bản sao quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật; bản sao phán quyết của Trọng tài có hiệu lực và các giấy tờ khác trong thành phần hồ sơ giải quyết thủ tục đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã quy định tại Luật Hợp tác xã và Nghị định số 295/2026/NĐ-CP.

Trường hợp không khai thác được thông tin hoặc thông tin khai thác được không đầy đủ, không chính xác thì cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã yêu cầu cá nhân, tổ chức bổ sung bản sao các giấy tờ nêu trên trong trường hợp hồ sơ quy định tại Luật Hợp tác xã và Nghị định số 295/2026/NĐ-CP có yêu cầu để giải quyết thủ tục đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã theo quy định; Cá nhân, tổ chức thực hiện cập nhật, điều chỉnh thông tin trong các cơ sở dữ liệu theo quy định của pháp luật.

Việc khai thác, sử dụng thông tin đã có trong các cơ sở dữ liệu để thay thế thành phần hồ sơ đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã trên cơ sở kết nối, chia sẻ thông tin giữa Cơ sở dữ liệu về đăng ký hợp tác xã và các cơ sở dữ liệu khác thực hiện theo thông báo trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

*** Trường hợp đăng ký trên môi trường điện tử:**

Hồ sơ đăng ký tổ hợp tác trên môi trường điện tử bao gồm các giấy tờ theo quy định tại Luật Hợp tác xã 2023 và Nghị định số 295/2026/NĐ-CP được thể hiện dưới dạng văn bản điện tử. Hồ sơ đăng ký trên môi trường điện tử có giá trị pháp lý tương đương hồ sơ đăng ký bằng bản giấy.

*** Trường hợp ủy quyền thực hiện thủ tục:**

1. Người được ủy quyền đăng ký thành lập hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã được ghi trong nghị quyết Hội nghị thành lập hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã. Việc ủy quyền lại để thực hiện thủ tục đăng ký thành lập hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thực hiện theo quy định của pháp luật về dân sự.

2. Trừ trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này, cá nhân ký tên tại văn bản đề nghị đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã có thể ủy quyền cho tổ chức, cá nhân khác thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã như sau:

a) Trường hợp ủy quyền cho cá nhân thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, kèm theo hồ sơ phải có văn bản ủy quyền cho cá nhân thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã. Văn bản ủy quyền này không bắt buộc phải công chứng, chứng thực;

b) Trường hợp ủy quyền cho tổ chức thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, kèm theo hồ sơ đăng ký phải có bản sao hợp đồng cung cấp dịch vụ với tổ chức làm dịch vụ, giấy giới thiệu hoặc văn bản phân công nhiệm vụ của tổ chức đó cho cá nhân trực tiếp thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

3. Trường hợp thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã qua dịch vụ bưu chính công ích, khi thực hiện thủ tục, nhân viên bưu chính phải nộp bản sao phiếu gửi hồ sơ theo mẫu do doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính công ích phát hành có chữ ký xác nhận của nhân viên bưu chính và người có thẩm quyền ký văn bản đề nghị đăng ký.

4. Trường hợp ủy quyền cho đơn vị cung cấp dịch vụ bưu chính không phải là bưu chính công ích thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thì việc ủy quyền thực hiện theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 12 Nghị định số 295/2026/NĐ-CP.

5. Người ủy quyền và người được ủy quyền thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, trung thực và chính xác của việc ủy quyền.

6. Người ủy quyền phải xác thực điện tử theo quy định pháp luật về xác thực và định danh điện tử khi thực hiện thủ tục đăng ký thành lập tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; đăng ký thay đổi người đại diện theo pháp luật của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; thông báo thay đổi thông tin về thành viên chính thức, thành viên liên kết góp vốn là tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài, cá nhân là nhà đầu tư nước ngoài của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; đăng ký thay đổi thành viên tổ hợp tác để được cấp đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

Trường hợp việc xác thực điện tử bị gián đoạn thì người ủy quyền thực hiện việc xác thực điện tử sau khi được cấp đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã. Trường hợp người ủy quyền không xác nhận hoặc xác nhận không ủy quyền thực hiện thủ tục đăng ký sau khi được cấp đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thì cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã yêu cầu tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã báo cáo theo quy định tại khoản 6 Điều 7 Nghị định số 295/2026/NĐ-CP.

Trường hợp chưa có tài khoản định danh điện tử để thực hiện xác thực điện tử thì hồ sơ đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã phải kèm theo bản sao thẻ Căn cước hoặc thẻ Căn cước công dân hoặc hộ chiếu hoặc hộ chiếu nước ngoài hoặc các giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu nước ngoài còn hiệu lực của người ủy quyền.

Việc triển khai quy định về xác thực điện tử thực hiện theo kế hoạch xây dựng, nâng cấp Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã và được thông báo trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

d) Số lượng hồ sơ:

01 bộ hồ sơ.

đ) Thời hạn giải quyết:

* Trường hợp thông báo chấm dứt hoạt động tổ hợp tác:

- Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận được giấy tờ theo quy định.

* Trường hợp đăng ký chấm dứt hoạt động tổ hợp tác:

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ.

- Kết thúc thời hạn 03 tháng kể từ ngày cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã thông báo tình trạng tổ hợp tác đang làm thủ tục chấm dứt hoạt động trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp mà không nhận được hồ sơ đăng ký chấm dứt hoạt động tổ hợp tác và ý kiến phản đối bằng văn bản của cơ quan quản lý thuế hoặc tổ chức, cá nhân và bên có liên quan khác, cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã chuyển tình trạng pháp lý của tổ hợp tác trong Cơ sở dữ liệu về đăng

ký hợp tác xã sang tình trạng đã chấm dứt hoạt động, đồng thời ra thông báo về việc chấm dứt hoạt động tổ hợp tác trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc thời hạn nêu trên. Thông tin về việc chấm dứt hoạt động tổ hợp tác được Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã truyền sang Hệ thống ứng dụng đăng ký thuế để cập nhật..

e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:

Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã.

g) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:

Tổ hợp tác.

h) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

* Trường hợp thông báo chấm dứt hoạt động tổ hợp tác:

Thông báo tình trạng tổ hợp tác đang làm thủ tục chấm dứt hoạt động trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp, chuyển tình trạng pháp lý của tổ hợp tác trong Cơ sở dữ liệu về đăng ký hợp tác xã sang tình trạng đang làm thủ tục chấm dứt hoạt động và gửi thông tin về việc chấm dứt hoạt động của tổ hợp tác cho cơ quan thuế.

* Trường hợp đăng ký chấm dứt hoạt động tổ hợp tác:

Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã chuyển tình trạng pháp lý của tổ hợp tác trong Cơ sở dữ liệu về đăng ký hợp tác xã sang tình trạng đã chấm dứt hoạt động nếu nhận được ý kiến của cơ quan thuế xác nhận tổ hợp tác đã hoàn thành nghĩa vụ thuế hoặc không nhận được ý kiến của cơ quan thuế, đồng thời ra thông báo về việc chấm dứt hoạt động của tổ hợp tác.

i) Lệ phí:

Không thu lệ phí đăng ký đối với tổ hợp tác theo quy định tại khoản 2 Điều 22 Luật Hợp tác xã 2023.

k) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

Thông báo về việc chấm dứt hoạt động tổ hợp tác (*Mẫu số 17, Phụ lục II, Thông tư số 43/2025/TT-BTC*).

l) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

* kê khai thông tin cá nhân trong thực hiện thủ tục đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã

1. Trường hợp đã có sổ định danh cá nhân, người thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã kê khai các thông tin về họ, chữ đệm và tên, ngày, tháng, năm sinh, sổ định danh cá nhân, giới tính của mình và của cá nhân có yêu cầu kê khai thông tin cá nhân trong hồ sơ đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã. Các thông tin kê khai phải chính xác so với các thông tin được lưu trữ tại Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư. Trường hợp thông tin cá nhân được kê khai có sai khác so với thông tin được lưu trữ tại Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, cá nhân đó có trách nhiệm liên hệ với cơ quan quản lý

nhà nước có thẩm quyền để hiệu chỉnh thông tin trước khi thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

2. Trường hợp nộp hồ sơ đăng ký bằng bản giấy, người nộp hồ sơ đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã xuất trình căn cước công dân hoặc thẻ căn cước hoặc sử dụng tài khoản định danh điện tử theo quy định pháp luật để thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

3. Trường hợp không có số định danh cá nhân thì hồ sơ đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã có yêu cầu kê khai thông tin cá nhân của người đại diện theo pháp luật của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, người đứng đầu chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh, người đại diện tổ hợp tác trong trường hợp người đại diện tổ hợp tác là cá nhân hoặc người đại diện hợp pháp của pháp nhân trong trường hợp người đại diện tổ hợp tác là pháp nhân phải kèm theo bản sao hộ chiếu hoặc hộ chiếu nước ngoài hoặc các giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu nước ngoài còn hiệu lực của cá nhân đó theo quy định.

4. Trường hợp việc kết nối giữa Cơ sở dữ liệu về đăng ký hợp tác xã với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư bị gián đoạn thì hồ sơ đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã phải kèm theo bản sao căn cước công dân hoặc thẻ căn cước hoặc hộ chiếu hoặc hộ chiếu nước ngoài hoặc các giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu nước ngoài còn hiệu lực của người nộp hồ sơ đăng ký, người đại diện theo pháp luật của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, người đứng đầu chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh, người đại diện tổ hợp tác trong trường hợp người đại diện tổ hợp tác là cá nhân hoặc người đại diện hợp pháp của pháp nhân trong trường hợp người đại diện tổ hợp tác là pháp nhân theo quy định.

* Hồ sơ đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã được tiếp nhận vào Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã khi có đủ các điều kiện sau đây:

a) Có đủ giấy tờ theo quy định tại Luật Hợp tác xã và Nghị định số 295/2026/NĐ-CP;

b) Tên tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đã được điền vào giấy đề nghị đăng ký;

c) Có số điện thoại của người nộp hồ sơ;

d) Đã nộp lệ phí đăng ký kinh doanh, trừ trường hợp được miễn lệ phí đăng ký kinh doanh theo quy định.

* Hồ sơ đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã trên môi trường điện tử phải bảo đảm các yêu cầu sau:

a) Có đầy đủ các giấy tờ và nội dung các giấy tờ đó được kê khai đầy đủ theo quy định như hồ sơ đăng ký bằng bản giấy và được thể hiện dưới dạng văn bản

điện tử hoặc dữ liệu điện tử có đầy đủ thông tin theo quy định như hồ sơ đăng ký bằng bản giấy;

b) Các thông tin đăng ký được kê khai trên Hệ thống thông tin về đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã phải được nhập đầy đủ và chính xác theo các thông tin trong hồ sơ đăng ký bằng bản giấy; trong đó có thông tin về số điện thoại, thư điện tử của người nộp hồ sơ.

c) Cá nhân ký tên trong hồ sơ đăng ký có thể sử dụng chữ ký số để ký trực tiếp trên văn bản điện tử hoặc ký trực tiếp trên văn bản giấy và quét (scan) văn bản giấy theo chế độ ảnh màu. theo các định dạng quy định tại khoản 2 Điều 30 Nghị định số 295/2026/NĐ-CP;

d) Hồ sơ đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã trên môi trường điện tử bao gồm các giấy tờ theo quy định tại Luật Hợp tác xã và Nghị định số 295/2026/NĐ-CP được thể hiện dưới dạng văn bản điện tử hoặc dữ liệu điện tử theo quy định pháp luật. Hồ sơ đăng ký trên môi trường điện tử có giá trị pháp lý tương đương hồ sơ đăng ký bằng bản giấy.

e) Thời hạn để tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã sửa đổi, bổ sung hồ sơ đăng ký trên môi trường điện tử là 60 ngày kể từ ngày cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã ra thông báo yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ. Sau thời hạn nêu trên, nếu không nhận được hồ sơ sửa đổi, bổ sung, cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã sẽ hủy hồ sơ đăng ký theo quy trình trên Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã.

* Các trường hợp không được thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã / tiếp tục được thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã:

1. Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã từ chối cấp đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã nếu thuộc một trong các trường hợp sau đây:

a) Tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đã bị cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã ra thông báo về hành vi vi phạm của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thuộc trường hợp thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác, Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã hoặc đã bị ra quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác, Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã;

b) Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đang trong quá trình giải thể theo nghị quyết giải thể của Đại hội thành viên; tổ hợp tác đang trong quá trình chấm dứt hoạt động;

c) Tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đang trong tình trạng pháp lý “Không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký”.

2. Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã tiếp tục giải quyết thủ tục đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đối với các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này khi:

a) Tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đã có biện pháp khắc phục những vi phạm theo yêu cầu trong thông báo về hành vi vi phạm của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thuộc trường hợp thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác, Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã và được cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã chấp nhận hoặc đã được khôi phục Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác, Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã sau khi bị ra quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác, Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã;

b) Tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã phải đăng ký thay đổi nội dung đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã để phục vụ việc chấm dứt hoạt động tổ hợp tác, giải thể hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã theo quy định. Trong trường hợp này, hồ sơ đăng ký thay đổi phải kèm theo văn bản giải trình của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã về lý do đăng ký thay đổi và được cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã chấp nhận;

c) Tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã không còn trong tình trạng pháp lý “Không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký”.

3. Trường hợp Tòa án; Cơ quan thi hành án; Cơ quan điều tra, Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng Cơ quan điều tra, Điều tra viên quy định tại Bộ luật Tố tụng hình sự yêu cầu bằng văn bản về việc tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã không được thực hiện một hoặc một số thủ tục đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thì cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã từ chối cấp đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã khi tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thực hiện thủ tục đó cho đến khi có ý kiến chấp thuận bằng văn bản của các tổ chức, cá nhân nêu trên về việc cho phép tiếp tục thực hiện thủ tục đăng ký.

m) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Hợp tác xã 2023;
- Nghị định số 295/2026/NĐ-CP;
- Thông tư số 09/2024/TT-BKHĐT;
- Thông tư số 43/2025/TT-BTC.

6. Thông báo bổ sung, cập nhật thông tin trong hồ sơ đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (Mã hồ sơ TTHC: 2.002649)

a) Trình tự thực hiện:

*** Trường hợp đăng ký trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính:**

- Trường hợp hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã bổ sung, cập nhật các thông tin trong hồ sơ đăng ký mà không thuộc các trường hợp đăng ký, thông báo thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã quy định tại các Điều 36, 37, 38, 39, 40, 41, 42, 43, 44 và 46 của Nghị định số 295/2026/NĐ-CP thì hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã gửi thông báo bổ sung, cập nhật thông tin đến cơ quan đăng ký kinh doanh tại Bộ phận một cửa cấp xã. Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã

tiếp nhận thông báo, xem xét cập nhật thông tin vào Cơ sở dữ liệu về đăng ký hợp tác xã. Trường hợp hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã bổ sung, cập nhật các thông tin trên Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh thì cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã cấp Giấy trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ.

- Trường hợp thay đổi địa giới hành chính làm thay đổi địa chỉ trụ sở chính, địa chỉ chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thì hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã không bắt buộc phải thực hiện thủ tục đăng ký thay đổi địa chỉ với cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã. Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã gửi thông báo bổ sung, cập nhật thông tin đến cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã để được xem xét cấp Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh đã được cập nhật thông tin về địa chỉ khi có nhu cầu hoặc khi đăng ký thay đổi, thông báo thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

*** Trường hợp đăng ký trên môi trường điện tử:**

1. Người nộp hồ sơ đăng nhập Cổng dịch vụ công quốc gia hoặc Ứng dụng định danh quốc gia bằng tài khoản định danh điện tử để truy cập Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã. Người nộp hồ sơ thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã theo quy trình trên Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã như sau:

a) Trường hợp người nộp hồ sơ là người có thẩm quyền ký văn bản đề nghị đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã

Người nộp hồ sơ kê khai thông tin trên Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã. Đối với các giấy đề nghị hoặc thông báo có nội dung được kê khai trên Hệ thống và chỉ yêu cầu người nộp hồ sơ ký thì người nộp hồ sơ không phải ký số hoặc ký trực tiếp và tải lên Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã. Đối với các giấy tờ khác trong thành phần hồ sơ đăng ký theo quy định, người nộp hồ sơ phải bảo đảm các giấy tờ này được ký số hoặc ký trực tiếp theo quy định, được thể hiện dưới dạng văn bản điện tử và tải các giấy tờ này lên Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã.

Đối với các giấy đề nghị hoặc thông báo có nội dung được kê khai trên Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã yêu cầu nhiều người ký và giấy tờ khác trong thành phần hồ sơ đăng ký theo quy định, người nộp hồ sơ phải bảo đảm các giấy tờ này được ký số hoặc ký trực tiếp theo quy định, được thể hiện dưới dạng văn bản điện tử và tải các giấy tờ này lên Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã.

Người nộp hồ sơ thanh toán phí, lệ phí (nếu có) và thực hiện xác thực điện tử theo quy định về nộp hồ sơ. Sau khi hoàn thành việc gửi hồ sơ, người nộp hồ sơ sẽ nhận được giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả điện tử.

b) Trường hợp người nộp hồ sơ là người được ủy quyền thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã

Người nộp hồ sơ kê khai thông tin và tải các giấy tờ trong thành phần hồ sơ đăng ký theo quy định lên Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã. Các giấy tờ này phải được ký số hoặc ký trực tiếp theo quy định và được thể hiện dưới dạng văn bản điện tử.

Người nộp hồ sơ thanh toán phí, lệ phí (nếu có) và thực hiện xác thực điện tử theo quy định để nộp hồ sơ. Sau khi hoàn thành việc gửi hồ sơ, người nộp hồ sơ sẽ nhận được giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả điện tử.

2. Các thông tin đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã trên Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã được truyền sang Hệ thống ứng dụng đăng ký thuế để phối hợp, trao đổi thông tin giữa cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã và cơ quan thuế.

3. Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã xem xét tính hợp lệ của hồ sơ và trả kết quả giải quyết hồ sơ cho tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã theo quy định tại Luật Hợp tác xã và Nghị định số 295/2026/NĐ-CP. Người nộp hồ sơ đăng nhập vào Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã để nhận thông tin phản hồi về kết quả xử lý hồ sơ.

b) Cách thức thực hiện:

Hồ sơ đăng ký được gửi đến cơ quan đăng ký kinh doanh theo một trong các phương thức sau đây:

- Nộp trực tiếp tại cơ quan đăng ký kinh doanh;
- Qua dịch vụ bưu chính;
- Qua Công dịch vụ công quốc gia hoặc Ứng dụng định danh quốc gia

c) Thành phần hồ sơ:

* Hồ sơ bao gồm:

- (1) Thông báo bổ sung, cập nhật thông tin.

Lưu ý:

Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã khai thác, sử dụng thông tin đã có trong các cơ sở dữ liệu để thay thế và không yêu cầu cá nhân, tổ chức thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã nộp bản sao Giấy chứng nhận đăng ký thuế; bản sao hộ chiếu; bản sao Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư; bản sao văn bản của cơ quan đăng ký đầu tư chấp thuận về việc góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài; bản sao quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật; bản sao phán quyết của Trọng tài có hiệu lực và các giấy tờ khác trong thành phần hồ sơ giải quyết thủ tục đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã quy định tại Luật Hợp tác xã và Nghị định số 295/2026/NĐ-CP.

Trường hợp không khai thác được thông tin hoặc thông tin khai thác được không đầy đủ, không chính xác thì cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã yêu cầu cá nhân, tổ chức bổ sung bản sao các giấy tờ nêu trên trong trường hợp hồ sơ quy định tại Luật Hợp tác xã và Nghị định số 295/2026/NĐ-CP có yêu cầu để giải quyết thủ tục đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã theo quy định; Cá nhân, tổ chức thực hiện cập nhật, điều chỉnh thông tin trong các cơ sở dữ liệu theo quy định của pháp luật.

Việc khai thác, sử dụng thông tin đã có trong các cơ sở dữ liệu để thay thế thành phần hồ sơ đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã trên cơ sở kết nối, chia sẻ thông tin giữa Cơ sở dữ liệu về đăng ký hợp tác xã và các cơ sở dữ liệu khác thực hiện theo thông báo trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

* Trường hợp đăng ký trên môi trường điện tử:

Hồ sơ đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã trên môi trường điện tử bao gồm các giấy tờ theo quy định tại Luật Hợp tác xã 2023 và Nghị định số 295/2026/NĐ-CP được thể hiện dưới dạng văn bản điện tử. Hồ sơ đăng ký trên môi trường điện tử có giá trị pháp lý tương đương hồ sơ đăng ký bằng bản giấy.

* Trường hợp ủy quyền thực hiện thủ tục:

1. Người được ủy quyền đăng ký thành lập hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã được ghi trong nghị quyết Hội nghị thành lập hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã. Việc ủy quyền lại để thực hiện thủ tục đăng ký thành lập hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thực hiện theo quy định của pháp luật về dân sự.

2. Trừ trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này, cá nhân ký tên tại văn bản đề nghị đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã có thể ủy quyền cho tổ chức, cá nhân khác thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã như sau:

a) Trường hợp ủy quyền cho cá nhân thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, kèm theo hồ sơ phải có văn bản ủy quyền cho cá nhân thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã. Văn bản ủy quyền này không bắt buộc phải công chứng, chứng thực;

b) Trường hợp ủy quyền cho tổ chức thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, kèm theo hồ sơ đăng ký phải có bản sao hợp đồng cung cấp dịch vụ với tổ chức làm dịch vụ, giấy giới thiệu hoặc văn bản phân công nhiệm vụ của tổ chức đó cho cá nhân trực tiếp thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

3. Trường hợp thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã qua dịch vụ bưu chính công ích, khi thực hiện thủ tục, nhân viên bưu chính phải nộp bản sao phiếu gửi hồ sơ theo mẫu do doanh nghiệp cung ứng

dịch vụ bưu chính công ích phát hành có chữ ký xác nhận của nhân viên bưu chính và người có thẩm quyền ký văn bản đề nghị đăng ký.

4. Trường hợp ủy quyền cho đơn vị cung cấp dịch vụ bưu chính không phải là bưu chính công ích thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thì việc ủy quyền thực hiện theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 12 Nghị định số 295/2026/NĐ-CP.

5. Người ủy quyền và người được ủy quyền thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, trung thực và chính xác của việc ủy quyền.

6. Người ủy quyền phải xác thực điện tử theo quy định pháp luật về xác thực và định danh điện tử khi thực hiện thủ tục đăng ký thành lập tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; đăng ký thay đổi người đại diện theo pháp luật của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; thông báo thay đổi thông tin về thành viên chính thức, thành viên liên kết góp vốn là tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài, cá nhân là nhà đầu tư nước ngoài của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; đăng ký thay đổi thành viên tổ hợp tác để được cấp đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

Trường hợp việc xác thực điện tử bị gián đoạn thì người ủy quyền thực hiện việc xác thực điện tử sau khi được cấp đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã. Trường hợp người ủy quyền không xác nhận hoặc xác nhận không ủy quyền thực hiện thủ tục đăng ký sau khi được cấp đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thì cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã yêu cầu tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã báo cáo theo quy định tại khoản 6 Điều 7 Nghị định số 295/2026/NĐ-CP.

Trường hợp chưa có tài khoản định danh điện tử để thực hiện xác thực điện tử thì hồ sơ đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã phải kèm theo bản sao thẻ Căn cước hoặc thẻ Căn cước công dân hoặc hộ chiếu hoặc hộ chiếu nước ngoài hoặc các giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu nước ngoài còn hiệu lực của người ủy quyền.

Việc triển khai quy định về xác thực điện tử thực hiện theo kế hoạch xây dựng, nâng cấp Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã và được thông báo trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

d) Số lượng hồ sơ:

01 bộ hồ sơ.

đ) Thời hạn giải quyết:

Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:

Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã.

g) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:

Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

h) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

Trường hợp hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã bổ sung, cập nhật các thông tin trên Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh thì cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã cấp Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh.

Trường hợp thay đổi địa giới hành chính làm thay đổi địa chỉ trụ sở chính, địa chỉ chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thì hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã không bắt buộc phải thực hiện thủ tục đăng ký thay đổi địa chỉ với cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã. Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã gửi thông báo bổ sung, cập nhật thông tin đến cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã để được xem xét cấp Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh đã được cập nhật thông tin về địa chỉ khi có nhu cầu hoặc khi đăng ký thay đổi, thông báo thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã

i) Lệ phí:

- Mức lệ phí cụ thể do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định (căn cứ quy định tại Thông tư số 85/2019/TT-BTC).

- Người nộp hồ sơ đăng ký nộp lệ phí đăng ký kinh doanh tại thời điểm nộp hồ sơ. Lệ phí đăng ký kinh doanh có thể nộp trực tiếp tại bộ phận tiếp nhận hồ sơ ở cấp xã hoặc chuyển vào tài khoản của cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã hoặc thanh toán trực tuyến thông qua chức năng thanh toán trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia hoặc bằng cách thức khác theo quy định của pháp luật. Lệ phí đăng ký kinh doanh không được hoàn trả trong trường hợp hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã không được cấp đăng ký.

2. Tiền sử dụng dịch vụ thanh toán trực tuyến không được tính trong lệ phí đăng ký kinh doanh.

- Việc giải quyết các lỗi giao dịch phát sinh trong quá trình sử dụng dịch vụ thanh toán trực tuyến được thực hiện theo quy định của pháp luật về giải quyết thủ tục hành chính trên môi trường điện tử.

- Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã có trách nhiệm phối hợp với tổ chức cung cấp dịch vụ trung gian thanh toán hoặc ngân hàng thương mại thực hiện việc đối soát dữ liệu thanh toán qua hệ thống thanh toán trực tuyến của Cổng dịch vụ công quốc gia hoặc của tổ chức cung cấp dịch vụ trung gian thanh toán.

- Không thu lệ phí đăng ký đối với tổ hợp tác theo quy định tại khoản 2 Điều 22 Luật Hợp tác xã 2023.

k) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

Không có biểu mẫu

1) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

* Kê khai thông tin cá nhân trong thực hiện thủ tục đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã

1. Trường hợp đã có sổ định danh cá nhân, người thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã kê khai các thông tin về họ, chữ đệm và tên, ngày, tháng, năm sinh, sổ định danh cá nhân, giới tính của mình và của cá nhân có yêu cầu kê khai thông tin cá nhân trong hồ sơ đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã. Các thông tin kê khai phải chính xác so với các thông tin được lưu trữ tại Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư. Trường hợp thông tin cá nhân được kê khai có sai khác so với thông tin được lưu trữ tại Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, cá nhân đó có trách nhiệm liên hệ với cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền để hiệu chỉnh thông tin trước khi thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

2. Trường hợp nộp hồ sơ đăng ký bằng bản giấy, người nộp hồ sơ đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã xuất trình căn cước công dân hoặc thẻ căn cước hoặc sử dụng tài khoản định danh điện tử theo quy định pháp luật để thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

3. Trường hợp không có sổ định danh cá nhân thì hồ sơ đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã có yêu cầu kê khai thông tin cá nhân của người đại diện theo pháp luật của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, người đứng đầu chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh, người đại diện tổ hợp tác trong trường hợp người đại diện tổ hợp tác là cá nhân hoặc người đại diện hợp pháp của pháp nhân trong trường hợp người đại diện tổ hợp tác là pháp nhân phải kèm theo bản sao hộ chiếu hoặc hộ chiếu nước ngoài hoặc các giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu nước ngoài còn hiệu lực của cá nhân đó theo quy định.

4. Trường hợp việc kết nối giữa Cơ sở dữ liệu về đăng ký hợp tác xã với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư bị gián đoạn thì hồ sơ đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã phải kèm theo bản sao căn cước công dân hoặc thẻ căn cước hoặc hộ chiếu hoặc hộ chiếu nước ngoài hoặc các giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu nước ngoài còn hiệu lực của người nộp hồ sơ đăng ký, người đại diện theo pháp luật của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, người đứng đầu chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh, người đại diện tổ hợp tác trong trường hợp người đại diện tổ hợp tác là cá nhân hoặc người đại diện hợp pháp của pháp nhân trong trường hợp người đại diện tổ hợp tác là pháp nhân theo quy định.

* Hồ sơ đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã được tiếp nhận vào Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã khi có đủ các điều kiện sau đây:

a) Có đủ giấy tờ theo quy định tại Luật Hợp tác xã và Nghị định số 295/2026/NĐ-CP;

b) Tên tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đã được điền vào giấy đề nghị đăng ký;

c) Có số điện thoại của người nộp hồ sơ;

d) Đã nộp lệ phí đăng ký kinh doanh, trừ trường hợp được miễn lệ phí đăng ký kinh doanh theo quy định.

* Hồ sơ đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã trên môi trường điện tử phải bảo đảm các yêu cầu sau:

a) Có đầy đủ các giấy tờ và nội dung các giấy tờ đó được kê khai đầy đủ theo quy định như hồ sơ đăng ký bằng bản giấy và được thể hiện dưới dạng văn bản điện tử hoặc dữ liệu điện tử có đầy đủ thông tin theo quy định như hồ sơ đăng ký bằng bản giấy;

b) Các thông tin đăng ký được kê khai trên Hệ thống thông tin về đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã phải được nhập đầy đủ và chính xác theo các thông tin trong hồ sơ đăng ký bằng bản giấy; trong đó có thông tin về số điện thoại, thư điện tử của người nộp hồ sơ.

c) Cá nhân ký tên trong hồ sơ đăng ký có thể sử dụng chữ ký số để ký trực tiếp trên văn bản điện tử hoặc ký trực tiếp trên văn bản giấy và quét (scan) văn bản giấy theo chế độ ảnh màu. theo các định dạng quy định tại khoản 2 Điều 30 Nghị định số 295/2026/NĐ-CP;

d) Hồ sơ đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã trên môi trường điện tử bao gồm các giấy tờ theo quy định tại Luật Hợp tác xã và Nghị định số 295/2026/NĐ-CP được thể hiện dưới dạng văn bản điện tử hoặc dữ liệu điện tử theo quy định pháp luật. Hồ sơ đăng ký trên môi trường điện tử có giá trị pháp lý tương đương hồ sơ đăng ký bằng bản giấy.

e) Thời hạn để tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã sửa đổi, bổ sung hồ sơ đăng ký trên môi trường điện tử là 60 ngày kể từ ngày cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã ra thông báo yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ. Sau thời hạn nêu trên, nếu không nhận được hồ sơ sửa đổi, bổ sung, cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã sẽ hủy hồ sơ đăng ký theo quy trình trên Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã.

* Các trường hợp không được thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã / tiếp tục được thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã:

1. Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã từ chối cấp đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã nếu thuộc một trong các trường hợp sau đây:

a) Tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đã bị cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã ra thông báo về hành vi vi phạm của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thuộc trường hợp thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác, Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã hoặc đã bị ra quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác, Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã;

b) Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đang trong quá trình giải thể theo nghị quyết giải thể của Đại hội thành viên; tổ hợp tác đang trong quá trình chấm dứt hoạt động;

c) Tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đang trong tình trạng pháp lý “Không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký”.

2. Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã tiếp tục giải quyết thủ tục đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đối với các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này khi:

a) Tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đã có biện pháp khắc phục những vi phạm theo yêu cầu trong thông báo về hành vi vi phạm của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thuộc trường hợp thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác, Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã và được cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã chấp nhận hoặc đã được khôi phục Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác, Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã sau khi bị ra quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác, Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã;

b) Tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã phải đăng ký thay đổi nội dung đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã để phục vụ việc chấm dứt hoạt động tổ hợp tác, giải thể hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã theo quy định. Trong trường hợp này, hồ sơ đăng ký thay đổi phải kèm theo văn bản giải trình của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã về lý do đăng ký thay đổi và được cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã chấp nhận;

c) Tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã không còn trong tình trạng pháp lý “Không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký”.

3. Trường hợp Tòa án; Cơ quan thi hành án; Cơ quan điều tra, Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng Cơ quan điều tra, Điều tra viên quy định tại Bộ luật Tố tụng hình sự yêu cầu bằng văn bản về việc tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã không được thực hiện một hoặc một số thủ tục đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thì cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã từ chối cấp đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã khi tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thực hiện thủ tục đó cho đến khi có ý kiến chấp thuận bằng văn bản của các tổ chức, cá nhân nêu trên về việc cho phép tiếp tục thực hiện thủ tục đăng ký.

m) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Hợp tác xã 2023;

- Nghị định số 295/2026/NĐ-CP;
- Thông tư số 09/2024/TT-BKHĐT;
- Thông tư số 43/2025/TT-BTC.

7. Đăng ký thành lập hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; đăng ký chuyển đổi tổ hợp tác thành hợp tác xã; đăng ký khi hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã chia, tách, hợp nhất (Mã hồ sơ TTHC: 1.005280)

a) Trình tự thực hiện:

*** Trường hợp đăng ký trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính:**

Trước khi hoạt động, người được ủy quyền đăng ký thành lập hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thực hiện thủ tục đăng ký thành lập tại cơ quan đăng ký kinh doanh tại Bộ phận một cửa cấp xã. Người được ủy quyền đăng ký thành lập hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã phải kê khai đầy đủ, trung thực và chính xác các nội dung quy định tại khoản 2 Điều 42 Luật Hợp tác xã 2023 và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các nội dung đã kê khai.

Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ, cơ quan đăng ký kinh doanh có trách nhiệm xem xét tính hợp lệ của hồ sơ đăng ký và cấp Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã; trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ, cơ quan đăng ký kinh doanh phải thông báo bằng văn bản nội dung cần sửa đổi, bổ sung cho người được ủy quyền đăng ký thành lập hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; trường hợp từ chối thì phải thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do.

*** Trường hợp đăng ký trên môi trường điện tử:**

1. Người nộp hồ sơ đăng nhập Cổng dịch vụ công quốc gia hoặc Ứng dụng định danh quốc gia bằng tài khoản định danh điện tử để truy cập Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã. Người nộp hồ sơ thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã theo quy trình trên Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã như sau:

a) Trường hợp người nộp hồ sơ là người có thẩm quyền ký văn bản đề nghị đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã

Người nộp hồ sơ kê khai thông tin trên Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã. Đối với các giấy đề nghị hoặc thông báo có nội dung được kê khai trên Hệ thống và chỉ yêu cầu người nộp hồ sơ ký thì người nộp hồ sơ không phải ký số hoặc ký trực tiếp và tải lên Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã. Đối với các giấy tờ khác trong thành phần hồ sơ đăng ký theo quy định, người nộp hồ sơ phải bảo đảm các giấy tờ này được ký số hoặc ký trực tiếp theo quy định, được thể hiện dưới dạng văn bản điện tử và tải các giấy tờ này lên Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã.

Đối với các giấy đề nghị hoặc thông báo có nội dung được kê khai trên Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã yêu cầu nhiều người ký và giấy tờ khác trong thành phần hồ sơ đăng ký theo quy định, người nộp hồ sơ phải bảo đảm các giấy tờ này được ký số hoặc ký trực tiếp theo quy định, được thể hiện dưới dạng văn bản điện tử và tải các giấy tờ này lên Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã.

Người nộp hồ sơ thanh toán phí, lệ phí (nếu có) và thực hiện xác thực điện tử theo quy định về nộp hồ sơ. Sau khi hoàn thành việc gửi hồ sơ, người nộp hồ sơ sẽ nhận được giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả điện tử.

b) Trường hợp người nộp hồ sơ là người được ủy quyền thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã

Người nộp hồ sơ kê khai thông tin và tải các giấy tờ trong thành phần hồ sơ đăng ký theo quy định lên Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã. Các giấy tờ này phải được ký số hoặc ký trực tiếp theo quy định và được thể hiện dưới dạng văn bản điện tử.

Người nộp hồ sơ thanh toán phí, lệ phí (nếu có) và thực hiện xác thực điện tử theo quy định về nộp hồ sơ. Sau khi hoàn thành việc gửi hồ sơ, người nộp hồ sơ sẽ nhận được giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả điện tử.

2. Các thông tin đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã trên Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã được truyền sang Hệ thống ứng dụng đăng ký thuế để phối hợp, trao đổi thông tin giữa cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã và cơ quan thuế.

3. Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã xem xét tính hợp lệ của hồ sơ và trả kết quả giải quyết hồ sơ cho tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã theo quy định tại Luật Hợp tác xã và Nghị định số 295/2026/NĐ-CP. Người nộp hồ sơ đăng nhập vào Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã để nhận thông tin phản hồi về kết quả xử lý hồ sơ.

b) Cách thức thực hiện:

Hồ sơ đăng ký được gửi đến cơ quan đăng ký kinh doanh theo một trong các phương thức sau đây:

- Nộp trực tiếp tại cơ quan đăng ký kinh doanh;
- Qua dịch vụ bưu chính;
- Qua Cổng dịch vụ công quốc gia hoặc Ứng dụng định danh quốc gia

c) Thành phần hồ sơ:

* Hồ sơ bao gồm:

- Trường hợp đăng ký thành lập hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã:

(1) Giấy đề nghị đăng ký thành lập;

(2) Điều lệ;

(3) Nghị quyết hội nghị thành lập;

(4) Danh sách thành viên chính thức, thành viên liên kết góp vốn;

(5) Danh sách, sổ định danh cá nhân của người đại diện theo pháp luật là người Việt Nam; danh sách, bản sao giấy tờ pháp lý của người đại diện theo pháp luật là người nước ngoài;

(6) Bản sao giấy chứng nhận đăng ký đầu tư theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 30 của Luật Hợp tác xã 2023;

(7) Bản sao giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án thành lập hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã trong trường hợp hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã được tham gia thành lập bởi cá nhân là nhà đầu tư nước ngoài hoặc tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài theo quy định của pháp luật về đầu tư.

Trường hợp nhà đầu tư nước ngoài thành lập hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã trước khi thực hiện thủ tục cấp, điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư theo quy định thì hồ sơ không bao gồm bản sao Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư quy định tại điểm g khoản 2 Điều 42 Luật Hợp tác xã. Trong trường hợp này, Giấy đề nghị đăng ký hợp tác xã bao gồm nội dung cam kết đáp ứng điều kiện tiếp cận thị trường đối với nhà đầu tư nước ngoài theo quy định của pháp luật

Lưu ý:

Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã khai thác, sử dụng thông tin đã có trong các cơ sở dữ liệu để thay thế và không yêu cầu cá nhân, tổ chức thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã nộp bản sao Giấy chứng nhận đăng ký thuế; bản sao hộ chiếu; bản sao Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư; bản sao văn bản của cơ quan đăng ký đầu tư chấp thuận về việc góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài; bản sao quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật; bản sao phán quyết của Trọng tài có hiệu lực và các giấy tờ khác trong thành phần hồ sơ giải quyết thủ tục đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã quy định tại Luật Hợp tác xã và Nghị định số 295/2026/NĐ-CP.

Trường hợp không khai thác được thông tin hoặc thông tin khai thác được không đầy đủ, không chính xác thì cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã yêu cầu cá nhân, tổ chức bổ sung bản sao các giấy tờ nêu trên trong trường hợp hồ sơ quy định tại Luật Hợp tác xã và Nghị định số 295/2026/NĐ-CP có yêu cầu để giải quyết thủ tục đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã theo quy định; Cá nhân, tổ chức thực hiện cập nhật, điều chỉnh thông tin trong các cơ sở dữ liệu theo quy định của pháp luật.

Việc khai thác, sử dụng thông tin đã có trong các cơ sở dữ liệu để thay thế thành phần hồ sơ đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã trên cơ sở kết nối, chia sẻ thông tin giữa Cơ sở dữ liệu về đăng ký hợp tác xã và các cơ sở dữ liệu khác thực hiện theo thông báo trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

- Trường hợp đăng ký thành lập hợp tác xã trên cơ sở chuyển đổi từ tổ hợp tác:

- (1) Giấy đề nghị đăng ký thành lập;
- (2) Điều lệ;
- (3) Nghị quyết hội nghị thành lập;
- (4) Danh sách thành viên chính thức, thành viên liên kết góp vốn;

(5) Danh sách, sổ định danh cá nhân của người đại diện theo pháp luật là người Việt Nam; danh sách, bản sao giấy tờ pháp lý của người đại diện theo pháp luật là người nước ngoài.

Lưu ý:

Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã khai thác, sử dụng thông tin đã có trong các cơ sở dữ liệu để thay thế và không yêu cầu cá nhân, tổ chức thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã nộp bản sao Giấy chứng nhận đăng ký thuế; bản sao hộ chiếu; bản sao Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư; bản sao văn bản của cơ quan đăng ký đầu tư chấp thuận về việc góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài; bản sao quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật; bản sao phán quyết của Trọng tài có hiệu lực và các giấy tờ khác trong thành phần hồ sơ giải quyết thủ tục đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã quy định tại Luật Hợp tác xã và Nghị định số 295/2026/NĐ-CP.

Trường hợp không khai thác được thông tin hoặc thông tin khai thác được không đầy đủ, không chính xác thì cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã yêu cầu cá nhân, tổ chức bổ sung bản sao các giấy tờ nêu trên trong trường hợp hồ sơ quy định tại Luật Hợp tác xã và Nghị định số 295/2026/NĐ-CP có yêu cầu để giải quyết thủ tục đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã theo quy định; Cá nhân, tổ chức thực hiện cập nhật, điều chỉnh thông tin trong các cơ sở dữ liệu theo quy định của pháp luật.

Việc khai thác, sử dụng thông tin đã có trong các cơ sở dữ liệu để thay thế thành phần hồ sơ đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã trên cơ sở kết nối, chia sẻ thông tin giữa Cơ sở dữ liệu về đăng ký hợp tác xã và các cơ sở dữ liệu khác thực hiện theo thông báo trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

- Trường hợp hợp tác xã được chuyển đổi từ tổ hợp tác có nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài tham gia góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp thuộc trường hợp phải thực hiện thủ tục đăng ký góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp theo quy định của Luật Đầu tư:

(1) Giấy đề nghị đăng ký thành lập;

(2) Điều lệ;

(3) Nghị quyết hội nghị thành lập;

(4) Danh sách thành viên chính thức, thành viên liên kết góp vốn;

(5) Danh sách, sổ định danh cá nhân của người đại diện theo pháp luật là người Việt Nam; danh sách, bản sao giấy tờ pháp lý của người đại diện theo pháp luật là người nước ngoài;

(6) Bản sao giấy chứng nhận đăng ký đầu tư theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 30 của Luật Hợp tác xã 2023;

(7) Bản sao văn bản của cơ quan đăng ký đầu tư chấp thuận về việc góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài.

Lưu ý:

Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã khai thác, sử dụng thông tin đã có trong các cơ sở dữ liệu để thay thế và không yêu cầu cá nhân, tổ chức thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã nộp bản sao Giấy chứng nhận đăng ký thuế; bản sao hộ chiếu; bản sao Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư; bản sao văn bản của cơ quan đăng ký đầu tư chấp thuận về việc góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài; bản sao quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật; bản sao phán quyết của Trọng tài có hiệu lực và các giấy tờ khác trong thành phần hồ sơ giải quyết thủ tục đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã quy định tại Luật Hợp tác xã và Nghị định số 295/2026/NĐ-CP.

Trường hợp không khai thác được thông tin hoặc thông tin khai thác được không đầy đủ, không chính xác thì cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã yêu cầu cá nhân, tổ chức bổ sung bản sao các giấy tờ nêu trên trong trường hợp hồ sơ quy định tại Luật Hợp tác xã và Nghị định số 295/2026/NĐ-CP có yêu cầu để giải quyết thủ tục đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã theo quy định; Cá nhân, tổ chức thực hiện cập nhật, điều chỉnh thông tin trong các cơ sở dữ liệu theo quy định của pháp luật.

Việc khai thác, sử dụng thông tin đã có trong các cơ sở dữ liệu để thay thế thành phần hồ sơ đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã trên cơ sở kết nối, chia sẻ thông tin giữa Cơ sở dữ liệu về đăng ký hợp tác xã và các cơ sở dữ liệu khác thực hiện theo thông báo trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

- Trường hợp đăng ký khi hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã chia, tách, hợp nhất:

(1) Giấy đề nghị đăng ký thành lập;

(2) Điều lệ;

(3) Danh sách thành viên chính thức, thành viên liên kết góp vốn;

(4) Danh sách, số định danh cá nhân của người đại diện theo pháp luật là người Việt Nam; danh sách, bản sao giấy tờ pháp lý của người đại diện theo pháp luật là người nước ngoài;

(5) Bản sao giấy chứng nhận đăng ký đầu tư theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 30 của Luật Hợp tác xã 2023;

(6) Bản sao giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án thành lập hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã trong trường hợp hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã được tham gia thành lập bởi cá nhân là nhà đầu tư nước ngoài hoặc tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài theo quy định của pháp luật về đầu tư;

(7) Nghị quyết chia hợp tác xã (trong trường hợp đăng ký khi hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã chia); Nghị quyết tách hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (trong trường hợp đăng ký khi hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã tách); Hợp đồng hợp nhất, nghị quyết thông qua hợp đồng hợp nhất của các hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã bị hợp nhất (trong trường hợp đăng ký khi hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã hợp nhất).

Lưu ý:

Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã khai thác, sử dụng thông tin đã có trong các cơ sở dữ liệu để thay thế và không yêu cầu cá nhân, tổ chức thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã nộp bản sao Giấy chứng nhận đăng ký thuế; bản sao hộ chiếu; bản sao Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư; bản sao văn bản của cơ quan đăng ký đầu tư chấp thuận về việc góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài; bản sao quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật; bản sao phán quyết của Trọng tài có hiệu lực và các giấy tờ khác trong thành phần hồ sơ giải quyết thủ tục đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã quy định tại Luật Hợp tác xã và Nghị định số 295/2026/NĐ-CP.

Trường hợp không khai thác được thông tin hoặc thông tin khai thác được không đầy đủ, không chính xác thì cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã yêu cầu cá nhân, tổ chức bổ sung bản sao các giấy tờ nêu trên trong trường hợp hồ sơ quy định tại Luật Hợp tác xã và Nghị định số 295/2026/NĐ-CP có yêu cầu để giải quyết thủ tục đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã theo quy định; Cá nhân, tổ chức thực hiện cập nhật, điều chỉnh thông tin trong các cơ sở dữ liệu theo quy định của pháp luật.

Việc khai thác, sử dụng thông tin đã có trong các cơ sở dữ liệu để thay thế thành phần hồ sơ đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã trên cơ sở kết nối, chia sẻ thông tin giữa Cơ sở dữ liệu về đăng ký hợp tác xã và các cơ sở dữ liệu khác thực hiện theo thông báo trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

* Trường hợp đăng ký trên môi trường điện tử:

Hồ sơ đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã trên môi trường điện tử bao gồm các giấy tờ theo quy định tại Luật Hợp tác xã 2023 và Nghị định số 295/2026/NĐ-CP được thể hiện dưới dạng văn bản điện tử. Hồ sơ đăng ký trên môi trường điện tử có giá trị pháp lý tương đương hồ sơ đăng ký bằng bản giấy.

* Trường hợp ủy quyền thực hiện thủ tục:

1. Người được ủy quyền đăng ký thành lập hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã được ghi trong nghị quyết Hội nghị thành lập hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã. Việc ủy quyền lại để thực hiện thủ tục đăng ký thành lập hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thực hiện theo quy định của pháp luật về dân sự.

2. Trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này, cá nhân ký tên tại văn bản đề nghị đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã có thể ủy quyền cho tổ chức, cá nhân khác thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã như sau:

a) Trường hợp ủy quyền cho cá nhân thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, kèm theo hồ sơ phải có văn bản ủy quyền cho cá nhân thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã. Văn bản ủy quyền này không bắt buộc phải công chứng, chứng thực;

b) Trường hợp ủy quyền cho tổ chức thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, kèm theo hồ sơ đăng ký phải có bản sao hợp đồng cung cấp dịch vụ với tổ chức làm dịch vụ, giấy giới thiệu hoặc văn bản phân công nhiệm vụ của tổ chức đó cho cá nhân trực tiếp thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

3. Trường hợp thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã qua dịch vụ bưu chính công ích, khi thực hiện thủ tục, nhân viên bưu chính phải nộp bản sao phiếu gửi hồ sơ theo mẫu do doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính công ích phát hành có chữ ký xác nhận của nhân viên bưu chính và người có thẩm quyền ký văn bản đề nghị đăng ký.

4. Trường hợp ủy quyền cho đơn vị cung cấp dịch vụ bưu chính không phải là bưu chính công ích thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thì việc ủy quyền thực hiện theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 12 Nghị định số 295/2026/NĐ-CP.

5. Người ủy quyền và người được ủy quyền thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, trung thực và chính xác của việc ủy quyền.

6. Người ủy quyền phải xác thực điện tử theo quy định pháp luật về xác thực và định danh điện tử khi thực hiện thủ tục đăng ký thành lập tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; đăng ký thay đổi người đại diện theo pháp luật của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; thông báo thay đổi thông tin về thành viên chính thức, thành viên liên kết góp vốn là tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài, cá nhân là nhà đầu tư nước ngoài của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; đăng ký thay đổi thành viên tổ hợp tác để được cấp đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

Trường hợp việc xác thực điện tử bị gián đoạn thì người ủy quyền thực hiện việc xác thực điện tử sau khi được cấp đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã. Trường hợp người ủy quyền không xác nhận hoặc xác nhận không ủy quyền thực hiện thủ tục đăng ký sau khi được cấp đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thì cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã

yêu cầu tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã báo cáo theo quy định tại khoản 6 Điều 7 Nghị định số 295/2026/NĐ-CP.

Trường hợp chưa có tài khoản định danh điện tử để thực hiện xác thực điện tử thì hồ sơ đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã phải kèm theo bản sao thẻ Căn cước hoặc thẻ Căn cước công dân hoặc hộ chiếu hoặc hộ chiếu nước ngoài hoặc các giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu nước ngoài còn hiệu lực của người ủy quyền.

Việc triển khai quy định về xác thực điện tử thực hiện theo kế hoạch xây dựng, nâng cấp Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã và được thông báo trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

d) Số lượng hồ sơ:

01 bộ hồ sơ.

đ) Thời hạn giải quyết:

Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ.

e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:

Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã.

g) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:

Người được ủy quyền đăng ký thành lập hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

h) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

- Trường hợp hồ sơ hợp lệ: Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã.

- Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ: Cơ quan đăng ký kinh doanh thông báo bằng văn bản nội dung cần sửa đổi, bổ sung.

- Trường hợp từ chối: Cơ quan đăng ký kinh doanh thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do.

i) Lệ phí:

- Mức lệ phí cụ thể do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định (căn cứ quy định tại Thông tư số 85/2019/TT-BTC).

- Người nộp hồ sơ đăng ký nộp lệ phí đăng ký kinh doanh tại thời điểm nộp hồ sơ. Lệ phí đăng ký kinh doanh có thể nộp trực tiếp tại bộ phận tiếp nhận hồ sơ ở cấp xã hoặc chuyển vào tài khoản của cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã hoặc thanh toán trực tuyến thông qua chức năng thanh toán trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia hoặc bằng cách thức khác theo quy định của pháp luật. Lệ phí đăng ký kinh doanh không được hoàn trả trong trường hợp hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã không được cấp đăng ký.

2. Tiền sử dụng dịch vụ thanh toán trực tuyến không được tính trong lệ phí đăng ký kinh doanh.

- Việc giải quyết các lỗi giao dịch phát sinh trong quá trình sử dụng dịch vụ thanh toán trực tuyến được thực hiện theo quy định của pháp luật về giải quyết thủ tục hành chính trên môi trường điện tử.

- Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã có trách nhiệm phối hợp với tổ chức cung cấp dịch vụ trung gian thanh toán hoặc ngân hàng thương mại thực hiện việc đối soát dữ liệu thanh toán qua hệ thống thanh toán trực tuyến của Công dịch vụ công quốc gia hoặc của tổ chức cung cấp dịch vụ trung gian thanh toán.

- Không thu lệ phí đăng ký đối với tổ hợp tác theo quy định tại khoản 2 Điều 22 Luật Hợp tác xã 2023.

k) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Giấy đề nghị đăng ký hợp tác xã (*Mẫu số 1, Phụ lục II, Thông tư số 43/2025/TT-BTC*);

- Danh sách thành viên chính thức, thành viên liên kết góp vốn của hợp tác xã (*Mẫu số 2, Thông tư số 43/2025/TT-BTC*);

- Danh sách người đại diện theo pháp luật của hợp tác xã (*Mẫu số 3, Thông tư số 43/2025/TT-BTC*).

l) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

* Kê khai thông tin cá nhân trong thực hiện thủ tục đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã

1. Trường hợp đã có sổ định danh cá nhân, người thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã kê khai các thông tin về họ, chữ đệm và tên, ngày, tháng, năm sinh, sổ định danh cá nhân, giới tính của mình và của cá nhân có yêu cầu kê khai thông tin cá nhân trong hồ sơ đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã. Các thông tin kê khai phải chính xác so với các thông tin được lưu trữ tại Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư. Trường hợp thông tin cá nhân được kê khai có sai khác so với thông tin được lưu trữ tại Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, cá nhân đó có trách nhiệm liên hệ với cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền để hiệu chỉnh thông tin trước khi thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

2. Trường hợp nộp hồ sơ đăng ký bằng bản giấy, người nộp hồ sơ đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã xuất trình căn cước công dân hoặc thẻ căn cước hoặc sử dụng tài khoản định danh điện tử theo quy định pháp luật để thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

3. Trường hợp không có sổ định danh cá nhân thì hồ sơ đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã có yêu cầu kê khai thông tin cá nhân của người đại diện theo pháp luật của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, người đứng đầu chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh, người đại diện tổ hợp tác trong trường hợp người đại diện tổ hợp tác là cá nhân hoặc người đại diện hợp pháp của pháp nhân trong trường hợp người đại diện tổ hợp tác là pháp nhân phải kèm theo

bản sao hộ chiếu hoặc hộ chiếu nước ngoài hoặc các giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu nước ngoài còn hiệu lực của cá nhân đó theo quy định.

4. Trường hợp việc kết nối giữa Cơ sở dữ liệu về đăng ký hợp tác xã với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư bị gián đoạn thì hồ sơ đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã phải kèm theo bản sao căn cước công dân hoặc thẻ căn cước hoặc hộ chiếu hoặc hộ chiếu nước ngoài hoặc các giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu nước ngoài còn hiệu lực của người nộp hồ sơ đăng ký, người đại diện theo pháp luật của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, người đứng đầu chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh, người đại diện tổ hợp tác trong trường hợp người đại diện tổ hợp tác là cá nhân hoặc người đại diện hợp pháp của pháp nhân trong trường hợp người đại diện tổ hợp tác là pháp nhân theo quy định.

* Hồ sơ đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã được tiếp nhận vào Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã khi có đủ các điều kiện sau đây:

a) Có đủ giấy tờ theo quy định tại Luật Hợp tác xã và Nghị định số 295/2026/NĐ-CP;

b) Tên tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đã được điền vào giấy đề nghị đăng ký;

c) Có số điện thoại của người nộp hồ sơ;

d) Đã nộp lệ phí đăng ký kinh doanh, trừ trường hợp được miễn lệ phí đăng ký kinh doanh theo quy định.

* Hồ sơ đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã trên môi trường điện tử phải bảo đảm các yêu cầu sau:

a) Có đầy đủ các giấy tờ và nội dung các giấy tờ đó được kê khai đầy đủ theo quy định như hồ sơ đăng ký bằng bản giấy và được thể hiện dưới dạng văn bản điện tử hoặc dữ liệu điện tử có đầy đủ thông tin theo quy định như hồ sơ đăng ký bằng bản giấy;

b) Các thông tin đăng ký được kê khai trên Hệ thống thông tin về đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã phải được nhập đầy đủ và chính xác theo các thông tin trong hồ sơ đăng ký bằng bản giấy; trong đó có thông tin về số điện thoại, thư điện tử của người nộp hồ sơ.

c) Cá nhân ký tên trong hồ sơ đăng ký có thể sử dụng chữ ký số để ký trực tiếp trên văn bản điện tử hoặc ký trực tiếp trên văn bản giấy và quét (scan) văn bản giấy theo chế độ ảnh màu theo các định dạng quy định tại khoản 2 Điều 30 Nghị định số 295/2026/NĐ-CP;

d) Hồ sơ đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã trên môi trường điện tử bao gồm các giấy tờ theo quy định tại Luật Hợp tác xã và Nghị định số

295/2026/NĐ-CP được thể hiện dưới dạng văn bản điện tử hoặc dữ liệu điện tử theo quy định pháp luật. Hồ sơ đăng ký trên môi trường điện tử có giá trị pháp lý tương đương hồ sơ đăng ký bằng bản giấy.

e) Thời hạn để tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã sửa đổi, bổ sung hồ sơ đăng ký trên môi trường điện tử là 60 ngày kể từ ngày cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã ra thông báo yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ. Sau thời hạn nêu trên, nếu không nhận được hồ sơ sửa đổi, bổ sung, cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã sẽ hủy hồ sơ đăng ký theo quy trình trên Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã.

* Các trường hợp không được thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã / tiếp tục được thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã:

1. Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã từ chối cấp đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã nếu thuộc một trong các trường hợp sau đây:

a) Tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đã bị cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã ra thông báo về hành vi vi phạm của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thuộc trường hợp thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác, Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã hoặc đã bị ra quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác, Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã;

b) Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đang trong quá trình giải thể theo nghị quyết giải thể của Đại hội thành viên; tổ hợp tác đang trong quá trình chấm dứt hoạt động;

c) Tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đang trong tình trạng pháp lý “Không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký”.

2. Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã tiếp tục giải quyết thủ tục đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đối với các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này khi:

a) Tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đã có biện pháp khắc phục những vi phạm theo yêu cầu trong thông báo về hành vi vi phạm của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thuộc trường hợp thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác, Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã và được cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã chấp nhận hoặc đã được khôi phục Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác, Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã sau khi bị ra quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác, Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã;

b) Tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã phải đăng ký thay đổi nội dung đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã để phục vụ việc chấm dứt hoạt động tổ hợp tác, giải thể hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã theo quy định. Trong trường hợp này, hồ sơ đăng ký thay đổi phải kèm theo văn bản giải trình của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã về lý do đăng ký thay đổi và được cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã chấp nhận;

c) Tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã không còn trong tình trạng pháp lý “Không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký”.

3. Trường hợp Tòa án; Cơ quan thi hành án; Cơ quan điều tra, Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng Cơ quan điều tra, Điều tra viên quy định tại Bộ luật Tố tụng hình sự yêu cầu bằng văn bản về việc tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã không được thực hiện một hoặc một số thủ tục đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thì cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã từ chối cấp đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã khi tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thực hiện thủ tục đó cho đến khi có ý kiến chấp thuận bằng văn bản của các tổ chức, cá nhân nêu trên về việc cho phép tiếp tục thực hiện thủ tục đăng ký.

m) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Hợp tác xã 2023;
- Nghị định số 295/2026/NĐ-CP;
- Thông tư số 09/2024/TT-BKHĐT;
- Thông tư số 43/2025/TT-BTC.

8. Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; Đăng ký thay đổi nội dung đối với trường hợp hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã bị tách, nhận sáp nhập; Đăng ký thay đổi nội dung Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã theo quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật hoặc phán quyết của Trọng tài có hiệu lực (Mã hồ sơ TTHC: 1.005277)

a) Trình tự thực hiện

*** Trường hợp đăng ký trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính:**

- Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; Đăng ký thay đổi nội dung đối với trường hợp hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã bị tách, nhận sáp nhập;

Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã phải đăng ký thay đổi nội dung Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã khi thay đổi một trong các thông tin quy định tại khoản 1, 2 và 5 Điều 45 của Luật Hợp tác xã 2023 (bao gồm: Tên hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; Địa chỉ trụ sở chính; Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số định danh cá nhân hoặc số giấy tờ pháp lý của người đại diện theo pháp luật của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã) hoặc khi thay đổi vốn điều lệ từ 5% vốn điều lệ hoặc từ 01 tỷ đồng trở lên hoặc khi tổ chức lại hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã. Việc thay đổi được thực hiện theo trình tự sau đây:

Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày có thay đổi nội dung Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã gửi hồ sơ đăng ký thay đổi đến cơ quan đăng ký kinh doanh tại Bộ phận một cửa cấp xã;

Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ, cơ quan đăng ký kinh doanh có trách nhiệm xem xét tính hợp lệ của hồ sơ và cấp Giấy chứng nhận

đăng ký hợp tác xã; trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ, cơ quan đăng ký kinh doanh phải thông báo bằng văn bản nội dung cần sửa đổi, bổ sung; trường hợp từ chối thì phải thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do.

- Việc đăng ký thay đổi nội dung Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã theo quyết định của Tòa án hoặc Trọng tài thực hiện theo trình tự sau đây:

(i) Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật hoặc phán quyết của Trọng tài có hiệu lực, người đề nghị đăng ký thay đổi nội dung Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã gửi hồ sơ đăng ký thay đổi đến cơ quan đăng ký kinh doanh;

(ii) Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đăng ký thay đổi, cơ quan đăng ký kinh doanh có trách nhiệm xem xét và cấp Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã theo nội dung bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật hoặc phán quyết của Trọng tài có hiệu lực; trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ, cơ quan đăng ký kinh doanh phải thông báo bằng văn bản nội dung cần sửa đổi, bổ sung; trường hợp từ chối thì phải thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do.

*** Trường hợp đăng ký trên môi trường điện tử:**

1. Người nộp hồ sơ đăng nhập Cổng dịch vụ công quốc gia hoặc Ứng dụng định danh quốc gia bằng tài khoản định danh điện tử để truy cập Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã. Người nộp hồ sơ thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã theo quy trình trên Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã như sau:

a) Trường hợp người nộp hồ sơ là người có thẩm quyền ký văn bản đề nghị đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã

Người nộp hồ sơ kê khai thông tin trên Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã. Đối với các giấy đề nghị hoặc thông báo có nội dung được kê khai trên Hệ thống và chỉ yêu cầu người nộp hồ sơ ký thì người nộp hồ sơ không phải ký số hoặc ký trực tiếp và tải lên Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã. Đối với các giấy tờ khác trong thành phần hồ sơ đăng ký theo quy định, người nộp hồ sơ phải bảo đảm các giấy tờ này được ký số hoặc ký trực tiếp theo quy định, được thể hiện dưới dạng văn bản điện tử và tải các giấy tờ này lên Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã.

Đối với các giấy đề nghị hoặc thông báo có nội dung được kê khai trên Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã yêu cầu nhiều người ký và giấy tờ khác trong thành phần hồ sơ đăng ký theo quy định, người nộp hồ sơ phải bảo đảm các giấy tờ này được ký số hoặc ký trực tiếp theo quy định, được thể hiện dưới dạng văn bản điện tử và tải các giấy tờ này lên Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã.

Người nộp hồ sơ thanh toán phí, lệ phí (nếu có) và thực hiện xác thực điện tử theo quy định để nộp hồ sơ. Sau khi hoàn thành việc gửi hồ sơ, người nộp hồ sơ sẽ nhận được giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả điện tử.

b) Trường hợp người nộp hồ sơ là người được ủy quyền thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã

Người nộp hồ sơ kê khai thông tin và tải các giấy tờ trong thành phần hồ sơ đăng ký theo quy định lên Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã. Các giấy tờ này phải được ký số hoặc ký trực tiếp theo quy định và được thể hiện dưới dạng văn bản điện tử.

Người nộp hồ sơ thanh toán phí, lệ phí (nếu có) và thực hiện xác thực điện tử theo quy định để nộp hồ sơ. Sau khi hoàn thành việc gửi hồ sơ, người nộp hồ sơ sẽ nhận được giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả điện tử.

2. Các thông tin đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã trên Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã được truyền sang Hệ thống ứng dụng đăng ký thuế để phối hợp, trao đổi thông tin giữa cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã và cơ quan thuế.

3. Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã xem xét tính hợp lệ của hồ sơ và trả kết quả giải quyết hồ sơ cho tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã theo quy định tại Luật Hợp tác xã và Nghị định số 295/2026/NĐ-CP. Người nộp hồ sơ đăng nhập vào Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã để nhận thông tin phản hồi về kết quả xử lý hồ sơ.

b) Cách thức thực hiện:

Hồ sơ đăng ký được gửi đến cơ quan đăng ký kinh doanh theo một trong các phương thức sau đây:

- Nộp trực tiếp tại cơ quan đăng ký kinh doanh;
- Qua dịch vụ bưu chính;
- Qua Cổng dịch vụ công quốc gia hoặc Ứng dụng định danh quốc gia

c) Thành phần hồ sơ:

* Hồ sơ bao gồm:

** Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; Đăng ký thay đổi nội dung đối với trường hợp hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã bị tách, nhận sáp nhập*

- Trường hợp đăng ký thay đổi địa chỉ trụ sở chính của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã:

Trước khi đăng ký thay đổi địa chỉ trụ sở chính dẫn đến thay đổi cơ quan thuế quản lý, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã phải thực hiện các thủ tục với cơ quan thuế liên quan đến việc chuyển địa chỉ trụ sở theo quy định của pháp luật về thuế. Trường hợp chuyển địa chỉ trụ sở chính sang tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương khác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã gửi hồ sơ đăng ký thay đổi đến cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã bất kỳ tại tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương dự định chuyển đến. Hồ sơ bao gồm các giấy tờ sau đây:

(1) Giấy đề nghị đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã;

(2) Bản sao hoặc bản chính nghị quyết của Đại hội thành viên về việc chuyển địa chỉ trụ sở chính của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

- Trường hợp đăng ký thay đổi tên hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã:

(1) Giấy đề nghị đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã;

(2) Bản sao hoặc bản chính nghị quyết của Đại hội thành viên về việc thay đổi tên hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

- Trường hợp đăng ký thay đổi người đại diện theo pháp luật của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã:

+ Trường hợp chỉ thay đổi thông tin cá nhân của người đại diện theo pháp luật được ghi nhận trên Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã:

(1) Giấy đề nghị đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

+ Trường hợp hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đăng ký thay đổi người đại diện theo pháp luật đồng thời đăng ký thay đổi các nội dung khác:

a) Giấy đề nghị đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã do Chủ tịch Hội đồng quản trị (đối với tổ chức quản trị đầy đủ) hoặc Giám đốc (đối với tổ chức quản trị rút gọn) ký;

b) Bản sao hoặc bản chính nghị quyết của Đại hội thành viên về việc thay đổi người đại diện theo pháp luật;

c) Danh sách, sổ định danh cá nhân của người đại diện theo pháp luật là người Việt Nam; Danh sách, bản sao hộ chiếu nước ngoài hoặc giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu nước ngoài của người đại diện theo pháp luật là người nước ngoài.

- Trường hợp đăng ký thay đổi vốn điều lệ:

a) Giấy đề nghị đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã;

b) Bản sao hoặc bản chính nghị quyết của Đại hội thành viên về việc thay đổi vốn điều lệ;

c) Bản sao văn bản của cơ quan đăng ký đầu tư chấp thuận về việc góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài đối với trường hợp phải thực hiện thủ tục đăng ký góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp theo quy định của Luật Đầu tư.

- Thay đổi nội dung đối với trường hợp hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã bị tách, nhận sáp nhập:

Ngoài các giấy tờ tương ứng với các trường hợp đăng ký thay đổi nêu trên, trong trường hợp đăng ký thay đổi nội dung Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã đối với hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã bị tách thì hồ sơ phải kèm theo nghị quyết tách hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; đối với hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã nhận sáp nhập thì hồ sơ kèm theo hợp đồng sáp nhập, nghị quyết thông qua hợp đồng sáp nhập của các hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã nhận sáp nhập và được sáp nhập.

** Đăng ký thay đổi nội dung Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, thông báo thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã theo quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật hoặc phán quyết của Trọng tài có hiệu lực:*

(i) Giấy đề nghị đăng ký thay đổi nội dung Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã

(ii) Bản sao quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật hoặc phán quyết của Trọng tài có hiệu lực

Lưu ý:

Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã khai thác, sử dụng thông tin đã có trong các cơ sở dữ liệu để thay thế và không yêu cầu cá nhân, tổ chức thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã nộp bản sao Giấy chứng nhận đăng ký thuế; bản sao hộ chiếu; bản sao Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư; bản sao văn bản của cơ quan đăng ký đầu tư chấp thuận về việc góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài; bản sao quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật; bản sao phán quyết của Trọng tài có hiệu lực và các giấy tờ khác trong thành phần hồ sơ giải quyết thủ tục đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã quy định tại Luật Hợp tác xã và Nghị định số 295/2026/NĐ-CP.

Trường hợp không khai thác được thông tin hoặc thông tin khai thác được không đầy đủ, không chính xác thì cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã yêu cầu cá nhân, tổ chức bổ sung bản sao các giấy tờ nêu trên trong trường hợp hồ sơ quy định tại Luật Hợp tác xã và Nghị định số 295/2026/NĐ-CP có yêu cầu để giải quyết thủ tục đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã theo quy định; Cá nhân, tổ chức thực hiện cập nhật, điều chỉnh thông tin trong các cơ sở dữ liệu theo quy định của pháp luật.

Việc khai thác, sử dụng thông tin đã có trong các cơ sở dữ liệu để thay thế thành phần hồ sơ đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã trên cơ sở kết nối, chia sẻ thông tin giữa Cơ sở dữ liệu về đăng ký hợp tác xã và các cơ sở dữ liệu khác thực hiện theo thông báo trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

** Trường hợp đăng ký trên môi trường điện tử:*

Hồ sơ đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã trên môi trường điện tử bao gồm các giấy tờ theo quy định tại Luật Hợp tác xã 2023 và Nghị định số 295/2026/NĐ-CP được thể hiện dưới dạng văn bản điện tử. Hồ sơ đăng ký trên môi trường điện tử có giá trị pháp lý tương đương hồ sơ đăng ký bằng bản giấy.

** Trường hợp ủy quyền thực hiện thủ tục:*

1. Người được ủy quyền đăng ký thành lập hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã được ghi trong nghị quyết Hội nghị thành lập hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã. Việc ủy quyền lại để thực hiện thủ tục đăng ký thành lập hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thực hiện theo quy định của pháp luật về dân sự.

2. Trừ trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này, cá nhân ký tên tại văn bản đề nghị đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã có thể ủy quyền cho tổ chức, cá nhân khác thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã như sau:

a) Trường hợp ủy quyền cho cá nhân thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, kèm theo hồ sơ phải có văn bản ủy quyền cho cá nhân thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã. Văn bản ủy quyền này không bắt buộc phải công chứng, chứng thực;

b) Trường hợp ủy quyền cho tổ chức thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, kèm theo hồ sơ đăng ký phải có bản sao hợp đồng cung cấp dịch vụ với tổ chức làm dịch vụ, giấy giới thiệu hoặc văn bản phân công nhiệm vụ của tổ chức đó cho cá nhân trực tiếp thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

3. Trường hợp thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã qua dịch vụ bưu chính công ích, khi thực hiện thủ tục, nhân viên bưu chính phải nộp bản sao phiếu gửi hồ sơ theo mẫu do doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính công ích phát hành có chữ ký xác nhận của nhân viên bưu chính và người có thẩm quyền ký văn bản đề nghị đăng ký.

4. Trường hợp ủy quyền cho đơn vị cung cấp dịch vụ bưu chính không phải là bưu chính công ích thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thì việc ủy quyền thực hiện theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 12 Nghị định số 295/2026/NĐ-CP.

5. Người ủy quyền và người được ủy quyền thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, trung thực và chính xác của việc ủy quyền.

6. Người ủy quyền phải xác thực điện tử theo quy định pháp luật về xác thực và định danh điện tử khi thực hiện thủ tục đăng ký thành lập tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; đăng ký thay đổi người đại diện theo pháp luật của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; thông báo thay đổi thông tin về thành viên chính thức, thành viên liên kết góp vốn là tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài, cá nhân là nhà đầu tư nước ngoài của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; đăng ký thay đổi thành viên tổ hợp tác để được cấp đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

Trường hợp việc xác thực điện tử bị gián đoạn thì người ủy quyền thực hiện việc xác thực điện tử sau khi được cấp đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã. Trường hợp người ủy quyền không xác nhận hoặc xác nhận không ủy quyền thực hiện thủ tục đăng ký sau khi được cấp đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thì cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã yêu cầu tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã báo cáo theo quy định tại khoản 6 Điều 7 Nghị định số 295/2026/NĐ-CP.

Trường hợp chưa có tài khoản định danh điện tử để thực hiện xác thực điện tử thì hồ sơ đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã phải kèm theo bản sao thẻ Căn cước hoặc thẻ Căn cước công dân hoặc hộ chiếu hoặc hộ chiếu nước ngoài hoặc các giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu nước ngoài còn hiệu lực của người ủy quyền.

Việc triển khai quy định về xác thực điện tử thực hiện theo kế hoạch xây dựng, nâng cấp Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã và được thông báo trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

d) Số lượng hồ sơ:

01 bộ hồ sơ.

đ) Thời hạn giải quyết:

Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:

Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã.

g) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:

Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

h) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

- Trường hợp hồ sơ hợp lệ: Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã.

- Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ: Cơ quan đăng ký kinh doanh thông báo bằng văn bản nội dung cần sửa đổi, bổ sung.

- Trường hợp từ chối: Cơ quan đăng ký kinh doanh thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do.

i) Lệ phí:

- Mức lệ phí cụ thể do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định (căn cứ quy định tại Thông tư số 85/2019/TT-BTC).

- Người nộp hồ sơ đăng ký nộp lệ phí đăng ký kinh doanh tại thời điểm nộp hồ sơ. Lệ phí đăng ký kinh doanh có thể nộp trực tiếp tại bộ phận tiếp nhận hồ sơ ở cấp xã hoặc chuyển vào tài khoản của cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã hoặc thanh toán trực tuyến thông qua chức năng thanh toán trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia hoặc bằng cách thức khác theo quy định của pháp luật. Lệ phí

đăng ký kinh doanh không được hoàn trả trong trường hợp hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã không được cấp đăng ký.

2. Tiền sử dụng dịch vụ thanh toán trực tuyến không được tính trong lệ phí đăng ký kinh doanh.

- Việc giải quyết các lỗi giao dịch phát sinh trong quá trình sử dụng dịch vụ thanh toán trực tuyến được thực hiện theo quy định của pháp luật về giải quyết thủ tục hành chính trên môi trường điện tử.

- Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã có trách nhiệm phối hợp với tổ chức cung cấp dịch vụ trung gian thanh toán hoặc ngân hàng thương mại thực hiện việc đối soát dữ liệu thanh toán qua hệ thống thanh toán trực tuyến của Cổng dịch vụ công quốc gia hoặc của tổ chức cung cấp dịch vụ trung gian thanh toán.

- Không thu lệ phí đăng ký đối với tổ hợp tác theo quy định tại khoản 2 Điều 22 Luật Hợp tác xã 2023.

k) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

** Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; Đăng ký thay đổi nội dung đối với trường hợp hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã bị tách, nhận sáp nhập*

- Giấy đề nghị đăng ký thay đổi nội dung Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã/ Thông báo thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã (Mẫu số 4, Phụ lục II, Thông tư số 43/2025/TT-BTC);

- Danh sách người đại diện theo pháp luật của hợp tác xã (Mẫu số 3, Phụ lục II, Thông tư số 43/2025/TT-BTC).

** Đăng ký thay đổi nội dung Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, thông báo thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã theo quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật hoặc phán quyết của Trọng tài có hiệu lực:*

Không có mẫu đơn

l) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

** kê khai thông tin cá nhân trong thực hiện thủ tục đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã*

1. Trường hợp đã có sổ định danh cá nhân, người thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã kê khai các thông tin về họ, chữ đệm và tên, ngày, tháng, năm sinh, sổ định danh cá nhân, giới tính của mình và của cá nhân có yêu cầu kê khai thông tin cá nhân trong hồ sơ đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã. Các thông tin kê khai phải chính xác so với các thông tin được lưu trữ tại Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư. Trường hợp thông tin cá nhân được kê khai có sai khác so với thông tin được lưu trữ tại Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, cá nhân đó có trách nhiệm liên hệ với cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền để hiệu chỉnh thông tin trước khi thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

2. Trường hợp nộp hồ sơ đăng ký bằng bản giấy, người nộp hồ sơ đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã xuất trình căn cước công dân hoặc thẻ căn cước hoặc sử dụng tài khoản định danh điện tử theo quy định pháp luật để thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

3. Trường hợp không có sổ định danh cá nhân thì hồ sơ đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã có yêu cầu kê khai thông tin cá nhân của người đại diện theo pháp luật của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, người đứng đầu chi

nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh, người đại diện tổ hợp tác trong trường hợp người đại diện tổ hợp tác là cá nhân hoặc người đại diện hợp pháp của pháp nhân trong trường hợp người đại diện tổ hợp tác là pháp nhân phải kèm theo bản sao hộ chiếu hoặc hộ chiếu nước ngoài hoặc các giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu nước ngoài còn hiệu lực của cá nhân đó theo quy định.

4. Trường hợp việc kết nối giữa Cơ sở dữ liệu về đăng ký hợp tác xã với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư bị gián đoạn thì hồ sơ đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã phải kèm theo bản sao căn cước công dân hoặc thẻ căn cước hoặc hộ chiếu hoặc hộ chiếu nước ngoài hoặc các giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu nước ngoài còn hiệu lực của người nộp hồ sơ đăng ký, người đại diện theo pháp luật của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, người đứng đầu chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh, người đại diện tổ hợp tác trong trường hợp người đại diện tổ hợp tác là cá nhân hoặc người đại diện hợp pháp của pháp nhân trong trường hợp người đại diện tổ hợp tác là pháp nhân theo quy định.

* Hồ sơ đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã được tiếp nhận vào Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã khi có đủ các điều kiện sau đây:

a) Có đủ giấy tờ theo quy định tại Luật Hợp tác xã và Nghị định số 295/2026/NĐ-CP;

b) Tên tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đã được điền vào giấy đề nghị đăng ký;

c) Có số điện thoại của người nộp hồ sơ;

d) Đã nộp lệ phí đăng ký kinh doanh, trừ trường hợp được miễn lệ phí đăng ký kinh doanh theo quy định.

* Hồ sơ đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã trên môi trường điện tử phải bảo đảm các yêu cầu sau:

a) Có đầy đủ các giấy tờ và nội dung các giấy tờ đó được kê khai đầy đủ theo quy định như hồ sơ đăng ký bằng bản giấy và được thể hiện dưới dạng văn bản điện tử hoặc dữ liệu điện tử có đầy đủ thông tin theo quy định như hồ sơ đăng ký bằng bản giấy;

b) Các thông tin đăng ký được kê khai trên Hệ thống thông tin về đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã phải được nhập đầy đủ và chính xác theo các thông tin trong hồ sơ đăng ký bằng bản giấy; trong đó có thông tin về số điện thoại, thư điện tử của người nộp hồ sơ.

c) Cá nhân ký tên trong hồ sơ đăng ký có thể sử dụng chữ ký số để ký trực tiếp trên văn bản điện tử hoặc ký trực tiếp trên văn bản giấy và quét (scan) văn bản giấy theo chế độ ảnh màu. theo các định dạng quy định tại khoản 2 Điều 30 Nghị định số 295/2026/NĐ-CP;

d) Hồ sơ đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã trên môi trường điện tử bao gồm các giấy tờ theo quy định tại Luật Hợp tác xã và Nghị định số 295/2026/NĐ-CP được thể hiện dưới dạng văn bản điện tử hoặc dữ liệu điện tử theo quy định pháp luật. Hồ sơ đăng ký trên môi trường điện tử có giá trị pháp lý tương đương hồ sơ đăng ký bằng bản giấy.

e) Thời hạn để tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã sửa đổi, bổ sung hồ sơ đăng ký trên môi trường điện tử là 60 ngày kể từ ngày cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã ra thông báo yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ. Sau thời hạn nêu trên, nếu không nhận được hồ sơ sửa đổi, bổ sung, cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã sẽ hủy hồ sơ đăng ký theo quy trình trên Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã.

* Các trường hợp không được thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã / tiếp tục được thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã:

1. Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã từ chối cấp đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã nếu thuộc một trong các trường hợp sau đây:

a) Tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đã bị cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã ra thông báo về hành vi vi phạm của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thuộc trường hợp thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác, Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã hoặc đã bị ra quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác, Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã;

b) Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đang trong quá trình giải thể theo nghị quyết giải thể của Đại hội thành viên; tổ hợp tác đang trong quá trình chấm dứt hoạt động;

c) Tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đang trong tình trạng pháp lý “Không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký”.

2. Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã tiếp tục giải quyết thủ tục đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đối với các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này khi:

a) Tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đã có biện pháp khắc phục những vi phạm theo yêu cầu trong thông báo về hành vi vi phạm của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thuộc trường hợp thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác, Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã và được cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã chấp nhận hoặc đã được khôi phục Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác, Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã sau khi bị ra quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác, Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã;

b) Tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã phải đăng ký thay đổi nội dung đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã để phục vụ việc chấm dứt hoạt động tổ hợp tác, giải thể hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã theo quy định.

Trong trường hợp này, hồ sơ đăng ký thay đổi phải kèm theo văn bản giải trình của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã về lý do đăng ký thay đổi và được cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã chấp nhận;

c) Tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã không còn trong tình trạng pháp lý “Không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký”.

3. Trường hợp Tòa án; Cơ quan thi hành án; Cơ quan điều tra, Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng Cơ quan điều tra, Điều tra viên quy định tại Bộ luật Tố tụng hình sự yêu cầu bằng văn bản về việc tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã không được thực hiện một hoặc một số thủ tục đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thì cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã từ chối cấp đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã khi tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thực hiện thủ tục đó cho đến khi có ý kiến chấp thuận bằng văn bản của các tổ chức, cá nhân nêu trên về việc cho phép tiếp tục thực hiện thủ tục đăng ký.

m) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Hợp tác xã 2023;
- Nghị định số 295/2026/NĐ-CP;
- Thông tư số 09/2024/TT-BKHĐT;
- Thông tư số 43/2025/TT-BTC.

9. Cấp đổi Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (Mã hồ sơ TTHC: 1.004901)

a) Trình tự thực hiện:

*** Trường hợp đăng ký trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính:**

1. Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đã được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, giấy chứng nhận đăng ký liên hiệp hợp tác xã trước ngày Nghị định số 295/2026/NĐ-CP có hiệu lực thi hành được tiếp tục hoạt động theo nội dung các giấy tờ trên. Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã được cấp đổi sang Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã theo quy định tại Nghị định số 295/2026/NĐ-CP khi thực hiện thủ tục đăng ký, thông báo thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã. Hồ sơ bao gồm các giấy tờ tương ứng quy định tại Nghị định số 295/2026/NĐ-CP và bản sao Giấy chứng nhận đăng ký thuế. Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã tiếp nhận, xem xét tính hợp lệ của hồ sơ, cấp Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, giấy xác nhận về việc thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã theo quy định tương ứng tại Nghị định số 295/2026/NĐ-CP.

2. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, giấy chứng nhận đăng ký liên hiệp hợp tác xã, giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh đã được cấp có sử dụng thông tin từ chứng minh nhân dân, căn cước công dân của

người đại diện tổ hợp tác, người đại diện theo pháp luật của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, người đứng đầu chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh được giữ nguyên giá trị sử dụng.

Trường hợp có nhu cầu hoặc khi thực hiện thủ tục đăng ký thay đổi, thông báo thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã theo quy định tại Nghị định số 295/2026/NĐ-CP, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã gửi giấy đề nghị đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đến cơ quan đăng ký kinh doanh tại Bộ phận một cửa cấp xã để cập nhật thông tin về thẻ Căn cước của người đại diện theo pháp luật của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, người đứng đầu chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh.

*** Trường hợp đăng ký trên môi trường điện tử:**

1. Người nộp hồ sơ đăng nhập Cổng dịch vụ công quốc gia hoặc Ứng dụng định danh quốc gia bằng tài khoản định danh điện tử để truy cập Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã. Người nộp hồ sơ thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã theo quy trình trên Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã như sau:

a) Trường hợp người nộp hồ sơ là người có thẩm quyền ký văn bản đề nghị đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã

Người nộp hồ sơ kê khai thông tin trên Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã. Đối với các giấy đề nghị hoặc thông báo có nội dung được kê khai trên Hệ thống và chỉ yêu cầu người nộp hồ sơ ký thì người nộp hồ sơ không phải ký số hoặc ký trực tiếp và tải lên Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã. Đối với các giấy tờ khác trong thành phần hồ sơ đăng ký theo quy định, người nộp hồ sơ phải bảo đảm các giấy tờ này được ký số hoặc ký trực tiếp theo quy định, được thể hiện dưới dạng văn bản điện tử và tải các giấy tờ này lên Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã.

Đối với các giấy đề nghị hoặc thông báo có nội dung được kê khai trên Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã yêu cầu nhiều người ký và giấy tờ khác trong thành phần hồ sơ đăng ký theo quy định, người nộp hồ sơ phải bảo đảm các giấy tờ này được ký số hoặc ký trực tiếp theo quy định, được thể hiện dưới dạng văn bản điện tử và tải các giấy tờ này lên Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã.

Người nộp hồ sơ thanh toán phí, lệ phí (nếu có) và thực hiện xác thực điện tử theo quy định để nộp hồ sơ. Sau khi hoàn thành việc gửi hồ sơ, người nộp hồ sơ sẽ nhận được giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả điện tử.

b) Trường hợp người nộp hồ sơ là người được ủy quyền thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã

Người nộp hồ sơ kê khai thông tin và tải các giấy tờ trong thành phần hồ sơ đăng ký theo quy định lên Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã. Các giấy tờ này phải được ký số hoặc ký trực tiếp theo quy định và được thể hiện dưới dạng văn bản điện tử.

Người nộp hồ sơ thanh toán phí, lệ phí (nếu có) và thực hiện xác thực điện tử theo quy định để nộp hồ sơ. Sau khi hoàn thành việc gửi hồ sơ, người nộp hồ sơ sẽ nhận được giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả điện tử.

2. Các thông tin đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã trên Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã được truyền sang Hệ thống ứng dụng đăng ký thuế để phối hợp, trao đổi thông tin giữa cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã và cơ quan thuế.

3. Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã xem xét tính hợp lệ của hồ sơ và trả kết quả giải quyết hồ sơ cho tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã theo quy định tại Luật Hợp tác xã và Nghị định số 295/2026/NĐ-CP. Người nộp hồ sơ đăng nhập vào Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã để nhận thông tin phản hồi về kết quả xử lý hồ sơ.

b) Cách thức thực hiện:

Hồ sơ đăng ký được gửi đến cơ quan đăng ký kinh doanh theo một trong các phương thức sau đây:

- Nộp trực tiếp tại cơ quan đăng ký kinh doanh;
- Qua dịch vụ bưu chính;
- Qua Cổng dịch vụ công quốc gia hoặc Ứng dụng định danh quốc gia

c) Thành phần hồ sơ:

* Hồ sơ bao gồm:

+ Trường hợp cấp đổi khi thực hiện thủ tục đăng ký, thông báo thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã:

(1) Giấy tờ tương ứng cho từng thủ tục đăng ký, thông báo thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã, quy định tại Nghị định số 295/2026/NĐ-CP.

(2) Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký thuế.

+ Trường hợp có nhu cầu hoặc khi thực hiện thủ tục đăng ký thay đổi, thông báo thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã theo quy định tại Nghị định số 295/2026/NĐ-CP để cập nhật thông tin về thẻ Căn cước của người đại diện theo pháp luật của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, người đứng đầu chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh

(1) Giấy đề nghị đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã;

Lưu ý:

Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã khai thác, sử dụng thông tin đã có trong các cơ sở dữ liệu để thay thế và không yêu cầu cá nhân, tổ chức thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã nộp bản sao Giấy chứng nhận đăng ký thuế; bản sao hộ chiếu; bản sao Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư; bản sao văn bản của cơ quan đăng ký đầu tư chấp thuận về việc góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước

ngoài; bản sao quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật; bản sao phán quyết của Trọng tài có hiệu lực và các giấy tờ khác trong thành phần hồ sơ giải quyết thủ tục đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã quy định tại Luật Hợp tác xã và Nghị định số 295/2026/NĐ-CP.

Trường hợp không khai thác được thông tin hoặc thông tin khai thác được không đầy đủ, không chính xác thì cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã yêu cầu cá nhân, tổ chức bổ sung bản sao các giấy tờ nêu trên trong trường hợp hồ sơ quy định tại Luật Hợp tác xã và Nghị định số 295/2026/NĐ-CP có yêu cầu để giải quyết thủ tục đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã theo quy định; Cá nhân, tổ chức thực hiện cập nhật, điều chỉnh thông tin trong các cơ sở dữ liệu theo quy định của pháp luật.

Việc khai thác, sử dụng thông tin đã có trong các cơ sở dữ liệu để thay thế thành phần hồ sơ đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã trên cơ sở kết nối, chia sẻ thông tin giữa Cơ sở dữ liệu về đăng ký hợp tác xã và các cơ sở dữ liệu khác thực hiện theo thông báo trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

* Trường hợp đăng ký trên môi trường điện tử:

Hồ sơ đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã trên môi trường điện tử bao gồm các giấy tờ theo quy định tại Luật Hợp tác xã 2023 và Nghị định số 295/2026/NĐ-CP được thể hiện dưới dạng văn bản điện tử. Hồ sơ đăng ký trên môi trường điện tử có giá trị pháp lý tương đương hồ sơ đăng ký bằng bản giấy.

* Trường hợp ủy quyền thực hiện thủ tục:

1. Người được ủy quyền đăng ký thành lập hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã được ghi trong nghị quyết Hội nghị thành lập hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã. Việc ủy quyền lại để thực hiện thủ tục đăng ký thành lập hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thực hiện theo quy định của pháp luật về dân sự.

2. Trừ trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này, cá nhân ký tên tại văn bản đề nghị đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã có thể ủy quyền cho tổ chức, cá nhân khác thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã như sau:

a) Trường hợp ủy quyền cho cá nhân thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, kèm theo hồ sơ phải có văn bản ủy quyền cho cá nhân thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã. Văn bản ủy quyền này không bắt buộc phải công chứng, chứng thực;

b) Trường hợp ủy quyền cho tổ chức thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, kèm theo hồ sơ đăng ký phải có bản sao hợp đồng cung cấp dịch vụ với tổ chức làm dịch vụ, giấy giới thiệu hoặc văn bản

phân công nhiệm vụ của tổ chức đó cho cá nhân trực tiếp thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

3. Trường hợp thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã qua dịch vụ bưu chính công ích, khi thực hiện thủ tục, nhân viên bưu chính phải nộp bản sao phiếu gửi hồ sơ theo mẫu do doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính công ích phát hành có chữ ký xác nhận của nhân viên bưu chính và người có thẩm quyền ký văn bản đề nghị đăng ký.

4. Trường hợp ủy quyền cho đơn vị cung cấp dịch vụ bưu chính không phải là bưu chính công ích thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thì việc ủy quyền thực hiện theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 12 Nghị định số 295/2026/NĐ-CP.

5. Người ủy quyền và người được ủy quyền thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, trung thực và chính xác của việc ủy quyền.

6. Người ủy quyền phải xác thực điện tử theo quy định pháp luật về xác thực và định danh điện tử khi thực hiện thủ tục đăng ký thành lập tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; đăng ký thay đổi người đại diện theo pháp luật của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; thông báo thay đổi thông tin về thành viên chính thức, thành viên liên kết góp vốn là tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài, cá nhân là nhà đầu tư nước ngoài của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; đăng ký thay đổi thành viên tổ hợp tác để được cấp đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

Trường hợp việc xác thực điện tử bị gián đoạn thì người ủy quyền thực hiện việc xác thực điện tử sau khi được cấp đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã. Trường hợp người ủy quyền không xác nhận hoặc xác nhận không ủy quyền thực hiện thủ tục đăng ký sau khi được cấp đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thì cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã yêu cầu tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã báo cáo theo quy định tại khoản 6 Điều 7 Nghị định số 295/2026/NĐ-CP.

Trường hợp chưa có tài khoản định danh điện tử để thực hiện xác thực điện tử thì hồ sơ đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã phải kèm theo bản sao thẻ Căn cước hoặc thẻ Căn cước công dân hoặc hộ chiếu hoặc hộ chiếu nước ngoài hoặc các giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu nước ngoài còn hiệu lực của người ủy quyền.

Việc triển khai quy định về xác thực điện tử thực hiện theo kế hoạch xây dựng, nâng cấp Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã và được thông báo trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

d) Số lượng hồ sơ:

01 bộ hồ sơ.

đ) Thời hạn giải quyết:

Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:

Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã.

g) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:

Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

h) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã cấp Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, giấy xác nhận về việc thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã và các giấy xác nhận khác theo quy định tương ứng tại Nghị định số 295/2026/NĐ-CP.

i) Lệ phí:

- Mức lệ phí cụ thể do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định (căn cứ quy định tại Thông tư số 85/2019/TT-BTC).

- Người nộp hồ sơ đăng ký nộp lệ phí đăng ký kinh doanh tại thời điểm nộp hồ sơ. Lệ phí đăng ký kinh doanh có thể nộp trực tiếp tại bộ phận tiếp nhận hồ sơ ở cấp xã hoặc chuyển vào tài khoản của cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã hoặc thanh toán trực tuyến thông qua chức năng thanh toán trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia hoặc bằng cách thức khác theo quy định của pháp luật. Lệ phí đăng ký kinh doanh không được hoàn trả trong trường hợp hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã không được cấp đăng ký.

2. Tiền sử dụng dịch vụ thanh toán trực tuyến không được tính trong lệ phí đăng ký kinh doanh.

- Việc giải quyết các lỗi giao dịch phát sinh trong quá trình sử dụng dịch vụ thanh toán trực tuyến được thực hiện theo quy định của pháp luật về giải quyết thủ tục hành chính trên môi trường điện tử.

- Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã có trách nhiệm phối hợp với tổ chức cung cấp dịch vụ trung gian thanh toán hoặc ngân hàng thương mại thực hiện việc đối soát dữ liệu thanh toán qua hệ thống thanh toán trực tuyến của Cổng dịch vụ công quốc gia hoặc của tổ chức cung cấp dịch vụ trung gian thanh toán.

- Không thu lệ phí đăng ký đối với tổ hợp tác theo quy định tại khoản 2 Điều 22 Luật Hợp tác xã 2023.

k) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

Giấy đề nghị đăng ký thay đổi nội dung Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã/ Thông báo thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã (*Mẫu số 4, Phụ lục II, Thông tư số 43/2025/TT-BTC*).

l) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

*** Kê khai thông tin cá nhân trong thực hiện thủ tục đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã**

1. Trường hợp đã có sổ định danh cá nhân, người thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã kê khai các thông tin về họ, chữ đệm và tên, ngày, tháng, năm sinh, sổ định danh cá nhân, giới tính của mình và của cá nhân có yêu cầu kê khai thông tin cá nhân trong hồ sơ đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã. Các thông tin kê khai phải chính xác so với các thông tin được lưu trữ tại Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư. Trường hợp thông tin cá nhân được kê khai có sai khác so với thông tin được lưu trữ tại Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, cá nhân đó có trách nhiệm liên hệ với cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền để hiệu chỉnh thông tin trước khi thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

2. Trường hợp nộp hồ sơ đăng ký bằng bản giấy, người nộp hồ sơ đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã xuất trình căn cước công dân hoặc thẻ căn cước hoặc sử dụng tài khoản định danh điện tử theo quy định pháp luật để thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

3. Trường hợp không có sổ định danh cá nhân thì hồ sơ đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã có yêu cầu kê khai thông tin cá nhân của người đại diện theo pháp luật của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, người đứng đầu chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh, người đại diện tổ hợp tác trong trường hợp người đại diện tổ hợp tác là cá nhân hoặc người đại diện hợp pháp của pháp nhân trong trường hợp người đại diện tổ hợp tác là pháp nhân phải kèm theo bản sao hộ chiếu hoặc hộ chiếu nước ngoài hoặc các giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu nước ngoài còn hiệu lực của cá nhân đó theo quy định.

4. Trường hợp việc kết nối giữa Cơ sở dữ liệu về đăng ký hợp tác xã với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư bị gián đoạn thì hồ sơ đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã phải kèm theo bản sao căn cước công dân hoặc thẻ căn cước hoặc hộ chiếu hoặc hộ chiếu nước ngoài hoặc các giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu nước ngoài còn hiệu lực của người nộp hồ sơ đăng ký, người đại diện theo pháp luật của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, người đứng đầu chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh, người đại diện tổ hợp tác trong trường hợp người đại diện tổ hợp tác là cá nhân hoặc người đại diện hợp pháp của pháp nhân trong trường hợp người đại diện tổ hợp tác là pháp nhân theo quy định.

*** Hồ sơ đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã được tiếp nhận vào Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã khi có đủ các điều kiện sau đây:**

a) Có đủ giấy tờ theo quy định tại Luật Hợp tác xã và Nghị định số 295/2026/NĐ-CP;

b) Tên tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đã được điền vào giấy đề nghị đăng ký;

- c) Có số điện thoại của người nộp hồ sơ;
- d) Đã nộp lệ phí đăng ký kinh doanh, trừ trường hợp được miễn lệ phí đăng ký kinh doanh theo quy định.

* Hồ sơ đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã trên môi trường điện tử phải bảo đảm các yêu cầu sau:

a) Có đầy đủ các giấy tờ và nội dung các giấy tờ đó được kê khai đầy đủ theo quy định như hồ sơ đăng ký bằng bản giấy và được thể hiện dưới dạng văn bản điện tử hoặc dữ liệu điện tử có đầy đủ thông tin theo quy định như hồ sơ đăng ký bằng bản giấy;

b) Các thông tin đăng ký được kê khai trên Hệ thống thông tin về đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã phải được nhập đầy đủ và chính xác theo các thông tin trong hồ sơ đăng ký bằng bản giấy; trong đó có thông tin về số điện thoại, thư điện tử của người nộp hồ sơ.

c) Cá nhân ký tên trong hồ sơ đăng ký có thể sử dụng chữ ký số để ký trực tiếp trên văn bản điện tử hoặc ký trực tiếp trên văn bản giấy và quét (scan) văn bản giấy theo chế độ ảnh màu, theo các định dạng quy định tại khoản 2 Điều 30 Nghị định số 295/2026/NĐ-CP;

d) Hồ sơ đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã trên môi trường điện tử bao gồm các giấy tờ theo quy định tại Luật Hợp tác xã và Nghị định số 295/2026/NĐ-CP được thể hiện dưới dạng văn bản điện tử hoặc dữ liệu điện tử theo quy định pháp luật. Hồ sơ đăng ký trên môi trường điện tử có giá trị pháp lý tương đương hồ sơ đăng ký bằng bản giấy.

e) Thời hạn để tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã sửa đổi, bổ sung hồ sơ đăng ký trên môi trường điện tử là 60 ngày kể từ ngày cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã ra thông báo yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ. Sau thời hạn nêu trên, nếu không nhận được hồ sơ sửa đổi, bổ sung, cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã sẽ hủy hồ sơ đăng ký theo quy trình trên Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã.

* Các trường hợp không được thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã tiếp tục được thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã:

1. Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã từ chối cấp đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã nếu thuộc một trong các trường hợp sau đây:

a) Tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đã bị cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã ra thông báo về hành vi vi phạm của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thuộc trường hợp thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác, Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã hoặc đã bị ra quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác, Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã;

b) Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đang trong quá trình giải thể theo nghị quyết giải thể của Đại hội thành viên; tổ hợp tác đang trong quá trình chấm dứt hoạt động;

c) Tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đang trong tình trạng pháp lý “Không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký”.

2. Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã tiếp tục giải quyết thủ tục đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đối với các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này khi:

a) Tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đã có biện pháp khắc phục những vi phạm theo yêu cầu trong thông báo về hành vi vi phạm của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thuộc trường hợp thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác, Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã và được cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã chấp nhận hoặc đã được khôi phục Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác, Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã sau khi bị ra quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác, Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã;

b) Tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã phải đăng ký thay đổi nội dung đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã để phục vụ việc chấm dứt hoạt động tổ hợp tác, giải thể hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã theo quy định. Trong trường hợp này, hồ sơ đăng ký thay đổi phải kèm theo văn bản giải trình của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã về lý do đăng ký thay đổi và được cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã chấp nhận;

c) Tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã không còn trong tình trạng pháp lý “Không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký”.

3. Trường hợp Tòa án; Cơ quan thi hành án; Cơ quan điều tra, Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng Cơ quan điều tra, Điều tra viên quy định tại Bộ luật Tố tụng hình sự yêu cầu bằng văn bản về việc tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã không được thực hiện một hoặc một số thủ tục đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thì cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã từ chối cấp đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã khi tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thực hiện thủ tục đó cho đến khi có ý kiến chấp thuận bằng văn bản của các tổ chức, cá nhân nêu trên về việc cho phép tiếp tục thực hiện thủ tục đăng ký.

m) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Hợp tác xã 2023;
- Nghị định số 295/2026/NĐ-CP;
- Thông tư số 09/2024/TT-BKHĐT;
- Thông tư số 43/2025/TT-BTC.

10. Thông báo thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; Thông báo thay đổi nội dung đăng ký đối với hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã bị tách, nhận sáp nhập; Thông báo thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã theo quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật hoặc phán quyết của Trọng tài có hiệu lực (Mã hồ sơ TTHC: 1.004979)

a) Trình tự thực hiện:

*** Trường hợp đăng ký trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính:**

- Trường hợp thông báo thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã;

Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã phải thông báo với cơ quan đăng ký kinh doanh khi có thay đổi một trong các nội dung sau đây: (1) Đăng ký về ngành, nghề kinh doanh; (2) Thông tin đăng ký thuế; và (3) Thông tin thành viên chính thức, thành viên liên kết góp vốn là tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài, cá nhân là nhà đầu tư nước ngoài. Việc thông báo được thực hiện theo trình tự sau đây:

Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày có thay đổi nội dung quy định tại khoản 1 Điều 48 Luật Hợp tác xã 2023, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã gửi hồ sơ thông báo thay đổi đến cơ quan đăng ký kinh doanh tại Bộ phận một cửa cấp xã.

Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ thông báo, cơ quan đăng ký kinh doanh có trách nhiệm xem xét tính hợp lệ của hồ sơ và thực hiện thay đổi nội dung đăng ký; trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ, cơ quan đăng ký kinh doanh phải thông báo bằng văn bản nội dung cần sửa đổi, bổ sung; trường hợp từ chối thì phải thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do.

- Việc thông báo thay đổi nội dung Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã theo quyết định của Tòa án hoặc Trọng tài thực hiện theo trình tự sau đây:

(i) Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật hoặc phán quyết của Trọng tài có hiệu lực, người đề nghị đăng ký thay đổi nội dung Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã gửi hồ sơ đăng ký thay đổi đến cơ quan đăng ký kinh doanh;

(ii) Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đăng ký thay đổi, cơ quan đăng ký kinh doanh có trách nhiệm xem xét và cấp Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã theo nội dung bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật hoặc phán quyết của Trọng tài có hiệu lực; trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ, cơ quan đăng ký kinh doanh phải thông báo bằng văn bản nội dung cần sửa đổi, bổ sung; trường hợp từ chối thì phải thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do.

*** Trường hợp đăng ký trên môi trường điện tử:**

- Người nộp hồ sơ sử dụng tài khoản định danh điện tử để truy cập vào Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã.

- Người nộp hồ sơ kê khai thông tin, tải văn bản điện tử, ký xác thực hồ sơ đăng ký trên môi trường điện tử và thanh toán lệ phí theo quy trình trên Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã.

- Sau khi hoàn thành việc gửi hồ sơ đăng ký, người nộp hồ sơ sẽ nhận được giấy biên nhận hồ sơ đăng ký trong tài khoản của người nộp hồ sơ trên Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã.

- Các thông tin đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã trên Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã được truyền sang Hệ thống ứng dụng đăng ký thuế để phối hợp, trao đổi thông tin giữa cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã và cơ quan thuế.

- Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện cấp đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã thực hiện cấp đăng ký cho hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã bằng bản giấy hoặc bản điện tử. Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ hoặc tên hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã yêu cầu đăng ký không đúng theo quy định hoặc thông tin kê khai trong hồ sơ đăng ký không thống nhất, cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã gửi thông báo trên môi trường điện tử cho hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã để yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ. Người nộp hồ sơ sử dụng tài khoản truy cập vào Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã để nhận thông tin phản hồi về kết quả xử lý hồ sơ.

b) Cách thức thực hiện:

Hồ sơ đăng ký được gửi đến cơ quan đăng ký kinh doanh theo một trong các phương thức sau đây:

- Nộp trực tiếp tại cơ quan đăng ký kinh doanh;
- Qua dịch vụ bưu chính;
- Qua Cổng dịch vụ công quốc gia hoặc Ứng dụng định danh quốc gia

c) Thành phần hồ sơ:

* Hồ sơ bao gồm:

- Trường hợp thông báo thay đổi ngành, nghề kinh doanh:

(1) Thông báo thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã;

(2) Bản sao hoặc bản chính nghị quyết của Đại hội thành viên về việc thay đổi ngành, nghề kinh doanh.

- Trường hợp thông báo thay đổi thông tin đăng ký thuế mà không thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh, trừ thay đổi phương pháp tính thuế:

(1) Thông báo thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

- Trường hợp thông báo thay đổi thông tin về thành viên chính thức, thành viên liên kết góp vốn là tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài, cá nhân là nhà đầu tư nước ngoài:

(1) Thông báo thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã;

(2) Danh sách thành viên chính thức, thành viên liên kết góp vốn là tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài, cá nhân là nhà đầu tư nước ngoài sau khi thay đổi;

(3) Bản sao văn bản của cơ quan đăng ký đầu tư chấp thuận về việc góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài đối với trường hợp phải thực hiện thủ tục đăng ký góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp theo quy định của Luật Đầu tư.

- Trường hợp thông báo thay đổi nội dung đăng ký đối với hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã bị tách, nhận sáp nhập

Ngoài các giấy tờ tương ứng với các trường hợp thông báo thay đổi nội dung đăng ký đối với hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã tại 3 trường hợp nêu trên thì trong trường hợp thông báo thay đổi nội dung đăng ký đối với hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã bị tách thì hồ sơ phải kèm theo nghị quyết tách hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; đối với hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã nhận sáp nhập thì hồ sơ kèm theo hợp đồng sáp nhập, nghị quyết thông qua hợp đồng sáp nhập của các hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã nhận sáp nhập và được sáp nhập.

- Trường hợp thông báo thay đổi nội dung Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã theo quyết định của Tòa án hoặc Trọng tài:

(i) Giấy đề nghị đăng ký thay đổi nội dung Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã

(ii) Bản sao quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật hoặc phán quyết của Trọng tài có hiệu lực

Lưu ý:

Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã khai thác, sử dụng thông tin đã có trong các cơ sở dữ liệu để thay thế và không yêu cầu cá nhân, tổ chức thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã nộp bản sao Giấy chứng nhận đăng ký thuế; bản sao hộ chiếu; bản sao Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư; bản sao văn bản của cơ quan đăng ký đầu tư chấp thuận về việc góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài; bản sao quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật; bản sao phán quyết của Trọng tài có hiệu lực và các giấy tờ khác trong thành phần hồ sơ giải quyết thủ tục đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã quy định tại Luật Hợp tác xã và Nghị định số 295/2026/NĐ-CP.

Trường hợp không khai thác được thông tin hoặc thông tin khai thác được không đầy đủ, không chính xác thì cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã yêu cầu cá nhân, tổ chức bổ sung bản sao các giấy tờ nêu trên trong trường hợp hồ sơ quy định tại Luật Hợp tác xã và Nghị định số 295/2026/NĐ-CP có yêu cầu để giải quyết thủ tục đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã theo quy định; Cá nhân, tổ chức thực hiện cập nhật, điều chỉnh thông tin trong các cơ sở dữ liệu theo quy định của pháp luật.

Việc khai thác, sử dụng thông tin đã có trong các cơ sở dữ liệu để thay thế thành phần hồ sơ đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã trên cơ sở kết nối, chia sẻ thông tin giữa Cơ sở dữ liệu về đăng ký hợp tác xã và các cơ sở dữ liệu khác thực hiện theo thông báo trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

* Trường hợp đăng ký trên môi trường điện tử:

Hồ sơ đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã trên môi trường điện tử bao gồm các giấy tờ theo quy định tại Luật Hợp tác xã 2023 và Nghị định số 295/2026/NĐ-CP được thể hiện dưới dạng văn bản điện tử. Hồ sơ đăng ký trên môi trường điện tử có giá trị pháp lý tương đương hồ sơ đăng ký bằng bản giấy.

* Trường hợp ủy quyền thực hiện thủ tục:

1. Người được ủy quyền đăng ký thành lập hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã được ghi trong nghị quyết Hội nghị thành lập hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã. Việc ủy quyền lại để thực hiện thủ tục đăng ký thành lập hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thực hiện theo quy định của pháp luật về dân sự.

2. Trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này, cá nhân ký tên tại văn bản đề nghị đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã có thể ủy quyền cho tổ chức, cá nhân khác thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã như sau:

a) Trường hợp ủy quyền cho cá nhân thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, kèm theo hồ sơ phải có văn bản ủy quyền cho cá nhân thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã. Văn bản ủy quyền này không bắt buộc phải công chứng, chứng thực;

b) Trường hợp ủy quyền cho tổ chức thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, kèm theo hồ sơ đăng ký phải có bản sao hợp đồng cung cấp dịch vụ với tổ chức làm dịch vụ, giấy giới thiệu hoặc văn bản phân công nhiệm vụ của tổ chức đó cho cá nhân trực tiếp thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

3. Trường hợp thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã qua dịch vụ bưu chính công ích, khi thực hiện thủ tục, nhân viên bưu chính phải nộp bản sao phiếu gửi hồ sơ theo mẫu do doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính công ích phát hành có chữ ký xác nhận của nhân viên bưu chính và người có thẩm quyền ký văn bản đề nghị đăng ký.

4. Trường hợp ủy quyền cho đơn vị cung cấp dịch vụ bưu chính không phải là bưu chính công ích thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thì việc ủy quyền thực hiện theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 12 Nghị định số 295/2026/NĐ-CP.

5. Người ủy quyền và người được ủy quyền thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, trung thực và chính xác của việc ủy quyền.

6. Người ủy quyền phải xác thực điện tử theo quy định pháp luật về xác thực và định danh điện tử khi thực hiện thủ tục đăng ký thành lập tổ hợp tác, hợp tác

xã, liên hiệp hợp tác xã; đăng ký thay đổi người đại diện theo pháp luật của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; thông báo thay đổi thông tin về thành viên chính thức, thành viên liên kết góp vốn là tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài, cá nhân là nhà đầu tư nước ngoài của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; đăng ký thay đổi thành viên tổ hợp tác để được cấp đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

Trường hợp việc xác thực điện tử bị gián đoạn thì người ủy quyền thực hiện việc xác thực điện tử sau khi được cấp đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã. Trường hợp người ủy quyền không xác nhận hoặc xác nhận không ủy quyền thực hiện thủ tục đăng ký sau khi được cấp đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thì cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã yêu cầu tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã báo cáo theo quy định tại khoản 6 Điều 7 Nghị định số 295/2026/NĐ-CP.

Trường hợp chưa có tài khoản định danh điện tử để thực hiện xác thực điện tử thì hồ sơ đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã phải kèm theo bản sao thẻ Căn cước hoặc thẻ Căn cước công dân hoặc hộ chiếu hoặc hộ chiếu nước ngoài hoặc các giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu nước ngoài còn hiệu lực của người ủy quyền.

Việc triển khai quy định về xác thực điện tử thực hiện theo kế hoạch xây dựng, nâng cấp Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã và được thông báo trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

d) Số lượng hồ sơ:

01 bộ hồ sơ.

đ) Thời hạn giải quyết:

Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:

Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã.

g) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:

Người được ủy quyền đăng ký thành lập hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

h) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

- Trường hợp hồ sơ hợp lệ: Cơ quan đăng ký kinh doanh thực hiện thay đổi nội dung đăng ký. Trường hợp hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã có nhu cầu, cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã cấp giấy xác nhận về việc thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

- Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ: Cơ quan đăng ký kinh doanh thông báo bằng văn bản nội dung cần sửa đổi, bổ sung.

- Trường hợp từ chối: Cơ quan đăng ký kinh doanh thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do.

i) Lệ phí:

- Mức lệ phí cụ thể do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định (căn cứ quy định tại Thông tư số 85/2019/TT-BTC).

- Người nộp hồ sơ đăng ký nộp lệ phí đăng ký kinh doanh tại thời điểm nộp hồ sơ. Lệ phí đăng ký kinh doanh có thể nộp trực tiếp tại bộ phận tiếp nhận hồ sơ ở cấp xã hoặc chuyển vào tài khoản của cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã hoặc thanh toán trực tuyến thông qua chức năng thanh toán trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia hoặc bằng cách thức khác theo quy định của pháp luật. Lệ phí đăng ký kinh doanh không được hoàn trả trong trường hợp hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã không được cấp đăng ký.

2. Tiền sử dụng dịch vụ thanh toán trực tuyến không được tính trong lệ phí đăng ký kinh doanh.

- Việc giải quyết các lỗi giao dịch phát sinh trong quá trình sử dụng dịch vụ thanh toán trực tuyến được thực hiện theo quy định của pháp luật về giải quyết thủ tục hành chính trên môi trường điện tử.

- Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã có trách nhiệm phối hợp với tổ chức cung cấp dịch vụ trung gian thanh toán hoặc ngân hàng thương mại thực hiện việc đối soát dữ liệu thanh toán qua hệ thống thanh toán trực tuyến của Cổng dịch vụ công quốc gia hoặc của tổ chức cung cấp dịch vụ trung gian thanh toán.

- Không thu lệ phí đăng ký đối với tổ hợp tác theo quy định tại khoản 2 Điều 22 Luật Hợp tác xã 2023.

k) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

* *Thông báo thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã:*

+ Giấy đề nghị đăng ký thay đổi nội dung Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã/ Thông báo thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã (*Mẫu số 4, Phụ lục II, Thông tư số 43/2025/TT-BTC*).

+ Danh sách thành viên chính thức, thành viên liên kết góp vốn của hợp tác xã (*Mẫu số 2, Phụ lục II, Thông tư số 43/2025/TT-BTC*) (dùng trong trường hợp thông báo thay đổi thông tin về thành viên chính thức, thành viên liên kết góp vốn là tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài, cá nhân là nhà đầu tư nước ngoài).

* *Thông báo thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã theo quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật hoặc phán quyết của Trọng tài có hiệu lực:* không có mẫu tờ khai.

l) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

* Trường hợp tách hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã:

- Hợp tác xã có thể tách bằng cách chuyển một phần tài sản, quyền, nghĩa vụ, thành viên của mình (sau đây gọi là hợp tác xã bị tách) để thành lập một hoặc nhiều hợp tác xã được tách. Liên hiệp hợp tác xã có thể tách bằng cách chuyển một phần tài sản, quyền, nghĩa vụ, thành viên của mình (sau đây gọi là liên hiệp hợp tác xã bị tách) để thành lập một hoặc nhiều liên hiệp hợp tác xã được tách. Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã bị tách không chấm dứt tồn tại.

- Thủ tục tách hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã được thực hiện như sau:

Đại hội thành viên của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã bị tách thông qua nghị quyết tách hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã theo quy định của Luật Hợp tác xã 2023 và Điều lệ.

Nghị quyết tách hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã bao gồm nội dung chủ yếu sau đây: tên, địa chỉ trụ sở chính của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã bị tách; tên hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã được tách; phương án sử dụng lao động; nguyên tắc, cách thức và thủ tục chuyển một phần tài sản, quyền, nghĩa vụ từ hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã bị tách sang hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã được tách, bao gồm cả quỹ chung không chia, tài sản chung không chia; thời hạn thực hiện tách hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã;

Nghị quyết tách hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã phải được gửi đến tất cả chủ nợ, thông báo cho người lao động, Ủy ban nhân dân nơi cấp Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày thông qua nghị quyết;

- Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã bị tách và hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã được tách phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ chưa thanh toán, hợp đồng lao động và nghĩa vụ khác của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã bị tách, trừ trường hợp hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã bị tách, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã được tách, chủ nợ, khách hàng và người lao động của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã bị tách có thỏa thuận khác. Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã được tách đương nhiên kế thừa toàn bộ quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp được phân chia theo nghị quyết tách hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

- Tài sản chung không chia, quỹ chung không chia của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã bị tách được chuyển thành tài sản chung không chia, quỹ chung không chia của các hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã sau khi tách theo phương án do Đại hội thành viên của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã bị tách quyết định.

* Sáp nhập hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã

- Một hoặc nhiều hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã có thể sáp nhập bằng cách chuyển toàn bộ tài sản, quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp (sau đây gọi là hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã được sáp nhập) sang một hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã khác cùng loại hình (sau đây gọi là hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã nhận sáp nhập).

- Thủ tục sáp nhập hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã được thực hiện như sau:

Các hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã nhận sáp nhập và được sáp nhập chuẩn bị dự thảo hợp đồng sáp nhập và dự thảo Điều lệ hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã nhận sáp nhập.

Hợp đồng sáp nhập bao gồm nội dung chủ yếu sau đây: tên, địa chỉ trụ sở chính của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã nhận sáp nhập; tên, địa chỉ trụ sở chính của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã được sáp nhập; phương án sử dụng lao động; cách thức, thủ tục, thời hạn và điều kiện chuyển đổi tài sản bao gồm cả quỹ chung không chia, tài sản chung không chia; chuyển đổi phần vốn góp của hợp tác xã,

liên hiệp hợp tác xã được sáp nhập thành phần vốn góp của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã nhận sáp nhập; thời hạn thực hiện sáp nhập;

Đại hội thành viên của các hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã nhận sáp nhập và được sáp nhập thông qua hợp đồng sáp nhập, Điều lệ hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã nhận sáp nhập;

Hợp đồng sáp nhập phải được gửi đến tất cả chủ nợ, thông báo cho người lao động, Ủy ban nhân dân nơi cấp Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày thông qua;

Sau khi hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã nhận sáp nhập được đăng ký, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã được sáp nhập chấm dứt tồn tại; hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã nhận sáp nhập được hưởng các quyền và lợi ích hợp pháp, chịu trách nhiệm về các khoản nợ chưa thanh toán, hợp đồng lao động và nghĩa vụ khác của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã được sáp nhập. Các hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã nhận sáp nhập đương nhiên kế thừa toàn bộ quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp của các hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã được sáp nhập theo hợp đồng sáp nhập.

Tài sản chung không chia, quỹ chung không chia của các hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã được sáp nhập được chuyển thành tài sản chung không chia, quỹ chung không chia của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã nhận sáp nhập.

* Kê khai thông tin cá nhân trong thực hiện thủ tục đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã

1. Trường hợp đã có sổ định danh cá nhân, người thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã kê khai các thông tin về họ, chữ đệm và tên, ngày, tháng, năm sinh, sổ định danh cá nhân, giới tính của mình và của cá nhân có yêu cầu kê khai thông tin cá nhân trong hồ sơ đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã. Các thông tin kê khai phải chính xác so với các thông tin được lưu trữ tại Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư. Trường hợp thông tin cá nhân được kê khai có sai khác so với thông tin được lưu trữ tại Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, cá nhân đó có trách nhiệm liên hệ với cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền để hiệu chỉnh thông tin trước khi thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

2. Trường hợp nộp hồ sơ đăng ký bằng bản giấy, người nộp hồ sơ đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã xuất trình căn cước công dân hoặc thẻ căn cước hoặc sử dụng tài khoản định danh điện tử theo quy định pháp luật để thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

3. Trường hợp không có sổ định danh cá nhân thì hồ sơ đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã có yêu cầu kê khai thông tin cá nhân của người đại diện theo pháp luật của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, người đứng đầu chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh, người đại diện tổ hợp tác trong trường hợp người đại diện tổ hợp tác là cá nhân hoặc người đại diện hợp pháp của pháp nhân trong trường hợp người đại diện tổ hợp tác là pháp nhân phải kèm theo

bản sao hộ chiếu hoặc hộ chiếu nước ngoài hoặc các giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu nước ngoài còn hiệu lực của cá nhân đó theo quy định.

4. Trường hợp việc kết nối giữa Cơ sở dữ liệu về đăng ký hợp tác xã với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư bị gián đoạn thì hồ sơ đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã phải kèm theo bản sao căn cước công dân hoặc thẻ căn cước hoặc hộ chiếu hoặc hộ chiếu nước ngoài hoặc các giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu nước ngoài còn hiệu lực của người nộp hồ sơ đăng ký, người đại diện theo pháp luật của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, người đứng đầu chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh, người đại diện tổ hợp tác trong trường hợp người đại diện tổ hợp tác là cá nhân hoặc người đại diện hợp pháp của pháp nhân trong trường hợp người đại diện tổ hợp tác là pháp nhân theo quy định.

* Hồ sơ đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã được tiếp nhận vào Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã khi có đủ các điều kiện sau đây:

a) Có đủ giấy tờ theo quy định tại Luật Hợp tác xã và Nghị định số 295/2026/NĐ-CP;

b) Tên tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đã được điền vào giấy đề nghị đăng ký;

c) Có số điện thoại của người nộp hồ sơ;

d) Đã nộp lệ phí đăng ký kinh doanh, trừ trường hợp được miễn lệ phí đăng ký kinh doanh theo quy định.

* Hồ sơ đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã trên môi trường điện tử phải bảo đảm các yêu cầu sau:

a) Có đầy đủ các giấy tờ và nội dung các giấy tờ đó được kê khai đầy đủ theo quy định như hồ sơ đăng ký bằng bản giấy và được thể hiện dưới dạng văn bản điện tử hoặc dữ liệu điện tử có đầy đủ thông tin theo quy định như hồ sơ đăng ký bằng bản giấy;

b) Các thông tin đăng ký được kê khai trên Hệ thống thông tin về đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã phải được nhập đầy đủ và chính xác theo các thông tin trong hồ sơ đăng ký bằng bản giấy; trong đó có thông tin về số điện thoại, thư điện tử của người nộp hồ sơ.

c) Cá nhân ký tên trong hồ sơ đăng ký có thể sử dụng chữ ký số để ký trực tiếp trên văn bản điện tử hoặc ký trực tiếp trên văn bản giấy và quét (scan) văn bản giấy theo chế độ ảnh màu. theo các định dạng quy định tại khoản 2 Điều 30 Nghị định số 295/2026/NĐ-CP;

d) Hồ sơ đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã trên môi trường điện tử bao gồm các giấy tờ theo quy định tại Luật Hợp tác xã và Nghị định số

295/2026/NĐ-CP được thể hiện dưới dạng văn bản điện tử hoặc dữ liệu điện tử theo quy định pháp luật. Hồ sơ đăng ký trên môi trường điện tử có giá trị pháp lý tương đương hồ sơ đăng ký bằng bản giấy.

e) Thời hạn để tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã sửa đổi, bổ sung hồ sơ đăng ký trên môi trường điện tử là 60 ngày kể từ ngày cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã ra thông báo yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ. Sau thời hạn nêu trên, nếu không nhận được hồ sơ sửa đổi, bổ sung, cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã sẽ hủy hồ sơ đăng ký theo quy trình trên Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã.

* Các trường hợp không được thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã / tiếp tục được thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã:

1. Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã từ chối cấp đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã nếu thuộc một trong các trường hợp sau đây:

a) Tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đã bị cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã ra thông báo về hành vi vi phạm của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thuộc trường hợp thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác, Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã hoặc đã bị ra quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác, Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã;

b) Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đang trong quá trình giải thể theo nghị quyết giải thể của Đại hội thành viên; tổ hợp tác đang trong quá trình chấm dứt hoạt động;

c) Tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đang trong tình trạng pháp lý “Không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký”.

2. Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã tiếp tục giải quyết thủ tục đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đối với các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này khi:

a) Tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đã có biện pháp khắc phục những vi phạm theo yêu cầu trong thông báo về hành vi vi phạm của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thuộc trường hợp thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác, Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã và được cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã chấp nhận hoặc đã được khôi phục Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác, Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã sau khi bị ra quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác, Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã;

b) Tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã phải đăng ký thay đổi nội dung đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã để phục vụ việc chấm dứt hoạt động tổ hợp tác, giải thể hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã theo quy định. Trong trường hợp này, hồ sơ đăng ký thay đổi phải kèm theo văn bản giải trình của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã về lý do đăng ký thay đổi và được cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã chấp nhận;

c) Tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã không còn trong tình trạng pháp lý “Không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký”.

3. Trường hợp Tòa án; Cơ quan thi hành án; Cơ quan điều tra, Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng Cơ quan điều tra, Điều tra viên quy định tại Bộ luật Tố tụng hình sự yêu cầu bằng văn bản về việc tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã không được thực hiện một hoặc một số thủ tục đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thì cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã từ chối cấp đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã khi tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thực hiện thủ tục đó cho đến khi có ý kiến chấp thuận bằng văn bản của các tổ chức, cá nhân nêu trên về việc cho phép tiếp tục thực hiện thủ tục đăng ký.

m) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Hợp tác xã 2023;
- Nghị định số 295/2026/NĐ-CP;
- Thông tư số 09/2024/TT-BKHĐT;
- Thông tư số 43/2025/TT-BTC.

11. Thông báo về việc thành lập doanh nghiệp của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (Mã hồ sơ TTHC: 2.001958)

a) Trình tự thực hiện:

*** Trường hợp đăng ký trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính:**

Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã gửi hồ sơ thông báo về việc thành lập doanh nghiệp đến cơ quan đăng ký kinh doanh tại Bộ phận một cửa cấp xã.

Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ, cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã cập nhật thông tin vào Cơ sở dữ liệu về đăng ký hợp tác xã.

*** Trường hợp đăng ký trên môi trường điện tử:**

1. Người nộp hồ sơ đăng nhập Cổng dịch vụ công quốc gia hoặc Ứng dụng định danh quốc gia bằng tài khoản định danh điện tử để truy cập Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã. Người nộp hồ sơ thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã theo quy trình trên Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã như sau:

a) Trường hợp người nộp hồ sơ là người có thẩm quyền ký văn bản đề nghị đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã

Người nộp hồ sơ kê khai thông tin trên Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã. Đối với các giấy đề nghị hoặc thông báo có nội dung được kê khai trên Hệ thống và chỉ yêu cầu người nộp hồ sơ ký thì người nộp hồ sơ không phải ký số hoặc ký trực tiếp và tải lên Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã. Đối với các giấy tờ khác trong thành phần hồ sơ đăng ký theo quy định, người nộp hồ sơ phải bảo đảm các giấy tờ này được ký số hoặc ký trực tiếp theo quy định, được thể hiện

dưới dạng văn bản điện tử và tải các giấy tờ này lên Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã.

Đối với các giấy đề nghị hoặc thông báo có nội dung được kê khai trên Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã yêu cầu nhiều người ký và giấy tờ khác trong thành phần hồ sơ đăng ký theo quy định, người nộp hồ sơ phải bảo đảm các giấy tờ này được ký số hoặc ký trực tiếp theo quy định, được thể hiện dưới dạng văn bản điện tử và tải các giấy tờ này lên Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã.

Người nộp hồ sơ thanh toán phí, lệ phí (nếu có) và thực hiện xác thực điện tử theo quy định để nộp hồ sơ. Sau khi hoàn thành việc gửi hồ sơ, người nộp hồ sơ sẽ nhận được giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả điện tử.

b) Trường hợp người nộp hồ sơ là người được ủy quyền thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã

Người nộp hồ sơ kê khai thông tin và tải các giấy tờ trong thành phần hồ sơ đăng ký theo quy định lên Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã. Các giấy tờ này phải được ký số hoặc ký trực tiếp theo quy định và được thể hiện dưới dạng văn bản điện tử.

Người nộp hồ sơ thanh toán phí, lệ phí (nếu có) và thực hiện xác thực điện tử theo quy định để nộp hồ sơ. Sau khi hoàn thành việc gửi hồ sơ, người nộp hồ sơ sẽ nhận được giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả điện tử.

2. Các thông tin đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã trên Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã được truyền sang Hệ thống ứng dụng đăng ký thuế để phối hợp, trao đổi thông tin giữa cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã và cơ quan thuế.

3. Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã xem xét tính hợp lệ của hồ sơ và trả kết quả giải quyết hồ sơ cho tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã theo quy định tại Luật Hợp tác xã và Nghị định số 295/2026/NĐ-CP. Người nộp hồ sơ đăng nhập vào Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã để nhận thông tin phản hồi về kết quả xử lý hồ sơ.

b) Cách thức thực hiện:

Hồ sơ đăng ký được gửi đến cơ quan đăng ký kinh doanh theo một trong các phương thức sau đây:

- Nộp trực tiếp tại cơ quan đăng ký kinh doanh;
- Qua dịch vụ bưu chính;
- Qua Cổng dịch vụ công quốc gia hoặc Ứng dụng định danh quốc gia

c) Thành phần hồ sơ:

* Hồ sơ bao gồm:

(1) Thông báo về việc thành lập doanh nghiệp.

* Trường hợp đăng ký trên môi trường điện tử:

Hồ sơ đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã trên môi trường điện tử bao gồm các giấy tờ theo quy định tại Luật Hợp tác xã 2023 và Nghị định số

295/2026/NĐ-CP được thể hiện dưới dạng văn bản điện tử. Hồ sơ đăng ký trên môi trường điện tử có giá trị pháp lý tương đương hồ sơ đăng ký bằng bản giấy.

* Trường hợp ủy quyền thực hiện thủ tục:

1. Người được ủy quyền đăng ký thành lập hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã được ghi trong nghị quyết Hội nghị thành lập hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã. Việc ủy quyền lại để thực hiện thủ tục đăng ký thành lập hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thực hiện theo quy định của pháp luật về dân sự.

2. Trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này, cá nhân ký tên tại văn bản đề nghị đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã có thể ủy quyền cho tổ chức, cá nhân khác thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã như sau:

a) Trường hợp ủy quyền cho cá nhân thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, kèm theo hồ sơ phải có văn bản ủy quyền cho cá nhân thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã. Văn bản ủy quyền này không bắt buộc phải công chứng, chứng thực;

b) Trường hợp ủy quyền cho tổ chức thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, kèm theo hồ sơ đăng ký phải có bản sao hợp đồng cung cấp dịch vụ với tổ chức làm dịch vụ, giấy giới thiệu hoặc văn bản phân công nhiệm vụ của tổ chức đó cho cá nhân trực tiếp thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

3. Trường hợp thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã qua dịch vụ bưu chính công ích, khi thực hiện thủ tục, nhân viên bưu chính phải nộp bản sao phiếu gửi hồ sơ theo mẫu do doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính công ích phát hành có chữ ký xác nhận của nhân viên bưu chính và người có thẩm quyền ký văn bản đề nghị đăng ký.

4. Trường hợp ủy quyền cho đơn vị cung cấp dịch vụ bưu chính không phải là bưu chính công ích thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thì việc ủy quyền thực hiện theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 12 Nghị định số 295/2026/NĐ-CP.

5. Người ủy quyền và người được ủy quyền thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, trung thực và chính xác của việc ủy quyền.

6. Người ủy quyền phải xác thực điện tử theo quy định pháp luật về xác thực và định danh điện tử khi thực hiện thủ tục đăng ký thành lập tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; đăng ký thay đổi người đại diện theo pháp luật của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; thông báo thay đổi thông tin về thành viên chính thức,

thành viên liên kết góp vốn là tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài, cá nhân là nhà đầu tư nước ngoài của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; đăng ký thay đổi thành viên tổ hợp tác để được cấp đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

Trường hợp việc xác thực điện tử bị gián đoạn thì người ủy quyền thực hiện việc xác thực điện tử sau khi được cấp đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã. Trường hợp người ủy quyền không xác nhận hoặc xác nhận không ủy quyền thực hiện thủ tục đăng ký sau khi được cấp đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thì cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã yêu cầu tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã báo cáo theo quy định tại khoản 6 Điều 7 Nghị định số 295/2026/NĐ-CP.

Trường hợp chưa có tài khoản định danh điện tử để thực hiện xác thực điện tử thì hồ sơ đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã phải kèm theo bản sao thẻ Căn cước hoặc thẻ Căn cước công dân hoặc hộ chiếu hoặc hộ chiếu nước ngoài hoặc các giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu nước ngoài còn hiệu lực của người ủy quyền.

Việc triển khai quy định về xác thực điện tử thực hiện theo kế hoạch xây dựng, nâng cấp Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã và được thông báo trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

d) Số lượng hồ sơ:

01 bộ hồ sơ.

đ) Thời hạn giải quyết:

Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ.

e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:

Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã.

g) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:

Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

h) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã cập nhật thông tin vào Cơ sở dữ liệu về đăng ký hợp tác xã.

i) Lệ phí:

- Mức lệ phí cụ thể do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định (căn cứ quy định tại Thông tư số 85/2019/TT-BTC).

- Người nộp hồ sơ đăng ký nộp lệ phí đăng ký kinh doanh tại thời điểm nộp hồ sơ. Lệ phí đăng ký kinh doanh có thể nộp trực tiếp tại bộ phận tiếp nhận hồ sơ ở cấp xã hoặc chuyển vào tài khoản của cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã hoặc thanh toán trực tuyến thông qua chức năng thanh toán trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia hoặc bằng cách thức khác theo quy định của pháp luật. Lệ phí đăng ký kinh doanh không được hoàn trả trong trường hợp hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã không được cấp đăng ký.

2. Tiền sử dụng dịch vụ thanh toán trực tuyến không được tính trong lệ phí đăng ký kinh doanh.

- Việc giải quyết các lỗi giao dịch phát sinh trong quá trình sử dụng dịch vụ thanh toán trực tuyến được thực hiện theo quy định của pháp luật về giải quyết thủ tục hành chính trên môi trường điện tử.

- Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã có trách nhiệm phối hợp với tổ chức cung cấp dịch vụ trung gian thanh toán hoặc ngân hàng thương mại thực hiện việc đối soát dữ liệu thanh toán qua hệ thống thanh toán trực tuyến của Công dịch vụ công quốc gia hoặc của tổ chức cung cấp dịch vụ trung gian thanh toán.

- Không thu lệ phí đăng ký đối với tổ hợp tác theo quy định tại khoản 2 Điều 22 Luật Hợp tác xã 2023.

k) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

Thông báo về việc thành lập doanh nghiệp của hợp tác xã (*Mẫu số 12, Phụ lục II, Thông tư số 43/2025/TT-BTC*).

l) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

* Kê khai thông tin cá nhân trong thực hiện thủ tục đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã

1. Trường hợp đã có sổ định danh cá nhân, người thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã kê khai các thông tin về họ, chữ đệm và tên, ngày, tháng, năm sinh, sổ định danh cá nhân, giới tính của mình và của cá nhân có yêu cầu kê khai thông tin cá nhân trong hồ sơ đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã. Các thông tin kê khai phải chính xác so với các thông tin được lưu trữ tại Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư. Trường hợp thông tin cá nhân được kê khai có sai khác so với thông tin được lưu trữ tại Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, cá nhân đó có trách nhiệm liên hệ với cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền để hiệu chỉnh thông tin trước khi thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

2. Trường hợp nộp hồ sơ đăng ký bằng bản giấy, người nộp hồ sơ đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã xuất trình căn cước công dân hoặc thẻ căn cước hoặc sử dụng tài khoản định danh điện tử theo quy định pháp luật để thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

3. Trường hợp không có sổ định danh cá nhân thì hồ sơ đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã có yêu cầu kê khai thông tin cá nhân của người đại diện theo pháp luật của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, người đứng đầu chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh, người đại diện tổ hợp tác trong trường hợp người đại diện tổ hợp tác là cá nhân hoặc người đại diện hợp pháp của pháp nhân trong trường hợp người đại diện tổ hợp tác là pháp nhân phải kèm theo bản sao hộ chiếu hoặc hộ chiếu nước ngoài hoặc các giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu nước ngoài còn hiệu lực của cá nhân đó theo quy định.

4. Trường hợp việc kết nối giữa Cơ sở dữ liệu về đăng ký hợp tác xã với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư bị gián đoạn thì hồ sơ đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã phải kèm theo bản sao căn cước công dân hoặc thẻ căn cước hoặc hộ chiếu hoặc hộ chiếu nước ngoài hoặc các giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu nước ngoài còn hiệu lực của người nộp hồ sơ đăng ký, người đại diện theo pháp luật của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, người đứng đầu chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh, người đại diện tổ hợp tác trong trường hợp người đại diện tổ hợp tác là cá nhân hoặc người đại diện hợp pháp của pháp nhân trong trường hợp người đại diện tổ hợp tác là pháp nhân theo quy định.

* Hồ sơ đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã được tiếp nhận vào Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã khi có đủ các điều kiện sau đây:

a) Có đủ giấy tờ theo quy định tại Luật Hợp tác xã và Nghị định số 295/2026/NĐ-CP;

b) Tên tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đã được điền vào giấy đề nghị đăng ký;

c) Có số điện thoại của người nộp hồ sơ;

d) Đã nộp lệ phí đăng ký kinh doanh, trừ trường hợp được miễn lệ phí đăng ký kinh doanh theo quy định.

* Hồ sơ đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã trên môi trường điện tử phải bảo đảm các yêu cầu sau:

a) Có đầy đủ các giấy tờ và nội dung các giấy tờ đó được kê khai đầy đủ theo quy định như hồ sơ đăng ký bằng bản giấy và được thể hiện dưới dạng văn bản điện tử hoặc dữ liệu điện tử có đầy đủ thông tin theo quy định như hồ sơ đăng ký bằng bản giấy;

b) Các thông tin đăng ký được kê khai trên Hệ thống thông tin về đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã phải được nhập đầy đủ và chính xác theo các thông tin trong hồ sơ đăng ký bằng bản giấy; trong đó có thông tin về số điện thoại, thư điện tử của người nộp hồ sơ.

c) Cá nhân ký tên trong hồ sơ đăng ký có thể sử dụng chữ ký số để ký trực tiếp trên văn bản điện tử hoặc ký trực tiếp trên văn bản giấy và quét (scan) văn bản giấy theo chế độ ảnh màu. theo các định dạng quy định tại khoản 2 Điều 30 Nghị định số 295/2026/NĐ-CP;

d) Hồ sơ đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã trên môi trường điện tử bao gồm các giấy tờ theo quy định tại Luật Hợp tác xã và Nghị định số 295/2026/NĐ-CP được thể hiện dưới dạng văn bản điện tử hoặc dữ liệu điện tử theo quy định pháp luật. Hồ sơ đăng ký trên môi trường điện tử có giá trị pháp lý tương đương hồ sơ đăng ký bằng bản giấy.

e) Thời hạn để tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã sửa đổi, bổ sung hồ sơ đăng ký trên môi trường điện tử là 60 ngày kể từ ngày cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã ra thông báo yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ. Sau thời hạn nêu trên, nếu không nhận được hồ sơ sửa đổi, bổ sung, cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã sẽ hủy hồ sơ đăng ký theo quy trình trên Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã.

* Các trường hợp không được thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã / tiếp tục được thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã:

1. Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã từ chối cấp đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã nếu thuộc một trong các trường hợp sau đây:

a) Tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đã bị cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã ra thông báo về hành vi vi phạm của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thuộc trường hợp thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác, Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã hoặc đã bị ra quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác, Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã;

b) Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đang trong quá trình giải thể theo nghị quyết giải thể của Đại hội thành viên; tổ hợp tác đang trong quá trình chấm dứt hoạt động;

c) Tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đang trong tình trạng pháp lý “Không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký”.

2. Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã tiếp tục giải quyết thủ tục đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đối với các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này khi:

a) Tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đã có biện pháp khắc phục những vi phạm theo yêu cầu trong thông báo về hành vi vi phạm của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thuộc trường hợp thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác, Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã và được cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã chấp nhận hoặc đã được khôi phục Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác, Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã sau khi bị ra quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác, Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã;

b) Tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã phải đăng ký thay đổi nội dung đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã để phục vụ việc chấm dứt hoạt động tổ hợp tác, giải thể hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã theo quy định. Trong trường hợp này, hồ sơ đăng ký thay đổi phải kèm theo văn bản giải trình của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã về lý do đăng ký thay đổi và được cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã chấp nhận;

c) Tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã không còn trong tình trạng pháp lý “Không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký”.

3. Trường hợp Tòa án; Cơ quan thi hành án; Cơ quan điều tra, Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng Cơ quan điều tra, Điều tra viên quy định tại Bộ luật Tố tụng hình sự yêu cầu bằng văn bản về việc tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã không được thực hiện một hoặc một số thủ tục đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thì cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã từ chối cấp đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã khi tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thực hiện thủ tục đó cho đến khi có ý kiến chấp thuận bằng văn bản của các tổ chức, cá nhân nêu trên về việc cho phép tiếp tục thực hiện thủ tục đăng ký.

m) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Hợp tác xã 2023;
- Nghị định số 295/2026/NĐ-CP;
- Thông tư số 09/2024/TT-BKHĐT;
- Thông tư số 43/2025/TT-BTC.

12. Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (Mã hồ sơ TTHC: 1.005378)

a) Trình tự thực hiện:

*** Trường hợp đăng ký trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính:**

1. Khi thay đổi nội dung trong hồ sơ đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh với cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã.

2. Trước khi đăng ký thay đổi địa chỉ chi nhánh, văn phòng đại diện dẫn đến thay đổi cơ quan thuế quản lý trực tiếp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã phải thực hiện các thủ tục về thuế với cơ quan thuế liên quan đến việc chuyển địa điểm theo quy định của pháp luật về thuế.

3. Trường hợp hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thay đổi địa chỉ nơi đặt chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh sang tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương khác nơi chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh đã đăng ký, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã gửi hồ sơ đăng ký thay đổi đến cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã bất kỳ tại tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương dự kiến chuyển đến.

4. Hồ sơ đăng ký thay đổi bao gồm giấy đề nghị đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh.

5. Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã có trách nhiệm xem xét tính hợp lệ của hồ sơ, cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, Giấy chứng nhận

đăng ký địa điểm kinh doanh hoặc giấy xác nhận về việc thay đổi nội dung đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh nếu hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã có nhu cầu; trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ hoặc tên chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh yêu cầu đăng ký không đúng theo quy định hoặc thông tin kê khai trong hồ sơ đăng ký không thống nhất, cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã thông báo bằng văn bản nội dung cần sửa đổi, bổ sung cho hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

*** Trường hợp đăng ký trên môi trường điện tử:**

1. Người nộp hồ sơ đăng nhập Cổng dịch vụ công quốc gia hoặc Ứng dụng định danh quốc gia bằng tài khoản định danh điện tử để truy cập Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã. Người nộp hồ sơ thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã theo quy trình trên Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã như sau:

a) Trường hợp người nộp hồ sơ là người có thẩm quyền ký văn bản đề nghị đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã

Người nộp hồ sơ kê khai thông tin trên Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã. Đối với các giấy đề nghị hoặc thông báo có nội dung được kê khai trên Hệ thống và chỉ yêu cầu người nộp hồ sơ ký thì người nộp hồ sơ không phải ký số hoặc ký trực tiếp và tải lên Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã. Đối với các giấy tờ khác trong thành phần hồ sơ đăng ký theo quy định, người nộp hồ sơ phải bảo đảm các giấy tờ này được ký số hoặc ký trực tiếp theo quy định, được thể hiện dưới dạng văn bản điện tử và tải các giấy tờ này lên Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã.

Đối với các giấy đề nghị hoặc thông báo có nội dung được kê khai trên Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã yêu cầu nhiều người ký và giấy tờ khác trong thành phần hồ sơ đăng ký theo quy định, người nộp hồ sơ phải bảo đảm các giấy tờ này được ký số hoặc ký trực tiếp theo quy định, được thể hiện dưới dạng văn bản điện tử và tải các giấy tờ này lên Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã.

Người nộp hồ sơ thanh toán phí, lệ phí (nếu có) và thực hiện xác thực điện tử theo quy định về nộp hồ sơ. Sau khi hoàn thành việc gửi hồ sơ, người nộp hồ sơ sẽ nhận được giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả điện tử.

b) Trường hợp người nộp hồ sơ là người được ủy quyền thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã

Người nộp hồ sơ kê khai thông tin và tải các giấy tờ trong thành phần hồ sơ đăng ký theo quy định lên Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã. Các giấy tờ này phải được ký số hoặc ký trực tiếp theo quy định và được thể hiện dưới dạng văn bản điện tử.

Người nộp hồ sơ thanh toán phí, lệ phí (nếu có) và thực hiện xác thực điện tử theo quy định về nộp hồ sơ. Sau khi hoàn thành việc gửi hồ sơ, người nộp hồ sơ sẽ nhận được giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả điện tử.

2. Các thông tin đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã trên Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã được truyền sang Hệ thống ứng dụng đăng ký thuế để phối hợp, trao đổi thông tin giữa cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã và cơ quan thuế.

3. Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã xem xét tính hợp lệ của hồ sơ và trả kết quả giải quyết hồ sơ cho tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã theo quy định tại Luật Hợp tác xã và Nghị định số 295/2026/NĐ-CP. Người nộp hồ sơ đăng nhập vào Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã để nhận thông tin phản hồi về kết quả xử lý hồ sơ.

b) Cách thức thực hiện:

Hồ sơ đăng ký được gửi đến cơ quan đăng ký kinh doanh theo một trong các phương thức sau đây:

- Nộp trực tiếp tại cơ quan đăng ký kinh doanh;
- Qua dịch vụ bưu chính;
- Qua Cổng dịch vụ công quốc gia hoặc Ứng dụng định danh quốc gia

c) Thành phần hồ sơ:

* Hồ sơ bao gồm:

Giấy đề nghị đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh.

Lưu ý:

Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã khai thác, sử dụng thông tin đã có trong các cơ sở dữ liệu để thay thế và không yêu cầu cá nhân, tổ chức thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã nộp bản sao Giấy chứng nhận đăng ký thuế; bản sao hộ chiếu; bản sao Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư; bản sao văn bản của cơ quan đăng ký đầu tư chấp thuận về việc góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài; bản sao quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật; bản sao phán quyết của Trọng tài có hiệu lực và các giấy tờ khác trong thành phần hồ sơ giải quyết thủ tục đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã quy định tại Luật Hợp tác xã và Nghị định số 295/2026/NĐ-CP.

Trường hợp không khai thác được thông tin hoặc thông tin khai thác được không đầy đủ, không chính xác thì cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã yêu cầu cá nhân, tổ chức bổ sung bản sao các giấy tờ nêu trên trong trường hợp hồ sơ quy định tại Luật Hợp tác xã và Nghị định số 295/2026/NĐ-CP có yêu cầu để giải quyết thủ tục đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã theo quy định; Cá nhân, tổ chức thực hiện cập nhật, điều chỉnh thông tin trong các cơ sở dữ liệu theo quy định của pháp luật.

Việc khai thác, sử dụng thông tin đã có trong các cơ sở dữ liệu để thay thế thành phần hồ sơ đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã trên cơ sở kết nối,

chia sẻ thông tin giữa Cơ sở dữ liệu về đăng ký hợp tác xã và các cơ sở dữ liệu khác thực hiện theo thông báo trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

*** Trường hợp đăng ký trên môi trường điện tử:**

Hồ sơ đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã trên môi trường điện tử bao gồm các giấy tờ theo quy định tại Luật Hợp tác xã 2023 và Nghị định số 295/2026/NĐ-CP được thể hiện dưới dạng văn bản điện tử. Hồ sơ đăng ký trên môi trường điện tử có giá trị pháp lý tương đương hồ sơ đăng ký bằng bản giấy.

*** Trường hợp ủy quyền thực hiện thủ tục:**

1. Người được ủy quyền đăng ký thành lập hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã được ghi trong nghị quyết Hội nghị thành lập hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã. Việc ủy quyền lại để thực hiện thủ tục đăng ký thành lập hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thực hiện theo quy định của pháp luật về dân sự.

2. Trừ trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này, cá nhân ký tên tại văn bản đề nghị đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã có thể ủy quyền cho tổ chức, cá nhân khác thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã như sau:

a) Trường hợp ủy quyền cho cá nhân thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, kèm theo hồ sơ phải có văn bản ủy quyền cho cá nhân thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã. Văn bản ủy quyền này không bắt buộc phải công chứng, chứng thực;

b) Trường hợp ủy quyền cho tổ chức thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, kèm theo hồ sơ đăng ký phải có bản sao hợp đồng cung cấp dịch vụ với tổ chức làm dịch vụ, giấy giới thiệu hoặc văn bản phân công nhiệm vụ của tổ chức đó cho cá nhân trực tiếp thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

3. Trường hợp thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã qua dịch vụ bưu chính công ích, khi thực hiện thủ tục, nhân viên bưu chính phải nộp bản sao phiếu gửi hồ sơ theo mẫu do doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính công ích phát hành có chữ ký xác nhận của nhân viên bưu chính và người có thẩm quyền ký văn bản đề nghị đăng ký.

4. Trường hợp ủy quyền cho đơn vị cung cấp dịch vụ bưu chính không phải là bưu chính công ích thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thì việc ủy quyền thực hiện theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 12 Nghị định số 295/2026/NĐ-CP.

5. Người ủy quyền và người được ủy quyền thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, trung thực và chính xác của việc ủy quyền.

6. Người ủy quyền phải xác thực điện tử theo quy định pháp luật về xác thực và định danh điện tử khi thực hiện thủ tục đăng ký thành lập tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; đăng ký thay đổi người đại diện theo pháp luật của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; thông báo thay đổi thông tin về thành viên chính thức, thành viên liên kết góp vốn là tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài, cá nhân là nhà đầu tư nước ngoài của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; đăng ký thay đổi thành viên tổ hợp tác để được cấp đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

Trường hợp việc xác thực điện tử bị gián đoạn thì người ủy quyền thực hiện việc xác thực điện tử sau khi được cấp đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã. Trường hợp người ủy quyền không xác nhận hoặc xác nhận không ủy quyền thực hiện thủ tục đăng ký sau khi được cấp đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thì cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã yêu cầu tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã báo cáo theo quy định tại khoản 6 Điều 7 Nghị định số 295/2026/NĐ-CP.

Trường hợp chưa có tài khoản định danh điện tử để thực hiện xác thực điện tử thì hồ sơ đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã phải kèm theo bản sao thẻ Căn cước hoặc thẻ Căn cước công dân hoặc hộ chiếu hoặc hộ chiếu nước ngoài hoặc các giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu nước ngoài còn hiệu lực của người ủy quyền.

Việc triển khai quy định về xác thực điện tử thực hiện theo kế hoạch xây dựng, nâng cấp Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã và được thông báo trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

d) Số lượng hồ sơ:

01 bộ hồ sơ.

đ) Thời hạn giải quyết:

Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:

Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã.

g) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:

Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

h) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

- Trường hợp hồ sơ hợp lệ:

Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh hoặc giấy xác nhận về việc thay đổi nội dung đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh nếu hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã có nhu cầu.

- Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ hoặc tên chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh yêu cầu đăng ký không đúng theo quy định hoặc thông tin kê

khai trong hồ sơ đăng ký không thống nhất:

Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã thông báo bằng văn bản nội dung cần sửa đổi, bổ sung cho hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

i) Lệ phí:

- Mức lệ phí cụ thể do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định (căn cứ quy định tại Thông tư số 85/2019/TT-BTC).

- Người nộp hồ sơ đăng ký nộp lệ phí đăng ký kinh doanh tại thời điểm nộp hồ sơ. Lệ phí đăng ký kinh doanh có thể nộp trực tiếp tại bộ phận tiếp nhận hồ sơ ở cấp xã hoặc chuyển vào tài khoản của cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã hoặc thanh toán trực tuyến thông qua chức năng thanh toán trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia hoặc bằng cách thức khác theo quy định của pháp luật. Lệ phí đăng ký kinh doanh không được hoàn trả trong trường hợp hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã không được cấp đăng ký.

2. Tiền sử dụng dịch vụ thanh toán trực tuyến không được tính trong lệ phí đăng ký kinh doanh.

- Việc giải quyết các lỗi giao dịch phát sinh trong quá trình sử dụng dịch vụ thanh toán trực tuyến được thực hiện theo quy định của pháp luật về giải quyết thủ tục hành chính trên môi trường điện tử.

- Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã có trách nhiệm phối hợp với tổ chức cung cấp dịch vụ trung gian thanh toán hoặc ngân hàng thương mại thực hiện việc đối soát dữ liệu thanh toán qua hệ thống thanh toán trực tuyến của Cổng dịch vụ công quốc gia hoặc của tổ chức cung cấp dịch vụ trung gian thanh toán.

- Không thu lệ phí đăng ký đối với tổ hợp tác theo quy định tại khoản 2 Điều 22 Luật Hợp tác xã 2023.

k) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

Giấy đề nghị đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động chi nhánh/văn phòng đại diện của hợp tác xã (*Mẫu số 7, Phụ lục II, Thông tư số 43/2025/TT-BTC*).

l) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

* Kê khai thông tin cá nhân trong thực hiện thủ tục đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã

1. Trường hợp đã có sổ định danh cá nhân, người thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã kê khai các thông tin về họ, chữ đệm và tên, ngày, tháng, năm sinh, sổ định danh cá nhân, giới tính của mình và của cá nhân có yêu cầu kê khai thông tin cá nhân trong hồ sơ đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã. Các thông tin kê khai phải chính xác so với các thông tin được lưu trữ tại Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư. Trường hợp thông tin cá nhân được kê khai có sai khác so với thông tin được lưu trữ tại Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, cá nhân đó có trách nhiệm liên hệ với cơ quan quản lý

nhà nước có thẩm quyền để hiệu chỉnh thông tin trước khi thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

2. Trường hợp nộp hồ sơ đăng ký bằng bản giấy, người nộp hồ sơ đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã xuất trình căn cước công dân hoặc thẻ căn cước hoặc sử dụng tài khoản định danh điện tử theo quy định pháp luật để thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

3. Trường hợp không có số định danh cá nhân thì hồ sơ đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã có yêu cầu kê khai thông tin cá nhân của người đại diện theo pháp luật của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, người đứng đầu chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh, người đại diện tổ hợp tác trong trường hợp người đại diện tổ hợp tác là cá nhân hoặc người đại diện hợp pháp của pháp nhân trong trường hợp người đại diện tổ hợp tác là pháp nhân phải kèm theo bản sao hộ chiếu hoặc hộ chiếu nước ngoài hoặc các giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu nước ngoài còn hiệu lực của cá nhân đó theo quy định.

4. Trường hợp việc kết nối giữa Cơ sở dữ liệu về đăng ký hợp tác xã với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư bị gián đoạn thì hồ sơ đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã phải kèm theo bản sao căn cước công dân hoặc thẻ căn cước hoặc hộ chiếu hoặc hộ chiếu nước ngoài hoặc các giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu nước ngoài còn hiệu lực của người nộp hồ sơ đăng ký, người đại diện theo pháp luật của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, người đứng đầu chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh, người đại diện tổ hợp tác trong trường hợp người đại diện tổ hợp tác là cá nhân hoặc người đại diện hợp pháp của pháp nhân trong trường hợp người đại diện tổ hợp tác là pháp nhân theo quy định.

* Hồ sơ đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã được tiếp nhận vào Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã khi có đủ các điều kiện sau đây:

a) Có đủ giấy tờ theo quy định tại Luật Hợp tác xã và Nghị định số 295/2026/NĐ-CP;

b) Tên tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đã được điền vào giấy đề nghị đăng ký;

c) Có số điện thoại của người nộp hồ sơ;

d) Đã nộp lệ phí đăng ký kinh doanh, trừ trường hợp được miễn lệ phí đăng ký kinh doanh theo quy định.

* Hồ sơ đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã trên môi trường điện tử phải bảo đảm các yêu cầu sau:

a) Có đầy đủ các giấy tờ và nội dung các giấy tờ đó được kê khai đầy đủ theo quy định như hồ sơ đăng ký bằng bản giấy và được thể hiện dưới dạng văn bản

điện tử hoặc dữ liệu điện tử có đầy đủ thông tin theo quy định như hồ sơ đăng ký bằng bản giấy;

b) Các thông tin đăng ký được kê khai trên Hệ thống thông tin về đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã phải được nhập đầy đủ và chính xác theo các thông tin trong hồ sơ đăng ký bằng bản giấy; trong đó có thông tin về số điện thoại, thư điện tử của người nộp hồ sơ.

c) Cá nhân ký tên trong hồ sơ đăng ký có thể sử dụng chữ ký số để ký trực tiếp trên văn bản điện tử hoặc ký trực tiếp trên văn bản giấy và quét (scan) văn bản giấy theo chế độ ảnh màu, theo các định dạng quy định tại khoản 2 Điều 30 Nghị định số 295/2026/NĐ-CP;

d) Hồ sơ đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã trên môi trường điện tử bao gồm các giấy tờ theo quy định tại Luật Hợp tác xã và Nghị định số 295/2026/NĐ-CP được thể hiện dưới dạng văn bản điện tử hoặc dữ liệu điện tử theo quy định pháp luật. Hồ sơ đăng ký trên môi trường điện tử có giá trị pháp lý tương đương hồ sơ đăng ký bằng bản giấy.

e) Thời hạn để tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã sửa đổi, bổ sung hồ sơ đăng ký trên môi trường điện tử là 60 ngày kể từ ngày cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã ra thông báo yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ. Sau thời hạn nêu trên, nếu không nhận được hồ sơ sửa đổi, bổ sung, cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã sẽ hủy hồ sơ đăng ký theo quy trình trên Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã.

* Các trường hợp không được thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã / tiếp tục được thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã:

1. Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã từ chối cấp đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã nếu thuộc một trong các trường hợp sau đây:

a) Tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đã bị cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã ra thông báo về hành vi vi phạm của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thuộc trường hợp thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác, Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã hoặc đã bị ra quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác, Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã;

b) Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đang trong quá trình giải thể theo nghị quyết giải thể của Đại hội thành viên; tổ hợp tác đang trong quá trình chấm dứt hoạt động;

c) Tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đang trong tình trạng pháp lý “Không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký”.

2. Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã tiếp tục giải quyết thủ tục đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đối với các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này khi:

a) Tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đã có biện pháp khắc phục những vi phạm theo yêu cầu trong thông báo về hành vi vi phạm của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thuộc trường hợp thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác, Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã và được cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã chấp nhận hoặc đã được khôi phục Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác, Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã sau khi bị ra quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác, Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã;

b) Tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã phải đăng ký thay đổi nội dung đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã để phục vụ việc chấm dứt hoạt động tổ hợp tác, giải thể hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã theo quy định. Trong trường hợp này, hồ sơ đăng ký thay đổi phải kèm theo văn bản giải trình của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã về lý do đăng ký thay đổi và được cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã chấp nhận;

c) Tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã không còn trong tình trạng pháp lý “Không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký”.

3. Trường hợp Tòa án; Cơ quan thi hành án; Cơ quan điều tra, Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng Cơ quan điều tra, Điều tra viên quy định tại Bộ luật Tố tụng hình sự yêu cầu bằng văn bản về việc tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã không được thực hiện một hoặc một số thủ tục đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thì cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã từ chối cấp đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã khi tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thực hiện thủ tục đó cho đến khi có ý kiến chấp thuận bằng văn bản của các tổ chức, cá nhân nêu trên về việc cho phép tiếp tục thực hiện thủ tục đăng ký.

m) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Hợp tác xã 2023;
- Nghị định số 295/2026/NĐ-CP;
- Thông tư số 09/2024/TT-BKHĐT;
- Thông tư số 43/2025/TT-BTC.

13. Đăng ký giải thể hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (Mã hồ sơ TTHC: 1.004982)

a) Trình tự thực hiện:

*** Trường hợp đăng ký trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính:**

1. Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận được nghị quyết giải thể hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã do người đại diện theo pháp luật gửi đến theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 98 Luật Hợp tác xã, cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã thực hiện như sau:

a) Đăng tải nghị quyết giải thể đồng thời thông báo tình trạng hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đang làm thủ tục giải thể, tình trạng chi nhánh, văn phòng đại

diện, địa điểm kinh doanh đang làm thủ tục chấm dứt hoạt động trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp;

b) Chuyển tình trạng pháp lý của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã sang tình trạng đang làm thủ tục giải thể, chuyển tình trạng pháp lý của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh sang tình trạng đang làm thủ tục chấm dứt hoạt động trong Cơ sở dữ liệu về đăng ký hợp tác xã;

c) Gửi thông tin về việc giải thể của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, thông tin về việc đang làm thủ tục chấm dứt hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh cho cơ quan thuế.

2. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày thanh toán hết các khoản nợ và hoàn thành nghĩa vụ về thuế, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã nộp hồ sơ đăng ký giải thể đến cơ quan đăng ký kinh doanh tại Bộ phận một cửa cấp xã.

3. Trước khi nộp hồ sơ đăng ký giải thể, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã phải thực hiện thủ tục chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh tại cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã.

4. Sau khi tiếp nhận hồ sơ đăng ký giải thể, cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã gửi thông tin về việc hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đăng ký giải thể cho cơ quan thuế. Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông tin của cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã, cơ quan thuế gửi ý kiến về việc hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đến cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ đăng ký giải thể, cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã chuyển tình trạng pháp lý của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã trong Cơ sở dữ liệu về đăng ký hợp tác xã sang tình trạng đã giải thể nếu nhận được ý kiến của cơ quan thuế xác nhận hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đã hoàn thành nghĩa vụ thuế hoặc không nhận được ý kiến của cơ quan thuế, đồng thời ra thông báo về việc giải thể của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

5. Sau thời hạn 06 tháng kể từ ngày cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã nhận được nghị quyết giải thể của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã mà không nhận được hồ sơ đăng ký giải thể của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, hồ sơ đăng ký chấm dứt hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và ý kiến phản đối bằng văn bản của cơ quan quản lý thuế hoặc tổ chức, cá nhân và bên có liên quan khác, cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã chuyển tình trạng pháp lý của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh trong Cơ sở dữ liệu về đăng ký hợp tác xã sang tình trạng đã giải thể, đã chấm dứt hoạt động đồng thời ra thông báo hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã giải thể, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh chấm dứt hoạt động trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc thời hạn nêu trên.

6. Trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày nhận được nghị quyết giải thể và cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã chưa chuyển tình trạng pháp lý của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã sang tình trạng đã giải thể, nếu không tiếp tục thực hiện giải thể, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã gửi thông báo về việc hủy bỏ nghị quyết giải thể do người đại diện theo pháp luật ký đến cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã. Kèm theo thông báo phải có nghị quyết của Đại hội thành viên về việc hủy bỏ nghị quyết giải thể. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo, cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã phải đăng tải thông báo và nghị quyết về việc hủy bỏ nghị quyết giải thể trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp, đồng thời khôi phục tình trạng pháp lý của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh trong Cơ sở dữ liệu về đăng ký hợp tác xã và gửi thông tin cho cơ quan thuế.

7. Đối với hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã sử dụng con dấu do cơ quan công an cấp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã có trách nhiệm trả con dấu, giấy chứng nhận đăng ký mẫu con dấu cho cơ quan công an theo quy định.

*** Trường hợp đăng ký trên môi trường điện tử:**

1. Người nộp hồ sơ đăng nhập Cổng dịch vụ công quốc gia hoặc Ứng dụng định danh quốc gia bằng tài khoản định danh điện tử để truy cập Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã. Người nộp hồ sơ thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã theo quy trình trên Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã như sau:

a) Trường hợp người nộp hồ sơ là người có thẩm quyền ký văn bản đề nghị đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã

Người nộp hồ sơ kê khai thông tin trên Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã. Đối với các giấy đề nghị hoặc thông báo có nội dung được kê khai trên Hệ thống và chỉ yêu cầu người nộp hồ sơ ký thì người nộp hồ sơ không phải ký số hoặc ký trực tiếp và tải lên Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã. Đối với các giấy tờ khác trong thành phần hồ sơ đăng ký theo quy định, người nộp hồ sơ phải bảo đảm các giấy tờ này được ký số hoặc ký trực tiếp theo quy định, được thể hiện dưới dạng văn bản điện tử và tải các giấy tờ này lên Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã.

Đối với các giấy đề nghị hoặc thông báo có nội dung được kê khai trên Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã yêu cầu nhiều người ký và giấy tờ khác trong thành phần hồ sơ đăng ký theo quy định, người nộp hồ sơ phải bảo đảm các giấy tờ này được ký số hoặc ký trực tiếp theo quy định, được thể hiện dưới dạng văn bản điện tử và tải các giấy tờ này lên Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã.

Người nộp hồ sơ thanh toán phí, lệ phí (nếu có) và thực hiện xác thực điện tử theo quy định để nộp hồ sơ. Sau khi hoàn thành việc gửi hồ sơ, người nộp hồ sơ sẽ nhận được giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả điện tử.

b) Trường hợp người nộp hồ sơ là người được ủy quyền thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã

Người nộp hồ sơ kê khai thông tin và tải các giấy tờ trong thành phần hồ sơ đăng ký theo quy định lên Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã. Các giấy tờ này phải được ký số hoặc ký trực tiếp theo quy định và được thể hiện dưới dạng văn bản điện tử.

Người nộp hồ sơ thanh toán phí, lệ phí (nếu có) và thực hiện xác thực điện tử theo quy định để nộp hồ sơ. Sau khi hoàn thành việc gửi hồ sơ, người nộp hồ sơ sẽ nhận được giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả điện tử.

2. Các thông tin đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã trên Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã được truyền sang Hệ thống ứng dụng đăng ký thuế để phối hợp, trao đổi thông tin giữa cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã và cơ quan thuế.

3. Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã xem xét tính hợp lệ của hồ sơ và trả kết quả giải quyết hồ sơ cho tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã theo quy định tại Luật Hợp tác xã và Nghị định số 295/2026/NĐ-CP. Người nộp hồ sơ đăng nhập vào Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã để nhận thông tin phản hồi về kết quả xử lý hồ sơ.

b) Cách thức thực hiện:

Hồ sơ đăng ký được gửi đến cơ quan đăng ký kinh doanh theo một trong các phương thức sau đây:

- Nộp trực tiếp tại cơ quan đăng ký kinh doanh;
- Qua dịch vụ bưu chính;
- Qua Cổng dịch vụ công quốc gia hoặc Ứng dụng định danh quốc gia

c) Thành phần hồ sơ:

* Hồ sơ bao gồm:

a) Thông báo về việc giải thể hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã;

b) Bản sao sổ đăng ký thành viên chính thức, thành viên liên kết góp vốn;

c) Bản sao sổ đăng ký thành viên liên kết không góp vốn (nếu có). Trường hợp hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã có thành viên liên kết không góp vốn nhưng không lập sổ đăng ký thì thông báo về việc giải thể phải bao gồm thông tin thành viên liên kết không góp vốn trong thời gian 06 năm trước thời điểm giải thể; thông tin bao gồm: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số định danh cá nhân hoặc số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với thành viên là cá nhân; tên, mã số hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với thành viên là tổ chức;

d) Báo cáo về việc xử lý tài sản của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã giải thể;

đ) Bản sao hoặc bản chính quyết định về việc thu hồi quỹ chung không chia, tài sản chung không chia của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đặt trụ sở chính trong trường hợp hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã có

quỹ chung không chia, tài sản chung không chia có nguồn hỗ trợ toàn bộ từ Nhà nước;

e) Bản sao hoặc bản chính báo cáo kết quả chuyển nhượng, thanh lý tài sản của hội đồng thanh lý tài sản chung không chia trong trường hợp hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã có quỹ chung không chia, tài sản chung không chia có nguồn hỗ trợ một phần của Nhà nước.

Lưu ý:

Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã khai thác, sử dụng thông tin đã có trong các cơ sở dữ liệu để thay thế và không yêu cầu cá nhân, tổ chức thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã nộp bản sao Giấy chứng nhận đăng ký thuế; bản sao hộ chiếu; bản sao Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư; bản sao văn bản của cơ quan đăng ký đầu tư chấp thuận về việc góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài; bản sao quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật; bản sao phán quyết của Trọng tài có hiệu lực và các giấy tờ khác trong thành phần hồ sơ giải quyết thủ tục đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã quy định tại Luật Hợp tác xã và Nghị định số 295/2026/NĐ-CP.

Trường hợp không khai thác được thông tin hoặc thông tin khai thác được không đầy đủ, không chính xác thì cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã yêu cầu cá nhân, tổ chức bổ sung bản sao các giấy tờ nêu trên trong trường hợp hồ sơ quy định tại Luật Hợp tác xã và Nghị định số 295/2026/NĐ-CP có yêu cầu để giải quyết thủ tục đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã theo quy định; Cá nhân, tổ chức thực hiện cập nhật, điều chỉnh thông tin trong các cơ sở dữ liệu theo quy định của pháp luật.

Việc khai thác, sử dụng thông tin đã có trong các cơ sở dữ liệu để thay thế thành phần hồ sơ đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã trên cơ sở kết nối, chia sẻ thông tin giữa Cơ sở dữ liệu về đăng ký hợp tác xã và các cơ sở dữ liệu khác thực hiện theo thông báo trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

*** Trường hợp đăng ký trên môi trường điện tử:**

Hồ sơ đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã trên môi trường điện tử bao gồm các giấy tờ theo quy định tại Luật Hợp tác xã 2023 và Nghị định số 295/2026/NĐ-CP được thể hiện dưới dạng văn bản điện tử. Hồ sơ đăng ký trên môi trường điện tử có giá trị pháp lý tương đương hồ sơ đăng ký bằng bản giấy.

*** Trường hợp ủy quyền thực hiện thủ tục:**

1. Người được ủy quyền đăng ký thành lập hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã được ghi trong nghị quyết Hội nghị thành lập hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã. Việc ủy quyền lại để thực hiện thủ tục đăng ký thành lập hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thực hiện theo quy định của pháp luật về dân sự.

2. Trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này, cá nhân ký tên tại văn bản đề nghị đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã có thể ủy quyền cho tổ chức, cá nhân khác thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã như sau:

a) Trường hợp ủy quyền cho cá nhân thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, kèm theo hồ sơ phải có văn bản ủy quyền cho cá nhân thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã. Văn bản ủy quyền này không bắt buộc phải công chứng, chứng thực;

b) Trường hợp ủy quyền cho tổ chức thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, kèm theo hồ sơ đăng ký phải có bản sao hợp đồng cung cấp dịch vụ với tổ chức làm dịch vụ, giấy giới thiệu hoặc văn bản phân công nhiệm vụ của tổ chức đó cho cá nhân trực tiếp thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

3. Trường hợp thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã qua dịch vụ bưu chính công ích, khi thực hiện thủ tục, nhân viên bưu chính phải nộp bản sao phiếu gửi hồ sơ theo mẫu do doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính công ích phát hành có chữ ký xác nhận của nhân viên bưu chính và người có thẩm quyền ký văn bản đề nghị đăng ký.

4. Trường hợp ủy quyền cho đơn vị cung cấp dịch vụ bưu chính không phải là bưu chính công ích thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thì việc ủy quyền thực hiện theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 12 Nghị định số 295/2026/NĐ-CP.

5. Người ủy quyền và người được ủy quyền thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, trung thực và chính xác của việc ủy quyền.

6. Người ủy quyền phải xác thực điện tử theo quy định pháp luật về xác thực và định danh điện tử khi thực hiện thủ tục đăng ký thành lập tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; đăng ký thay đổi người đại diện theo pháp luật của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; thông báo thay đổi thông tin về thành viên chính thức, thành viên liên kết góp vốn là tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài, cá nhân là nhà đầu tư nước ngoài của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; đăng ký thay đổi thành viên tổ hợp tác để được cấp đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

Trường hợp việc xác thực điện tử bị gián đoạn thì người ủy quyền thực hiện việc xác thực điện tử sau khi được cấp đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã. Trường hợp người ủy quyền không xác nhận hoặc xác nhận không ủy quyền thực hiện thủ tục đăng ký sau khi được cấp đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thì cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã

yêu cầu tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã báo cáo theo quy định tại khoản 6 Điều 7 Nghị định số 295/2026/NĐ-CP.

Trường hợp chưa có tài khoản định danh điện tử để thực hiện xác thực điện tử thì hồ sơ đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã phải kèm theo bản sao thẻ Căn cước hoặc thẻ Căn cước công dân hoặc hộ chiếu hoặc hộ chiếu nước ngoài hoặc các giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu nước ngoài còn hiệu lực của người ủy quyền.

Việc triển khai quy định về xác thực điện tử thực hiện theo kế hoạch xây dựng, nâng cấp Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã và được thông báo trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

d) Số lượng hồ sơ:

01 bộ hồ sơ.

đ) Thời hạn giải quyết:

- Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận được nghị quyết giải thể hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ đăng ký giải thể.

- Sau thời hạn 06 tháng kể từ ngày cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã nhận được nghị quyết giải thể của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã mà không nhận được hồ sơ đăng ký giải thể của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:

Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã.

g) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:

Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

h) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã khi nhận được nghị quyết giải thể của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã:

+ Đăng tải nghị quyết giải thể đồng thời thông báo tình trạng hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đang làm thủ tục giải thể, tình trạng chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh đang làm thủ tục chấm dứt hoạt động trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp;

+ Chuyển tình trạng pháp lý của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã sang tình trạng đang làm thủ tục giải thể, chuyển tình trạng pháp lý của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh sang tình trạng đang làm thủ tục chấm dứt hoạt động trong Cơ sở dữ liệu về đăng ký hợp tác xã;

+ Gửi thông tin về việc giải thể của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, thông tin về việc đang làm thủ tục chấm dứt hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh cho Cơ quan thuế.

- Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã khi nhận được hồ sơ đăng ký giải thể của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã: cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã gửi thông

tin về việc hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đăng ký giải thể cho cơ quan thuế. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ đăng ký giải thể, cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã chuyển tình trạng pháp lý của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã trong Cơ sở dữ liệu về đăng ký hợp tác xã sang tình trạng đã giải thể nếu nhận được ý kiến của cơ quan thuế xác nhận hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đã hoàn thành nghĩa vụ thuế hoặc không nhận được ý kiến của cơ quan thuế, đồng thời ra thông báo về việc giải thể của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

- Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã khi nhận được hồ sơ đăng ký giải thể hoặc sau 06 tháng kể từ ngày cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã nhận được nghị quyết giải thể của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã mà không nhận được hồ sơ đăng ký giải thể của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã: Chuyển tình trạng pháp lý của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã trong Cơ sở dữ liệu về đăng ký hợp tác xã sang tình trạng đã giải thể, đồng thời ra thông báo về việc giải thể của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

i) Lệ phí:

Mức lệ phí (nếu có) theo quyết định của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh.

k) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

Thông báo về việc giải thể hợp tác xã (*Mẫu số 9, Phụ lục II, Thông tư số 43/2025/TT-BTC*).

l) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

* Kê khai thông tin cá nhân trong thực hiện thủ tục đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã

1. Trường hợp đã có sổ định danh cá nhân, người thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã kê khai các thông tin về họ, chữ đệm và tên, ngày, tháng, năm sinh, sổ định danh cá nhân, giới tính của mình và của cá nhân có yêu cầu kê khai thông tin cá nhân trong hồ sơ đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã. Các thông tin kê khai phải chính xác so với các thông tin được lưu trữ tại Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư. Trường hợp thông tin cá nhân được kê khai có sai khác so với thông tin được lưu trữ tại Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, cá nhân đó có trách nhiệm liên hệ với cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền để hiệu chỉnh thông tin trước khi thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

2. Trường hợp nộp hồ sơ đăng ký bằng bản giấy, người nộp hồ sơ đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã xuất trình căn cước công dân hoặc thẻ căn cước hoặc sử dụng tài khoản định danh điện tử theo quy định pháp luật để thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

3. Trường hợp không có sổ định danh cá nhân thì hồ sơ đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã có yêu cầu kê khai thông tin cá nhân của người đại diện theo pháp luật của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, người đứng đầu chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh, người đại diện tổ hợp tác trong

trường hợp người đại diện tổ hợp tác là cá nhân hoặc người đại diện hợp pháp của pháp nhân trong trường hợp người đại diện tổ hợp tác là pháp nhân phải kèm theo bản sao hộ chiếu hoặc hộ chiếu nước ngoài hoặc các giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu nước ngoài còn hiệu lực của cá nhân đó theo quy định.

4. Trường hợp việc kết nối giữa Cơ sở dữ liệu về đăng ký hợp tác xã với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư bị gián đoạn thì hồ sơ đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã phải kèm theo bản sao căn cước công dân hoặc thẻ căn cước hoặc hộ chiếu hoặc hộ chiếu nước ngoài hoặc các giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu nước ngoài còn hiệu lực của người nộp hồ sơ đăng ký, người đại diện theo pháp luật của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, người đứng đầu chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh, người đại diện tổ hợp tác trong trường hợp người đại diện tổ hợp tác là cá nhân hoặc người đại diện hợp pháp của pháp nhân trong trường hợp người đại diện tổ hợp tác là pháp nhân theo quy định.

* Hồ sơ đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã được tiếp nhận vào Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã khi có đủ các điều kiện sau đây:

a) Có đủ giấy tờ theo quy định tại Luật Hợp tác xã và Nghị định số 295/2026/NĐ-CP;

b) Tên tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đã được điền vào giấy đề nghị đăng ký;

c) Có số điện thoại của người nộp hồ sơ;

d) Đã nộp lệ phí đăng ký kinh doanh, trừ trường hợp được miễn lệ phí đăng ký kinh doanh theo quy định.

* Hồ sơ đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã trên môi trường điện tử phải bảo đảm các yêu cầu sau:

a) Có đầy đủ các giấy tờ và nội dung các giấy tờ đó được kê khai đầy đủ theo quy định như hồ sơ đăng ký bằng bản giấy và được thể hiện dưới dạng văn bản điện tử hoặc dữ liệu điện tử có đầy đủ thông tin theo quy định như hồ sơ đăng ký bằng bản giấy;

b) Các thông tin đăng ký được kê khai trên Hệ thống thông tin về đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã phải được nhập đầy đủ và chính xác theo các thông tin trong hồ sơ đăng ký bằng bản giấy; trong đó có thông tin về số điện thoại, thư điện tử của người nộp hồ sơ.

c) Cá nhân ký tên trong hồ sơ đăng ký có thể sử dụng chữ ký số để ký trực tiếp trên văn bản điện tử hoặc ký trực tiếp trên văn bản giấy và quét (scan) văn bản giấy theo chế độ ảnh màu. theo các định dạng quy định tại khoản 2 Điều 30 Nghị định số 295/2026/NĐ-CP;

d) Hồ sơ đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã trên môi trường điện tử bao gồm các giấy tờ theo quy định tại Luật Hợp tác xã và Nghị định số 295/2026/NĐ-CP được thể hiện dưới dạng văn bản điện tử hoặc dữ liệu điện tử theo quy định pháp luật. Hồ sơ đăng ký trên môi trường điện tử có giá trị pháp lý tương đương hồ sơ đăng ký bằng bản giấy.

e) Thời hạn để tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã sửa đổi, bổ sung hồ sơ đăng ký trên môi trường điện tử là 60 ngày kể từ ngày cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã ra thông báo yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ. Sau thời hạn nêu trên, nếu không nhận được hồ sơ sửa đổi, bổ sung, cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã sẽ hủy hồ sơ đăng ký theo quy trình trên Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã.

* Các trường hợp không được thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã / tiếp tục được thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã:

1. Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã từ chối cấp đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã nếu thuộc một trong các trường hợp sau đây:

a) Tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đã bị cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã ra thông báo về hành vi vi phạm của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thuộc trường hợp thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác, Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã hoặc đã bị ra quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác, Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã;

b) Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đang trong quá trình giải thể theo nghị quyết giải thể của Đại hội thành viên; tổ hợp tác đang trong quá trình chấm dứt hoạt động;

c) Tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đang trong tình trạng pháp lý “Không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký”.

2. Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã tiếp tục giải quyết thủ tục đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đối với các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này khi:

a) Tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đã có biện pháp khắc phục những vi phạm theo yêu cầu trong thông báo về hành vi vi phạm của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thuộc trường hợp thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác, Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã và được cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã chấp nhận hoặc đã được khôi phục Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác, Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã sau khi bị ra quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác, Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã;

b) Tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã phải đăng ký thay đổi nội dung đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã để phục vụ việc chấm dứt hoạt động tổ hợp tác, giải thể hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã theo quy định. Trong trường hợp này, hồ sơ đăng ký thay đổi phải kèm theo văn bản giải trình

của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã về lý do đăng ký thay đổi và được cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã chấp nhận;

c) Tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã không còn trong tình trạng pháp lý “Không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký”.

3. Trường hợp Tòa án; Cơ quan thi hành án; Cơ quan điều tra, Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng Cơ quan điều tra, Điều tra viên quy định tại Bộ luật Tố tụng hình sự yêu cầu bằng văn bản về việc tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã không được thực hiện một hoặc một số thủ tục đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thì cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã từ chối cấp đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã khi tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thực hiện thủ tục đó cho đến khi có ý kiến chấp thuận bằng văn bản của các tổ chức, cá nhân nêu trên về việc cho phép tiếp tục thực hiện thủ tục đăng ký.

m) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Hợp tác xã 2023;
- Nghị định số 295/2026/NĐ-CP;
- Thông tư số 09/2024/TT-BKHĐT;
- Thông tư số 43/2025/TT-BTC.

14. Chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (Mã hồ sơ TTHC: 1.005010)

a) Trình tự thực hiện:

*** Trường hợp đăng ký trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính:**

1. Trước khi thông báo chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh thì hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện phải đăng ký với cơ quan thuế để hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế theo quy định của pháp luật về thuế.

2. Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày quyết định chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã gửi hồ sơ đăng ký chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh đến cơ quan đăng ký kinh doanh tại Bộ phận một cửa cấp xã.

3. Sau khi tiếp nhận hồ sơ đăng ký chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh, cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã thực hiện như sau:

a) Trường hợp chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã gửi thông tin về việc chi nhánh, văn phòng đại diện chấm dứt hoạt động cho cơ quan thuế. Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông tin của cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã, cơ quan thuế gửi thông tin về việc hoàn thành nghĩa vụ thuế của chi nhánh, văn phòng đại diện đến

cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ đăng ký chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã chuyển tình trạng pháp lý của chi nhánh, văn phòng đại diện sang tình trạng đã chấm dứt hoạt động nếu nhận được ý kiến của cơ quan thuế xác nhận chi nhánh, văn phòng đại diện đã hoàn thành nghĩa vụ thuế hoặc không nhận được ý kiến của cơ quan thuế, đồng thời ra thông báo về việc chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện;

b) Trường hợp chấm dứt hoạt động địa điểm kinh doanh, cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã xem xét tính hợp lệ của hồ sơ và chuyển tình trạng pháp lý của địa điểm kinh doanh sang tình trạng đã chấm dứt hoạt động trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đăng ký. Thông tin về việc chấm dứt hoạt động địa điểm kinh doanh được Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã truyền sang Hệ thống ứng dụng đăng ký thuế để cập nhật.

4. Việc chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã ở nước ngoài thực hiện theo quy định của pháp luật nước đó. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày chính thức chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện ở nước ngoài, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã gửi thông báo bằng văn bản về việc chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã ở nước ngoài đến cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã. Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã cập nhật thông tin của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã trong Cơ sở dữ liệu về đăng ký hợp tác xã trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo.

5. Kết thúc thời hạn 06 tháng kể từ ngày cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã thông báo tình trạng chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh đang làm thủ tục chấm dứt hoạt động trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp mà không nhận được hồ sơ đăng ký chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và ý kiến phản đối bằng văn bản của cơ quan quản lý thuế hoặc tổ chức, cá nhân và bên có liên quan khác, cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã thực hiện chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh trong Cơ sở dữ liệu về đăng ký hợp tác xã, đồng thời ra thông báo về việc chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh. Thông tin về việc chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh được Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã truyền sang Hệ thống ứng dụng đăng ký thuế để cập nhật.

*** Trường hợp đăng ký trên môi trường điện tử:**

1. Người nộp hồ sơ đăng nhập Cổng dịch vụ công quốc gia hoặc Ứng dụng định danh quốc gia bằng tài khoản định danh điện tử để truy cập Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã. Người nộp hồ sơ thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã theo quy trình trên Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã như sau:

a) Trường hợp người nộp hồ sơ là người có thẩm quyền ký văn bản đề nghị đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã

Người nộp hồ sơ kê khai thông tin trên Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã. Đối với các giấy đề nghị hoặc thông báo có nội dung được kê khai trên Hệ thống và chỉ yêu cầu người nộp hồ sơ ký thì người nộp hồ sơ không phải ký sổ hoặc ký trực tiếp và tải lên Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã. Đối với các giấy tờ khác trong thành phần hồ sơ đăng ký theo quy định, người nộp hồ sơ phải bảo đảm các giấy tờ này được ký sổ hoặc ký trực tiếp theo quy định, được thể hiện dưới dạng văn bản điện tử và tải các giấy tờ này lên Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã.

Đối với các giấy đề nghị hoặc thông báo có nội dung được kê khai trên Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã yêu cầu nhiều người ký và giấy tờ khác trong thành phần hồ sơ đăng ký theo quy định, người nộp hồ sơ phải bảo đảm các giấy tờ này được ký sổ hoặc ký trực tiếp theo quy định, được thể hiện dưới dạng văn bản điện tử và tải các giấy tờ này lên Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã.

Người nộp hồ sơ thanh toán phí, lệ phí (nếu có) và thực hiện xác thực điện tử theo quy định để nộp hồ sơ. Sau khi hoàn thành việc gửi hồ sơ, người nộp hồ sơ sẽ nhận được giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả điện tử.

b) Trường hợp người nộp hồ sơ là người được ủy quyền thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã

Người nộp hồ sơ kê khai thông tin và tải các giấy tờ trong thành phần hồ sơ đăng ký theo quy định lên Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã. Các giấy tờ này phải được ký sổ hoặc ký trực tiếp theo quy định và được thể hiện dưới dạng văn bản điện tử.

Người nộp hồ sơ thanh toán phí, lệ phí (nếu có) và thực hiện xác thực điện tử theo quy định để nộp hồ sơ. Sau khi hoàn thành việc gửi hồ sơ, người nộp hồ sơ sẽ nhận được giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả điện tử.

2. Các thông tin đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã trên Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã được truyền sang Hệ thống ứng dụng đăng ký thuế để phối hợp, trao đổi thông tin giữa cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã và cơ quan thuế.

3. Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã xem xét tính hợp lệ của hồ sơ và trả kết quả giải quyết hồ sơ cho tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã theo quy định tại Luật Hợp tác xã và Nghị định số 295/2026/NĐ-CP. Người nộp hồ sơ đăng nhập vào Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã để nhận thông tin phản hồi về kết quả xử lý hồ sơ.

b) Cách thức thực hiện:

Hồ sơ đăng ký được gửi đến cơ quan đăng ký kinh doanh theo một trong các phương thức sau đây:

- Nộp trực tiếp tại cơ quan đăng ký kinh doanh;
- Qua dịch vụ bưu chính;

- Qua Công dịch vụ công quốc gia hoặc Ứng dụng định danh quốc gia

c) Thành phần hồ sơ:

* Hồ sơ bao gồm:

a) Thông báo về việc chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh;

b) Bản sao hoặc bản chính quyết định của Hội đồng quản trị (đối với tổ chức quản trị đầy đủ) hoặc nghị quyết của Đại hội thành viên (đối với tổ chức quản trị rút gọn) về việc chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện đối với trường hợp chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện.

Lưu ý:

Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã khai thác, sử dụng thông tin đã có trong các cơ sở dữ liệu để thay thế và không yêu cầu cá nhân, tổ chức thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã nộp bản sao Giấy chứng nhận đăng ký thuế; bản sao hộ chiếu; bản sao Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư; bản sao văn bản của cơ quan đăng ký đầu tư chấp thuận về việc góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài; bản sao quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật; bản sao phán quyết của Trọng tài có hiệu lực và các giấy tờ khác trong thành phần hồ sơ giải quyết thủ tục đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã quy định tại Luật Hợp tác xã và Nghị định số 295/2026/NĐ-CP.

Trường hợp không khai thác được thông tin hoặc thông tin khai thác được không đầy đủ, không chính xác thì cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã yêu cầu cá nhân, tổ chức bổ sung bản sao các giấy tờ nêu trên trong trường hợp hồ sơ quy định tại Luật Hợp tác xã và Nghị định số 295/2026/NĐ-CP có yêu cầu để giải quyết thủ tục đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã theo quy định; Cá nhân, tổ chức thực hiện cập nhật, điều chỉnh thông tin trong các cơ sở dữ liệu theo quy định của pháp luật.

Việc khai thác, sử dụng thông tin đã có trong các cơ sở dữ liệu để thay thế thành phần hồ sơ đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã trên cơ sở kết nối, chia sẻ thông tin giữa Cơ sở dữ liệu về đăng ký hợp tác xã và các cơ sở dữ liệu khác thực hiện theo thông báo trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

* Trường hợp đăng ký trên môi trường điện tử:

Hồ sơ đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã trên môi trường điện tử bao gồm các giấy tờ theo quy định tại Luật Hợp tác xã 2023 và Nghị định số 295/2026/NĐ-CP được thể hiện dưới dạng văn bản điện tử. Hồ sơ đăng ký trên môi trường điện tử có giá trị pháp lý tương đương hồ sơ đăng ký bằng bản giấy.

* Trường hợp ủy quyền thực hiện thủ tục:

1. Người được ủy quyền đăng ký thành lập hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã được ghi trong nghị quyết Hội nghị thành lập hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã. Việc ủy quyền lại để thực hiện thủ tục đăng ký thành lập hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thực hiện theo quy định của pháp luật về dân sự.

2. Trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này, cá nhân ký tên tại văn bản đề nghị đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã có thể ủy quyền cho tổ chức, cá nhân khác thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã như sau:

a) Trường hợp ủy quyền cho cá nhân thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, kèm theo hồ sơ phải có văn bản ủy quyền cho cá nhân thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã. Văn bản ủy quyền này không bắt buộc phải công chứng, chứng thực;

b) Trường hợp ủy quyền cho tổ chức thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, kèm theo hồ sơ đăng ký phải có bản sao hợp đồng cung cấp dịch vụ với tổ chức làm dịch vụ, giấy giới thiệu hoặc văn bản phân công nhiệm vụ của tổ chức đó cho cá nhân trực tiếp thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

3. Trường hợp thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã qua dịch vụ bưu chính công ích, khi thực hiện thủ tục, nhân viên bưu chính phải nộp bản sao phiếu gửi hồ sơ theo mẫu do doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính công ích phát hành có chữ ký xác nhận của nhân viên bưu chính và người có thẩm quyền ký văn bản đề nghị đăng ký.

4. Trường hợp ủy quyền cho đơn vị cung cấp dịch vụ bưu chính không phải là bưu chính công ích thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thì việc ủy quyền thực hiện theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 12 Nghị định số 295/2026/NĐ-CP.

5. Người ủy quyền và người được ủy quyền thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, trung thực và chính xác của việc ủy quyền.

6. Người ủy quyền phải xác thực điện tử theo quy định pháp luật về xác thực và định danh điện tử khi thực hiện thủ tục đăng ký thành lập tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; đăng ký thay đổi người đại diện theo pháp luật của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; thông báo thay đổi thông tin về thành viên chính thức, thành viên liên kết góp vốn là tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài, cá nhân là nhà đầu tư nước ngoài của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; đăng ký thay đổi thành viên tổ hợp tác để được cấp đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

Trường hợp việc xác thực điện tử bị gián đoạn thì người ủy quyền thực hiện việc xác thực điện tử sau khi được cấp đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã. Trường hợp người ủy quyền không xác nhận hoặc xác nhận không ủy quyền thực hiện thủ tục đăng ký sau khi được cấp đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thì cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã yêu cầu tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã báo cáo theo quy định tại khoản 6 Điều 7 Nghị định số 295/2026/NĐ-CP.

Trường hợp chưa có tài khoản định danh điện tử để thực hiện xác thực điện tử thì hồ sơ đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã phải kèm theo bản sao thẻ Căn cước hoặc thẻ Căn cước công dân hoặc hộ chiếu hoặc hộ chiếu nước ngoài hoặc các giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu nước ngoài còn hiệu lực của người ủy quyền.

Việc triển khai quy định về xác thực điện tử thực hiện theo kế hoạch xây dựng, nâng cấp Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã và được thông báo trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

d) Số lượng hồ sơ:

01 bộ hồ sơ.

đ) Thời hạn giải quyết:

- Trường hợp chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh trong nước:

Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ đăng ký chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện.

Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ đăng ký chấm dứt hoạt động địa điểm kinh doanh.

Kết thúc thời hạn 06 tháng kể từ ngày cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã thông báo tình trạng chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh đang làm thủ tục chấm dứt hoạt động trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp mà không nhận được hồ sơ đăng ký chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và ý kiến phản đối bằng văn bản của cơ quan quản lý thuế hoặc tổ chức, cá nhân và bên có liên quan khác.

- Trường hợp chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh ở nước ngoài:

Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo.

e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:

Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã.

g) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:

Người được ủy quyền đăng ký thành lập hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

h) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

- Trường hợp chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh trong nước:

Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã chuyển tình trạng pháp lý của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh sang tình trạng đã chấm dứt hoạt động nếu không nhận được ý kiến phản đối của cơ quan thuế, đồng thời ra thông báo về việc chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh.

Trong trường hợp kết thúc thời hạn 06 tháng kể từ ngày cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã thông báo tình trạng chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh đang làm thủ tục chấm dứt hoạt động trên Công thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp mà không nhận được hồ sơ đăng ký chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và ý kiến phản đối bằng văn bản của cơ quan quản lý thuế hoặc tổ chức, cá nhân và bên có liên quan khác. Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã thực hiện chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh trong Cơ sở dữ liệu về đăng ký hợp tác xã, đồng thời ra thông báo về việc chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh. Thông tin về việc chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh được Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã truyền sang Hệ thống ứng dụng đăng ký thuế đề cập nhật.

- Trường hợp chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh ở nước ngoài:

Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã khi nhận được văn bản về việc chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã ở nước ngoài: Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã cập nhật thông tin của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã trong Cơ sở dữ liệu về đăng ký hợp tác xã.

i) Lệ phí:

Mức lệ phí (nếu có) theo quyết định của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh.

k) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

Thông báo về việc chấm dứt hoạt động chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh của hợp tác xã (*Mẫu số 10, Phụ lục II, Thông tư số 43/2025/TT-BTC*).

l) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

* Kê khai thông tin cá nhân trong thực hiện thủ tục đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã

1. Trường hợp đã có sổ định danh cá nhân, người thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã kê khai các thông tin về họ, chữ đệm và tên, ngày, tháng, năm sinh, sổ định danh cá nhân, giới tính của mình và của cá nhân có yêu cầu kê khai thông tin cá nhân trong hồ sơ đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã. Các thông tin kê khai phải chính xác so với các thông tin được lưu trữ tại Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư. Trường hợp thông tin cá nhân được kê khai có sai khác so với thông tin được lưu trữ tại Cơ sở dữ

liệu quốc gia về dân cư, cá nhân đó có trách nhiệm liên hệ với cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền để hiệu chỉnh thông tin trước khi thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

2. Trường hợp nộp hồ sơ đăng ký bằng bản giấy, người nộp hồ sơ đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã xuất trình căn cước công dân hoặc thẻ căn cước hoặc sử dụng tài khoản định danh điện tử theo quy định pháp luật để thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

3. Trường hợp không có số định danh cá nhân thì hồ sơ đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã có yêu cầu kê khai thông tin cá nhân của người đại diện theo pháp luật của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, người đứng đầu chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh, người đại diện tổ hợp tác trong trường hợp người đại diện tổ hợp tác là cá nhân hoặc người đại diện hợp pháp của pháp nhân trong trường hợp người đại diện tổ hợp tác là pháp nhân phải kèm theo bản sao hộ chiếu hoặc hộ chiếu nước ngoài hoặc các giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu nước ngoài còn hiệu lực của cá nhân đó theo quy định.

4. Trường hợp việc kết nối giữa Cơ sở dữ liệu về đăng ký hợp tác xã với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư bị gián đoạn thì hồ sơ đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã phải kèm theo bản sao căn cước công dân hoặc thẻ căn cước hoặc hộ chiếu hoặc hộ chiếu nước ngoài hoặc các giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu nước ngoài còn hiệu lực của người nộp hồ sơ đăng ký, người đại diện theo pháp luật của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, người đứng đầu chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh, người đại diện tổ hợp tác trong trường hợp người đại diện tổ hợp tác là cá nhân hoặc người đại diện hợp pháp của pháp nhân trong trường hợp người đại diện tổ hợp tác là pháp nhân theo quy định.

* Hồ sơ đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã được tiếp nhận vào Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã khi có đủ các điều kiện sau đây:

a) Có đủ giấy tờ theo quy định tại Luật Hợp tác xã và Nghị định số 295/2026/NĐ-CP;

b) Tên tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đã được điền vào giấy đề nghị đăng ký;

c) Có số điện thoại của người nộp hồ sơ;

d) Đã nộp lệ phí đăng ký kinh doanh, trừ trường hợp được miễn lệ phí đăng ký kinh doanh theo quy định.

* Hồ sơ đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã trên môi trường điện tử phải bảo đảm các yêu cầu sau:

a) Có đầy đủ các giấy tờ và nội dung các giấy tờ đó được kê khai đầy đủ theo quy định như hồ sơ đăng ký bằng bản giấy và được thể hiện dưới dạng văn bản

điện tử hoặc dữ liệu điện tử có đầy đủ thông tin theo quy định như hồ sơ đăng ký bằng bản giấy;

b) Các thông tin đăng ký được kê khai trên Hệ thống thông tin về đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã phải được nhập đầy đủ và chính xác theo các thông tin trong hồ sơ đăng ký bằng bản giấy; trong đó có thông tin về số điện thoại, thư điện tử của người nộp hồ sơ.

c) Cá nhân ký tên trong hồ sơ đăng ký có thể sử dụng chữ ký số để ký trực tiếp trên văn bản điện tử hoặc ký trực tiếp trên văn bản giấy và quét (scan) văn bản giấy theo chế độ ảnh màu. theo các định dạng quy định tại khoản 2 Điều 30 Nghị định số 295/2026/NĐ-CP;

d) Hồ sơ đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã trên môi trường điện tử bao gồm các giấy tờ theo quy định tại Luật Hợp tác xã và Nghị định số 295/2026/NĐ-CP được thể hiện dưới dạng văn bản điện tử hoặc dữ liệu điện tử theo quy định pháp luật. Hồ sơ đăng ký trên môi trường điện tử có giá trị pháp lý tương đương hồ sơ đăng ký bằng bản giấy.

e) Thời hạn để tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã sửa đổi, bổ sung hồ sơ đăng ký trên môi trường điện tử là 60 ngày kể từ ngày cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã ra thông báo yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ. Sau thời hạn nêu trên, nếu không nhận được hồ sơ sửa đổi, bổ sung, cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã sẽ hủy hồ sơ đăng ký theo quy trình trên Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã.

* Các trường hợp không được thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã / tiếp tục được thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã:

1. Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã từ chối cấp đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã nếu thuộc một trong các trường hợp sau đây:

a) Tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đã bị cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã ra thông báo về hành vi vi phạm của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thuộc trường hợp thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác, Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã hoặc đã bị ra quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác, Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã;

b) Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đang trong quá trình giải thể theo nghị quyết giải thể của Đại hội thành viên; tổ hợp tác đang trong quá trình chấm dứt hoạt động;

c) Tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đang trong tình trạng pháp lý “Không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký”.

2. Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã tiếp tục giải quyết thủ tục đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đối với các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này khi:

a) Tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đã có biện pháp khắc phục những vi phạm theo yêu cầu trong thông báo về hành vi vi phạm của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thuộc trường hợp thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác, Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã và được cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã chấp nhận hoặc đã được khôi phục Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác, Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã sau khi bị ra quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác, Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã;

b) Tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã phải đăng ký thay đổi nội dung đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã để phục vụ việc chấm dứt hoạt động tổ hợp tác, giải thể hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã theo quy định. Trong trường hợp này, hồ sơ đăng ký thay đổi phải kèm theo văn bản giải trình của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã về lý do đăng ký thay đổi và được cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã chấp nhận;

c) Tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã không còn trong tình trạng pháp lý “Không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký”.

3. Trường hợp Tòa án; Cơ quan thi hành án; Cơ quan điều tra, Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng Cơ quan điều tra, Điều tra viên quy định tại Bộ luật Tố tụng hình sự yêu cầu bằng văn bản về việc tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã không được thực hiện một hoặc một số thủ tục đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thì cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã từ chối cấp đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã khi tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thực hiện thủ tục đó cho đến khi có ý kiến chấp thuận bằng văn bản của các tổ chức, cá nhân nêu trên về việc cho phép tiếp tục thực hiện thủ tục đăng ký.

m) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Hợp tác xã 2023;
- Nghị định số 295/2026/NĐ-CP;
- Thông tư số 09/2024/TT-BKHĐT;
- Thông tư số 43/2025/TT-BTC.

15. Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã do bị mất, cháy, rách, nát hoặc bị tiêu hủy (Mã hồ sơ TTHC: 2.002638)

a) Trình tự thực hiện:

- * Trường hợp đăng ký trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính:

Trường hợp hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, tổ hợp tác có nhu cầu được cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác do bị mất, cháy, rách, nát hoặc bị tiêu hủy dưới hình thức khác; hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, tổ hợp tác có nhu cầu được cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh do bị mất, cháy, rách, nát hoặc bị tiêu hủy dưới hình thức khác, tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã gửi văn bản đề nghị cấp lại đến cơ quan đăng ký kinh doanh tại Bộ phận một cửa cấp xã.

Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã xem xét cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị.

Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ hoặc tên tổ hợp tác yêu cầu đăng ký không đúng theo quy định hoặc thông tin kê khai trong hồ sơ đăng ký không thống nhất, cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã phải thông báo bằng văn bản nội dung cần sửa đổi, bổ sung cho người thành lập tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã hoặc tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ. Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã ghi toàn bộ yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ đăng ký đối với mỗi một bộ hồ sơ do tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã nộp trong một thông báo yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ.

*** Trường hợp trên môi trường điện tử:**

1. Người nộp hồ sơ đăng nhập Cổng dịch vụ công quốc gia hoặc Ứng dụng định danh quốc gia bằng tài khoản định danh điện tử để truy cập Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã. Người nộp hồ sơ thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã theo quy trình trên Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã như sau:

a) Trường hợp người nộp hồ sơ là người có thẩm quyền ký văn bản đề nghị đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã

Người nộp hồ sơ kê khai thông tin trên Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã. Đối với các giấy đề nghị hoặc thông báo có nội dung được kê khai trên Hệ thống và chỉ yêu cầu người nộp hồ sơ ký thì người nộp hồ sơ không phải ký số hoặc ký trực tiếp và tải lên Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã. Đối với các giấy tờ khác trong thành phần hồ sơ đăng ký theo quy định, người nộp hồ sơ phải bảo đảm các giấy tờ này được ký số hoặc ký trực tiếp theo quy định, được thể hiện dưới dạng văn bản điện tử và tải các giấy tờ này lên Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã.

Đối với các giấy đề nghị hoặc thông báo có nội dung được kê khai trên Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã yêu cầu nhiều người ký và giấy tờ khác trong thành phần hồ sơ đăng ký theo quy định, người nộp hồ sơ phải bảo đảm các giấy tờ này được ký số hoặc ký trực tiếp theo quy định, được thể hiện dưới dạng văn bản điện tử và tải các giấy tờ này lên Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã.

Người nộp hồ sơ thanh toán phí, lệ phí (nếu có) và thực hiện xác thực điện tử theo quy định để nộp hồ sơ. Sau khi hoàn thành việc gửi hồ sơ, người nộp hồ sơ sẽ nhận được giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả điện tử.

b) Trường hợp người nộp hồ sơ là người được ủy quyền thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã

Người nộp hồ sơ kê khai thông tin và tải các giấy tờ trong thành phần hồ sơ đăng ký theo quy định lên Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã. Các giấy tờ này phải được ký số hoặc ký trực tiếp theo quy định và được thể hiện dưới dạng văn bản điện tử.

Người nộp hồ sơ thanh toán phí, lệ phí (nếu có) và thực hiện xác thực điện tử theo quy định để nộp hồ sơ. Sau khi hoàn thành việc gửi hồ sơ, người nộp hồ sơ sẽ nhận được giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả điện tử.

2. Các thông tin đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã trên Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã được truyền sang Hệ thống ứng dụng đăng ký thuế để phối hợp, trao đổi thông tin giữa cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã và cơ quan thuế.

3. Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã xem xét tính hợp lệ của hồ sơ và trả kết quả giải quyết hồ sơ cho tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã theo quy định tại Luật Hợp tác xã và Nghị định số 295/2026/NĐ-CP. Người nộp hồ sơ đăng nhập vào Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã để nhận thông tin phản hồi về kết quả xử lý hồ sơ.

b) Cách thức thực hiện:

Hồ sơ đăng ký được gửi đến cơ quan đăng ký kinh doanh theo một trong các phương thức sau đây:

- Nộp trực tiếp tại cơ quan đăng ký kinh doanh;
- Qua dịch vụ bưu chính;
- Qua Cổng dịch vụ công quốc gia hoặc Ứng dụng định danh quốc gia

c) Thành phần hồ sơ:

* Hồ sơ bao gồm:

- Đối với cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác do bị mất, cháy, rách, nát hoặc bị tiêu hủy: Giấy đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác.

- Đối với cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hợp xã: Văn bản đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã; Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện; Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh.

* Trường hợp đăng ký trên môi trường điện tử:

Hồ sơ đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã trên môi trường điện tử bao gồm các giấy tờ theo quy định tại Luật Hợp tác xã năm 2023 và Nghị

định số 295/2026/NĐ-CP được thể hiện dưới dạng văn bản điện tử. Hồ sơ đăng ký trên môi trường điện tử có giá trị pháp lý tương đương hồ sơ đăng ký bằng bản giấy.

* Trường hợp ủy quyền thực hiện thủ tục:

1. Người được ủy quyền đăng ký thành lập hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã được ghi trong nghị quyết Hội nghị thành lập hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã. Việc ủy quyền lại để thực hiện thủ tục đăng ký thành lập hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thực hiện theo quy định của pháp luật về dân sự.

2. Trừ trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này, cá nhân ký tên tại văn bản đề nghị đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã có thể ủy quyền cho tổ chức, cá nhân khác thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã như sau:

a) Trường hợp ủy quyền cho cá nhân thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, kèm theo hồ sơ phải có văn bản ủy quyền cho cá nhân thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã. Văn bản ủy quyền này không bắt buộc phải công chứng, chứng thực;

b) Trường hợp ủy quyền cho tổ chức thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, kèm theo hồ sơ đăng ký phải có bản sao hợp đồng cung cấp dịch vụ với tổ chức làm dịch vụ, giấy giới thiệu hoặc văn bản phân công nhiệm vụ của tổ chức đó cho cá nhân trực tiếp thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

3. Trường hợp thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã qua dịch vụ bưu chính công ích, khi thực hiện thủ tục, nhân viên bưu chính phải nộp bản sao phiếu gửi hồ sơ theo mẫu do doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính công ích phát hành có chữ ký xác nhận của nhân viên bưu chính và người có thẩm quyền ký văn bản đề nghị đăng ký.

4. Trường hợp ủy quyền cho đơn vị cung cấp dịch vụ bưu chính không phải là bưu chính công ích thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thì việc ủy quyền thực hiện theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 12 Nghị định số 295/2026/NĐ-CP.

5. Người ủy quyền và người được ủy quyền thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, trung thực và chính xác của việc ủy quyền.

6. Người ủy quyền phải xác thực điện tử theo quy định pháp luật về xác thực và định danh điện tử khi thực hiện thủ tục đăng ký thành lập tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; đăng ký thay đổi người đại diện theo pháp luật của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; thông báo thay đổi thông tin về thành viên chính thức,

thành viên liên kết góp vốn là tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài, cá nhân là nhà đầu tư nước ngoài của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; đăng ký thay đổi thành viên tổ hợp tác để được cấp đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

Trường hợp việc xác thực điện tử bị gián đoạn thì người ủy quyền thực hiện việc xác thực điện tử sau khi được cấp đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã. Trường hợp người ủy quyền không xác nhận hoặc xác nhận không ủy quyền thực hiện thủ tục đăng ký sau khi được cấp đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thì cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã yêu cầu tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã báo cáo theo quy định tại khoản 6 Điều 7 Nghị định số 295/2026/NĐ-CP.

Trường hợp chưa có tài khoản định danh điện tử để thực hiện xác thực điện tử thì hồ sơ đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã phải kèm theo bản sao thẻ Căn cước hoặc thẻ Căn cước công dân hoặc hộ chiếu hoặc hộ chiếu nước ngoài hoặc các giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu nước ngoài còn hiệu lực của người ủy quyền.

Việc triển khai quy định về xác thực điện tử thực hiện theo kế hoạch xây dựng, nâng cấp Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã và được thông báo trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

d) Số lượng hồ sơ:

01 bộ hồ sơ.

đ) Thời hạn giải quyết:

Trong thời hạn 01 ngày làm việc.

e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:

Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã.

g) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:

Tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, người được ủy quyền đăng ký thành lập tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

h) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

- Trường hợp hồ sơ hợp lệ: Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

- Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ hoặc thông tin kê khai trong hồ sơ đăng ký không thống nhất: Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã thông báo bằng văn bản nội dung cần sửa đổi, bổ sung cho người thành lập tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

i) Lệ phí:

- Mức lệ phí cụ thể do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định (căn cứ quy định tại Thông tư số 85/2019/TT-BTC).

- Người nộp hồ sơ đăng ký nộp lệ phí đăng ký kinh doanh tại thời điểm nộp hồ sơ. Lệ phí đăng ký kinh doanh có thể nộp trực tiếp tại bộ phận tiếp nhận hồ sơ ở cấp xã hoặc chuyển vào tài khoản của cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã hoặc thanh toán trực tuyến thông qua chức năng thanh toán trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia hoặc bằng cách thức khác theo quy định của pháp luật. Lệ phí đăng ký kinh doanh không được hoàn trả trong trường hợp hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã không được cấp đăng ký.

2. Tiền sử dụng dịch vụ thanh toán trực tuyến không được tính trong lệ phí đăng ký kinh doanh.

- Việc giải quyết các lỗi giao dịch phát sinh trong quá trình sử dụng dịch vụ thanh toán trực tuyến được thực hiện theo quy định của pháp luật về giải quyết thủ tục hành chính trên môi trường điện tử.

- Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã có trách nhiệm phối hợp với tổ chức cung cấp dịch vụ trung gian thanh toán hoặc ngân hàng thương mại thực hiện việc đối soát dữ liệu thanh toán qua hệ thống thanh toán trực tuyến của Cổng dịch vụ công quốc gia hoặc của tổ chức cung cấp dịch vụ trung gian thanh toán.

- Không thu lệ phí đăng ký đối với tổ hợp tác theo quy định tại khoản 2 Điều 22 Luật Hợp tác xã 2023.

k) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Trường hợp cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác do bị mất, cháy, rách, nát hoặc bị tiêu hủy: Giấy đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác (Mẫu số 18 Phụ lục II kèm theo Thông tư số 43/2025/TT-BTC).

- Trường hợp cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hợp xã: Giấy đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã (Mẫu số 11 Phụ lục II kèm theo Thông tư số 43/2025/TT-BTC).

l) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

* Kê khai thông tin cá nhân trong thực hiện thủ tục đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã

1. Trường hợp đã có sổ định danh cá nhân, người thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã kê khai các thông tin về họ, chữ đệm và tên, ngày, tháng, năm sinh, sổ định danh cá nhân, giới tính của mình và của cá nhân có yêu cầu kê khai thông tin cá nhân trong hồ sơ đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã. Các thông tin kê khai phải chính xác so với các thông tin được lưu trữ tại Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư. Trường hợp thông tin cá nhân được kê khai có sai khác so với thông tin được lưu trữ tại Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, cá nhân đó có trách nhiệm liên hệ với cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền để hiệu chỉnh thông tin trước khi thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

2. Trường hợp nộp hồ sơ đăng ký bằng bản giấy, người nộp hồ sơ đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã xuất trình căn cước công dân hoặc thẻ căn cước hoặc sử dụng tài khoản định danh điện tử theo quy định pháp luật để thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

3. Trường hợp không có số định danh cá nhân thì hồ sơ đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã có yêu cầu kê khai thông tin cá nhân của người đại diện theo pháp luật của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, người đứng đầu chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh, người đại diện tổ hợp tác trong trường hợp người đại diện tổ hợp tác là cá nhân hoặc người đại diện hợp pháp của pháp nhân trong trường hợp người đại diện tổ hợp tác là pháp nhân phải kèm theo bản sao hộ chiếu hoặc hộ chiếu nước ngoài hoặc các giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu nước ngoài còn hiệu lực của cá nhân đó theo quy định.

4. Trường hợp việc kết nối giữa Cơ sở dữ liệu về đăng ký hợp tác xã với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư bị gián đoạn thì hồ sơ đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã phải kèm theo bản sao căn cước công dân hoặc thẻ căn cước hoặc hộ chiếu hoặc hộ chiếu nước ngoài hoặc các giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu nước ngoài còn hiệu lực của người nộp hồ sơ đăng ký, người đại diện theo pháp luật của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, người đứng đầu chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh, người đại diện tổ hợp tác trong trường hợp người đại diện tổ hợp tác là cá nhân hoặc người đại diện hợp pháp của pháp nhân trong trường hợp người đại diện tổ hợp tác là pháp nhân theo quy định.

* Hồ sơ đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã được tiếp nhận vào Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã khi có đủ các điều kiện sau đây:

a) Có đủ giấy tờ theo quy định tại Luật Hợp tác xã và Nghị định số 295/2026/NĐ-CP;

b) Tên tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đã được điền vào giấy đề nghị đăng ký;

c) Có số điện thoại của người nộp hồ sơ;

d) Đã nộp lệ phí đăng ký kinh doanh, trừ trường hợp được miễn lệ phí đăng ký kinh doanh theo quy định.

* Hồ sơ đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã trên môi trường điện tử phải bảo đảm các yêu cầu sau:

a) Có đầy đủ các giấy tờ và nội dung các giấy tờ đó được kê khai đầy đủ theo quy định như hồ sơ đăng ký bằng bản giấy và được thể hiện dưới dạng văn bản điện tử hoặc dữ liệu điện tử có đầy đủ thông tin theo quy định như hồ sơ đăng ký bằng bản giấy;

b) Các thông tin đăng ký được kê khai trên Hệ thống thông tin về đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã phải được nhập đầy đủ và chính xác theo

các thông tin trong hồ sơ đăng ký bằng bản giấy; trong đó có thông tin về số điện thoại, thư điện tử của người nộp hồ sơ.

c) Cá nhân ký tên trong hồ sơ đăng ký có thể sử dụng chữ ký số để ký trực tiếp trên văn bản điện tử hoặc ký trực tiếp trên văn bản giấy và quét (scan) văn bản giấy theo chế độ ảnh màu. theo các định dạng quy định tại khoản 2 Điều 30 Nghị định số 295/2026/NĐ-CP;

d) Hồ sơ đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã trên môi trường điện tử bao gồm các giấy tờ theo quy định tại Luật Hợp tác xã và Nghị định số 295/2026/NĐ-CP được thể hiện dưới dạng văn bản điện tử hoặc dữ liệu điện tử theo quy định pháp luật. Hồ sơ đăng ký trên môi trường điện tử có giá trị pháp lý tương đương hồ sơ đăng ký bằng bản giấy.

e) Thời hạn để tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã sửa đổi, bổ sung hồ sơ đăng ký trên môi trường điện tử là 60 ngày kể từ ngày cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã ra thông báo yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ. Sau thời hạn nêu trên, nếu không nhận được hồ sơ sửa đổi, bổ sung, cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã sẽ hủy hồ sơ đăng ký theo quy trình trên Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã.

* Các trường hợp không được thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã / tiếp tục được thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã:

1. Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã từ chối cấp đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã nếu thuộc một trong các trường hợp sau đây:

a) Tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đã bị cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã ra thông báo về hành vi vi phạm của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thuộc trường hợp thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác, Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã hoặc đã bị ra quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác, Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã;

b) Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đang trong quá trình giải thể theo nghị quyết giải thể của Đại hội thành viên; tổ hợp tác đang trong quá trình chấm dứt hoạt động;

c) Tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đang trong tình trạng pháp lý “Không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký”.

2. Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã tiếp tục giải quyết thủ tục đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đối với các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này khi:

a) Tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đã có biện pháp khắc phục những vi phạm theo yêu cầu trong thông báo về hành vi vi phạm của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thuộc trường hợp thu hồi Giấy chứng nhận đăng

ký tổ hợp tác, Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã và được cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã chấp nhận hoặc đã được khôi phục Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác, Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã sau khi bị ra quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác, Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã;

b) Tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã phải đăng ký thay đổi nội dung đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã để phục vụ việc chấm dứt hoạt động tổ hợp tác, giải thể hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã theo quy định. Trong trường hợp này, hồ sơ đăng ký thay đổi phải kèm theo văn bản giải trình của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã về lý do đăng ký thay đổi và được cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã chấp nhận;

c) Tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã không còn trong tình trạng pháp lý “Không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký”.

3. Trường hợp Tòa án; Cơ quan thi hành án; Cơ quan điều tra, Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng Cơ quan điều tra, Điều tra viên quy định tại Bộ luật Tố tụng hình sự yêu cầu bằng văn bản về việc tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã không được thực hiện một hoặc một số thủ tục đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thì cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã từ chối cấp đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã khi tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thực hiện thủ tục đó cho đến khi có ý kiến chấp thuận bằng văn bản của các tổ chức, cá nhân nêu trên về việc cho phép tiếp tục thực hiện thủ tục đăng ký.

m) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Hợp tác xã số 17/2023/QH15 ngày 20/6/2023 (Luật Hợp tác xã năm 2023);
- Nghị định số 295/2026/NĐ-CP ngày 23/7/2026 của Chính phủ về đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (Nghị định số 295/2026/NĐ-CP);
- Thông tư số 09/2024/TT-BKHĐT ngày 16/5/2024 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư ban hành biểu mẫu thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã và quy định về nội dung thông tin, việc cập nhật, khai thác và quản lý Hệ thống thông tin quốc gia về hợp tác xã (Thông tư số 09/2024/TT-BKHĐT);
- Thông tư số 43/2025/TT-BTC ngày 17/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành biểu mẫu sử dụng trong lĩnh vực quản lý nhà nước đối với hộ kinh doanh, tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã khi tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp (Thông tư số 43/2025/TT-BTC).

16. Thông báo tạm ngừng kinh doanh, tiếp tục kinh doanh trở lại đối với tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh (Mã hồ sơ TTHC: 2.002641)

a) Trình tự thực hiện:

*** Trường hợp đăng ký trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính:**

- Thông báo tạm ngừng kinh doanh, tiếp tục kinh doanh trở lại đối với hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh

1. Trường hợp hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh tạm ngừng kinh doanh hoặc tiếp tục kinh doanh trở lại, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã gửi hồ sơ thông báo đến cơ quan đăng ký kinh doanh tại Bộ phận một cửa cấp xã chậm nhất 03 ngày làm việc trước ngày tạm ngừng kinh doanh hoặc tiếp tục kinh doanh trở lại.

Trường hợp hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh có nhu cầu tiếp tục tạm ngừng kinh doanh sau khi hết thời hạn đã thông báo thì gửi hồ sơ thông báo tạm ngừng kinh doanh đến cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã chậm nhất 03 ngày làm việc trước ngày tiếp tục tạm ngừng kinh doanh. Thời hạn tạm ngừng kinh doanh của mỗi lần thông báo không được quá 12 tháng. Tổng thời gian tạm ngừng kinh doanh liên tiếp không được quá 24 tháng.

2. Hồ sơ thông báo tạm ngừng kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh bao gồm các giấy tờ sau:

a) Thông báo tạm ngừng kinh doanh, trong đó bao gồm thông tin về số điện thoại và địa chỉ thư điện tử của người đại diện theo pháp luật của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã;

b) Bản sao hoặc bản chính nghị quyết của Đại hội thành viên về việc tạm ngừng kinh doanh đối với trường hợp hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thông báo tạm ngừng kinh doanh.

3. Hồ sơ thông báo tiếp tục kinh doanh trở lại của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh bao gồm thông báo tiếp tục kinh doanh trở lại.

4. Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ và cấp giấy xác nhận về việc hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh tạm ngừng kinh doanh, giấy xác nhận về việc hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh tiếp tục kinh doanh trở lại; trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ, cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã thông báo bằng văn bản nội dung cần sửa đổi, bổ sung hồ sơ cho người nộp hồ sơ.

5. Trường hợp hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thông báo tạm ngừng kinh doanh, cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã cập nhật tình trạng pháp lý của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã và tình trạng pháp lý của các chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã trong tình trạng “Đang hoạt động” sang tình trạng “Tạm ngừng kinh doanh”.

6. Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã có thể thông báo tiếp tục kinh doanh trở lại đồng thời với thông báo tiếp tục kinh doanh trở lại đối với chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh. Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã cập nhật tình trạng pháp lý của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đồng thời với tình trạng pháp lý của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh trong Cơ sở dữ liệu về đăng ký hợp tác xã.

7. Trong thời gian tạm ngừng kinh doanh, khi có thay đổi thông tin đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã quy định tại Điều 47 và Điều 48 Luật Hợp tác xã, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã phải đăng ký thay đổi, thông báo thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã theo quy định.

8. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc thời hạn tạm ngừng kinh doanh đã thông báo, người đại diện theo pháp luật của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã phải xác nhận việc tiếp tục kinh doanh trở lại và cam kết đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã với cơ quan đăng ký kinh doanh theo quy trình trên Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã.

Trường hợp không xác nhận trong thời hạn nêu trên, trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc thời hạn yêu cầu xác nhận, cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã gửi văn bản yêu cầu hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã báo cáo theo quy định tại khoản 6 Điều 7 Nghị định số 295/2026/NĐ-CP, đồng thời gửi cơ quan quản lý thuế để phối hợp quản lý.

Trường hợp hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã không gửi báo cáo đến cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày hết hạn gửi báo cáo, cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã theo trình tự, thủ tục quy định tại khoản 2 Điều 54 Nghị định số 295/NĐ-CP. Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã phải thực hiện thủ tục giải thể bắt buộc theo quy định tại Điều 52 Nghị định số 295/NĐ-CP.

9. Quy định về tổng thời gian tạm ngừng kinh doanh liên tiếp không quá 24 tháng quy định tại khoản 1 Điều 48 và khoản 1 Điều 63 Nghị định số 295/NĐ-CP được áp dụng đối với tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đã thông báo tạm ngừng kinh doanh trước ngày Nghị định số 295/2026/NĐ-CP có hiệu lực thi hành như sau:

a) Trường hợp tổng thời gian tạm ngừng kinh doanh liên tiếp đến thời điểm kết thúc thời hạn tạm ngừng kinh doanh đã thông báo gần nhất chưa vượt quá 24 tháng thì tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã được tiếp tục tạm ngừng kinh doanh nhưng phải bảo đảm tổng thời gian tạm ngừng kinh doanh liên tiếp, bao gồm cả thời gian đã đăng ký trước ngày Nghị định số 295/NĐ-CP có hiệu lực thi hành, không được vượt quá 24 tháng;

b) Trường hợp tổng thời gian tạm ngừng kinh doanh liên tiếp đến thời điểm kết thúc thời hạn tạm ngừng kinh doanh đã thông báo gần nhất đã vượt quá 24 tháng thì tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã không được tiếp tục tạm ngừng kinh doanh sau khi thời hạn tạm ngừng kinh doanh đã thông báo gần nhất kết thúc.

10. Quy định về xác nhận tiếp tục kinh doanh trở lại khi kết thúc thời hạn tạm ngừng kinh doanh tại khoản 8 Điều 48 và khoản 8 Điều 63 Nghị định số 295/NĐ-CP được áp dụng đối với tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thông báo tạm ngừng kinh doanh kể từ ngày Nghị định số 295/NĐ-CP có hiệu lực thi hành.

- *Thông báo tạm ngừng kinh doanh, tiếp tục kinh doanh trở lại đối với tổ hợp tác:*

1. Trường hợp tổ hợp tác tạm ngừng kinh doanh từ 15 ngày trở lên hoặc tiếp tục kinh doanh trở lại, tổ hợp tác gửi hồ sơ thông báo đến cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày tạm ngừng kinh doanh hoặc tiếp tục kinh doanh trở lại.

Trường hợp tổ hợp tác có nhu cầu tiếp tục tạm ngừng kinh doanh sau khi hết thời hạn đã thông báo thì phải thông báo đến cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày tiếp tục tạm ngừng kinh doanh. Thời hạn tạm ngừng kinh doanh của mỗi lần thông báo không được quá 12 tháng. Tổng thời gian tạm ngừng kinh doanh liên tiếp không được quá 24 tháng.

2. Hồ sơ thông báo tạm ngừng kinh doanh, tiếp tục kinh doanh trở lại của tổ hợp tác bao gồm các giấy tờ sau đây:

a) Thông báo tạm ngừng kinh doanh, tiếp tục kinh doanh trở lại, trong đó có thông tin về số điện thoại và địa chỉ thư điện tử của người đại diện của tổ hợp tác trong trường hợp người đại diện tổ hợp tác là cá nhân hoặc người đại diện hợp pháp của pháp nhân trong trường hợp người đại diện tổ hợp tác là pháp nhân;

b) Bản sao hoặc bản chính văn bản ủy quyền của thành viên tổ hợp tác cho một cá nhân hoặc một pháp nhân làm người đại diện tổ hợp tác thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác.

3. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ và cấp giấy xác nhận về việc tổ hợp tác tạm ngừng kinh doanh, giấy xác nhận về việc tổ hợp tác tiếp tục kinh doanh trở lại trong trường hợp hồ sơ hợp lệ; hoặc thông báo bằng văn bản nội dung cần sửa đổi, bổ sung hồ sơ trong trường hợp hồ sơ không hợp lệ.

4. Trong thời gian tạm ngừng kinh doanh, tổ hợp tác phải nộp đủ thuế, bảo hiểm xã hội còn nợ; tiếp tục thanh toán các khoản nợ, hoàn thành việc thực hiện hợp đồng đã ký với khách hàng và người lao động, trừ trường hợp có thỏa thuận khác.

5. Trong thời gian tạm ngừng kinh doanh theo thông báo của tổ hợp tác, khi có thay đổi theo quy định tại Điều 61 Nghị định số 295/2026/NĐ-CP, tổ hợp tác phải đăng ký thay đổi nội dung đăng ký tổ hợp tác theo quy định.

6. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc thời hạn tạm ngừng kinh doanh đã thông báo, người đại diện của tổ hợp tác trong trường hợp người đại diện tổ hợp tác là cá nhân hoặc người đại diện hợp pháp của pháp nhân trong trường hợp người đại diện tổ hợp tác là pháp nhân phải xác nhận việc tiếp tục kinh doanh trở lại và cam kết đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đăng ký tổ hợp tác với cơ quan đăng ký kinh doanh theo quy trình trên Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã.

Trường hợp không xác nhận, trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc thời hạn yêu cầu xác nhận nêu trên, cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã yêu cầu tổ hợp tác báo cáo theo quy định tại khoản 6 Điều 7 Nghị định số 295/2026/NĐ-CP.

Trường hợp tổ hợp tác không gửi báo cáo đến cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày hết hạn gửi báo cáo, cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác theo trình tự, thủ tục quy định tại khoản 3 Điều 65 Nghị định số 295/2026/NĐ-CP. Tổ hợp tác phải thực hiện thủ tục chấm dứt hoạt động theo quy định tại Điều 64 Nghị định số 295/2026/NĐ-CP.

7. Quy định về tổng thời gian tạm ngừng kinh doanh liên tiếp không quá 24 tháng quy định tại khoản 1 Điều 48 và khoản 1 Điều 63 Nghị định số 295/NĐ-CP được áp dụng đối với tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đã thông báo tạm ngừng kinh doanh trước ngày Nghị định số 295/NĐ-CP có hiệu lực thi hành như sau:

a) Trường hợp tổng thời gian tạm ngừng kinh doanh liên tiếp đến thời điểm kết thúc thời hạn tạm ngừng kinh doanh đã thông báo gần nhất chưa vượt quá 24 tháng thì tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã được tiếp tục tạm ngừng kinh doanh nhưng phải bảo đảm tổng thời gian tạm ngừng kinh doanh liên tiếp, bao gồm cả thời gian đã đăng ký trước ngày Nghị định số 295/NĐ-CP có hiệu lực thi hành, không được vượt quá 24 tháng;

b) Trường hợp tổng thời gian tạm ngừng kinh doanh liên tiếp đến thời điểm kết thúc thời hạn tạm ngừng kinh doanh đã thông báo gần nhất đã vượt quá 24 tháng thì tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã không được tiếp tục tạm ngừng kinh doanh sau khi thời hạn tạm ngừng kinh doanh đã thông báo gần nhất kết thúc.

8. Quy định về xác nhận tiếp tục kinh doanh trở lại khi kết thúc thời hạn tạm ngừng kinh doanh tại khoản 8 Điều 48 và khoản 8 Điều 63 Nghị định số 295/NĐ-CP được áp dụng đối với tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thông báo tạm ngừng kinh doanh kể từ ngày Nghị định số 295/NĐ-CP có hiệu lực thi hành.

*** Trường hợp trên môi trường điện tử:**

1. Người nộp hồ sơ đăng nhập Cổng dịch vụ công quốc gia hoặc Ứng dụng định danh quốc gia bằng tài khoản định danh điện tử để truy cập Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã. Người nộp hồ sơ thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã theo quy trình trên Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã như sau:

a) Trường hợp người nộp hồ sơ là người có thẩm quyền ký văn bản đề nghị đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã

Người nộp hồ sơ kê khai thông tin trên Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã. Đối với các giấy đề nghị hoặc thông báo có nội dung được kê khai trên Hệ thống và chỉ yêu cầu người nộp hồ sơ ký thì người nộp hồ sơ không phải ký sổ hoặc ký trực tiếp và tải lên Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã. Đối với các

giấy tờ khác trong thành phần hồ sơ đăng ký theo quy định, người nộp hồ sơ phải bảo đảm các giấy tờ này được ký số hoặc ký trực tiếp theo quy định, được thể hiện dưới dạng văn bản điện tử và tải các giấy tờ này lên Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã.

Đối với các giấy đề nghị hoặc thông báo có nội dung được kê khai trên Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã yêu cầu nhiều người ký và giấy tờ khác trong thành phần hồ sơ đăng ký theo quy định, người nộp hồ sơ phải bảo đảm các giấy tờ này được ký số hoặc ký trực tiếp theo quy định, được thể hiện dưới dạng văn bản điện tử và tải các giấy tờ này lên Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã.

Người nộp hồ sơ thanh toán phí, lệ phí (nếu có) và thực hiện xác thực điện tử theo quy định để nộp hồ sơ. Sau khi hoàn thành việc gửi hồ sơ, người nộp hồ sơ sẽ nhận được giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả điện tử.

b) Trường hợp người nộp hồ sơ là người được ủy quyền thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã

Người nộp hồ sơ kê khai thông tin và tải các giấy tờ trong thành phần hồ sơ đăng ký theo quy định lên Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã. Các giấy tờ này phải được ký số hoặc ký trực tiếp theo quy định và được thể hiện dưới dạng văn bản điện tử.

Người nộp hồ sơ thanh toán phí, lệ phí (nếu có) và thực hiện xác thực điện tử theo quy định để nộp hồ sơ. Sau khi hoàn thành việc gửi hồ sơ, người nộp hồ sơ sẽ nhận được giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả điện tử.

2. Các thông tin đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã trên Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã được truyền sang Hệ thống ứng dụng đăng ký thuế để phối hợp, trao đổi thông tin giữa cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã và cơ quan thuế.

3. Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã xem xét tính hợp lệ của hồ sơ và trả kết quả giải quyết hồ sơ cho tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã theo quy định tại Luật Hợp tác xã và Nghị định số 295/2026/NĐ-CP. Người nộp hồ sơ đăng nhập vào Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã để nhận thông tin phản hồi về kết quả xử lý hồ sơ.

b) Cách thức thực hiện:

Hồ sơ đăng ký được gửi đến cơ quan đăng ký kinh doanh theo một trong các phương thức sau đây:

- Nộp trực tiếp tại cơ quan đăng ký kinh doanh;
- Qua dịch vụ bưu chính;
- Qua Công dịch vụ công quốc gia hoặc Ứng dụng định danh quốc gia

c) Thành phần hồ sơ:

* Hồ sơ bao gồm:

- Đối với trường hợp hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh thông báo tạm ngừng kinh doanh:

a) Thông báo tạm ngừng kinh doanh, trong đó bao gồm thông tin về số điện thoại và địa chỉ thư điện tử của người đại diện theo pháp luật của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã;

b) Bản sao hoặc bản chính nghị quyết của Đại hội thành viên về việc tạm ngừng kinh doanh đối với trường hợp hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thông báo tạm ngừng kinh doanh.

- Đối với trường hợp thông báo tiếp tục kinh doanh trở lại:

(i) Thông báo tiếp tục kinh doanh trở lại.

- Đối với trường hợp thông báo tạm ngừng kinh doanh, tiếp tục kinh doanh trở lại của tổ hợp tác:

a) Thông báo tạm ngừng kinh doanh, tiếp tục kinh doanh trở lại, trong đó có thông tin về số điện thoại và địa chỉ thư điện tử của người đại diện của tổ hợp tác trong trường hợp người đại diện tổ hợp tác là cá nhân hoặc người đại diện hợp pháp của pháp nhân trong trường hợp người đại diện tổ hợp tác là pháp nhân;

b) Bản sao hoặc bản chính văn bản ủy quyền của thành viên tổ hợp tác cho một cá nhân hoặc một pháp nhân làm người đại diện tổ hợp tác thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác.

Lưu ý:

Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã khai thác, sử dụng thông tin đã có trong các cơ sở dữ liệu để thay thế và không yêu cầu cá nhân, tổ chức thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã nộp bản sao Giấy chứng nhận đăng ký thuế; bản sao hộ chiếu; bản sao Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư; bản sao văn bản của cơ quan đăng ký đầu tư chấp thuận về việc góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài; bản sao quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật; bản sao phán quyết của Trọng tài có hiệu lực và các giấy tờ khác trong thành phần hồ sơ giải quyết thủ tục đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã quy định tại Luật Hợp tác xã và Nghị định số 295/2026/NĐ-CP.

Trường hợp không khai thác được thông tin hoặc thông tin khai thác được không đầy đủ, không chính xác thì cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã yêu cầu cá nhân, tổ chức bổ sung bản sao các giấy tờ nêu trên trong trường hợp hồ sơ quy định tại Luật Hợp tác xã và Nghị định số 295/2026/NĐ-CP có yêu cầu để giải quyết thủ tục đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã theo quy định; Cá nhân, tổ chức thực hiện cập nhật, điều chỉnh thông tin trong các cơ sở dữ liệu theo quy định của pháp luật.

Việc khai thác, sử dụng thông tin đã có trong các cơ sở dữ liệu để thay thế thành phần hồ sơ đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã trên cơ sở kết nối, chia sẻ thông tin giữa Cơ sở dữ liệu về đăng ký hợp tác xã và các cơ sở

dữ liệu khác thực hiện theo thông báo trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

*** Trường hợp đăng ký trên môi trường điện tử:**

Hồ sơ đăng ký tổ hợp tác trên môi trường điện tử bao gồm các giấy tờ theo quy định tại Luật Hợp tác xã năm 2023 và Nghị định số 295/2026/NĐ-CP được thể hiện dưới dạng văn bản điện tử. Hồ sơ đăng ký trên môi trường điện tử có giá trị pháp lý tương đương hồ sơ đăng ký bằng bản giấy.

*** Trường hợp ủy quyền thực hiện thủ tục:**

1. Người được ủy quyền đăng ký thành lập hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã được ghi trong nghị quyết Hội nghị thành lập hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã. Việc ủy quyền lại để thực hiện thủ tục đăng ký thành lập hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thực hiện theo quy định của pháp luật về dân sự.

2. Trừ trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này, cá nhân ký tên tại văn bản đề nghị đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã có thể ủy quyền cho tổ chức, cá nhân khác thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã như sau:

a) Trường hợp ủy quyền cho cá nhân thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, kèm theo hồ sơ phải có văn bản ủy quyền cho cá nhân thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã. Văn bản ủy quyền này không bắt buộc phải công chứng, chứng thực;

b) Trường hợp ủy quyền cho tổ chức thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, kèm theo hồ sơ đăng ký phải có bản sao hợp đồng cung cấp dịch vụ với tổ chức làm dịch vụ, giấy giới thiệu hoặc văn bản phân công nhiệm vụ của tổ chức đó cho cá nhân trực tiếp thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

3. Trường hợp thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã qua dịch vụ bưu chính công ích, khi thực hiện thủ tục, nhân viên bưu chính phải nộp bản sao phiếu gửi hồ sơ theo mẫu do doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính công ích phát hành có chữ ký xác nhận của nhân viên bưu chính và người có thẩm quyền ký văn bản đề nghị đăng ký.

4. Trường hợp ủy quyền cho đơn vị cung cấp dịch vụ bưu chính không phải là bưu chính công ích thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thì việc ủy quyền thực hiện theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 12 Nghị định số 295/2026/NĐ-CP.

5. Người ủy quyền và người được ủy quyền thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, trung thực và chính xác của việc ủy quyền.

6. Người ủy quyền phải xác thực điện tử theo quy định pháp luật về xác thực và định danh điện tử khi thực hiện thủ tục đăng ký thành lập tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; đăng ký thay đổi người đại diện theo pháp luật của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; thông báo thay đổi thông tin về thành viên chính thức, thành viên liên kết góp vốn là tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài, cá nhân là nhà đầu tư nước ngoài của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; đăng ký thay đổi thành viên tổ hợp tác để được cấp đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

Trường hợp việc xác thực điện tử bị gián đoạn thì người ủy quyền thực hiện việc xác thực điện tử sau khi được cấp đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã. Trường hợp người ủy quyền không xác nhận hoặc xác nhận không ủy quyền thực hiện thủ tục đăng ký sau khi được cấp đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thì cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã yêu cầu tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã báo cáo theo quy định tại khoản 6 Điều 7 Nghị định số 295/2026/NĐ-CP.

Trường hợp chưa có tài khoản định danh điện tử để thực hiện xác thực điện tử thì hồ sơ đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã phải kèm theo bản sao thẻ Căn cước hoặc thẻ Căn cước công dân hoặc hộ chiếu hoặc hộ chiếu nước ngoài hoặc các giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu nước ngoài còn hiệu lực của người ủy quyền.

Việc triển khai quy định về xác thực điện tử thực hiện theo kế hoạch xây dựng, nâng cấp Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã và được thông báo trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

d) Số lượng hồ sơ:

01 bộ hồ sơ.

đ) Thời hạn giải quyết:

Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:

Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã.

g) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:

Tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh

h) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã cấp giấy xác nhận về việc tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh tạm ngừng kinh doanh, giấy xác nhận về việc tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh tiếp tục kinh doanh trở lại.

i) Lệ phí:

- Mức lệ phí cụ thể do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định (căn cứ quy định tại Thông tư số 85/2019/TT-BTC).

- Người nộp hồ sơ đăng ký nộp lệ phí đăng ký kinh doanh tại thời điểm nộp hồ sơ. Lệ phí đăng ký kinh doanh có thể nộp trực tiếp tại bộ phận tiếp nhận hồ sơ ở cấp xã hoặc chuyển vào tài khoản của cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã hoặc thanh toán trực tuyến thông qua chức năng thanh toán trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia hoặc bằng cách thức khác theo quy định của pháp luật. Lệ phí đăng ký kinh doanh không được hoàn trả trong trường hợp hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã không được cấp đăng ký.

2. Tiền sử dụng dịch vụ thanh toán trực tuyến không được tính trong lệ phí đăng ký kinh doanh.

- Việc giải quyết các lỗi giao dịch phát sinh trong quá trình sử dụng dịch vụ thanh toán trực tuyến được thực hiện theo quy định của pháp luật về giải quyết thủ tục hành chính trên môi trường điện tử.

- Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã có trách nhiệm phối hợp với tổ chức cung cấp dịch vụ trung gian thanh toán hoặc ngân hàng thương mại thực hiện việc đối soát dữ liệu thanh toán qua hệ thống thanh toán trực tuyến của Cổng dịch vụ công quốc gia hoặc của tổ chức cung cấp dịch vụ trung gian thanh toán.

- Không thu lệ phí đăng ký đối với tổ hợp tác theo quy định tại khoản 2 Điều 22 Luật Hợp tác xã 2023.

k) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Thông báo về việc tạm ngừng kinh doanh/tiếp tục kinh doanh trở lại của tổ hợp tác (Mẫu số 16 Phụ lục II kèm theo Thông tư số 43/2025/TT-BTC).

- Thông báo về việc tạm ngừng kinh doanh/tiếp tục kinh doanh trở lại của hợp tác xã (Mẫu số 8 Phụ lục II kèm theo Thông tư số 43/2025/TT-BTC).

l) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

* kê khai thông tin cá nhân trong thực hiện thủ tục đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã

1. Trường hợp đã có sổ định danh cá nhân, người thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã kê khai các thông tin về họ, chữ đệm và tên, ngày, tháng, năm sinh, sổ định danh cá nhân, giới tính của mình và của cá nhân có yêu cầu kê khai thông tin cá nhân trong hồ sơ đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã. Các thông tin kê khai phải chính xác so với các thông tin được lưu trữ tại Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư. Trường hợp thông tin cá nhân được kê khai có sai khác so với thông tin được lưu trữ tại Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, cá nhân đó có trách nhiệm liên hệ với cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền để hiệu chỉnh thông tin trước khi thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

2. Trường hợp nộp hồ sơ đăng ký bằng bản giấy, người nộp hồ sơ đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã xuất trình căn cước công dân hoặc thẻ căn cước hoặc sử dụng tài khoản định danh điện tử theo quy định pháp luật để thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

3. Trường hợp không có sổ định danh cá nhân thì hồ sơ đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã có yêu cầu kê khai thông tin cá nhân của người đại diện theo pháp luật của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, người đứng đầu chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh, người đại diện tổ hợp tác trong trường hợp người đại diện tổ hợp tác là cá nhân hoặc người đại diện hợp pháp của pháp nhân trong trường hợp người đại diện tổ hợp tác là pháp nhân phải kèm theo bản sao hộ chiếu hoặc hộ chiếu nước ngoài hoặc các giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu nước ngoài còn hiệu lực của cá nhân đó theo quy định.

4. Trường hợp việc kết nối giữa Cơ sở dữ liệu về đăng ký hợp tác xã với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư bị gián đoạn thì hồ sơ đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã phải kèm theo bản sao căn cước công dân hoặc thẻ căn cước hoặc hộ chiếu hoặc hộ chiếu nước ngoài hoặc các giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu nước ngoài còn hiệu lực của người nộp hồ sơ đăng ký, người đại diện theo pháp luật của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, người đứng đầu chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh, người đại diện tổ hợp tác trong trường hợp người đại diện tổ hợp tác là cá nhân hoặc người đại diện hợp pháp của pháp nhân trong trường hợp người đại diện tổ hợp tác là pháp nhân theo quy định.

* Hồ sơ đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã được tiếp nhận vào Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã khi có đủ các điều kiện sau đây:

a) Có đủ giấy tờ theo quy định tại Luật Hợp tác xã và Nghị định số 295/2026/NĐ-CP;

b) Tên tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đã được điền vào giấy đề nghị đăng ký;

c) Có số điện thoại của người nộp hồ sơ;

d) Đã nộp lệ phí đăng ký kinh doanh, trừ trường hợp được miễn lệ phí đăng ký kinh doanh theo quy định.

* Hồ sơ đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã trên môi trường điện tử phải bảo đảm các yêu cầu sau:

a) Có đầy đủ các giấy tờ và nội dung các giấy tờ đó được kê khai đầy đủ theo quy định như hồ sơ đăng ký bằng bản giấy và được thể hiện dưới dạng văn bản điện tử hoặc dữ liệu điện tử có đầy đủ thông tin theo quy định như hồ sơ đăng ký bằng bản giấy;

b) Các thông tin đăng ký được kê khai trên Hệ thống thông tin về đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã phải được nhập đầy đủ và chính xác theo

các thông tin trong hồ sơ đăng ký bằng bản giấy; trong đó có thông tin về số điện thoại, thư điện tử của người nộp hồ sơ.

c) Cá nhân ký tên trong hồ sơ đăng ký có thể sử dụng chữ ký số để ký trực tiếp trên văn bản điện tử hoặc ký trực tiếp trên văn bản giấy và quét (scan) văn bản giấy theo chế độ ảnh màu, theo các định dạng quy định tại khoản 2 Điều 30 Nghị định số 295/2026/NĐ-CP;

d) Hồ sơ đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã trên môi trường điện tử bao gồm các giấy tờ theo quy định tại Luật Hợp tác xã và Nghị định số 295/2026/NĐ-CP được thể hiện dưới dạng văn bản điện tử hoặc dữ liệu điện tử theo quy định pháp luật. Hồ sơ đăng ký trên môi trường điện tử có giá trị pháp lý tương đương hồ sơ đăng ký bằng bản giấy.

e) Thời hạn để tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã sửa đổi, bổ sung hồ sơ đăng ký trên môi trường điện tử là 60 ngày kể từ ngày cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã ra thông báo yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ. Sau thời hạn nêu trên, nếu không nhận được hồ sơ sửa đổi, bổ sung, cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã sẽ hủy hồ sơ đăng ký theo quy trình trên Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã.

* Các trường hợp không được thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã / tiếp tục được thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã:

1. Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã từ chối cấp đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã nếu thuộc một trong các trường hợp sau đây:

a) Tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đã bị cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã ra thông báo về hành vi vi phạm của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thuộc trường hợp thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác, Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã hoặc đã bị ra quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác, Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã;

b) Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đang trong quá trình giải thể theo nghị quyết giải thể của Đại hội thành viên; tổ hợp tác đang trong quá trình chấm dứt hoạt động;

c) Tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đang trong tình trạng pháp lý “Không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký”.

2. Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã tiếp tục giải quyết thủ tục đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đối với các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này khi:

a) Tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đã có biện pháp khắc phục những vi phạm theo yêu cầu trong thông báo về hành vi vi phạm của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thuộc trường hợp thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác, Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã và được cơ quan đăng ký kinh

doanh cấp xã chấp nhận hoặc đã được khôi phục Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác, Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã sau khi bị ra quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác, Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã;

b) Tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã phải đăng ký thay đổi nội dung đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã để phục vụ việc chấm dứt hoạt động tổ hợp tác, giải thể hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã theo quy định. Trong trường hợp này, hồ sơ đăng ký thay đổi phải kèm theo văn bản giải trình của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã về lý do đăng ký thay đổi và được cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã chấp nhận;

c) Tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã không còn trong tình trạng pháp lý “Không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký”.

3. Trường hợp Tòa án; Cơ quan thi hành án; Cơ quan điều tra, Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng Cơ quan điều tra, Điều tra viên quy định tại Bộ luật Tổ tụng hình sự yêu cầu bằng văn bản về việc tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã không được thực hiện một hoặc một số thủ tục đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thì cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã từ chối cấp đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã khi tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thực hiện thủ tục đó cho đến khi có ý kiến chấp thuận bằng văn bản của các tổ chức, cá nhân nêu trên về việc cho phép tiếp tục thực hiện thủ tục đăng ký.

m) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Hợp tác xã năm 2023;
- Nghị định số 295/2026/NĐ-CP;
- Thông tư số 09/2024/TT-BKHĐT;
- Thông tư số 43/2025/TT-BTC.

17. Dừng thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; Dừng thực hiện thủ tục giải thể hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (Mã hồ sơ TTHC: 2.002643)

a) Trình tự thực hiện:

*** Trường hợp đăng ký trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính:**

*** Dừng thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã**

Người có thẩm quyền ký văn bản đề nghị đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã có thể gửi văn bản đề nghị dừng thực hiện thủ tục đăng ký đến cơ quan đăng ký kinh doanh tại Bộ phận một cửa cấp xã khi hồ sơ đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã chưa được chấp thuận trên Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã. Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã xem xét, ra thông báo dừng thực hiện thủ tục đăng ký cho tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã và hủy hồ sơ đăng ký theo quy trình trên Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị. Trường hợp từ chối dừng thực

hiện thủ tục, cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã ra thông báo bằng văn bản cho tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã và nêu rõ lý do từ chối

*** Dừng thực hiện thủ tục giải thể hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã**

Trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày nhận được nghị quyết giải thể và cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã chưa chuyển tình trạng pháp lý của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã sang tình trạng đã giải thể, nếu không tiếp tục thực hiện giải thể, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã gửi thông báo về việc hủy bỏ nghị quyết giải thể do người đại diện theo pháp luật ký đến cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã. Kèm theo thông báo phải có nghị quyết của Đại hội thành viên về việc hủy bỏ nghị quyết giải thể. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo, cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã phải đăng tải thông báo và nghị quyết về việc hủy bỏ nghị quyết giải thể trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp, đồng thời khôi phục tình trạng pháp lý của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh trong Cơ sở dữ liệu về đăng ký hợp tác xã và gửi thông tin cho cơ quan thuế.

*** Trường hợp trên môi trường điện tử:**

1. Người nộp hồ sơ đăng nhập Cổng dịch vụ công quốc gia hoặc Ứng dụng định danh quốc gia bằng tài khoản định danh điện tử để truy cập Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã. Người nộp hồ sơ thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã theo quy trình trên Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã như sau:

a) Trường hợp người nộp hồ sơ là người có thẩm quyền ký văn bản đề nghị đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã

Người nộp hồ sơ kê khai thông tin trên Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã. Đối với các giấy đề nghị hoặc thông báo có nội dung được kê khai trên Hệ thống và chỉ yêu cầu người nộp hồ sơ ký thì người nộp hồ sơ không phải ký số hoặc ký trực tiếp và tải lên Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã. Đối với các giấy tờ khác trong thành phần hồ sơ đăng ký theo quy định, người nộp hồ sơ phải bảo đảm các giấy tờ này được ký số hoặc ký trực tiếp theo quy định, được thể hiện dưới dạng văn bản điện tử và tải các giấy tờ này lên Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã.

Đối với các giấy đề nghị hoặc thông báo có nội dung được kê khai trên Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã yêu cầu nhiều người ký và giấy tờ khác trong thành phần hồ sơ đăng ký theo quy định, người nộp hồ sơ phải bảo đảm các giấy tờ này được ký số hoặc ký trực tiếp theo quy định, được thể hiện dưới dạng văn bản điện tử và tải các giấy tờ này lên Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã.

Người nộp hồ sơ thanh toán phí, lệ phí (nếu có) và thực hiện xác thực điện tử theo quy định để nộp hồ sơ. Sau khi hoàn thành việc gửi hồ sơ, người nộp hồ sơ sẽ nhận được giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả điện tử.

b) Trường hợp người nộp hồ sơ là người được ủy quyền thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã

Người nộp hồ sơ kê khai thông tin và tải các giấy tờ trong thành phần hồ sơ đăng ký theo quy định lên Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã. Các giấy tờ này phải được ký số hoặc ký trực tiếp theo quy định và được thể hiện dưới dạng văn bản điện tử.

Người nộp hồ sơ thanh toán phí, lệ phí (nếu có) và thực hiện xác thực điện tử theo quy định để nộp hồ sơ. Sau khi hoàn thành việc gửi hồ sơ, người nộp hồ sơ sẽ nhận được giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả điện tử.

2. Các thông tin đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã trên Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã được truyền sang Hệ thống ứng dụng đăng ký thuế để phối hợp, trao đổi thông tin giữa cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã và cơ quan thuế.

3. Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã xem xét tính hợp lệ của hồ sơ và trả kết quả giải quyết hồ sơ cho tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã theo quy định tại Luật Hợp tác xã và Nghị định số 295/2026/NĐ-CP. Người nộp hồ sơ đăng nhập vào Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã để nhận thông tin phản hồi về kết quả xử lý hồ sơ.

b) Cách thức thực hiện:

Hồ sơ đăng ký được gửi đến cơ quan đăng ký kinh doanh theo một trong các phương thức sau đây:

- Nộp trực tiếp tại cơ quan đăng ký kinh doanh;
- Qua dịch vụ bưu chính;
- Qua Cổng dịch vụ công quốc gia hoặc Ứng dụng định danh quốc gia

c) Thành phần hồ sơ:

* Hồ sơ bao gồm:

** Dừng thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã*

- Đối với trường hợp dừng thực hiện thủ tục đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã: Giấy đề nghị dừng thực hiện thủ tục đăng ký hợp tác xã.

- Đối với trường hợp dừng thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác: Văn bản đề nghị dừng thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác.

** Dừng thực hiện thủ tục giải thể hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã*

(1) Thông báo về việc hủy bỏ nghị quyết giải thể;

(2) Nghị quyết của Đại hội thành viên về việc hủy bỏ nghị quyết giải thể.

Lưu ý:

Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã khai thác, sử dụng thông tin đã có trong các cơ sở dữ liệu để thay thế và không yêu cầu cá nhân, tổ chức thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã nộp bản sao Giấy chứng nhận

đăng ký thuế; bản sao hộ chiếu; bản sao Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư; bản sao văn bản của cơ quan đăng ký đầu tư chấp thuận về việc góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài; bản sao quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật; bản sao phán quyết của Trọng tài có hiệu lực và các giấy tờ khác trong thành phần hồ sơ giải quyết thủ tục đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã quy định tại Luật Hợp tác xã và Nghị định số 295/2026/NĐ-CP.

Trường hợp không khai thác được thông tin hoặc thông tin khai thác được không đầy đủ, không chính xác thì cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã yêu cầu cá nhân, tổ chức bổ sung bản sao các giấy tờ nêu trên trong trường hợp hồ sơ quy định tại Luật Hợp tác xã và Nghị định số 295/2026/NĐ-CP có yêu cầu để giải quyết thủ tục đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã theo quy định; Cá nhân, tổ chức thực hiện cập nhật, điều chỉnh thông tin trong các cơ sở dữ liệu theo quy định của pháp luật.

Việc khai thác, sử dụng thông tin đã có trong các cơ sở dữ liệu để thay thế thành phần hồ sơ đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã trên cơ sở kết nối, chia sẻ thông tin giữa Cơ sở dữ liệu về đăng ký hợp tác xã và các cơ sở dữ liệu khác thực hiện theo thông báo trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

* Trường hợp đăng ký trên môi trường điện tử:

Hồ sơ đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã trên môi trường điện tử bao gồm các giấy tờ theo quy định tại Luật Hợp tác xã năm 2023 và Nghị định số 295/2026/NĐ-CP được thể hiện dưới dạng văn bản điện tử. Hồ sơ đăng ký trên môi trường điện tử có giá trị pháp lý tương đương hồ sơ đăng ký bằng bản giấy.

* Trường hợp ủy quyền thực hiện thủ tục:

1. Người được ủy quyền đăng ký thành lập hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã được ghi trong nghị quyết Hội nghị thành lập hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã. Việc ủy quyền lại để thực hiện thủ tục đăng ký thành lập hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thực hiện theo quy định của pháp luật về dân sự.

2. Trừ trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này, cá nhân ký tên tại văn bản đề nghị đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã có thể ủy quyền cho tổ chức, cá nhân khác thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã như sau:

a) Trường hợp ủy quyền cho cá nhân thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, kèm theo hồ sơ phải có văn bản ủy quyền cho cá nhân thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã. Văn bản ủy quyền này không bắt buộc phải công chứng, chứng thực;

b) Trường hợp ủy quyền cho tổ chức thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, kèm theo hồ sơ đăng ký phải có bản sao hợp đồng cung cấp dịch vụ với tổ chức làm dịch vụ, giấy giới thiệu hoặc văn bản phân công nhiệm vụ của tổ chức đó cho cá nhân trực tiếp thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

3. Trường hợp thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã qua dịch vụ bưu chính công ích, khi thực hiện thủ tục, nhân viên bưu chính phải nộp bản sao phiếu gửi hồ sơ theo mẫu do doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính công ích phát hành có chữ ký xác nhận của nhân viên bưu chính và người có thẩm quyền ký văn bản đề nghị đăng ký.

4. Trường hợp ủy quyền cho đơn vị cung cấp dịch vụ bưu chính không phải là bưu chính công ích thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thì việc ủy quyền thực hiện theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 12 Nghị định số 295/2026/NĐ-CP.

5. Người ủy quyền và người được ủy quyền thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, trung thực và chính xác của việc ủy quyền.

6. Người ủy quyền phải xác thực điện tử theo quy định pháp luật về xác thực và định danh điện tử khi thực hiện thủ tục đăng ký thành lập tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; đăng ký thay đổi người đại diện theo pháp luật của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; thông báo thay đổi thông tin về thành viên chính thức, thành viên liên kết góp vốn là tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài, cá nhân là nhà đầu tư nước ngoài của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; đăng ký thay đổi thành viên tổ hợp tác để được cấp đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

Trường hợp việc xác thực điện tử bị gián đoạn thì người ủy quyền thực hiện việc xác thực điện tử sau khi được cấp đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã. Trường hợp người ủy quyền không xác nhận hoặc xác nhận không ủy quyền thực hiện thủ tục đăng ký sau khi được cấp đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thì cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã yêu cầu tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã báo cáo theo quy định tại khoản 6 Điều 7 Nghị định số 295/2026/NĐ-CP.

Trường hợp chưa có tài khoản định danh điện tử để thực hiện xác thực điện tử thì hồ sơ đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã phải kèm theo bản sao thẻ Căn cước hoặc thẻ Căn cước công dân hoặc hộ chiếu hoặc hộ chiếu nước ngoài hoặc các giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu nước ngoài còn hiệu lực của người ủy quyền.

Việc triển khai quy định về xác thực điện tử thực hiện theo kế hoạch xây dựng, nâng cấp Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã và được thông báo trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

d) Số lượng hồ sơ:

01 bộ hồ sơ.

đ) Thời hạn giải quyết:

Trong thời hạn 01 ngày làm việc.

e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:

Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã.

g) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:

Tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, người được ủy quyền đăng ký thành lập tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

h) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

** Dừng thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã*

- Trường hợp được phép dừng thực hiện TTHC:

Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã ra thông báo dừng thực hiện thủ tục đăng ký cho tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã và hủy hồ sơ theo quy trình trên Hệ thống thông tin đăng ký hợp tác xã.

- Trường hợp từ chối dừng thực hiện thủ tục:

Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã ra thông báo bằng văn bản cho tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

** Dừng thực hiện thủ tục giải thể hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã*

Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã đăng tải thông báo và nghị quyết về việc hủy bỏ nghị quyết giải thể trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp, đồng thời khôi phục tình trạng pháp lý của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh trong Cơ sở dữ liệu về đăng ký hợp tác xã và gửi thông tin cho cơ quan thuế.

i) Lệ phí:

- Mức lệ phí cụ thể do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định (căn cứ quy định tại Thông tư số 85/2019/TT-BTC).

- Người nộp hồ sơ đăng ký nộp lệ phí đăng ký kinh doanh tại thời điểm nộp hồ sơ. Lệ phí đăng ký kinh doanh có thể nộp trực tiếp tại bộ phận tiếp nhận hồ sơ ở cấp xã hoặc chuyển vào tài khoản của cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã hoặc thanh toán trực tuyến thông qua chức năng thanh toán trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia hoặc bằng cách thức khác theo quy định của pháp luật. Lệ phí đăng ký kinh doanh không được hoàn trả trong trường hợp hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã không được cấp đăng ký.

- Tiền sử dụng dịch vụ thanh toán trực tuyến không được tính trong lệ phí đăng ký kinh doanh.

- Việc giải quyết các lỗi giao dịch phát sinh trong quá trình sử dụng dịch vụ thanh toán trực tuyến được thực hiện theo quy định của pháp luật về giải quyết thủ tục hành chính trên môi trường điện tử.

- Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã có trách nhiệm phối hợp với tổ chức cung cấp dịch vụ trung gian thanh toán hoặc ngân hàng thương mại thực hiện việc đối soát dữ liệu thanh toán qua hệ thống thanh toán trực tuyến của Cổng dịch vụ công quốc gia hoặc của tổ chức cung cấp dịch vụ trung gian thanh toán.

- Không thu lệ phí đăng ký đối với tổ hợp tác theo quy định tại khoản 2 Điều 22 Luật Hợp tác xã 2023.

k) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Đối với dừng thực hiện thủ tục đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã: không có.

- Đối với dừng thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác: Giấy đề nghị dừng thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác (Mẫu số 19 Phụ lục II kèm theo Thông tư số 43/2025/TT-BTC).

l) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

* Kê khai thông tin cá nhân trong thực hiện thủ tục đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã

1. Trường hợp đã có sổ định danh cá nhân, người thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã kê khai các thông tin về họ, chữ đệm và tên, ngày, tháng, năm sinh, sổ định danh cá nhân, giới tính của mình và của cá nhân có yêu cầu kê khai thông tin cá nhân trong hồ sơ đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã. Các thông tin kê khai phải chính xác so với các thông tin được lưu trữ tại Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư. Trường hợp thông tin cá nhân được kê khai có sai khác so với thông tin được lưu trữ tại Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, cá nhân đó có trách nhiệm liên hệ với cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền để hiệu chỉnh thông tin trước khi thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

2. Trường hợp nộp hồ sơ đăng ký bằng bản giấy, người nộp hồ sơ đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã xuất trình căn cước công dân hoặc thẻ căn cước hoặc sử dụng tài khoản định danh điện tử theo quy định pháp luật để thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

3. Trường hợp không có sổ định danh cá nhân thì hồ sơ đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã có yêu cầu kê khai thông tin cá nhân của người đại diện theo pháp luật của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, người đứng đầu chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh, người đại diện tổ hợp tác trong trường hợp người đại diện tổ hợp tác là cá nhân hoặc người đại diện hợp pháp của pháp nhân trong trường hợp người đại diện tổ hợp tác là pháp nhân phải kèm theo bản sao hộ chiếu hoặc hộ chiếu nước ngoài hoặc các giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu nước ngoài còn hiệu lực của cá nhân đó theo quy định.

4. Trường hợp việc kết nối giữa Cơ sở dữ liệu về đăng ký hợp tác xã với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư bị gián đoạn thì hồ sơ đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã phải kèm theo bản sao căn cước công dân hoặc thẻ căn cước hoặc hộ chiếu hoặc hộ chiếu nước ngoài hoặc các giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu nước ngoài còn hiệu lực của người nộp hồ sơ đăng ký, người đại diện theo pháp luật của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, người đứng đầu chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh, người đại diện tổ hợp tác trong trường hợp người đại diện tổ hợp tác là cá nhân hoặc người đại diện hợp pháp của pháp nhân trong trường hợp người đại diện tổ hợp tác là pháp nhân theo quy định.

* Hồ sơ đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã được tiếp nhận vào Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã khi có đủ các điều kiện sau đây:

a) Có đủ giấy tờ theo quy định tại Luật Hợp tác xã và Nghị định số 295/2026/NĐ-CP;

b) Tên tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đã được điền vào giấy đề nghị đăng ký;

c) Có số điện thoại của người nộp hồ sơ;

d) Đã nộp lệ phí đăng ký kinh doanh, trừ trường hợp được miễn lệ phí đăng ký kinh doanh theo quy định.

* Hồ sơ đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã trên môi trường điện tử phải bảo đảm các yêu cầu sau:

a) Có đầy đủ các giấy tờ và nội dung các giấy tờ đó được kê khai đầy đủ theo quy định như hồ sơ đăng ký bằng bản giấy và được thể hiện dưới dạng văn bản điện tử hoặc dữ liệu điện tử có đầy đủ thông tin theo quy định như hồ sơ đăng ký bằng bản giấy;

b) Các thông tin đăng ký được kê khai trên Hệ thống thông tin về đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã phải được nhập đầy đủ và chính xác theo các thông tin trong hồ sơ đăng ký bằng bản giấy; trong đó có thông tin về số điện thoại, thư điện tử của người nộp hồ sơ.

c) Cá nhân ký tên trong hồ sơ đăng ký có thể sử dụng chữ ký số để ký trực tiếp trên văn bản điện tử hoặc ký trực tiếp trên văn bản giấy và quét (scan) văn bản giấy theo chế độ ảnh màu. theo các định dạng quy định tại khoản 2 Điều 30 Nghị định số 295/2026/NĐ-CP;

d) Hồ sơ đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã trên môi trường điện tử bao gồm các giấy tờ theo quy định tại Luật Hợp tác xã và Nghị định số 295/2026/NĐ-CP được thể hiện dưới dạng văn bản điện tử hoặc dữ liệu điện tử theo quy định pháp luật. Hồ sơ đăng ký trên môi trường điện tử có giá trị pháp lý tương đương hồ sơ đăng ký bằng bản giấy.

e) Thời hạn để tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã sửa đổi, bổ sung hồ sơ đăng ký trên môi trường điện tử là 60 ngày kể từ ngày cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã ra thông báo yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ. Sau thời hạn nêu trên, nếu không nhận được hồ sơ sửa đổi, bổ sung, cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã sẽ hủy hồ sơ đăng ký theo quy trình trên Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã.

* Các trường hợp không được thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã / tiếp tục được thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã:

1. Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã từ chối cấp đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã nếu thuộc một trong các trường hợp sau đây:

a) Tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đã bị cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã ra thông báo về hành vi vi phạm của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thuộc trường hợp thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác, Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã hoặc đã bị ra quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác, Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã;

b) Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đang trong quá trình giải thể theo nghị quyết giải thể của Đại hội thành viên; tổ hợp tác đang trong quá trình chấm dứt hoạt động;

c) Tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đang trong tình trạng pháp lý “Không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký”.

2. Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã tiếp tục giải quyết thủ tục đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đối với các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này khi:

a) Tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đã có biện pháp khắc phục những vi phạm theo yêu cầu trong thông báo về hành vi vi phạm của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thuộc trường hợp thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác, Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã và được cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã chấp nhận hoặc đã được khôi phục Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác, Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã sau khi bị ra quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác, Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã;

b) Tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã phải đăng ký thay đổi nội dung đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã để phục vụ việc chấm dứt hoạt động tổ hợp tác, giải thể hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã theo quy định. Trong trường hợp này, hồ sơ đăng ký thay đổi phải kèm theo văn bản giải trình của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã về lý do đăng ký thay đổi và được cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã chấp nhận;

c) Tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã không còn trong tình trạng pháp lý “Không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký”.

3. Trường hợp Tòa án; Cơ quan thi hành án; Cơ quan điều tra, Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng Cơ quan điều tra, Điều tra viên quy định tại Bộ luật Tố tụng hình sự yêu cầu bằng văn bản về việc tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã không được thực hiện một hoặc một số thủ tục đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thì cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã từ chối cấp đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã khi tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thực hiện thủ tục đó cho đến khi có ý kiến chấp thuận bằng văn bản của các tổ chức, cá nhân nêu trên về việc cho phép tiếp tục thực hiện thủ tục đăng ký.

m) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Hợp tác xã năm 2023;
- Nghị định số 295/2026/NĐ-CP;
- Thông tư số 09/2024/TT-BKHĐT;
- Thông tư số 43/2025/TT-BTC.

18. Hiệu đính, cập nhật, bổ sung thông tin đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (Mã hồ sơ TTHC: 2.002648)

a) Trình tự thực hiện:

*** Trường hợp đăng ký trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính:**

** Hiệu đính, cập nhật, bổ sung thông tin đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã*

Trường hợp tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã phát hiện nội dung trên Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác, Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã chưa chính xác so với nội dung hồ sơ đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã gửi văn bản đề nghị hiệu đính thông tin đến cơ quan đăng ký kinh doanh tại Bộ phận một cửa cấp xã. Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác, Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị nêu thông tin nêu tại văn bản đề nghị là chính xác.

Trường hợp tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã phát hiện nội dung thông tin đăng ký trong Cơ sở dữ liệu về đăng ký hợp tác xã bị thiếu hoặc chưa chính xác so với hồ sơ đăng ký tổ hợp tác, Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, Giấy chứng nhận đăng ký thuế do quá trình chuyển đổi dữ liệu vào Cơ sở dữ liệu về đăng ký hợp tác xã, tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã gửi văn bản đề nghị bổ sung, hiệu đính đến cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã. Kèm theo văn bản đề nghị bổ sung, hiệu đính phải có bản sao thông báo thành lập/thay đổi tổ hợp tác, Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, Giấy chứng nhận đăng ký thuế. Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận văn bản đề nghị hiệu đính, cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã có trách nhiệm bổ sung, hiệu đính thông tin đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã trong Cơ sở dữ liệu về đăng ký hợp tác xã.

** Hiệu đính, cập nhật, bổ sung thông tin đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã*

Việc hiệu đính, cập nhật, bổ sung thông tin trên Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh thực hiện theo quy định tại các khoản 1, 3 và 4 Điều 26 Nghị định số 295/2026/NĐ-CP.

*** Trường hợp đăng ký trên môi trường điện tử:**

1. Người nộp hồ sơ đăng nhập Cổng dịch vụ công quốc gia hoặc Ứng dụng định danh quốc gia bằng tài khoản định danh điện tử để truy cập Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã. Người nộp hồ sơ thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã theo quy trình trên Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã như sau:

a) Trường hợp người nộp hồ sơ là người có thẩm quyền ký văn bản đề nghị đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã

Người nộp hồ sơ kê khai thông tin trên Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã. Đối với các giấy đề nghị hoặc thông báo có nội dung được kê khai trên Hệ thống và chỉ yêu cầu người nộp hồ sơ ký thì người nộp hồ sơ không phải ký số hoặc ký trực tiếp và tải lên Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã. Đối với các giấy tờ khác trong thành phần hồ sơ đăng ký theo quy định, người nộp hồ sơ phải bảo đảm các giấy tờ này được ký số hoặc ký trực tiếp theo quy định, được thể hiện dưới dạng văn bản điện tử và tải các giấy tờ này lên Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã.

Đối với các giấy đề nghị hoặc thông báo có nội dung được kê khai trên Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã yêu cầu nhiều người ký và giấy tờ khác trong thành phần hồ sơ đăng ký theo quy định, người nộp hồ sơ phải bảo đảm các giấy tờ này được ký số hoặc ký trực tiếp theo quy định, được thể hiện dưới dạng văn bản điện tử và tải các giấy tờ này lên Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã.

Người nộp hồ sơ thanh toán phí, lệ phí (nếu có) và thực hiện xác thực điện tử theo quy định để nộp hồ sơ. Sau khi hoàn thành việc gửi hồ sơ, người nộp hồ sơ sẽ nhận được giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả điện tử.

b) Trường hợp người nộp hồ sơ là người được ủy quyền thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã

Người nộp hồ sơ kê khai thông tin và tải các giấy tờ trong thành phần hồ sơ đăng ký theo quy định lên Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã. Các giấy tờ này phải được ký số hoặc ký trực tiếp theo quy định và được thể hiện dưới dạng văn bản điện tử.

Người nộp hồ sơ thanh toán phí, lệ phí (nếu có) và thực hiện xác thực điện tử theo quy định để nộp hồ sơ. Sau khi hoàn thành việc gửi hồ sơ, người nộp hồ sơ sẽ nhận được giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả điện tử.

2. Các thông tin đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã trên Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã được truyền sang Hệ thống ứng dụng đăng

ký thuế để phối hợp, trao đổi thông tin giữa cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã và cơ quan thuế.

3. Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã xem xét tính hợp lệ của hồ sơ và trả kết quả giải quyết hồ sơ cho tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã theo quy định tại Luật Hợp tác xã và Nghị định số 295/2026/NĐ-CP. Người nộp hồ sơ đăng nhập vào Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã để nhận thông tin phản hồi về kết quả xử lý hồ sơ.

b) Cách thức thực hiện:

Hồ sơ đăng ký được gửi đến cơ quan đăng ký kinh doanh theo một trong các phương thức sau đây:

- Nộp trực tiếp tại cơ quan đăng ký kinh doanh;
- Qua dịch vụ bưu chính;
- Qua Cổng dịch vụ công quốc gia hoặc Ứng dụng định danh quốc gia

c) Thành phần hồ sơ:

* Hồ sơ bao gồm:

*** *Hiệu đính, cập nhật, bổ sung thông tin đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã:***

- Trường hợp tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã phát hiện nội dung trên Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác, Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã chưa chính xác so với nội dung hồ sơ đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã:

(1) Văn bản đề nghị hiệu đính thông tin.

- Trường hợp tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã phát hiện nội dung thông tin đăng ký trong Cơ sở dữ liệu về đăng ký hợp tác xã bị thiếu hoặc chưa chính xác so với hồ sơ đăng ký tổ hợp tác, Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, Giấy chứng nhận đăng ký thuế do quá trình chuyển đổi dữ liệu vào Cơ sở dữ liệu về đăng ký hợp tác xã:

(1) Văn bản đề nghị bổ sung, hiệu đính;

(2) Bản sao thông báo thành lập/thay đổi tổ hợp tác, Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã;

(3) Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký thuế.

*** *Hiệu đính, cập nhật, bổ sung thông tin đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã:***

Hồ sơ theo quy định tại các khoản 1, 3 và 4 Điều 26 Nghị định số 295/2026/NĐ-CP, cụ thể:

- Trường hợp hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã phát hiện nội dung trên Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh chưa chính xác so với nội dung hồ sơ đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh:

(1) Văn bản đề nghị hiệu đính thông tin.

- Trường hợp hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã phát hiện nội dung thông tin đăng ký trong Cơ sở dữ liệu về đăng ký hợp tác xã bị thiếu hoặc chưa chính xác so với Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh, Giấy chứng nhận đăng ký thuế do quá trình chuyển đổi dữ liệu vào Cơ sở dữ liệu về đăng ký hợp tác xã:

(1) Văn bản đề nghị bổ sung, hiệu đính;

(2) Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh;

(3) Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký thuế.

Lưu ý:

Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã khai thác, sử dụng thông tin đã có trong các cơ sở dữ liệu để thay thế và không yêu cầu cá nhân, tổ chức thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã nộp bản sao Giấy chứng nhận đăng ký thuế; bản sao hộ chiếu; bản sao Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư; bản sao văn bản của cơ quan đăng ký đầu tư chấp thuận về việc góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài; bản sao quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật; bản sao phán quyết của Trọng tài có hiệu lực và các giấy tờ khác trong thành phần hồ sơ giải quyết thủ tục đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã quy định tại Luật Hợp tác xã và Nghị định số 295/2026/NĐ-CP.

Trường hợp không khai thác được thông tin hoặc thông tin khai thác được không đầy đủ, không chính xác thì cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã yêu cầu cá nhân, tổ chức bổ sung bản sao các giấy tờ nêu trên trong trường hợp hồ sơ quy định tại Luật Hợp tác xã và Nghị định số 295/2026/NĐ-CP có yêu cầu để giải quyết thủ tục đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã theo quy định; Cá nhân, tổ chức thực hiện cập nhật, điều chỉnh thông tin trong các cơ sở dữ liệu theo quy định của pháp luật.

Việc khai thác, sử dụng thông tin đã có trong các cơ sở dữ liệu để thay thế thành phần hồ sơ đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã trên cơ sở kết nối, chia sẻ thông tin giữa Cơ sở dữ liệu về đăng ký hợp tác xã và các cơ sở dữ liệu khác thực hiện theo thông báo trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

*** Trường hợp đăng ký trên môi trường điện tử:**

Hồ sơ đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã trên môi trường điện tử bao gồm các giấy tờ theo quy định tại Luật Hợp tác xã năm 2023 và Nghị định số 295/2026/NĐ-CP được thể hiện dưới dạng văn bản điện tử. Hồ sơ đăng ký trên môi trường điện tử có giá trị pháp lý tương đương hồ sơ đăng ký bằng bản giấy.

*** Trường hợp ủy quyền thực hiện thủ tục:**

1. Người được ủy quyền đăng ký thành lập hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã được ghi trong nghị quyết Hội nghị thành lập hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã. Việc ủy quyền lại để thực hiện thủ tục đăng ký thành lập hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thực hiện theo quy định của pháp luật về dân sự.

2. Trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này, cá nhân ký tên tại văn bản đề nghị đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã có thể ủy quyền cho tổ chức, cá nhân khác thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã như sau:

a) Trường hợp ủy quyền cho cá nhân thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, kèm theo hồ sơ phải có văn bản ủy quyền cho cá nhân thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã. Văn bản ủy quyền này không bắt buộc phải công chứng, chứng thực;

b) Trường hợp ủy quyền cho tổ chức thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, kèm theo hồ sơ đăng ký phải có bản sao hợp đồng cung cấp dịch vụ với tổ chức làm dịch vụ, giấy giới thiệu hoặc văn bản phân công nhiệm vụ của tổ chức đó cho cá nhân trực tiếp thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

3. Trường hợp thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã qua dịch vụ bưu chính công ích, khi thực hiện thủ tục, nhân viên bưu chính phải nộp bản sao phiếu gửi hồ sơ theo mẫu do doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính công ích phát hành có chữ ký xác nhận của nhân viên bưu chính và người có thẩm quyền ký văn bản đề nghị đăng ký.

4. Trường hợp ủy quyền cho đơn vị cung cấp dịch vụ bưu chính không phải là bưu chính công ích thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thì việc ủy quyền thực hiện theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 12 Nghị định số 295/2026/NĐ-CP.

5. Người ủy quyền và người được ủy quyền thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, trung thực và chính xác của việc ủy quyền.

6. Người ủy quyền phải xác thực điện tử theo quy định pháp luật về xác thực và định danh điện tử khi thực hiện thủ tục đăng ký thành lập tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; đăng ký thay đổi người đại diện theo pháp luật của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; thông báo thay đổi thông tin về thành viên chính thức, thành viên liên kết góp vốn là tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài, cá nhân là nhà đầu tư nước ngoài của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; đăng ký thay đổi thành viên tổ hợp tác để được cấp đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

Trường hợp việc xác thực điện tử bị gián đoạn thì người ủy quyền thực hiện việc xác thực điện tử sau khi được cấp đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã. Trường hợp người ủy quyền không xác nhận hoặc xác nhận không ủy quyền thực hiện thủ tục đăng ký sau khi được cấp đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thì cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã yêu cầu tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã báo cáo theo quy định tại khoản 6 Điều 7 Nghị định số 295/2026/NĐ-CP.

Trường hợp chưa có tài khoản định danh điện tử để thực hiện xác thực điện tử thì hồ sơ đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã phải kèm theo bản sao thẻ Căn cước hoặc thẻ Căn cước công dân hoặc hộ chiếu hoặc hộ chiếu nước ngoài hoặc các giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu nước ngoài còn hiệu lực của người ủy quyền.

Việc triển khai quy định về xác thực điện tử thực hiện theo kế hoạch xây dựng, nâng cấp Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã và được thông báo trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

d) Số lượng hồ sơ:

01 bộ hồ sơ.

đ) Thời hạn giải quyết:

Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:

Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã.

g) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:

Tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

h) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

** Hiệu đính, cập nhật, bổ sung thông tin đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã:*

- Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác, Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã trong trường hợp hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã phát hiện nội dung trên Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã chưa chính xác so với nội dung hồ sơ đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

- Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã bổ sung, hiệu đính nội dung thông tin đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã trong Cơ sở dữ liệu về đăng ký hợp tác xã trong Cơ sở dữ liệu về đăng ký hợp tác xã trong trường hợp hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã phát hiện nội dung thông tin đăng ký trong Cơ sở dữ liệu về đăng ký hợp tác xã bị thiếu hoặc chưa chính xác so với Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, Giấy chứng nhận đăng ký thuế do quá trình chuyển đổi dữ liệu vào Cơ sở dữ liệu về đăng ký hợp tác xã, hợp tác xã.

** Hiệu đính, cập nhật, bổ sung thông tin đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã:*

- Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh trong trường hợp hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã phát hiện nội dung trên Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh chưa chính xác so với nội dung hồ sơ đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh.

- Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã bổ sung, hiệu đính thông tin đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã trong Cơ sở dữ liệu về đăng ký hợp tác xã trong trường hợp hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã phát hiện nội dung thông tin đăng ký trong Cơ sở dữ liệu về đăng ký hợp tác xã bị thiếu hoặc chưa chính xác so với Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh, Giấy chứng nhận đăng ký thuế do quá trình chuyển đổi dữ liệu vào Cơ sở dữ liệu về đăng ký hợp tác xã, hợp tác xã.

i) Lệ phí:

- Mức lệ phí cụ thể do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định (căn cứ quy định tại Thông tư số 85/2019/TT-BTC).

- Người nộp hồ sơ đăng ký nộp lệ phí đăng ký kinh doanh tại thời điểm nộp hồ sơ. Lệ phí đăng ký kinh doanh có thể nộp trực tiếp tại bộ phận tiếp nhận hồ sơ ở cấp xã hoặc chuyển vào tài khoản của cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã hoặc thanh toán trực tuyến thông qua chức năng thanh toán trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia hoặc bằng cách thức khác theo quy định của pháp luật. Lệ phí đăng ký kinh doanh không được hoàn trả trong trường hợp hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã không được cấp đăng ký.

2. Tiền sử dụng dịch vụ thanh toán trực tuyến không được tính trong lệ phí đăng ký kinh doanh.

- Việc giải quyết các lỗi giao dịch phát sinh trong quá trình sử dụng dịch vụ thanh toán trực tuyến được thực hiện theo quy định của pháp luật về giải quyết thủ tục hành chính trên môi trường điện tử.

- Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã có trách nhiệm phối hợp với tổ chức cung cấp dịch vụ trung gian thanh toán hoặc ngân hàng thương mại thực hiện việc đối soát dữ liệu thanh toán qua hệ thống thanh toán trực tuyến của Cổng dịch vụ công quốc gia hoặc của tổ chức cung cấp dịch vụ trung gian thanh toán.

- Không thu lệ phí đăng ký đối với tổ hợp tác theo quy định tại khoản 2 Điều 22 Luật Hợp tác xã 2023.

k) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Hiệu đính, cập nhật, bổ sung thông tin đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã:

Không có biểu mẫu

- Hiệu đính, cập nhật, bổ sung thông tin đăng ký tổ hợp tác:

Giấy đề nghị đăng ký thay đổi nội dung đăng ký tổ hợp tác (Mẫu số 15 Phụ lục II kèm theo Thông tư số 43/2025/TT-BTC).

1) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

1. Trường hợp đã có sổ định danh cá nhân, người thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã kê khai các thông tin về họ, chữ đệm và tên, ngày, tháng, năm sinh, sổ định danh cá nhân, giới tính của mình và của cá nhân có yêu cầu kê khai thông tin cá nhân trong hồ sơ đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã. Các thông tin kê khai phải chính xác so với các thông tin được lưu trữ tại Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư. Trường hợp thông tin cá nhân được kê khai có sai khác so với thông tin được lưu trữ tại Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, cá nhân đó có trách nhiệm liên hệ với cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền để hiệu chỉnh thông tin trước khi thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

2. Trường hợp nộp hồ sơ đăng ký bằng bản giấy, người nộp hồ sơ đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã xuất trình căn cước công dân hoặc thẻ căn cước hoặc sử dụng tài khoản định danh điện tử theo quy định pháp luật để thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

3. Trường hợp không có sổ định danh cá nhân thì hồ sơ đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã có yêu cầu kê khai thông tin cá nhân của người đại diện theo pháp luật của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, người đứng đầu chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh, người đại diện tổ hợp tác trong trường hợp người đại diện tổ hợp tác là cá nhân hoặc người đại diện hợp pháp của pháp nhân trong trường hợp người đại diện tổ hợp tác là pháp nhân phải kèm theo bản sao hộ chiếu hoặc hộ chiếu nước ngoài hoặc các giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu nước ngoài còn hiệu lực của cá nhân đó theo quy định.

4. Trường hợp việc kết nối giữa Cơ sở dữ liệu về đăng ký hợp tác xã với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư bị gián đoạn thì hồ sơ đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã phải kèm theo bản sao căn cước công dân hoặc thẻ căn cước hoặc hộ chiếu hoặc hộ chiếu nước ngoài hoặc các giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu nước ngoài còn hiệu lực của người nộp hồ sơ đăng ký, người đại diện theo pháp luật của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, người đứng đầu chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh, người đại diện tổ hợp tác trong trường hợp người đại diện tổ hợp tác là cá nhân hoặc người đại diện hợp pháp của pháp nhân trong trường hợp người đại diện tổ hợp tác là pháp nhân theo quy định.

5. Hồ sơ đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã được tiếp nhận vào Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã khi có đủ các điều kiện sau đây:

a) Có đủ giấy tờ theo quy định tại Luật Hợp tác xã và Nghị định số 295/2026/NĐ-CP;

b) Tên tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đã được điền vào giấy đề nghị đăng ký;

c) Có số điện thoại của người nộp hồ sơ;

d) Đã nộp lệ phí đăng ký kinh doanh, trừ trường hợp được miễn lệ phí đăng ký kinh doanh theo quy định.

m) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Hợp tác xã năm 2023;
- Nghị định số 295/2026/NĐ-CP;
- Thông tư số 09/2024/TT-BKHĐT;
- Thông tư số 43/2025/TT-BTC.

19. Đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, thông báo địa điểm kinh doanh; Thông báo lập chi nhánh, văn phòng đại diện ở nước ngoài của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (Mã hồ sơ TTHC: 2.002123)

a) Trình tự thực hiện:

*** Trường hợp đăng ký trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính:**

- Đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, thông báo địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã

1. trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày quyết định lập chi nhánh, văn phòng đại diện, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã nộp hồ sơ đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện đến cơ quan đăng ký kinh doanh tại bộ phận một cửa cấp xã. hồ sơ bao gồm các giấy tờ sau đây:

a) Thông báo thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện;

b) Bản sao hoặc bản chính quyết định của hội đồng quản trị (đối với tổ chức quản trị đầy đủ) hoặc nghị quyết của đại hội thành viên (đối với tổ chức quản trị rút gọn) về việc thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện.

2. Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã có thể lập địa điểm kinh doanh tại địa chỉ khác nơi đặt trụ sở chính hoặc đặt chi nhánh. hồ sơ thông báo địa điểm kinh doanh bao gồm thông báo lập địa điểm kinh doanh.

3. Sau khi nhận được hồ sơ đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, thông báo địa điểm kinh doanh, cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ. trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh trong trường hợp hồ sơ hợp lệ; trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ hoặc tên chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh yêu cầu đăng ký không đúng theo quy định hoặc thông tin kê khai trong hồ sơ đăng ký không thống nhất, cơ quan đăng ký

kinh doanh cấp xã thông báo bằng văn bản nội dung cần sửa đổi, bổ sung cho người nộp hồ sơ.

- Thông báo lập chi nhánh, văn phòng đại diện ở nước ngoài của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã

Trường hợp hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thông báo lập chi nhánh, văn phòng đại diện ở nước ngoài đến cơ quan đăng ký kinh doanh, cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã cập nhật thông tin về chi nhánh, văn phòng đại diện của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã trong Cơ sở dữ liệu về đăng ký hợp tác xã trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ thông báo.

*** Trường hợp đăng ký trên môi trường điện tử:**

1. Người nộp hồ sơ đăng nhập Cổng dịch vụ công quốc gia hoặc Ứng dụng định danh quốc gia bằng tài khoản định danh điện tử để truy cập Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã. Người nộp hồ sơ thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã theo quy trình trên Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã như sau:

a) Trường hợp người nộp hồ sơ là người có thẩm quyền ký văn bản đề nghị đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã

Người nộp hồ sơ kê khai thông tin trên Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã. Đối với các giấy đề nghị hoặc thông báo có nội dung được kê khai trên Hệ thống và chỉ yêu cầu người nộp hồ sơ ký thì người nộp hồ sơ không phải ký số hoặc ký trực tiếp và tải lên Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã. Đối với các giấy tờ khác trong thành phần hồ sơ đăng ký theo quy định, người nộp hồ sơ phải bảo đảm các giấy tờ này được ký số hoặc ký trực tiếp theo quy định, được thể hiện dưới dạng văn bản điện tử và tải các giấy tờ này lên Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã.

Đối với các giấy đề nghị hoặc thông báo có nội dung được kê khai trên Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã yêu cầu nhiều người ký và giấy tờ khác trong thành phần hồ sơ đăng ký theo quy định, người nộp hồ sơ phải bảo đảm các giấy tờ này được ký số hoặc ký trực tiếp theo quy định, được thể hiện dưới dạng văn bản điện tử và tải các giấy tờ này lên Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã.

Người nộp hồ sơ thanh toán phí, lệ phí (nếu có) và thực hiện xác thực điện tử theo quy định để nộp hồ sơ. Sau khi hoàn thành việc gửi hồ sơ, người nộp hồ sơ sẽ nhận được giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả điện tử.

b) Trường hợp người nộp hồ sơ là người được ủy quyền thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã

Người nộp hồ sơ kê khai thông tin và tải các giấy tờ trong thành phần hồ sơ đăng ký theo quy định lên Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã. Các giấy tờ này phải được ký số hoặc ký trực tiếp theo quy định và được thể hiện dưới dạng văn bản điện tử.

Người nộp hồ sơ thanh toán phí, lệ phí (nếu có) và thực hiện xác thực điện tử theo quy định để nộp hồ sơ. Sau khi hoàn thành việc gửi hồ sơ, người nộp hồ sơ sẽ nhận được giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả điện tử.

2. Các thông tin đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã trên Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã được truyền sang Hệ thống ứng dụng đăng ký thuế để phối hợp, trao đổi thông tin giữa cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã và cơ quan thuế.

3. Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã xem xét tính hợp lệ của hồ sơ và trả kết quả giải quyết hồ sơ cho tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã theo quy định tại Luật Hợp tác xã và Nghị định số 295/2026/NĐ-CP. Người nộp hồ sơ đăng nhập vào Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã để nhận thông tin phản hồi về kết quả xử lý hồ sơ.

b) Cách thức thực hiện:

Hồ sơ đăng ký được gửi đến cơ quan đăng ký kinh doanh theo một trong các phương thức sau đây:

- Nộp trực tiếp tại cơ quan đăng ký kinh doanh;
- Qua dịch vụ bưu chính;
- Qua Cổng dịch vụ công quốc gia hoặc Ứng dụng định danh quốc gia

c) Thành phần hồ sơ:

** Đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, thông báo địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã:*

- Trường hợp đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện:

a) Thông báo thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện;

b) Bản sao hoặc bản chính quyết định của Hội đồng quản trị (đối với tổ chức quản trị đầy đủ) hoặc nghị quyết của Đại hội thành viên (đối với tổ chức quản trị rút gọn) về việc thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện.

- Trường hợp thông báo địa điểm kinh doanh:

(i) Thông báo lập địa điểm kinh doanh.

** Hồ sơ thông báo lập chi nhánh, văn phòng đại diện ở nước ngoài của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã:*

(1) Thông báo về việc lập chi nhánh, văn phòng đại diện ở nước ngoài;

(2) Bản sao giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện hoặc giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương.

** Trường hợp đăng ký trên môi trường điện tử:*

Hồ sơ đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã trên môi trường điện tử bao gồm các giấy tờ theo quy định tại Luật Hợp tác xã năm 2023 và Nghị định số 295/2026/NĐ-CP được thể hiện dưới dạng văn bản điện tử. Hồ sơ đăng ký trên môi trường điện tử có giá trị pháp lý tương đương hồ sơ đăng ký bằng bản giấy.

*** Trường hợp ủy quyền thực hiện thủ tục:**

1. Người được ủy quyền đăng ký thành lập hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã được ghi trong nghị quyết Hội nghị thành lập hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã. Việc ủy quyền lại để thực hiện thủ tục đăng ký thành lập hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thực hiện theo quy định của pháp luật về dân sự.

2. Trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này, cá nhân ký tên tại văn bản đề nghị đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã có thể ủy quyền cho tổ chức, cá nhân khác thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã như sau:

a) Trường hợp ủy quyền cho cá nhân thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, kèm theo hồ sơ phải có văn bản ủy quyền cho cá nhân thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã. Văn bản ủy quyền này không bắt buộc phải công chứng, chứng thực;

b) Trường hợp ủy quyền cho tổ chức thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, kèm theo hồ sơ đăng ký phải có bản sao hợp đồng cung cấp dịch vụ với tổ chức làm dịch vụ, giấy giới thiệu hoặc văn bản phân công nhiệm vụ của tổ chức đó cho cá nhân trực tiếp thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

3. Trường hợp thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã qua dịch vụ bưu chính công ích, khi thực hiện thủ tục, nhân viên bưu chính phải nộp bản sao phiếu gửi hồ sơ theo mẫu do doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính công ích phát hành có chữ ký xác nhận của nhân viên bưu chính và người có thẩm quyền ký văn bản đề nghị đăng ký.

4. Trường hợp ủy quyền cho đơn vị cung cấp dịch vụ bưu chính không phải là bưu chính công ích thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thì việc ủy quyền thực hiện theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 12 Nghị định số 295/2026/NĐ-CP.

5. Người ủy quyền và người được ủy quyền thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, trung thực và chính xác của việc ủy quyền.

6. Người ủy quyền phải xác thực điện tử theo quy định pháp luật về xác thực và định danh điện tử khi thực hiện thủ tục đăng ký thành lập tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; đăng ký thay đổi người đại diện theo pháp luật của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; thông báo thay đổi thông tin về thành viên chính thức, thành viên liên kết góp vốn là tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài, cá nhân là nhà đầu tư nước ngoài của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; đăng ký thay đổi

thành viên tổ hợp tác để được cấp đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

Trường hợp việc xác thực điện tử bị gián đoạn thì người ủy quyền thực hiện việc xác thực điện tử sau khi được cấp đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã. Trường hợp người ủy quyền không xác nhận hoặc xác nhận không ủy quyền thực hiện thủ tục đăng ký sau khi được cấp đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thì cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã yêu cầu tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã báo cáo theo quy định tại khoản 6 Điều 7 Nghị định số 295/NĐ-CP.

Trường hợp chưa có tài khoản định danh điện tử để thực hiện xác thực điện tử thì hồ sơ đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã phải kèm theo bản sao thẻ Căn cước hoặc thẻ Căn cước công dân hoặc hộ chiếu hoặc hộ chiếu nước ngoài hoặc các giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu nước ngoài còn hiệu lực của người ủy quyền.

Việc triển khai quy định về xác thực điện tử thực hiện theo kế hoạch xây dựng, nâng cấp Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã và được thông báo trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

d) Số lượng hồ sơ:

01 bộ hồ sơ.

đ) Thời hạn giải quyết:

Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ.

e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:

Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã.

g) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:

Người được ủy quyền đăng ký thành lập hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

h) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

** Thông báo lập chi nhánh, văn phòng đại diện ở nước ngoài của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã*

- Trường hợp đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện: Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện.

- Trường hợp thông báo địa điểm kinh doanh: Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh.

** Thông báo lập chi nhánh, văn phòng đại diện ở nước ngoài của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã*

Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã cập nhật thông tin về chi nhánh, văn phòng đại diện của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã trong Cơ sở dữ liệu về đăng ký hợp tác xã.

i) Lệ phí:

- Mức lệ phí cụ thể do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định (căn cứ quy định tại Thông tư số 85/2019/TT-BTC).

- Người nộp hồ sơ đăng ký nộp lệ phí đăng ký kinh doanh tại thời điểm nộp hồ sơ. Lệ phí đăng ký kinh doanh có thể nộp trực tiếp tại bộ phận tiếp nhận hồ sơ ở cấp xã hoặc chuyển vào tài khoản của cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã hoặc thanh toán trực tuyến thông qua chức năng thanh toán trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia hoặc bằng cách thức khác theo quy định của pháp luật. Lệ phí đăng ký kinh doanh không được hoàn trả trong trường hợp hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã không được cấp đăng ký.

- Tiền sử dụng dịch vụ thanh toán trực tuyến không được tính trong lệ phí đăng ký kinh doanh.

- Việc giải quyết các lỗi giao dịch phát sinh trong quá trình sử dụng dịch vụ thanh toán trực tuyến được thực hiện theo quy định của pháp luật về giải quyết thủ tục hành chính trên môi trường điện tử.

- Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã có trách nhiệm phối hợp với tổ chức cung cấp dịch vụ trung gian thanh toán hoặc ngân hàng thương mại thực hiện việc đối soát dữ liệu thanh toán qua hệ thống thanh toán trực tuyến của Cổng dịch vụ công quốc gia hoặc của tổ chức cung cấp dịch vụ trung gian thanh toán.

- Không thu lệ phí đăng ký đối với tổ hợp tác theo quy định tại khoản 2 Điều 22 Luật Hợp tác xã 2023.

k) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

** Thông báo lập chi nhánh, văn phòng đại diện ở nước ngoài của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã:*

Giấy đề nghị đăng ký hoạt động chi nhánh/văn phòng đại diện/ Thông báo địa điểm kinh doanh của hợp tác xã (Mẫu số 5 Phụ lục II kèm theo Thông tư số 43/2025/TT-BTC).

** Thông báo lập chi nhánh, văn phòng đại diện ở nước ngoài của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã:*

Thông báo về việc thành lập chi nhánh/văn phòng đại diện của hợp tác xã ở nước ngoài (Mẫu số 6 Phụ lục II kèm theo Thông tư số 43/2025/TT-BTC).

l) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

** Kê khai thông tin cá nhân trong thực hiện thủ tục đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã*

1. Trường hợp đã có sổ định danh cá nhân, người thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã kê khai các thông tin về họ, chữ đệm và tên, ngày, tháng, năm sinh, sổ định danh cá nhân, giới tính của mình và của cá nhân có yêu cầu kê khai thông tin cá nhân trong hồ sơ đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã. Các thông tin kê khai phải chính xác so với các thông tin được lưu trữ tại Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư. Trường hợp thông tin cá nhân được kê khai có sai khác so với thông tin được lưu trữ tại Cơ sở dữ

liệu quốc gia về dân cư, cá nhân đó có trách nhiệm liên hệ với cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền để hiệu chỉnh thông tin trước khi thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

2. Trường hợp nộp hồ sơ đăng ký bằng bản giấy, người nộp hồ sơ đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã xuất trình căn cước công dân hoặc thẻ căn cước hoặc sử dụng tài khoản định danh điện tử theo quy định pháp luật để thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

3. Trường hợp không có sổ định danh cá nhân thì hồ sơ đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã có yêu cầu kê khai thông tin cá nhân của người đại diện theo pháp luật của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, người đứng đầu chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh, người đại diện tổ hợp tác trong trường hợp người đại diện tổ hợp tác là cá nhân hoặc người đại diện hợp pháp của pháp nhân trong trường hợp người đại diện tổ hợp tác là pháp nhân phải kèm theo bản sao hộ chiếu hoặc hộ chiếu nước ngoài hoặc các giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu nước ngoài còn hiệu lực của cá nhân đó theo quy định.

4. Trường hợp việc kết nối giữa Cơ sở dữ liệu về đăng ký hợp tác xã với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư bị gián đoạn thì hồ sơ đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã phải kèm theo bản sao căn cước công dân hoặc thẻ căn cước hoặc hộ chiếu hoặc hộ chiếu nước ngoài hoặc các giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu nước ngoài còn hiệu lực của người nộp hồ sơ đăng ký, người đại diện theo pháp luật của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, người đứng đầu chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh, người đại diện tổ hợp tác trong trường hợp người đại diện tổ hợp tác là cá nhân hoặc người đại diện hợp pháp của pháp nhân trong trường hợp người đại diện tổ hợp tác là pháp nhân theo quy định.

* Hồ sơ đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã được tiếp nhận vào Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã khi có đủ các điều kiện sau đây:

a) Có đủ giấy tờ theo quy định tại Luật Hợp tác xã và Nghị định số 295/2026/NĐ-CP;

b) Tên tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đã được điền vào giấy đề nghị đăng ký;

c) Có số điện thoại của người nộp hồ sơ;

d) Đã nộp lệ phí đăng ký kinh doanh, trừ trường hợp được miễn lệ phí đăng ký kinh doanh theo quy định.

* Hồ sơ đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã trên môi trường điện tử phải bảo đảm các yêu cầu sau:

a) Có đầy đủ các giấy tờ và nội dung các giấy tờ đó được kê khai đầy đủ theo quy định như hồ sơ đăng ký bằng bản giấy và được thể hiện dưới dạng văn bản

điện tử hoặc dữ liệu điện tử có đầy đủ thông tin theo quy định như hồ sơ đăng ký bằng bản giấy;

b) Các thông tin đăng ký được kê khai trên Hệ thống thông tin về đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã phải được nhập đầy đủ và chính xác theo các thông tin trong hồ sơ đăng ký bằng bản giấy; trong đó có thông tin về số điện thoại, thư điện tử của người nộp hồ sơ.

c) Cá nhân ký tên trong hồ sơ đăng ký có thể sử dụng chữ ký số để ký trực tiếp trên văn bản điện tử hoặc ký trực tiếp trên văn bản giấy và quét (scan) văn bản giấy theo chế độ ảnh màu. theo các định dạng quy định tại khoản 2 Điều 30 Nghị định số 295/2026/NĐ-CP;

d) Hồ sơ đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã trên môi trường điện tử bao gồm các giấy tờ theo quy định tại Luật Hợp tác xã và Nghị định số 295/2026/NĐ-CP được thể hiện dưới dạng văn bản điện tử hoặc dữ liệu điện tử theo quy định pháp luật. Hồ sơ đăng ký trên môi trường điện tử có giá trị pháp lý tương đương hồ sơ đăng ký bằng bản giấy.

e) Thời hạn để tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã sửa đổi, bổ sung hồ sơ đăng ký trên môi trường điện tử là 60 ngày kể từ ngày cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã ra thông báo yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ. Sau thời hạn nêu trên, nếu không nhận được hồ sơ sửa đổi, bổ sung, cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã sẽ hủy hồ sơ đăng ký theo quy trình trên Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã.

* Các trường hợp không được thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã / tiếp tục được thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã:

1. Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã từ chối cấp đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã nếu thuộc một trong các trường hợp sau đây:

a) Tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đã bị cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã ra thông báo về hành vi vi phạm của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thuộc trường hợp thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác, Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã hoặc đã bị ra quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác, Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã;

b) Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đang trong quá trình giải thể theo nghị quyết giải thể của Đại hội thành viên; tổ hợp tác đang trong quá trình chấm dứt hoạt động;

c) Tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đang trong tình trạng pháp lý “Không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký”.

2. Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã tiếp tục giải quyết thủ tục đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đối với các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này khi:

a) Tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đã có biện pháp khắc phục những vi phạm theo yêu cầu trong thông báo về hành vi vi phạm của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thuộc trường hợp thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác, Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã và được cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã chấp nhận hoặc đã được khôi phục Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác, Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã sau khi bị ra quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác, Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã;

b) Tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã phải đăng ký thay đổi nội dung đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã để phục vụ việc chấm dứt hoạt động tổ hợp tác, giải thể hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã theo quy định. Trong trường hợp này, hồ sơ đăng ký thay đổi phải kèm theo văn bản giải trình của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã về lý do đăng ký thay đổi và được cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã chấp nhận;

c) Tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã không còn trong tình trạng pháp lý “Không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký”.

3. Trường hợp Tòa án; Cơ quan thi hành án; Cơ quan điều tra, Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng Cơ quan điều tra, Điều tra viên quy định tại Bộ luật Tố tụng hình sự yêu cầu bằng văn bản về việc tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã không được thực hiện một hoặc một số thủ tục đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thì cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã từ chối cấp đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã khi tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thực hiện thủ tục đó cho đến khi có ý kiến chấp thuận bằng văn bản của các tổ chức, cá nhân nêu trên về việc cho phép tiếp tục thực hiện thủ tục đăng ký.

m) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Hợp tác xã năm 2023;
- Nghị định số 295/2026/NĐ-CP;
- Thông tư số 09/2024/TT-BKHĐT;
- Thông tư số 43/2025/TT-BTC.